

New York Times
Bestseller

Agatha Christie®

KỶ ÁN
DÒNG CHỮ TẮT

THE MONOGRAM MURDERS



SOPHIE HANNAH

TUẤN VIỆT dịch



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

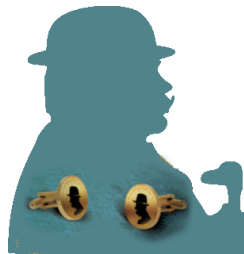


Agatha Christie
SOPHIE HANNAH

Hercule Poirot mới #1

KỶ ÁN DÒNG CHỮ TẮT

The Monogram Murders (2014)



Tuấn Việt dịch



CHƯƠNG 1

JENNIE TRỐN CHẠY

“Tóm lại, tôi không ưa cô ta,” cô phục vụ có mái tóc bay bay thì thào nói.

Đó là một tiếng thì thào lớn vì mọi khách trong quán cà phê Pleasant đều nghe thấy. Ông tự hỏi, trong trường hợp này, “cô ta” là một cô phục vụ nào khác hay là một khách thường xuyên giống như ông.

“Mắc gì tôi phải ưa cô ta, đúng không nào? Cô nghĩ khác thì tùy cô.”

“Tôi nghĩ cô ta cũng tốt mà,” cô phục vụ mặt tròn, thấp bé hơn cất tiếng, có vẻ kém tự tin hơn so với ít phút trước.

“Khi lên cơn ngạo mạn thì cô ta mới thế. Lúc cái mặt vênh lên thì lưỡi cô ta mới nhỏ độc. Chẳng hay ho chút nào. Tôi biết hàng tá người kiểu đó – chớ bao giờ tin họ.”

“Chị nói chẳng hay ho chút nào là ý sao?” cô mặt tròn hỏi.

Hercule Poirot, người duy nhất đang dùng bữa trong quán cà phê vào lúc 7 giờ 30 phút tối ngày thứ năm, tháng 2, biết rõ cô

phục vụ tóc bay bay muốn ngụ ý gì. Ông mỉm cười một mình. Đây không phải lần đầu cô đưa ra một quan sát sắc bén.

“Nếu vô tình thốt ra lời gì đó gay gắt thì còn tha thứ được. Tôi không ngại thú nhận, chính tôi cũng thường thế. Nhưng tôi mà vui thì tôi muốn mọi người cùng vui. Thế mới phải chứ. Nhưng có những kẻ như cô ta, chuyện chẳng có gì mà cứ trầm trọng hóa lên. Đó chính là loại người cần phải tránh thật xa.”

Bien vu, Hercule Poirot nghĩ. De la vraie sagesse populaire.

Cửa quán chột mở tung, bật cả vào bờ tường. Đứng ở lối vào là một phụ nữ trong bộ áo khoác nâu nhạt đội chiếc nón cũng màu nâu nhưng sậm hơn. Cô có mái tóc vàng hoe. Poirot không thấy khuôn mặt cô. Đầu cô đang ngoái ra sau như chờ ai đó theo vào.

Vài giây cửa ngõ cũng là đủ lâu để cái lạnh đêm hôm tước đi hết sự ấm áp của căn phòng nhỏ. Bình thường, việc đó sẽ khiến Poirot nổi cáu, nhưng ông đang quan tâm sự xuất hiện kịch tính của kẻ mới đến nên chẳng mấy để ý tác động mà cô ta gây ra.

Ông áp bàn tay lên tách cà phê, hy vọng giữ lại chút hơi ấm cho món uống của mình. Ngôi nhà nhỏ hẹp, tường xiêu vẹo tại khu vực Gregory's Alley này của London dù chẳng phải sang trọng gì nhưng lại có món cà phê ngon nhất thế giới. Ông không hay uống cà phê trước và sau bữa tối – thật ra, một viễn cảnh như thế luôn khiến ông thấy gờm gờm trong hoành cảnh bình thường – nhưng vào mỗi thứ năm, khi đến Pleasant chính xác lúc 7 giờ 30 tối, ông đều ban cho mình một ngoại lệ. Giờ thì ông xem cái ngoại lệ hàng tuần này là một thứ truyền thống nho nhỏ.

Những nề nếp khác của quán thì ông chẳng ưa mấy: cứ mỗi khi đến quán, ông lại thấy dao nĩa, khăn ăn và ly nước bày lung tung trên bàn và phải sắp chúng lại cho đúng vị trí. Rõ ràng các cô phục vụ luôn cho rằng các món đồ này nằm đâu đó – bất cứ đâu – cũng được. Poirot không chịu và luôn đòi hỏi tái lập lại trật tự mỗi khi ông đến.

“Xin lỗi, cô làm ơn đóng cửa sau khi vào được không ạ?” Tóc Bay Bay gọi với ra người phụ nữ áo-nâu-nón-nâu đang nắm chặt khung cửa, mặt vẫn hướng ra đường. “Hoặc giả cô không vào cũng chẳng sao. Chúng tôi ở trong này không muốn bị lạnh cóng đâu ạ.”

Người phụ nữ bước vào. Cô ta khép cửa lại, không hề tạ lỗi vì đã để ngỏ cửa quá lâu. Từ cuối phòng cũng nghe được hơi thở gấp của cô. Cô chừng như chẳng để ý sự hiện diện của mọi người. Poirot đón cô bằng một câu “Chào cô” nhỏ nhẹ. Cô khẽ xoay sang ông, nhưng không đáp lễ. Mắt cô mở lớn trong nỗi lo lắng bất thường, một nỗi lo đủ rõ ràng để người lạ có thể nắm bắt được như một thứ vật chất.

Poirot không còn thấy tĩnh tại và hài lòng như mọi khi. Sự thanh bình của ông đã vỡ tan.

Người phụ nữ lao vội đến cửa sổ, sầm soi nhìn ra ngoài. Cô ta sẽ không thấy thứ muốn tìm, Poirot nghĩ. Nhìn vào màn đêm từ một căn phòng chiếu sáng tốt thì chẳng thể thấy gì nhiều khi mà kính cửa chỉ phản chiếu hình ảnh ở bên trong căn phòng. Thế mà cô ta vẫn dăm dăm nhìn ra ngoài hồi lâu, cứ như quyết chí muốn canh gác cả con đường.

“Ồ, hóa ra là,” cô Tóc Bay Bay nói với một thoáng bức bối. “Có chuyện gì vậy? Cô gặp chuyện gì sao?”

Người phụ nữ áo-khoác-nâu-mũ-nâu quay đầu lại. “Không, tôi...” Lời thốt ra như một tiếng thổn thức. Nhưng cô ta nén lại được. “Không. Tôi lấy chiếc bàn ở góc có được không?” Cô trở vào chiếc bàn ở xa cánh cửa nhất.

“Trừ chỗ quý ông kia đang ngồi, cô muốn chọn đâu cũng được ạ. Các bàn đều trống cả.” Sực nhớ đến Poirot, Tóc Bay Bay vội bảo ông, “Bữa tối của ông đang được nấu, ngon lắm đấy ạ.”

Poirot rất thích nghe câu này. Thức ăn ở Pleasant ngon chẳng kém cà phê. Thật ra, xét cả hai khoản này, Poirot thấy khó tin vào điều mà ông được biết: các đầu bếp ở đây đều là người Anh. Incroyable.

Tóc Bay Bay quay sang người phụ nữ đang lo lắng. “Cô chắc là không sao chứ, Jennie? Trông cô cứ như vừa gặp phải ma quỷ ấy.”

“Tôi không sao, cảm ơn. Tôi chỉ xin một tách trà nóng thật đặc, làm ơn nhé.”

Jennie bước vội đến chiếc bàn ở góc xa, ngang qua Poirot mà không hề nhìn ông. Ông khẽ xoay ghế để có thể quan sát cô. Chắc hẳn cô ta đang gặp chuyện, một chuyện mà cô rõ ràng không muốn nói với các cô phục vụ. Không cởi áo, cởi nón, cô ngồi xuống chiếc ghế trông ra đường, đầu lưng với cánh cửa. Chỉ xong đâu đấy cô mới ngoái lại, nhìn ra sau.

Có cơ hội quan sát chi li hơn khuôn mặt cô, Poirot đoán cô trạc bốn mươi tuổi. Đôi mắt to xanh luôn mở lớn và không bao giờ

chớp. Poirot nghĩ, đôi mắt ấy như đang nhìn một cảnh tượng gây sốc. "Gặp phải ma quỷ", Tóc Bay Bay đã nhận xét như thế. Nhưng Poirot chẳng thấy cảnh tượng nào kinh khủng với Jennie cả, chỉ có căn phòng vuông vức với bàn ghế, chiếc tủ gỗ treo áo khoác và nón, cùng những chiếc kệ cong vênh, đỡ trọng lượng của rất nhiều ấm tách với màu sắc, hoa văn và kích cỡ khác nhau.

Các kệ này chỉ nhìn thấy thôi là cũng đủ rùng mình! Poirot chẳng hiểu sao một chiếc kệ cong oằn lại không được thay ngay bằng một chiếc kệ phẳng phiu. Ông cũng không thể hiểu nổi vì sao người ta xếp nĩa lên chiếc bàn vuông mà lại không chịu đặt nó song song với cạnh bàn. Tuy vậy, không phải ai cũng suy nghĩ như Hercule Poirot và từ lâu ông đã chấp nhận điều đó, cả mặt thuận lợi lẫn bất lợi mà nó gây ra.

Ngồi nhấp nhồm trên ghế, người phụ nữ – Jennie – đắm đắm nhìn ra cửa như chờ đợi ai đó xông vào bất cứ lúc nào. Cô đang run rẩy, chắc một phần vì lạnh.

Không – Poirot đổi ý – hoàn toàn không vì lạnh. Quán đã ấm lại rồi. Do muốn canh chừng cánh cửa, Jennie ngồi quay mặt về phía đó, giữ khoảng cách tối đa, đây là kết luận hợp lý duy nhất.

Nâng tách cà phê lên, Poirot rời bàn mình, tiến về phía cô. Cô không đeo nhẫn cưới, ông nhận xét. "Cho phép tôi ngồi cùng cô một lát nhé?" Ông ước gì có thể sắp xếp lại dao nĩa, khăn ăn và ly nước trên bàn cô như đã làm ở bàn ông, nhưng ông nén lại được.

"Xin lỗi? À vâng, được ạ." Giọng cô cho thấy cô chẳng mấy quan tâm. Cô chỉ quan tâm đến cánh cửa. Cô vẫn đang ráo riết

canh chừng nó, vẫn nhấp nhੌm trên ghế.

“Cho phép tôi tự giới thiệu. Tên tôi là... à...” Poirot bੌ lੑng. Nếu ông cho cô ta biết tên, Tੌc Bay Bay và cô phục vụ kia sẽ nghe thấy, và với họ ông sẽ chẳng còn là một “quý ông nước ngoài” vô danh, một cảnh sát hưu trí từ Lục địa nữa. Cái tên Hercule Poirot có tác dụng rất mạnh đối với một số người. Suốt vài tuần qua, kể từ khi bước vào tình trạng ẩn cư cực kỳ thú vị, lần đầu tiên Poirot cảm nhận sự thanh thản của việc chẳng là ai cụ thể.

Chẳng có dấu hiệu nào cho thấy Jennie quan tâm đến tên tuổi hay sự hiện diện của ông. Một giọt lệ tuੌn ra từ khóe mắt, lăn dài trên má cô.

“Thưa cô Jennie,” Poirot nói, hy vọng việc gọi bằng tên thánh sẽ đem lại chút cơ may thu hút sự chú ý của cô. “Tôi từng là cảnh sát. Nay tôi đã nghỉ hưu, nhưng trước lúc nghỉ, trong công việc, tôi đã từng gặp gỡ rất nhiều người ở trạng thái bồn chੌn giống như cô hiện nay. Tôi không ngụ ý những người bất hạnh, dù có rất nhiều người như thế ở bất cứ nước nào. Không đâu, tôi đang nói đến những người tin rằng mình đang gặp nguy.”

Cuối cùng, ông đã gây được ấn tượng. Đôi mắt mở lớn và sợ hãi của Jennie dán lên ông. “Là một... một cảnh sát?”

“Oui. Tôi đã nghỉ hưu nhiều năm rồi, nhưng...”

“Vậy ở London thì ông không thể làm gì được, phải không ạ? Ông không thể... Ý tôi là ông không có thẩm quyền ở đây? Để bắt tội phạm hay những việc tương tự?”

“Đúng vậy.” Poirot mỉm cười với cô. “Ở London tôi là một ông già đang hưởng những ngày hưu trí.”

Đã gần mười giây cô không nhìn ra cửa.

“Tôi nói có đúng không, cô nhĩ? Cô tin mình đang gặp nguy, đúng không? Cô nhìn ra sau phải chẳng vì cô nghi có kẻ nào đó đáng sợ đang theo chân cô đến đây và sẽ xông qua cửa bất cứ lúc nào?”

“Ồ, tôi đang gặp nguy, đúng thế!” Cô có vẻ muốn nói thêm. “Có thật là ông không còn dính líu gì đến cảnh sát nữa chứ?”

“Không dính líu gì cả,” Poirot trấn an. Không muốn cô nghĩ ông hoàn toàn hết thời, ông bổ sung, “Nếu như cô muốn cảnh sát giúp thì tôi có một người bạn là thám tử ở Scotland Yard. Anh ta còn trẻ lắm – chỉ nhỉnh hơn ba mươi một chút thôi – nhưng anh ta sẽ tiến xa trong ngành cảnh sát, tôi nghĩ thế. Chắc chắn anh ta sẽ rất vui nếu được tiếp kiến cô. Về phần tôi, tôi có thể...” Poirot khựng lại khi thấy cô phục vụ mặt tròn tiến đến, bưng theo một tách trà.

Mời trà Jennie xong, cô ta lui vào bếp. Tóc Bay Bay cũng đã vào lại đó. Biết cô này thích suy diễn về hành vi của các vị khách quen, Poirot đoán sớm muộn gì cô ta cũng sẽ dựng ra một câu chuyện sống động về Quý ông Nước ngoài và cuộc viếng bàn của Jennie đầy bất ngờ. Với mọi khách của Pleasant, Poirot hiếm khi nói câu nào dài hơn mức cần thiết. Chỉ trừ một lần khi ông dùng bữa tại đây cùng Edward Catchpool – thám tử của Scotland Yard mà ông tạm thời ở cùng nhà trọ – là ông có trao đổi qua lại, trên tinh thần l’hibernation.

Poirot chẳng thích việc buôn dưa lê của các cô phục vụ. Ông rất mừng vì sự vắng mặt của họ có lợi cho ông. Ông hy vọng điều

đó sẽ làm tăng cơ hội Jennie chịu thổ lộ.

“Tôi sẽ rất vui nếu được tư vấn cho cô, thưa cô,” ông nói.

“Ông tốt lắm, nhưng không ai giúp được tôi đâu.” Jennie quệt mắt. “Tôi mong được giúp lắm chứ... mong ghê gớm! Nhưng muộn rồi. Tôi đã chết, ông thấy đấy, hay cũng chẳng mấy chốc nữa thôi. Tôi không thể cứ lẩn trốn mãi được.”

Đã chết... Lời cô ta đưa một cơn lạnh mới vào căn phòng.

“Cho nên, chẳng còn ai giúp được gì đâu,” cô nói tiếp, “mà có còn đi nữa thì tôi cũng không xứng đáng... Nhưng... có ông ngồi cùng bàn, tôi cảm thấy thư thả hơn đôi chút.” Cô khoanh tay lại, hoặc giả để thoải mái hơn, hoặc giả để ngăn cơ thể run lên. Cô chưa uống một ngụm trà nào. “Xin ông cứ ngồi lại đây. Khi trò chuyện cùng ông thì tôi sẽ không bị sao cả. Ít ra đó cũng là chút an ủi.”

“Thưa cô, điều này rất hệ trọng. Hiện cô vẫn đang sống, và chúng ta phải làm mọi việc cần thiết để giữ cho cô sống. Hãy cho tôi biết...”

“Không!” Cô co rúm lại trong ghế, mắt mở lớn. “Không, ông không được! Không được làm bất cứ việc gì để ngăn chặn. Không thể nào. Không thể tránh khỏi. Tôi chết đi thì công lý rồi cuộc mới được thực thi.” Cô lại ngoái nhìn cánh cửa.

Poirot chau mày. Jennie có thể đã khá hơn đôi chút kể từ khi ông ngồi vào bàn cô, còn ông thì chắc chắn cảm thấy tồi tệ hơn. “Tôi hiểu cô có đúng không vậy? Có phải cô ngụ ý ai đó đang săn đuổi và muốn giết cô?”

Jennie nhìn xoáy vào ông bằng đôi mắt xanh đậm lệ. “Nếu tôi

tự nguyện để bị giết thì đó có thể xem là giết người không? Tôi chán ngán lắm rồi, cứ phải trốn chạy và sống trong hãi hùng. Nếu như nó phải xảy ra thì tôi mong nó chóng kết thúc đi, mà nó sẽ xảy ra thôi vì phải là như thế. Đó là cách duy nhất để mọi thứ ổn thỏa. Đó là điều tôi đáng phải hứng chịu.”

“Không thể vậy được,” Poirot nói. “Tuy không biết cụ thể về những dự cảm của cô, tôi vẫn không đồng ý với cô. Giết người không bao giờ là đúng cả. Anh bạn cảnh sát của tôi... cô phải để anh ấy giúp cô.”

“Không! Ông không được nói một lời nào với ông ta hay bất cứ ai. Hãy hứa với tôi đi!”

Hercule Poirot không có thói quen hứa hẹn mà không giữ lời.

“Cô đã làm gì để đến nỗi phải chịu sự trừng phạt bằng cái chết? Phải chăng chính cô đã giết ai đó?”

“Tôi có giết người hay không thì có khác gì đâu? Ông biết đấy, đâu phải chỉ có giết người mới là không thể dung thứ. Chắc ông chưa từng làm việc gì thực sự không thể dung thứ, phải không ông?”

“Còn cô thì đã làm ư? Và cô tin rằng cô phải trả giá bằng mạng sống của mình? Non. Vậy không ổn. Giá như tôi thuyết phục được cô theo tôi về nhà trọ của tôi – cũng ở gần đây thôi. Người bạn ở Scotland Yard của tôi, ông Catchpool...”

“Không!” Jennie bật dậy khỏi ghế.

“Xin cô hãy ngồi xuống cho, thưa cô.”

“Không.Ồ, tôi đã nói quá nhiều! Tôi thật là ngu ngốc! Tôi thổ

lộ với ông chỉ vì ông có vẻ tử tế và tôi nghĩ ông không thể làm gì. Nếu ông không nói ông đã nghỉ hưu và từ nước khác đến, tôi sẽ chẳng thốt ra nửa lời! Xin hãy hứa với tôi điều này: nếu người ta tìm thấy tôi đã chết, xin ông bảo người bạn cảnh sát của ông đừng truy lùng hung thủ.” Cô nhắm nghiền mắt lại, hai tay chắp vào nhau. “Ôi, mong đừng ai mở miệng! Vụ án đó không bao giờ nên phá. Hãy hứa với tôi ông sẽ bảo người bạn cảnh sát của ông rằng tôi đã đồng ý để bị giết. Nếu ông còn quan tâm đến công lý thì xin hãy làm theo yêu cầu của tôi.”

Cô ta lao ra cửa. Poirot đứng dậy để đi theo. Nhưng rồi, nhận ra cái khoảng cách mà cô đã băng qua trong khoảng thời gian ông nhắc mình lên khỏi ghế, ông ngồi xuống trở lại, buột ra tiếng thở dài. Vô ích, Jennie đã ra đi, đi vào màn đêm. Ông sẽ chẳng bao giờ bắt kịp cô.

Cửa nhà bếp mở ra và Tóc Bay Bay xuất hiện cùng bữa tối của Poirot. Mùi thơm của nó làm bao tử ông khó chịu. Ông đã mất sạch mọi hứng thú ăn uống.

“Jennie đâu rồi ạ?” Tóc Bay Bay hỏi như thể ông có trách nhiệm nào đó về sự biến mất của Jennie. Mà thật ra ông cũng cảm thấy có trách nhiệm. Giá như ông di chuyển nhanh hơn, giá như ông lựa lời cẩn thận hơn...

“Thật là quá đáng!” Tóc Bay Bay đặt mạnh bữa ăn của Poirot xuống bàn rồi nặng bước quay trở về cửa bếp. Khi đẩy nó mở ra, cô nói lớn, “À Jennie đó đã bỏ đi mà không thanh toán!”

“Nhưng cô ta phải thanh toán khoản gì cơ chứ?” Hercule Poirot thì thào với chính mình.



Sau một phút nỗ lực bất thành tự buộc mình quan tâm đến khoanh thịt bò cùng chỗ mì sợi rán, Poirot đến gõ cửa nhà bếp. Tóc Bay Bay mở hé cửa để không làm lộ ra cái khung cảnh phía sau thân hình mảnh mai của cô.

“Bữa ăn của ông có vấn đề gì không ạ?”

“Xin cho phép tôi thanh toán khoản tiền trà mà cô Jennie quên chưa trả,” Poirot đề nghị. “Đổi lại, xin cô cho tôi hỏi vài ba câu được không ạ?”

“Ông quen Jennie sao? Tôi chưa từng thấy ông cùng đến với cô ta trước đây.”

“Non. Tôi không quen cô ta. Cho nên tôi mới phải hỏi cô.”

“Không quen, sao ông lại đến ngồi với cô ta?”

“Cô ta đang sợ hãi, đang rất hoang mang. Tôi thấy bồn chồn về điều đó. Tôi hy vọng có thể giúp gì được cô ta.”

“Loại người như Jennie, ông không giúp được đâu,” Tóc Bay Bay nói. “Được thôi, tôi sẽ trả lời các câu hỏi của ông, nhưng tôi xin hỏi ông trước một câu nhé: ông từng làm cảnh sát ở đâu?”

Poirot không thềm chỉ ra rằng cô đã hỏi ông đến bốn câu. Câu này là câu thứ tư.

Cô soi mói nhìn ông qua cặp mắt ti hí. “Ở nơi nào đó người ta nói tiếng Pháp, nhưng không phải nước Pháp, đúng không ạ?” cô nói. “Tôi đã thấy khuôn mặt ông trông ra sao khi các cô gái kia

nói ‘gã người Pháp’.”

Poirot mỉm cười. Có lẽ để cho cô biết tên cũng chẳng hại gì. “Tôi là Hercule Poirot, thưa cô. Đến từ nước Bỉ. Rất hân hạnh được quen biết cô.” Ông chìa tay ra.

Cô bắt tay ông. “Fee Spring. Tên thật là Euphemia, nhưng mọi người đều gọi tôi là Fee. Nếu gọi nguyên tên của tôi thì người ta sẽ không nhớ nổi mình định nói gì tiếp, phải không ạ? Không phải vì tôi xấu xa gì đâu đấy.”

“Cô có biết nguyên tên của cô Jennie không?”

Fee hất đầu về hướng chiếc bàn của Poirot, nơi bữa ăn ứ hự của ông vẫn còn đang tỏa khói. “Xin ông hãy dùng bữa. Chỉ một chốc nữa là tôi ra ngay.” Cô đột ngột rút vào trong, sập cửa ngay trước mặt ông.

Poirot lui về chỗ. Có lẽ ông phải làm theo lời khuyên của Fee Spring, nỗ lực hơn với khoanh thịt bò. Thật phấn khích khi nói chuyện với ai đó có khả năng quan sát chi tiết. Poirot không gặp quá nhiều người như thế.

Fee nhanh chóng xuất hiện lại với chiếc tách trên tay, không đĩa lót. Cô uống một ngụm rồi ngồi xuống chiếc ghế mà Jennie bỏ lại. Poirot cố không nhăn mặt trước âm thanh uống nước mà cô tạo ra.

“Tôi không biết gì nhiều về Jennie,” cô nói. “Chỉ là những thứ nhạt nhẽo được qua những lời chường tai mà cô ta nói ra. Cô ta là người giúp việc trong một ngôi nhà lớn. Sống ở đấy. Đó là lý do vì sao cô ta thường đến đây. Để làm cái việc của gia nhân ấy mà: mua cà phê và bánh trái đem về phục vụ những bữa tiệc tùng

linh đình. *Băng qua cả cái thành phố này* – có lần cô ta đã nói thế. Khối gì khách quen của chúng tôi cũng đi xa như vậy. Jennie bao giờ cũng lưu lại, uống nước. ‘Làm ơn cho món cũ’, lần nào đến cô ta cũng nói thế, cứ như cô ta là tiểu thư thứ thiệt vậy. Cái giọng điệu ra vẻ kiêu sa đó, tôi chẳng coi ra gì. Đó đâu phải là giọng bẩm sinh của cô ta. Cô ta không nói nhiều chẳng qua vì biết rõ sẽ không giữ mãi được chất giọng kiêu sa đó.”

“Xin lỗi,” Poirot nói, “nhưng làm sao cô biết cô Jennie không phải lúc nào cũng nói năng theo cách đó?”

“Ông có bao giờ nghe một gia nhân lúc nào cũng nói năng như thế chưa? Tôi thì chưa đâu.”

“Oui mais... Vậy ra đó chỉ là đồn đoán?”

Fee Spring bắt đầu dĩ thừa nhận cô ta không biết chắc. Suốt bấy lâu cô ta biết Jennie, Jennie vẫn luôn ăn nói “như một tiểu thư thứ thiệt”.

“Tôi dám nói thế này về Jennie: cô ta là một cô hầu trà, cho nên ít ra trong đầu cô ta cũng có chút hiểu biết.”

“Cô hầu trà?”

“Đúng vậy.” Fee hít vào mùi cà phê tỏa ra từ chiếc tách của Poirot. “Nếu ông đã hỏi thì xin thưa, dân nghiện trà mà đi uống cà phê thì chỉ nhìn thoáng qua là biết ngay ấy mà.”

“Cô có biết họ của quý bà mà Jennie phục vụ không, hay địa chỉ ngôi nhà lớn đó?” Poirot hỏi.

“Không. Thậm chí họ của Jennie tôi còn chưa biết nữa là. Tôi chỉ biết cô ta đã trải qua nhiều năm buồn khổ. Có lần cô ta đã

nói thế.”

“Buồn khổ? Cô ta có nói là kiểu buồn khổ nào không?”

“Còn kiểu nào nữa?” Fee quả quyết. “Kiểu làm trái tim thốn thức ấy.”

“Ý tôi là có rất nhiều nguyên do gây buồn khổ: tình yêu không được hồi đáp, mất đi người yêu thương một cách bi thảm ở độ tuổi trẻ trung...”

“Ờ, chúng tôi chẳng hề biết đó là chuyện gì.” Fee nói với một thoáng cay cú trong chất giọng. “Và sẽ không bao giờ biết. Cô ta chỉ hé lộ mỗi một từ, *buồn khổ*, chỉ vậy thôi. Ông thấy đấy, vấn đề của Jennie là cô ta không chịu nói. Khi cô ta ngồi ở chiếc ghế này đây, ông chẳng giúp gì được cô ta đâu. Cô ta bỏ đi ông cũng chẳng làm gì được. Jennie tự bưng bít hoàn toàn, đó là rắc rối của cô ta. Cô ta thích trầm mình vào đó, cho dù nó là gì.”

Tự bưng bít hoàn toàn... Những lời này khơi dậy nơi Poirot ký ức về một tối thứ năm ở Pleasant nhiều tuần trước, khi Fee nói về một vị khách.

Ông nói, “Cô ta không hỏi han gì cả, n'est-ce pas? Cô ta không quan tâm đến giao tiếp xã hội hay trò chuyện? Cô ta không quan tâm tìm hiểu những tin tức mới nhất trong cuộc sống người khác, đúng không nhỉ?”

“Quá đúng!” Fee có vẻ ấn tượng. “Cô ta chẳng có chút tò mò nào cả. Tôi chưa từng thấy ai như thế, chỉ thu mình vào những mối quan tâm riêng. Cô ta không thấy cả thế giới lẫn những người chúng ta. Cô ta không bao giờ hỏi han người khác sống thế nào hay công việc ra sao.” Fee chột nghiêng đầu. “Ông nắm bắt

cũng nhanh thật nhỉ?”

“Tôi chỉ biết từ những gì nghe lỏm được cô nói với các cô phục vụ khác thôi mà, thưa cô.”

Khuôn mặt Fee chợt đỏ dừ. “Tôi thấy ngạc nhiên là ông đã cất công nghe chúng tôi tán gẫu.”

Poirot không muốn làm cô bối rối thêm, vì vậy ông không cho cô biết ông đang rất trông đợi vào các mô tả của cô về những cá nhân đã được ông liệt vào hàng ‘Những nhân vật của quán cà phê’. Ông Không Hẳn chẳng hạn. Mỗi lần đến đây, ông ta đều kêu món ăn, rồi lập tức hủy món vì cho rằng món đó *không hẳn* là món ông ta thích.

Bây giờ không phải là lúc thích hợp để truy vấn xem Fee có đặt cái tên nào cho Hercule Poirot – giống như ông đã đặt tên cho Ông Không Hẳn – và dùng nó mỗi khi ông vắng mặt hay không? Hẳn sẽ là một cái tên nào đó gắn với bộ ria mép điệu dàng của ông.

“Vậy ra cô Jennie không muốn biết chuyện của người khác,” Poirot dăm chiêu nói, “nhưng cô ta cũng không giống những người chẳng quan tâm đến cuộc sống và suy nghĩ của những người xung quanh, mà chỉ kể lể dài dòng về chính bản thân mình. Cô ta không như thế, đúng không nhỉ?”

Fee nhướn mày. “Ông có trí nhớ tốt thật đấy. Lại chính xác nữa chứ. Không, Jennie không phải là loại người thích nói về mình. Hỏi thì cô ta đáp, nhưng không nấn ná lại. Cô ta không muốn giữ quá lâu thứ gì ở trong đầu, cho dù đó là gì đi nữa. Báu vật của cô ta – dù nó không làm cho cô ta hạnh phúc – chính là

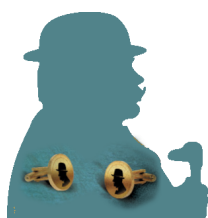
những gì mà cô ta khắc khoải. Từ lâu tôi đã thôi không tìm hiểu cô ta nữa.”

“Cô ta đang khắc khoải với nỗi buồn khổ,” Poirot hạ giọng. “Và sự hiểm nguy.”

“Cô ta nói mình gặp nguy ư?”

“Oui, mademoiselle. Tôi tiếc là đã không kịp ngăn cô ta bỏ đi. Nếu có chuyện gì xảy đến với cô ta...” Poirot lắc đầu, ước gì ra khỏi cái cảm xúc mà ông đã rơi vào. Ông dùng lòng bàn tay vỗ mặt bàn khi đi đến quyết định. “Demain matin, tôi sẽ quay lại đây. Cô nói cô ta thường đến đây, n'est-ce pas? Tôi sẽ tìm ra cô ta trước khi mối nguy đến. Lần này Hercule Poirot sẽ nhanh hơn!”

“Nhanh hay chậm cũng thế cả thôi,” Fee nói. “Không ai tìm ra Jennie đâu, cho dù cô ta có ở ngay trước mũi, và cũng không ai giúp được cô ta đâu.” Cô đứng dậy, nhặt đĩa thức ăn của Poirot. “Để cho thức ăn ngon nguội lạnh hết thật không phải chút nào,” cô kết luận.



CHƯƠNG 2

ÁN MẠNG TRONG BA CĂN PHÒNG

Câu chuyện đã bắt đầu như thế với Hercule Poirot, Jennie và Fee spring vào buổi tối thứ năm ngày 7 tháng 2 năm 1929, giữa những kệ đựng ấm trà cong vênh trong quán cà phê Pleasant.

Hay hình như nó bắt đầu như thế. Tôi không tin những câu chuyện đời thực luôn có đầu có đũa. Tiếp cận chúng từ mọi điểm thuận lợi nào, ta đều thấy chúng kéo dài bất tận từ quá khứ, tràn sang tới tương lai, không có gì ngăn được. Ta không bao giờ nói được rằng “Nó là thế này,” và vẽ ra một phác đồ.

May thay, những câu chuyện thực luôn có những nhân vật nam, nữ. Bản thân tôi không phải là nhân vật chính, và tôi cũng chẳng mong mỗi điều ấy, song tôi biết quá rõ tất cả họ đều là thật.

Tôi không hiện diện vào buổi tối thứ năm hôm đó tại quán cà phê. Tên của tôi đã được nhắc đến – Edward Catchpool, người bạn cảnh sát từ Scotland Yard của Poirot, cái gã “không nhỉnh hơn ba mươi là bao” (chính xác là ba mươi hai) – nhưng tôi đã không có mặt ở đó. Tuy vậy, tôi đã thử lấp khoảng trống bằng

kinh nghiệm cá nhân để viết một báo cáo về câu chuyện của Jennie. May thay tôi đã được trợ giúp bởi lời kể của Hercule Poirot, và không thể có nhân chứng nào tốt hơn ông.

Tôi đang viết chẳng cho ai cả mà cho chính bản thân. Khi nào viết xong, tôi sẽ đọc đi đọc lại cho đến khi có thể nhìn xuyên qua các từ ngữ mà không cảm thấy cú sốc tôi đang cảm nhận khi viết... cho đến khi câu hỏi “làm sao nó có thể diễn ra?” nhường chỗ cho câu “đó là những gì đã diễn ra.”

Đến một lúc nào đó, tôi sẽ phải nghĩ đến một cái tựa nào hay hơn là ‘Câu chuyện của Jennie’. Đó là một cái tựa không đắt.

Sáu tuần lễ trước cái hôm thứ năm kể trên, tôi gặp Hercule Poirot lần đầu tiên khi ông đến thuê phòng trong ngôi nhà trọ ở London do bà Blanche Unsworth làm chủ. Đó là một tòa nhà rộng rãi, sạch tinh tươm, mặt tiền rất vuông vức và nội thất không thể nào nữ tính hơn. Khắp nơi đều có những viền, những diềm, những tia tốt.

Đôi khi tôi sợ ngày nào đó tôi sẽ đến sở làm và phát hiện ra những đường diềm màu hoa cải trong phòng khách cách chỉ đó vài bảm theo cùi chỏ hay đôi giày của tôi.

Không giống tôi, Poirot không phải là khách thuê dài hạn trong ngôi nhà mà chỉ là khách ngắn ngày. “Tôi sẽ thưởng thức ít nhất một tháng nghỉ ngơi, không hoạt động,” ông nói với tôi như thế vào cái đêm đầu tiên gặp nhau. Ông nói câu đó với vẻ đầy quyết tâm, như thể ông tưởng tượng tôi sẽ ngăn cản ông. “Đầu óc tôi ngày càng bận bịu,” ông giải thích. “Nhiều ý nghĩ cứ dồn dập chạy qua... Ở đây tôi tin rằng chúng sẽ chậm bớt lại.”

Tôi hỏi ông sinh sống ở đâu, bụng chờ đợi câu trả lời là "Pháp".
Lát sau, tôi mới biết ông là người Bỉ chứ không phải người Pháp.
Đáp lại câu hỏi của tôi lúc đó, ông bước đến cửa sổ, vén tấm rèm
ren sang bên và trở vào tòa nhà lớn, sang trọng ở cách đó
khoảng ba trăm mét.

"Ông sống ở đó ư?" tôi hỏi, nghĩ rằng ông đang đùa.

"Oui. Tôi không muốn ở cách nhà quá xa," Poirot giải thích.
"Tôi rất thích ngắm nó: một khung cảnh thật đẹp!"

Ông nhìn ngôi nhà đầy tự hào. Trong khoảnh khắc tôi tự hỏi
phải chăng ông đã quên cả tôi đang đứng đó. Rồi ông nói, "Du
lịch là một điều tuyệt vời. Nó rất kích thích nhưng lại không thư
giãn. Mà nếu tôi không đi đâu đó thì tâm trí của Poirot tôi sẽ
chẳng vacances lúc nào cả! Những thứ chộn rộn sẽ đến dưới
dạng này hay dạng khác. Ở nhà thì sẽ bị tìm ra quá dễ dàng. Một
người bạn hay một người xa lạ sẽ mò đến với một vấn đề cực kỳ
quan trọng comme toujours – luôn luôn là cực kỳ quan trọng! –
và những tế bào xám nhỏ một lại sẽ bận bịu và không thể
bảo tồn được năng lượng. Cho nên Poirot phải tung tin rằng ông
ta rời London một thời gian, kỳ thật lại nghỉ ngơi ở một nơi quen
thuộc nhưng tránh được mọi quấy nhiễu."

Ông cứ thế nói suốt, còn tôi thì gật gù theo, như thể hoàn toàn
thông hiểu, lòng tự hỏi chẳng biết có phải càng cao tuổi người ta
càng lập dị hơn hay không.

Bà Unsworth không bao giờ nấu bữa tối vào thứ năm. Đó là
buổi tối hàng tuần bà viếng thăm cô em gái của người chồng quá
cổ – và đó cũng là lý do vì sao Poirot phát hiện ra quán cà phê

Pleasant. Ông bảo tôi ông không thể để bị bắt gặp ở những nơi ông vẫn thường lui tới khi mà mọi người đều hiểu ông đã rời thành phố, và hỏi tôi có lời khuyên nào không “về một nơi mà người như anh có thể đến, mon ami. Nơi nào nấu ăn ngon ấy.” Tôi giới thiệu cho ông quán Pleasant: chật chội, hơi lập dị, nhưng khách đến một lần thì hầu hết sẽ trở lại, trở lại hoài.

Tối thứ năm đó – buổi tối mà Poirot gặp Jennie – ông trở về nhà vào lúc 10 giờ 10, trễ hơn nhiều so với lệ thường. Tôi đang ngồi ở phòng khách, gần lò sưởi, nhưng không cách chi thấy ấm lên. Tôi nghe tiếng bà Unsworth thì thảo vài giây với Poirot sau khi có tiếng cửa chính mở ra rồi khép lại. Chắc hẳn bà đã chờ sẵn ông ngoài tiền sảnh.

Tôi không nghe bà nói gì, nhưng đoán thì được thôi: bà đang lo lắng, và tôi chính là nguyên do sự lo lắng ấy. Trở về từ nhà cô em dâu vào lúc 9 giờ 30, bà bỗng nhận định rằng tôi đang gặp chuyện gì đó không ổn. “Trông tôi rất đáng sợ, như thể bị mất ăn mất ngủ”, bà nói với tôi như vậy. Chẳng hiểu nổi làm sao để nhận ra một người “trông có vẻ đã bỏ bữa”. Trông tôi gầy gò hơn lúc dùng điểm tâm sáng hôm ấy chẳng?

Bà dò xét tôi từ nhiều góc ngách và đề nghị đủ mọi thứ sáng kiến để giúp tôi được tốt lành, bắt đầu từ những trị liệu thông thường nhất đối với những trường hợp như thế: đồ ăn, thức uống, sự lắng nghe thân thiện. Có lần, khi tôi từ chối cả ba thứ đó một cách hết sức hòa nhã, bà đã đưa ra những gợi ý còn kỳ quặc hơn nữa: một chiếc gối nhồi cỏ, rồi chất gì đó hôi hôi từ một chai màu xanh mà tôi phải trút vào bồn nước tắm.

Tôi cảm ơn bà và từ chối. Bà cuống cuống đảo mắt khắp phòng khách, tìm một vật gì đó có thể dúi cho tôi cùng với lời cam đoan rằng nó sẽ giải quyết các vấn đề của tôi.

Giờ đây, nhiều khả năng bà đang thì thào với Poirot, nhờ ông nài ép tôi nhận cái chai xanh hôi rình kia hay chiếc gối nhồi cỏ.

Trở về từ Pleasant mỗi tối thứ năm, Poirot thường đọc sách trong phòng khách đến 9 giờ. Tôi trở về từ khách sạn Bloxham vào lúc 9 giờ 15, quyết định không nghĩ ngợi gì đến chuyện tôi đã gặp ở đó, lòng rất mong tìm thấy Poirot trên chiếc ghế ưa thích của ông để chúng tôi có thể trao đổi vài câu chuyện tầm phào vui vẻ như mọi khi.

Ông ta không có đó. Sự vắng mặt của ông khiến tôi có cái cảm giác kỳ lạ như xa cách mọi thứ, như mặt đất chợt sụp xuống dưới chân. Poirot là mẫu người điều độ, không thích thay đổi những thói quen vốn có. “Catchpool ạ, chính những nề nếp không đổi hàng ngày sẽ giúp cho tâm trí được thư giãn,” ông nhiều lần nói như vậy với tôi... Thế mà ông đã về muộn phải đến những mười lăm phút rồi.

Khi tôi nghe tiếng cửa chính mở ra vào lúc 9 giờ 30, tôi đã hy vọng đó là ông, nhưng hóa ra lại là bà Unsworth. Tôi sém nữa bật ra một tiếng rên. Nếu biết lo cho bản thân thì điều tối kỵ là dây dưa với kẻ nào đó mà thú tiêu khiển chính là làm ầm ĩ những việc không đâu.

Tôi sợ sẽ không thuyết phục được bản thân quay trở lại khách sạn Bloxham ngày hôm sau, dù tôi biết mình phải làm vậy. Tôi đang cố không nghĩ đến chuyện đó.

Và giờ đây, tôi nghĩ, Poirot cuối cùng đã về, và ông sẽ lo lắng cho tôi được bình an vì bà Unsworth đã nhờ vả ông. Tôi quyết định tốt nhất là tránh gặp cả hai.

Nếu không có cơ hội trò chuyện một đề tài nào đó nhẹ nhàng và thư giãn, tôi thà là không nói năng gì.

Poirot xuất hiện trong phòng khách, vẫn đội nón, mặc áo khoác. Ông khép cửa lại. Tôi chờ đợi một dòng thác những lời hỏi han, nhưng thay vào đó ông lại nói, vẻ ngơ ngẩn, “Đã muộn rồi. Tôi cứ đi, loanh quanh các phố, tìm mãi, tìm mãi mà chẳng thấy gì cả, chỉ tổ về nhà muộn.”

Ông đang lo lắng, đúng vậy, nhưng không phải cho tôi, không phải về việc tôi đã ăn chưa hoặc sẽ ăn không. Thật là nhẹ nhõm. “Tìm kiếm ư?” tôi hỏi.

“Oui. Tìm một người phụ nữ tên là Jennie mà tôi rất mong còn sống chứ chưa bị giết chết.”

“Giết ư?” Tôi có cảm giác mặt đất lại lún xuống. Tôi biết Poirot là một thám tử nổi tiếng. Ông đã kể tôi nghe một số vụ án ông từng phá. Nhưng ông đang trong giai đoạn tách rời khỏi tất cả những việc đó, nên tôi cũng ngạc nhiên khi ông không thốt ra cái từ ‘giết’ ấy, bằng một vẻ xúi quẩy đến như vậy.

“Cô Jennie đó trông thế nào?” Tôi hỏi. “Ông tả lại cô ta đi. Biết đâu tôi đã thấy cô ta, nhất là nếu liên quan đến án mạng. Tối nay tôi đã thấy hai phụ nữ và một người đàn ông bị giết. Cho nên biết đâu ông gặp hên. Người đàn ông thì chắc không tên Jennie rồi, nhưng hai người kia thì...”

“Attendez, mon ami,” giọng điềm tĩnh của Poirot cắt ngang

những lời dông dài thảm hại của tôi. Ông giở nón và bắt đầu cởi khuy áo khoác. “Xem chừng bà Unsworth có lý... Anh gặp chuyện gì à? Ồ, mà sao tôi lại không thấy ngay nhỉ? Trông anh xanh lắm đấy. Các suy nghĩ của tôi cứ chạy vẩn vơ, nhưng mỗi khi thấy bà Unsworth tiến đến là chúng lại thu xếp để lĩnh đi chỗ khác! Nhưng làm ơn nói cho Poirot này biết đi, immédiatement... có chuyện gì vậy?”

“Có ba án mạng,” tôi nói. “Cả ba đều không giống bất cứ án mạng nào tôi từng gặp. Hai nữ và một nam. Mỗi người trong một phòng khác nhau.”

Dĩ nhiên, tôi đã từng chứng kiến nhiều cái chết dữ. Tôi làm việc cho Scotland Yard đã gần hai năm và từng làm cảnh sát trong năm năm, nhưng hầu hết các án mạng đều có biểu hiện rõ rệt của sự mất kiểm soát: ai đó bị đá chết trong một cơn cáu giận, hay ai đó quá say xỉn và bị mất lý trí. Những vụ việc ở Bloxham thì rất khác. Kẻ ba lần ra tay giết người tại khách sạn đã lên kế hoạch từ trước... từ cả tháng trước, tôi đoán thế. Mỗi hiện trường đều là một công trình nghệ thuật rùng rợn với một ý nghĩa ẩn giấu mà tôi không sao giải mã được. Tôi kinh sợ với ý nghĩ rằng kẻ mà tôi đối mặt lần này không phải là một tên giết người dạng côn đồ, bừa phứa. Có lẽ tôi đang đối mặt một bộ óc lạnh lùng, tinh vi, không cho phép mình sơ sẩy.

Chắc chắn tôi đã quá tâm trạng, nhưng tôi không sao rũ bỏ những cảm xúc vẩn vơ. Ba xác chết khớp với nhau: chỉ ý nghĩ đó không thôi cũng khiến tôi rùng mình. Tôi nhủ lòng không được để hốt hoảng. Phải xử lý vụ này giống như những vụ khác, dù bề

ngoài của nó có khác lạ thế nào.

“Ba án mạng diễn ra trong các phòng khác nhau của cùng một tòa nhà?” Poirot hỏi.

“Không, của khách sạn Bloxham chứ. Nó ở trên đường Piccadilly Circus. Chắc ông không biết khách sạn đó đâu nhỉ?”

“Non.”

“Đêm nay là lần đầu tiên tôi vào khách sạn ấy. Đó không phải là nơi mà một người như tôi dám tơ tưởng đặt chân vào. Quá lộng lẫy.”

Poirot ngồi rất thẳng lưng. “Ba án mạng trong cùng một khách sạn, và ở ba phòng khác nhau?” ông hỏi.

“Vâng, và cả ba đều diễn ra vào đầu giờ tối, chỉ cách nhau những quãng thời gian ngắn.”

“Tối nay ư? Thế sao anh lại ở đây. Sao anh không ở khách sạn? Hung thủ bị bắt rồi à?”

“Đâu có hên vậy được, tôi e là thế. Nhưng, tôi...” Tôi khựng lại, dang hắng. Tôi có thể đi thẳng vào tường thuật các dữ kiện của vụ án, nhưng tôi không muốn Poirot biết tinh thần tôi đã lung lạc ra sao trước những gì mục kích, và càng không muốn thú nhận rằng tôi chỉ ở Bloxham trong chưa đầy năm phút, rằng tôi đã đầu hàng trước thôi thúc mạnh mẽ phải rời đi.

Cả ba nạn nhân được đặt nằm ngửa một cách chỉnh tề: tay dọc hông, lòng bàn tay úp xuống, chân khép vào nhau...

Sắp đặt cẩn chu. Câu đó như ghim vào tâm trí tôi cùng hình ảnh một căn phòng tối tăm từ nhiều năm về trước... một căn

phòng mà tôi đã bị cấm vào khi còn bé, và kể từ đó đã từ chối bước vào ngay cả trong trí tưởng tượng. Suốt cuộc đời còn lại, tôi vẫn quyết không bước vào trong đó.

Những cánh tay không sức sống, lòng bàn tay úp xuống.

“Cầm tay ông đi, Edward.”

“Đừng lo, cảnh sát đang bu đầy nơi đó,” tôi cao giọng nói nhanh để xua đi cái hình ảnh không mời mà đến ấy. “Sáng mai trở lại cũng còn kịp mà.” Thấy ông đang chờ một câu trả lời hoàn chỉnh, tôi nói thêm, “Đầu óc tôi phải thanh thản đã. Nói thẳng ra, cả đời tôi chưa từng thấy ba án mạng nào kỳ lạ như thế này.”

“Kỳ lạ ở chỗ nào?”

“Các nạn nhân đều có một vật trong miệng mình. Cùng một vật!”

“Non.” Poirot lắc ngón tay với tôi. “Không thể thể được, mon ami. Cùng một vật thì không thể nào nằm cùng lúc trong ba cái miệng khác nhau.”

“Ba vật riêng rẽ giống hệt nhau,” tôi chỉnh lại. “Ba chiếc khay măng-xét, trông như bằng vàng ròng, có khắc tên. Cả ba đều có chữ ‘PIJ’. Poirot? Ông ổn chứ? Trông ông...”

“Mon Dieu!” Poirot bật dậy, bắt đầu đi ngang dọc căn phòng. “Anh không hiểu ý nghĩa của nó đâu, mon ami. Không, anh không hiểu gì cả, vì anh đâu đã nghe tôi kể về cuộc gặp gỡ cô Jennie. Tôi sẽ kể lại thật nhanh để anh hiểu.”

Với Poirot, cách kể nhanh một câu chuyện không hề giống như hầu hết mọi người. Mọi chi tiết đều quan trọng như nhau,

dù đó là ngọn lửa thiêu sống ba trăm người hay đó là lúm đồng tiền trên má đứa bé. Ông không bao giờ bị cảm dỗ để đi vội đến cốt lõi của vấn đề, vì vậy tôi phải ngồi xuống ghế để nghe ông tường thuật theo cái lối riêng ấy của mình. Lúc ông kể xong, tôi cảm thấy như đã trải nghiệm qua những sự kiện đó, thậm chí còn mạch lạc hơn so với nhiều khung cảnh ngoài đời mà đích thân tôi từng tham gia.

“Một câu chuyện thật kỳ lạ,” tôi nói. “Lại trong cùng một đêm với ba án mạng ở Bloxham nữa chứ. Quả là trùng hợp.”

Poirot thở dài. “Tôi không nghĩ đó là trùng hợp đâu, bạn tôi ạ. Phải thừa nhận rằng sự trùng hợp đôi khi cũng xảy ra, nhưng ở đây lại có một mối liên kết rất rõ rệt.”

“Ý ông nói một bên là giết người và bên kia là nỗi sợ bị giết?”

“Non. Đó cũng là một mối liên kết, đúng vậy, nhưng tôi đang nói về cái khác cơ.” Poirot ngừng đi loanh quanh trong phòng khách. Ông quay lại, đối mặt tôi. “Anh nói trong miệng ba nạn nhân có ba chiếc khuy măng-xét bằng vàng khắc chữ ‘PIJ’?”

“Đúng vậy.”

“Cô Jennie, cô ấy đã nói với tôi rất rõ: ‘Xin hãy hứa với tôi điều này: nếu người ta tìm thấy tôi đã chết, xin ông bảo người bạn cảnh sát của ông đừng truy lùng hung thủ. Ôi, mong đừng ai mở miệng. Vụ án đó không bao giờ nên phá.’ Anh nghĩ sao về câu nói: ‘Ôi, mong đừng ai mở miệng’?”

Ông ta đùa chăng? Có vẻ là không. “Thì đấy,” tôi đáp, “cũng đã rõ rồi, đúng không ạ? Cô ta sợ bị giết, nhưng không muốn hung thủ bị trừng phạt nếu hắn giết được cô và hy vọng không ai nói

năng gì để vạch mặt hắn. Cô ta tin mình đáng bị trừng phạt.”

“Anh chọn ý nghĩa thoát đầu có vẻ hiển nhiên,” Poirot nói. Giọng ông có vẻ thất vọng. “Hãy tự hỏi liệu những lời ấy còn mang ý nghĩa nào khác không: ‘Ôi, mong đừng ai mở miệng’. Hãy nghĩ đến ba chiếc khuy măng-xét vàng của anh đi.”

“Chúng không phải của tôi,” tôi nhấn mạnh, lòng chỉ mong đẩy vụ việc này ra càng xa càng tốt. “Thôi được, tôi biết ông muốn hướng đến chuyện gì, nhưng...”

“Anh biết gì nào? Je conduis ma voiture à quoi?”

“Thì... ‘Ôi, mong đừng ai mở miệng’ có thể hiểu rộng ra là ‘Mong đừng ai mở miệng ba nạn nhân bị giết ở khách sạn Bloxham’.” Tôi cảm thấy giọng mình nghe cực kỳ ngốc nghếch khi thốt ra cái lý thuyết ngớ ngẩn này.

“Exactement. ‘Mong đừng ai mở miệng họ và tìm ra các chiếc khuy măng-xét vàng với chữ khắc PIJ’. Phải chăng đó là điều mà Jennie muốn nói? Rằng cô ta biết ba nạn nhân bị sát hại ở khách sạn, và biết cả kẻ giết họ, đồng thời cũng toan giết chính cô?”

Không đợi tôi phản hồi, Poirot tiếp tục dòng suy tưởng của ông. “Còn ba chữ *PIJ*... Kẻ mang cái tên viết tắt đó, hẳn rất quan trọng trong câu chuyện này, n'est-ce pas? Jennie biết điều đó. Cô ta biết nếu ta tìm ra ý nghĩa ba chữ cái đó thì ta sẽ lần ra hung thủ, và cô ta muốn ngăn chặn điều này. Alors, anh phải bắt hắn ta trước khi quá muộn đối với Jennie, và với cả Hercule Poirot này nữa, vì ông ta sẽ không tha thứ cho bản thân đâu!”

Tôi hoảng lên khi nghe ông nói thế. Tôi cảm thấy áp lực trách nhiệm phải tóm cổ tên sát nhân, và cũng chẳng mong mình có

lỗi trong việc làm cho Poirot phải day dứt. Có thực ông ta nghĩ tôi là người có năng lực tóm cổ một tên sát nhân đầu óc bệnh hoạn đến cỡ đó – kẻ dám nghĩ ra việc đặt những chiếc khuy măng-xét có khắc tên vào miệng những người chết? Tôi luôn là người thẳng thắn và làm việc tốt hơn với những tình tiết thẳng thắn.

“Tôi nghĩ anh nên trở lại khách sạn,” Poirot nói.

Ý ông là ngay tức thì. Tôi rùng mình khi nhớ lại ba căn phòng đó.

“Ngày mai cũng còn sớm chán,” tôi nói, cố tình tránh tia mắt ông. “Tôi phải nói với ông rằng tôi sẽ không làm cái chuyện ngu ngốc là đưa nhân vật Jennie đó vào vụ này đâu. Làm vậy chỉ gây rối thêm cho mọi người mà thôi. Ông đã nêu ra một ý nghĩa khả dĩ về câu nói của cô ta, còn tôi thì nêu ra một ý nghĩa khác. Lập luận của ông nghe thú vị hơn, nhưng lập luận của tôi hiện thực hơn gấp hai chục lần.”

“Không hề!”

Mâu thuẫn đã nổ ra.

“Chúng ta sẽ bất đồng với nhau về chuyện này,” tôi quả quyết nói. “Nếu ta hỏi một trăm người, tôi e rằng tất cả sẽ đồng ý với tôi, chứ chẳng ai đồng ý với ông đâu.”

“Tôi cũng e thế.” Poirot thở dài. “Nếu được, hãy cho phép tôi thuyết phục anh vậy. Ban nãy, khi kể về các án mạng trong khách sạn, anh có nói: ‘Các nạn nhân đều có một vật trong miệng mình’, đúng không nhỉ?”

Tôi xác nhận là đúng.

“Anh không nói ‘trong miệng họ’, mà anh nói ‘trong miệng mình’ bởi lẽ anh là người có học và anh dùng số ít chứ không dùng số nhiều: ‘mình’ gắn với ‘mỗi người’ – nó chuẩn về mặt ngữ pháp. Cô Jennie là người giúp việc, nhưng cô ta lại có cách nói của người có học. Và cả từ vựng nữa. Cô ta dùng cụm từ ‘không thể tránh khỏi’ khi nói về cái chết của cô ta, hay việc cô ta bị giết. Và cô ta nói với tôi: ‘Cho nên, chẳng còn ai giúp được gì đâu, mà có còn đi nữa thì tôi cũng không xứng đáng’. Anh thấy đấy, cô ta dùng tiếng Anh rất chuẩn. Cho nên, mon ami...” Poirot lại đứng dậy. “Cho nên nếu anh đúng và Jennie đã nói ‘Mong đừng ai mở miệng’ với ngụ ý là ‘Mong đừng ai cung cấp thông tin cho cảnh sát’, thì có sao cô ta lại không nói ‘Mong đừng ai mở miệng mình ra’. Từ ‘đừng ai’ đòi hỏi dùng số ít kia mà, đâu phải là số nhiều!”

Tôi ngược nhìn Poirot đến mỗi cả cổ, quá hoang mang và mệt mỏi khiến tôi chẳng thể đối đáp. Chẳng phải chính ông đã nói rằng Jennie đang trong cơn sợ hãi hoảng loạn đó sao? Theo kinh nghiệm của tôi, khi người ta đang cơn hoảng hốt thì làm gì có xu hướng khoa trương về ngữ pháp.

Tôi cứ tưởng Poirot là một trong những người thông minh nhất, nhưng có lẽ tôi đã lầm. Nếu ông ta có khuynh hướng tuôn ra những thứ nhảm nhí như thế thì cũng chẳng lạ gì việc ông ta nghĩ rằng đã đến lúc phải để cho tâm trí được nghỉ ngơi, an dưỡng.

“Hiển nhiên, anh sẽ nói rằng lúc ấy Jennie đang buồn khổ và vì vậy không kỹ càng lắm trong ăn nói,” Poirot tiếp tục. “Tuy

nhiên, cô ta hoặc là đã nói năng tuyệt đối chuẩn xác, ngoại trừ mỗi cái khoảnh khắc đó ra, hoặc là tôi đã đúng còn anh sai, và Jennie không hề có sai sót ngữ pháp nào cả!”

Ông chấp tay lại, có vẻ hài lòng về tuyên bố của mình đến mức tôi phải động lòng mà thốt ra khá gay gắt. “Tuyệt thật, ông Poirot. Một người đàn ông và hai phụ nữ vừa bị giết, và công việc của tôi là điều tra những cái chết đó, thế mà tôi lại đang phải hân hoan hơn hở vì Jennie đã không sơ sẩy trong việc dùng tiếng Anh. Mà cũng chả biết cô ta là ai nữa chứ.”

“Cả Poirot này cũng thế đấy, ông ta cũng hân hoan hơn hở,” ông bạn đáng ngán ngấm của tôi nói, “vì đã có một bước tiến nhỏ, một phát hiện nho nhỏ. Non.” Nụ cười của ông vụt tắt và biểu hiện của ông trở nên nghiêm nghị hơn. “Cô Jennie không mắc sai lầm ngữ pháp nào cả. Ý nghĩa mà cô ta ngụ ý là: Đừng ai cạy miệng của ba người bị giết... miệng của họ.”

“Nếu ông cứ khẳng khẳng như thế thì tùy,” tôi làu bàu.

“Ngày mai, sau điểm tâm, anh sẽ quay lại khách sạn Bloxham,” Poirot nói. “Tôi sẽ gặp anh ở đó muộn hơn, sau khi tìm Jennie.”

“Ông ấy à?” Tôi nói, có phần khó chịu. Những lời phản đối đã hình thành trong đầu, nhưng tôi biết chúng sẽ chẳng bao giờ đến được tai Poirot. Thám tử lừng danh hay không đi nữa thì trong vụ việc này những ý tưởng của ông nói trắng ra là cực kỳ lỗ bịch. Nhưng nếu ông cứ đòi tham gia thì tôi sẽ không phản bác. Ông rất tự tin còn tôi thì không, chung quy là thế. Tôi bắt đầu cảm thấy rạo rực bởi chính sự hào hứng của ông.

“Oui.” Ông nói. “Ba vụ giết người đã diễn ra với một đặc điểm chung cực kỳ bất thường: những chiếc khuy măng-xét khắc chữ tìm thấy trong miệng các nạn nhân. Chắc chắn tôi sẽ đến khách sạn Bloxham.”

“Chẳng phải ông muốn tránh trí não bị kích thích và muốn được nghỉ ngơi đó sao?” tôi hỏi.

“Oui. Précisément.” Poirot nhìn tôi. “Nếu phải ngồi trên ghế này suốt cả ngày, chứng kiến anh chậm trễ nhắc mọi người về cuộc gặp gỡ giữa tôi và cô Jennie – một chi tiết cực kỳ quan trọng – thì, với tôi, đó không còn là nghỉ ngơi nữa rồi. Với tôi, đó không phải là nghỉ ngơi nếu như biết Jennie đang chạy khắp London, dăng vô số cơ hội để cho tên sát nhân ra tay rồi nhét chiếc khuy măng-xét thứ tư vào miệng cô ta.”

Vẫn ngồi trên ghế, Poirot chồm tới trước. “Làm ơn cho tôi biết ít ra có phải điều này đã làm anh lo lắng: những chiếc khuy măng-xét đó luôn đi theo cặp? Anh đã có ba chiếc trong miệng những người chết ở khách sạn Bloxham. Chiếc thứ tư đang ở đâu, nếu không phải là trong túi tên hung thủ, chờ được nhét vào miệng của cô Jennie sau khi cô bị giết?”

Tôi phá lên cười. “Ông Poirot, nói như vậy nghe ngớ ngẩn quá. Phải, khuy măng-xét thì thường đi theo cặp, nhưng thực tình mà nói, chuyện này rất đơn giản: hắn muốn giết ba người, do đó hắn chỉ dùng ba chiếc khuy măng-xét. Ông không thể dùng ý niệm bộ-tứ-lý-tưởng để chứng tỏ điều gì, càng không thể liên hệ các án mạng ở khách sạn với cái cô Jennie đó.”

Khuôn mặt Poirot giữ nguyên vẻ ngoan cố. “Mon ami, nếu anh

là tên hung thủ đã quyết dùng khuy măng-xét theo cách đó, anh nhất định sẽ bị cám dỗ bởi ý nghĩ về những cặp đôi. Chính hung thủ đã đặt ra trước chúng ta ý niệm về bốn chiếc khuy măng-xét và nạn nhân thứ tư, chứ nào phải là Hercule Poirot này đâu!”

“Nhưng... nếu vậy làm sao chúng ta biết được trong đầu hắn không có sáu hay tám nạn nhân? Ai dám quả quyết trong túi hắn không có năm cặp khuy măng-xét nữa với dòng chữ *PIJ*?”

Tôi ngạc nhiên khi Poirot gật đầu: “Anh có lý đấy.”

“Không đâu, ông Poirot, điều đó không hợp lý,” tôi ngán ngẩm nói. “Tôi dựng đại những con số đó ra thôi. Có thể ông thích thú óc tưởng tượng bay bổng của tôi, nhưng tôi thề với ông rằng các sếp của tôi ở Scotland Yard chẳng thích thú lắm đâu.”

“Các sếp của anh không thích anh xem xét điều gì có khả năng xảy ra sao? Không đâu, dĩ nhiên là họ không thể,” Poirot tự trả lời. “Vì họ là những người có nhiệm vụ bắt tên sát nhân. Họ và anh. Bon. Thế nên ngày mai Hercule Poirot phải đến khách sạn Bloxham.”



CHƯƠNG 3

TẠI KHÁCH SẠN BLOXHAM

Sáng hôm sau, tại Bloxham, tôi cứ nhấp nhੌm mãi vì biết rằng Poirot sẽ đến vào bất cứ lúc nào để nói với đám cảnh sát tầm thường chúng tôi rằng hướng chúng tôi điều tra ba án mạng là ngu ngốc như thế nào. Tôi là người duy nhất biết ông ta sẽ đến, điều đó càng khiến tôi bực bội. Tôi sẽ chịu trách nhiệm về sự hiện diện của ông, và tôi lo rằng ông sẽ làm cả nhóm mất tinh thần. Nói thật lòng, tôi còn sợ ông làm thối chí cả chính tôi nữa kìa. Trong ánh sáng lẠc quan của một ngày tháng 2 sáng sủa lạ thường, và sau giấc ngủ say nồng đến đáng ngạc nhiên, tôi không hiểu nổi vì sao mình không cấm tiệt Poirot lai vãng đến Bloxham. Tuy nhiên, việc cấm đó chắc cũng chẳng tác dụng gì. Tôi có cấm thì chắc gì ông đã nghe theo.

Poirot đến khi tôi đang ở tiền sảnh sang trọng, trò chuyện với ông Luca Lazzari, quản lý khách sạn. Lazzari là một người thân thiện, ân cần, cực kỳ nhiệt tình. Ông có mái tóc xoắn đen, giọng nói nghe như hát, bộ ria mép khác xa bộ ria của Poirot. Lazarri có vẻ đã xác định rằng tôi và các đồng nghiệp cảnh sát cần dành

thời gian để thưởng thức mọi cái hay, cái tốt của Bloxham chẳng khác gì các vị khách có trả tiền – dĩ nhiên là nói về những người không bị giết.

Tôi giới thiệu ông ta với Poirot. Poirot gật đầu khá xãng. Ông có vẻ bức bối và lát sau tôi mới biết vì sao.

“Tôi không tìm thấy Jennie,” ông nói. “Suốt nửa buổi sáng tôi ngồi chờ ở quán cà phê, nhưng cô ta không đến!”

“Chưa đến nửa buổi buổi sáng đâu, ông Poirot,” tôi nói, vì ông có xu hướng cường điệu.

“Cả cô Fee cũng không có đó. Các cô phục vụ khác thì chẳng thể cho tôi biết điều gì.”

“Xui nhỉ,” tôi nói, không ngạc lắm nhiên trước tin này. Đã có lúc tôi cảm thấy có lỗi khi nghĩ Jennie có thể trở lại quán cà phê. Có lẽ tôi phải ráng sức hơn để giúp Poirot nhận thức vấn đề: cô ta đã chạy khỏi Poirot và quán cà phê Pleasant sau khi tuyên bố rằng cô đã sai lầm khi tin cậy vào ông. Lý do quái nào khiến cô ta trở lại quán hôm sau và cho phép ông bảo vệ cô?

“Nào!” Poirot nhìn tôi chờ đợi. “Anh có gì để kể tôi nghe không?”

“Cả tôi cũng ở đây để cung cấp mọi thông tin ông cần,” ông Lazzari nói, mặt tươi tỉnh. “Luca Lazzari xin hân hạnh phục vụ. Ông đã từng viếng thăm khách sạn Bloxham chưa, thưa ông Poirot?”

“Non.”

“Ông thấy nó có tuyệt vời không? Giống như một cung điện

của Thời kỳ Tươi đẹp*, phải không ạ? Lộng lẫy! Tôi hy vọng ông để mắt chiêm ngưỡng những tuyệt tác nghệ thuật đầy rẫy khắp xung quanh chúng ta!”

“Oui. Hơn hẳn nhà trọ của bà Unsworth, mặc dù nhà trọ đó có cảnh quan nhìn từ cửa sổ đẹp hơn,” Poirot sỗ sàng nói. Tâm trạng cáu bẳn của ông chắc chắn đã len lỏi vào câu đó.

“À, nói về quang cảnh từ khách sạn điểm lẹ của chúng tôi!” Ông Lazzari chấp tay lại, vẻ say sưa. “Từ các phòng trông ra vườn hoa, khung cảnh là tuyệt đẹp, còn từ các phòng phía bên kia là London trắng lẹ, một khung cảnh cực kỳ khác! Lát nữa tôi sẽ chỉ ông xem.”

“Tôi thích xem ba căn phòng diễn ra án mạng hơn,” Poirot nói.

Câu nói này gây ra một thoáng ngưng đọng trong nụ cười của ông Lazzari. “Thưa ông Poirot, ông có thể an tâm rằng tội ác khủng khiếp đó sẽ không bao giờ tái diễn ở khách sạn Bloxham nổi tiếng thế giới này. Ba án mạng trong một đêm, tôi thật không thể nào tin nổi.”

Poirot và tôi trao đổi một tia mắt. Vấn đề không phải là ngăn ngừa nó tái diễn trong tương lai, mà là xử lý thực tế nó đã diễn ra ngay lúc này.

Tôi quyết định siết dây cương, không để ông Lazzari có cơ hội huyền thuyên nữa. Bộ ria của Poirot chưa gì đã xoắn lên vì kiềm nén cơn cáu.

“Tên các nạn nhân là bà Harriet Sippel, cô Ida Gransbury và ông Richard Negus,” tôi nói với Poirot. “Mỗi người đều là khách và mỗi người đều thuê phòng đơn.”

“Mỗi người? Ý anh là phòng của mình, đúng không?” Poirot mỉm cười với câu đùa của ông. Tôi thì gần sự cải thiện tâm trạng của ông với việc Lazzari rơi vào im lặng. “Tôi không định ngắt lời anh đâu, Catchpool. Anh cứ nói tiếp đi.”

“Cả ba nạn nhân đều đến khách sạn hôm thứ tư, một ngày trước khi họ bị giết.”

“Họ đến cùng nhau ư?”

“Không.”

“Chắc chắn là không ạ,” Lazzari nói. “Họ đến đây riêng rẽ, từng người một. Họ nhận phòng cũng từng người một.”

“Và họ đã bị giết từng người một,” Poirot nói, ngẫu nhiên mà giống hệt như suy nghĩ của tôi. “Ông chắc điều đó chứ?” ông hỏi Lazzari.

“Chắc mà. Tôi có lời thuật của ông John Goode, trưởng quầy lễ tân của tôi, một con người đáng tin cậy bậc nhất. Các ông sẽ gặp gỡ ông ta. Chỉ có những người hoàn hảo mới được nhận vào khách sạn Bloxham này, thưa ông Poirot, và khi trưởng quầy lễ tân của tôi đã nói sự việc là như thế thì tôi tin nó phải là như thế. Khắp đất nước và khắp thế giới, biết bao người xin xỏ được làm việc cho khách sạn Bloxham. Tôi chỉ nhận những người nào tốt nhất.”

Thật buồn cười, nhưng đến tận lúc đó, khi thấy Lazzari không biết cách đối xử với Poirot, tôi mới nhận ra mình hiểu rõ ông thám tử về hừn này đến mức nào. Cho dù Lazzari có viết bằng chữ lớn câu “Người này là nghi can giết người” rồi tròng nó quanh cổ John Goode, ông ta cũng chẳng khiến Poirot nghi ngờ

thêm viên trưởng quầy lễ tân. Hercule Poirot không cho phép ai áp đặt bất cứ ý kiến nào. Thay vào đó, ông sẽ càng tin tưởng điều ngược lại.

“VẬY,” Poirot nói, “đó là sự trùng hợp đáng kể, đúng không nhỉ? Ba nạn nhân bị giết của chúng ta – bà Harriet Sippel, cô Ida Gransbury và ông Richard Negus – họ đến riêng rẽ và có vẻ chẳng dính dấp gì đến nhau. Thế mà cả ba đã chung nhau không chỉ ngày chết, tức ngày hôm qua, mà luôn cả cái ngày đến khách sạn Bloxham, tức hôm thứ tư.”

“Đáng kể chỗ nào?” tôi hỏi. “Một khách sạn lớn cỡ này thì có biết bao khách khác cùng đến vào ngày thứ tư. Ý tôi nói những khách không bị giết ấy.”

Đôi mắt Poirot trông như muốn phọt ra khỏi đầu. Tôi không thấy mình nói điều gì quá sốc, nên tôi vờ như không để ý đến sự sửng sốt đó và tiếp tục kể cho ông các tình tiết của vụ án.

“Mỗi nạn nhân đều được tìm thấy trong căn phòng khóa trái của chính mình,” tôi nói mà cảm thấy mình khá lưu tâm đến việc sử dụng cụm từ “của chính mình”. “Hung thủ đã khóa cả ba cánh cửa rồi trốn đi cùng các chìa khóa...”

“Attendez!” Poirot cắt ngang. “Ý anh là các chìa khóa đã biến mất? Anh đâu biết hung thủ có mang theo hoặc giữ chúng hay không.”

Tôi hít vào một hơi sâu. “Chúng tôi nghi ngờ hung thủ đã đem theo các chìa khóa. Chúng tôi đã lục soát rất kỹ, chắc chắn chìa khóa không có trong ba căn phòng, cũng không có ở nơi nào khác trong khách sạn.”

“Đội ngũ nhân viên xuất sắc của chúng tôi đã tiến hành kiểm tra và xác nhận đó là sự thật,” Lazzari nói.

Poirot nói ông muốn tự lực soát kỹ càng trong ba căn phòng. Lazzari hơn hở đồng ý, như thể Poirot vừa đề nghị một bữa tiệc trà tiếp nối bằng khiêu vũ.

“Ông cứ kiểm tra tùy thích, nhưng ông sẽ không tìm ra ba chiếc chìa khóa đâu,” tôi nói. “Tôi đã bảo hung thủ lấy chúng đi rồi mà. Tôi không biết hắn làm gì với chúng, nhưng...”

“Có lẽ hắn bỏ chúng vào túi áo khoác, cùng với một, hay ba, hay năm chiếc khuy măng-xét khác.” Poirot nói tỉnh khô.

“À, giờ thì tôi đã hiểu vì sao người ta nói ông là thám tử tài ba nhất, thưa ông Poirot!” Lazzari thốt lên dù ông ta không thể hiểu nhận xét của Poirot. “Ông có một bộ óc siêu việt, họ nói thế!”

“Nguyên nhân tử vong trông rất giống bị đầu độc,” tôi nói, không thích thú lắm với những lời ca ngợi trí tuệ sáng láng của Poirot. “Tôi nghĩ đó là chất độc cyanide, vốn tác dụng rất nhanh ở liều lượng đủ lớn. Kết quả xét nghiệm sẽ cho chúng ta biết đích xác, nhưng... gần như chắc chắn là thức uống của họ đã bị bỏ độc. Trong trường hợp Harriet Sippel và Ida Gransbury, thức uống là một tách trà. Trong trường hợp Richard Negus, là ly rượu vang.”

“Làm sao biết điều đó?” Poirot hỏi. “Thức uống vẫn còn trong các phòng ư?”

“Các tách vẫn còn, và ly rượu của Negus cũng còn. Các ly tách chỉ còn sót vài giọt, nhưng cũng khá dễ phân biệt giữa trà và cà phê. Chúng tôi sẽ tìm được cyanide trong các giọt sót lại, tôi dám

cá là vậy.”

“Còn thời gian tử vong?”

“Theo pháp y, cả ba người bị giết trong khoảng thời gian từ 4 giờ chiều đến 8 giờ 30 tối. May thay, chúng tôi đã thu hẹp được dải thời gian này: chúng diễn ra từ 7 giờ 15 đến 8 giờ 10.”

“May thật!” Lazzari đồng ý. “Mỗi... ờ... mỗi vị khách quá cố đều được nhìn thấy lần cuối cùng còn sống vào lúc 7 giờ 15 bởi ba đại diện tuyệt đối đáng tin cậy của khách sạn chúng tôi, thế nên chúng tôi biết rằng thời gian đó ắt là đúng. Bản thân tôi thì lần lượt phát hiện các vị khách đã chết – tai họa này thật kinh khủng – trong khoảng từ 8 giờ 15 đến 8 giờ 20.”

“Nhưng vào lúc 8 giờ 10 họ hẳn đã chết rồi,” tôi nói với Poirot. “Đó là lúc người ta tìm thấy trên bàn lễ tân mảnh giấy báo tin những vụ giết người.”

“Đợi chút,” Poirot nói. “Chúng ta sẽ còn bàn luận kỹ về mảnh giấy đó. Ông Lazzari, ông chắc mỗi nạn nhân được các nhân viên khách sạn nhìn thấy lần cuối cùng còn sống vào chính xác 7 giờ 15 chứ?”

“Đúng vậy.” Lazzari gật đầu mạnh đến mức tôi lo cái đầu của ông ta sẽ rơi ra khỏi cổ. “Điều đó rất, rất đúng. Cả ba người đều đặt phục vụ bữa tối tại phòng vào lúc 7 giờ 15, và cả ba cuộc giao thức ăn đều cực kỳ đúng giờ. Đó là truyền thống của khách sạn Bloxham.”

Poirot quay sang tôi. “Lại là một sự trùng hợp énorme,” ông nói. “Harriet Sippel, Ida Gransbury và Richard Negus đến khách sạn cùng ngày, một ngày trước khi họ bị giết. Rồi vào ngày xảy ra

án mạng, họ cùng đặt bữa tối phục vụ tại phòng vào chính xác 7 giờ 15. Chuyện này không bình thường chút nào cả.”

“Ông Poirot ạ, một việc đã diễn ra rồi thì ta có cần phải bàn xem nó bình thường hay không?”

“Non. Nhưng ta cần biết chắc nó có diễn ra theo đúng những gì chúng ta nghe khai báo hay không. Ông Lazzari, tôi biết chắc khách sạn của ông có ít nhất một gian phòng thật lớn. Xin làm ơn tập hợp toàn bộ nhân viên làm việc ở đây đến đó để tôi trao đổi với họ, càng sớm càng tốt nhé. Trong khi chờ đợi, tôi và ông Catchpool sẽ bắt đầu kiểm tra ba căn phòng có án mạng.”

“Vâng, và chúng ta phải làm nhanh trước khi họ đến lấy xác,” tôi nói. “Bình thường thì lúc này họ đã lấy xác đi rồi.”

Tôi không dả động gì đến chuyện mình xao lãng bốn phận, vốn là nguyên nhân gây trì hoãn. Trong khi vội vàng rời xa khách sạn Bloxham hồi đêm qua, khi đầu óc chỉ muốn nghĩ đến điều gì đó – bất cứ điều gì – dễ chịu hơn là ba án mạng, tôi đã lơ là việc sắp xếp những thứ cần thiết.



Tôi hy vọng Poirot có thể hâm nóng không khí thêm vài độ, nhân lúc ông Lazzari đi khỏi, nhưng đã không có thay đổi nào trong thái độ nghiêm nghị của ông, và tôi nhận ra rằng ông hẳn luôn như thế mỗi khi "làm việc". Tôi thấy cũng hơi phiền vì đây là công việc của tôi chứ nào phải của ông, và ông đã chẳng làm gì

để giúp tôi phần chấn.

Tôi có chiếc chìa khóa tổng, và chúng tôi đi đến từng căn phòng nơi xảy ra án mạng. Trong khi chờ những cánh cửa mạ vàng cầu kỳ của thang máy mở ra.

Poirot nói: “Tôi mong rằng chúng ta có thể thống nhất với nhau một điều: lời của ông Lazzari về các nhân viên của khách sạn là không đáng tin cậy. Ông ta nói về họ cứ như họ vô can hết cả, mà điều đó thì dĩ nhiên là không thể một khi họ đã có mặt ở đây hôm qua, lúc xảy ra án mạng. Lòng trung thành của ông Lazzari thật đáng tuyên dương, nhưng ông ta quả là ngốc mới tin rằng nhân viên của Bloxham là des anges.”

Lòng tôi cũng thấy buồn phiền, cho nên tôi dốc luôn bầu tâm sự: “Tôi hy vọng ông không nghĩ rằng tôi cũng ngốc nốt. Tôi nói ban nãy về việc có biết bao khách khác cùng đến vào ngày thứ tư... Nói thế cũng hơi khinh suất. Các khách đến vào thứ tư mà không bị giết thảm đều không liên can, đúng không ạ? Ý tôi nói đó chỉ là trùng hợp đáng lưu ý khi ba người, hay bất kể bao nhiêu người, trong số các khách trọ có vẻ chẳng liên can gì với nhau lại đến vào cùng một ngày và bị giết vào cùng một đêm.”

“Oui.” Poirot mỉm cười với tôi một cách chân tình và nồng nhiệt khi chúng tôi cùng bước vào thang máy. “Anh đã có lại được niềm tin của tôi vào trí tuệ sắc bén của anh, bạn tôi ạ. Anh cũng đã diễn đạt rất đúng khi nói ‘có vẻ chẳng liên can gì với nhau’. Ba nạn nhân sẽ được phát hiện có liên hệ với nhau. Ngay lúc này tôi dám thề là như thế. Họ không được chọn ra ngẫu nhiên từ các vị khách của khách sạn. Ba người bị giết vì cùng

một lý do, và lý do đó liên quan đến mấy chữ *PIJ*. Cũng vì lý do đó mà ba người họ đã đến khách sạn trong cùng một ngày.”

“Cứ như họ đã nhận thư mời đến trình diện kẻ giết hại mình vậy,” tôi nói với vẻ bồn chồn. “Thư mời ghi: ‘Xin vui lòng đến trước một ngày, để thứ năm có thể dành trọn cho việc lấy mạng quý vị.’”

Có thể đó là một câu đùa vụng về, nhưng nói đùa là điều tôi thường làm mỗi khi cảm thấy thối chí và lo lắng. Đôi lúc tôi cũng thành công trong việc lừa dối mình và tưởng tượng rằng mọi sự đều ổn. Nhưng lần này thì không hiệu nghiệm.

“‘Dành trọn’...” Poirot lẩm bẩm. “Đúng, mon ami, đó cũng là một ý. Tôi hiểu là anh không nói nghiêm túc. Tuy nhiên, anh đã nêu được một ý rất thú vị.”

Tôi không nghĩ vậy. Đó là một câu đùa ngốc nghếch không hơn, không kém. Poirot chắc muốn động viên những ý tưởng phi lý nhất của tôi.

“Một, hai, ba,” Poirot nói khi chúng tôi đi lên bằng thang máy. “Harriet Sippel, phòng 121. Richard Negus, phòng 238. Ida Gransbury, phòng 317. Khách sạn còn có tầng bốn và tầng năm, nhưng ba nạn nhân lại ở các tầng nối tiếp nhau một, hai và ba. Khéo thật!” Poirot thường thích thú những thứ mà ông cho là khéo, nhưng lần này ông có vẻ lo lắng.

Chúng tôi quan sát ba căn phòng. Chúng tương đồng nhau hầu như ở mọi chi tiết. Mỗi phòng có một chiếc giường, một chiếc tủ, một bồn rửa với chiếc ly úp ngược ở một góc, nhiều ghế bành, một bàn con, một bàn làm việc, một lò sưởi lát gạch, một

bộ tản nhiệt, một chiếc bàn rất lớn gần cửa sổ, một chiếc vali, quần áo, vật dụng cá nhân, và một xác chết.

Mỗi cửa phòng đều gài chốt, giam tôi lại bên trong...

“Cầm tay ông đi, Edward.”

Tôi không dám nhìn quá gần các xác chết. Tất cả đều nằm ngửa, thẳng người đến hoàn hảo, hai tay xuôi bên hông, chân hướng ra cửa. Một sự sắp đặt chĩnh chu. (Ngay cả việc viết những dòng này, mô tả tư thế các tử thi, cũng gây ra trong tôi một cảm giác khó chịu. Chẳng trách gì tôi không dám nhìn gần khuôn mặt của ba nạn nhân, dẫu chỉ vài ba giây mỗi người. Những làn da xanh mét, những chiếc lưỡi bất động, nặng nề, những cặp môi cong vênh. Thế mà tôi vẫn phải xem xét chi tiết khuôn mặt họ thay vì nhìn những đôi tay không sức sống, phải làm việc gì đó thay vì thắc mắc điều mà mình không khỏi thắc mắc: Harriet Sippel, Ida Gransbury và Richard Negus liệu có muốn ai đó cầm tay họ khi họ đã chết, hay ý tưởng này sẽ làm họ kinh sợ. Hỡi ôi, nào con người quả là bộ phận ương ngạnh, vô kiểm soát, và suy nghĩ đó đã khiến tôi rất đau đớn.)

Sắp đặt chĩnh chu...

Một ý nghĩ giáng mạnh vào tôi. Có thể là thô thiển khi so sánh với ba hiện trường án mạng này, nhưng tôi nhận ra rằng các tử thi đã được sắp đặt như bác sĩ sắp đặt bệnh nhân từ trần sau khi đã chăm sóc họ suốt nhiều tháng. Thi thể của Harriet Sippel, Ida Gransbury và Richard Negus được sắp đặt với sự chăm chút tỉ mỉ nhất... hay ít ra tôi cảm thấy như thế. Kẻ giết họ đã chăm lo cho họ sau khi họ chết, và điều này khiến ta thấy rùng rợn khi

nghĩ rằng hắn đã giết họ một cách lạnh lùng.

Thoáng có suy nghĩ đó, tôi liền tự nhủ mình đã sai hoàn toàn. Không có sự chăm sóc nào ở đây cả, hoàn toàn không. Đây là sự lộn lộn giữa hiện tại và quá khứ, trộn lẫn giữa công việc tại Bloxham với những ký ức không vui nhất từ thuở ấu thơ của tôi. Tôi ra lệnh cho mình chỉ nghĩ về những việc ở đây, ngay trước mắt tôi, và không nghĩ gì khác hơn. Tôi cố nhìn sự việc qua cặp mắt của Poirot mà không bóp méo kinh nghiệm của bản thân.

Mỗi nạn nhân đều nằm giữa chiếc ghế bành và chiếc bàn con. Trên ba chiếc bàn có hai tách trà cùng đĩa lót (của Harriet Sippel và Ida Gransbury) và ly rượu vang (của Richard Negus). Trong phòng của Ida Gransbury, phòng 317, trên cái bàn lớn gần cửa sổ có một chiếc khay với những đĩa trống cùng một tách trà và đĩa lót khác. Tách này cũng cạn queo. Không có gì trên các đĩa ngoại trừ vụn bánh.

“A ha,” Poirot thốt lên. “Vậy là trong phòng đó chúng ta có hai tách trà và nhiều chiếc đĩa. Cô Ida Gransbury đã đãi khách vào bữa tối, chắc chắn thế. Có thể cô ta đãi hung thủ. Nhưng tại sao chiếc khay vẫn còn đó trong khi các khay đều được lấy đi khỏi phòng của Harriet Sippel và Richard Negus?”

“Có thể vì họ không đặt thức ăn,” tôi nói. “Có thể họ chỉ muốn uống – trà và rượu vang – nên ngay từ đầu các khay đã được lấy đi khỏi phòng họ. Ida Gransbury cũng mang theo nhiều quần áo như hai người kia.” Tôi làm động tác chỉ về chiếc tủ đang chứa một lượng váy rất ấn tượng. “Nhìn kìa, số lượng quần áo cô ta mang theo thật kinh khủng, thậm chí không còn chỗ để chèn

thêm vào một chiếc váy lót. Chắc chắn cô ta muốn mình trông thật trang trọng.”

“Anh nói đúng,” Poirot nói. “Ông Lazzari bảo cả ba người họ đều đặt bữa tối, nhưng ta phải kiểm tra xem họ đã gọi chính xác những món gì. Poirot thì không thể nào giả định sai nếu như không bị Jennie làm trĩu nặng tâm trí – mà Jennie lúc này vẫn chưa biết ở đâu! Jennie cũng độ tuổi xấp xỉ ba người kia, tức từ bốn mươi đến bốn mươi lăm, tôi đoán thế.”

Tôi quay đi, mặc Poirot muốn làm gì thì làm với những cái miệng và khuy măng-xét. Trong khi ông tiến hành lục soát và thốt ra nhiều tiếng kêu, tôi nhìn vào lò sưởi, nhìn ra cửa sổ, tránh suy nghĩ về những cánh tay không bao giờ còn được cầm lên, tránh cả suy tư về trò chơi ô chữ của tôi cũng như việc nó sai trật ở đâu. Vài tuần nay, tôi đã cố sáng tạo một ván ô chữ đủ thú vị để có thể gửi đăng báo, nhưng không mấy thành công.

Sau khi chúng tôi rà soát xong cả ba căn phòng, Poirot đòi quay lại căn phòng ở tầng hai, tức phòng 238 của Richard Negus. Phải chăng càng vào các phòng này nhiều lần, tôi sẽ càng cảm thấy dễ dàng hơn? Tuy nhiên câu trả lời là không. Một lần nữa bước đi trong căn phòng của Negus, tôi cảm thấy như đang bắt chính mình phải leo lên ngọn núi hiểm nghèo nhất, lòng đoán chắc rằng sẽ thấy chơi vơi một khi lên đến đỉnh.

Poirot không hay biết gì về nổi u uất của tôi, do tôi đã che giấu rất hiệu quả, hy vọng thế. Ông đứng giữa phòng và nói:

“Bon. Đây là căn phòng khác biệt nhất so với các phòng kia, n'est-ce pas? Ida Gransbury có thêm chiếc khay và một tách trà

bổ sung trong phòng, đúng vậy, nhưng ở đây ta lại có ly rượu vang thay cho tách trà, và ở đây ta cũng có một cánh cửa sổ mở toang, trong khi ở hai phòng kia các cửa sổ đều đóng chặt. Phòng của ông Negus lạnh đến mức không chịu nổi.”

“Cửa sổ đã như thế khi ông Lazzari bước vào và thấy Negus chết,” tôi nói. “Mọi thứ đều tuyệt đối giữ nguyên trạng.”

Poirot bước đến cửa sổ để ngó. “Đây chính là cảnh quan tuyệt diệu mà ông Lazzari đã có nhã ý chỉ tôi xem, cảnh khu vườn của khách sạn. Phòng của Harriet Sippel và Ida Gransbury thì nhìn ra phía bên kia, hướng về ‘London trắng lệt’. Anh có thấy những gốc cây kia không, Catchpool?”

Tôi nói với ông rằng tôi thấy, lòng tự hỏi phải chăng ông muốn xỏ xiên tôi là một gã đại ngốc. Làm sao tôi có thể không thấy những gốc cây nằm lù lù ngay bên ngoài cửa sổ?

“Một sự khác biệt nữa ở đây là vị trí những chiếc khay măng-xét,” Poirot nói. “Anh nhận ra điều đó không vậy? Trong miệng của Harriet Sippel và Ida Gransbury, các khay măng-xét hơi ló ra khỏi môi. Trong khi đó chiếc khay măng-xét của Richard Negus thì nằm sâu hơn nhiều, hầu như đến tận đầu cuống họng.”

Tôi mở miệng toan phản đối, rồi đổi ý, nhưng đã quá muộn. Poirot bắt được những lý lẽ trong mắt tôi. “Có chuyện gì vậy?” ông hỏi.

“Tôi nghĩ ông hơi quá mô phạm,” tôi nói. “Cả ba nạn nhân đều có khay măng-xét trong miệng, chúng đều được khắc cùng một chữ *PIJ*. Đó là điểm chung. Không có điểm khác biệt. Khay măng-xét nằm ở gần chiếc răng nào thì có khác gì đâu.”

“Nhưng đó là khác biệt rất lớn! Đôi môi và đầu cuống họng... đâu phải là cùng một chỗ! Hoàn toàn không phải.” Poirot bước đến, đứng đối mặt với tôi. “Catchpool à, làm ơn hãy nhớ lấy điều mà tôi sắp nói với anh đây: Khi ba án mạng hầu như hoàn toàn tương đồng nhau, một chi tiết lệch lạc nhỏ nhất sẽ trở nên cực kỳ quan trọng.”

Tôi có phải nhớ những lời lẽ khôn ngoan này không, nếu như tôi không đồng ý với chúng? Poirot không cần phải lo lắng. Tôi nhớ hầu như từng lời ông nói ra những lúc tôi có mặt, và những lời khiến tôi giận dữ nhất cũng chính là những lời mà tôi nhớ rõ nhất.

“Trong miệng mỗi nạn nhân đều có một chiếc khuy măng-xét,” tôi lặp lại với một sự quả quyết bướng bỉnh. “Tôi chỉ cần biết vậy là đủ.”

“Điều đó thì tôi thấy rồi,” Poirot nói với vẻ ngán ngẩm. “Đủ với anh, đủ với hàng trăm người mà anh hỏi, và tôi tin rằng cũng đủ cả với các sếp của anh ở Scotland Yard nữa, nhưng với Hercule Poirot thì không đủ!”

Tôi phải tự nhắc nhở mình rằng ông đang nói về ý nghĩa của tương đồng và khác biệt, chứ không phải về cá nhân tôi.

“Anh nghĩ sao khi cửa sổ này để ngỏ trong khi cửa sổ hai phòng kia đều đóng?” ông hỏi. “Sự khác biệt đó có giá trị gì không?”

“Chuyện đó khó mà liên quan nhau,” tôi nói. “Richard Negus có thể đã tự mở. Chẳng có lý do nào hung thủ phải đóng lại cả. Chính ông cũng thường nói vậy mà, ông Poirot – người Anh

chúng tôi hay mở cửa sổ giữa giá rét mùa đông vì chúng tôi tin rằng điều đó tốt cho việc rèn luyện tính cách.”

“Mon ami,” Poirot kiên nhẫn nói, “hãy suy xét kỹ đi: có thể nào ba người đó uống thuốc độc rồi từ ghế bành của họ ngã xuống và nằm ngửa ra một cách tự nhiên, hai tay buông dọc thân, chân hướng ra cửa? Không thể nào vậy được. Tại sao không ai loạng choạng trong phòng? Tại sao không ai ngã khỏi ghế theo hướng ngược lại? Hung thủ đã sắp đặt tử thi để từng cái xác đều có cùng vị trí, cách quãng bằng nhau đến chiếc ghế và chiếc bàn nhỏ. Eh bien! Nếu hắn đã phải dụng tâm sắp đặt hiện trường ba án mạng cho giống hệt nhau, vậy cơ sao hắn lại không muốn đóng chiếc cửa sổ mà, đúng, có lẽ ông Richard Negus đã mở ra? Cơ sao hắn không đóng lại để làm cho nó đồng nhất với cửa sổ của hai căn phòng kia?”

Lẽ ra tôi phải nghĩ đến chuyện này. Poirot có lý: các tử thi đã được sắp đặt một cách cố tình. Hắn hung thủ muốn chúng trông như nhau.

Sắp đặt chẵn chu...

“Tôi nghĩ nó còn tùy vào việc ông chọn phạm vi nào để vạch khung hiện trường,” tôi nói vội trong khi cố lôi mình trở về từ căn phòng tắm tối nhất thuở ấu thơ. “Tùy vào việc ông có muốn mở rộng ra đến tận cửa sổ hay không.”

“Khung?”

“Phải. Không phải là khung thật mà là khung lý thuyết. Có lẽ khung của hung thủ cho tác phẩm của hắn không lớn hơn một hình vuông như thế này.” Tôi bước quanh thi thể của Richard

Negus, xoay mình khi cần xoay. “Ông hiểu chưa? Tôi vừa bước theo một khung quanh Negus, mà chiếc cửa sổ thì lại nằm bên ngoài khung đó.”

Poirot mỉm cười và cố giấu nụ cười đó sau bộ ria. “Một khung lý thuyết quanh nạn nhân. Có, tôi có hiểu. Hiện trường tội ác bắt đầu từ đâu và kết thúc tại đâu? Đó là một câu hỏi. Có thể nhỏ hơn căn phòng chứa nó không? Quả là một vấn đề hấp dẫn đối với các triết gia.”

“Cảm ơn ông.”

“Pas du tout. Catchpool, làm ơn cho tôi biết anh tin chuyện gì đã xảy ra tại khách sạn Bloxham tối hôm qua? Ta hãy tạm gác động cơ sang một bên. Hãy cho tôi biết anh nghĩ hung thủ đã làm gì. Đầu tiên, rồi kế tiếp, kế tiếp nữa, vân vân.”

“Tôi không có ý tưởng nào cả.”

“Cố nghĩ ra ý tưởng nào đi, Catchpool.”

“Thôi được... Tôi nghĩ hắn đến khách sạn với những chiếc khuy măng-xét trong túi, rồi lần lượt đến từng phòng của các nạn nhân. Có lẽ hắn bắt đầu từ phòng 317 của Ida Gransbury, rồi đi dần xuống để có thể rời khách sạn thật nhanh sau khi giết xong nạn nhân cuối cùng là Harriet Sippel ở phòng 121. Xuống thêm một tầng nữa là hắn có thể đào tẩu.”

“Và hắn làm gì trong ba căn phòng đó?”

Tôi thở dài. “Ông biết câu trả lời rồi mà. Hắn ra tay giết người và sắp đặt thi thể nạn nhân theo một đường thẳng. Hắn đặt vào miệng mỗi nạn nhân một chiếc khuy măng-xét. Rồi hắn đóng cửa, khóa lại và rời đi.”

“Và hắn đã được cho vào từng phòng mà không gặp phản kháng nào? Trong từng phòng, hắn được nạn nhân đợi sẵn với một món thức uống thuận tiện để hắn bỏ độc vào? Và những thức uống đó là do nhân viên của khách sạn bưng đến vào chính xác lúc 7 giờ 15? Hắn đứng bên nạn nhân, nhìn nạn nhân uống, và nán lại đôi chút để chờ nạn nhân chết? Rồi hắn bỗng dừng lại để dùng bữa tối với một nạn nhân, cô Ida Gransbury, cô ấy đã gọi thêm một tách trà nữa cho hắn? Tất cả những cuộc viếng thăm đó, những lần giết người, nhét khuy măng-xét vào miệng, sắp xếp rất cẩn chu các thi thể theo đường thẳng, chân hướng ra cửa... hắn có thể nào làm được trong khoảng thời gian từ 7 giờ 15 đến 8 giờ 10? Không thực tế, bạn tôi ạ, không thực tế chút nào cả.”

“Đúng vậy. Vậy ông có ý nào hay hơn không, ông Poirot? Ông ở đây vì lẽ đó mà... để cung cấp những ý tưởng hay hơn của tôi. Xin hãy bắt đầu bất cứ lúc nào ông muốn.” Vừa dứt câu tôi đã hối tiếc cơn bốc đồng của mình.

“Tôi bắt đầu từ lâu rồi,” Poirot nói, may thay không lộ vẻ khinh rẻ. “Anh nói hung thủ để lại mảnh giấy ở bàn lễ tân, thông báo về tội ác của hắn. Xin hãy cho tôi xem.”

Tôi lấy mảnh giấy đó ra từ trong túi, trao cho ông. John Goode, nhân vật hoàn hảo của ông Lazzari trong vai trò trưởng quầy lễ tân, đã tìm thấy nó trên bàn lễ tân vào lúc 8 giờ 10.

CẦU CHO HỌ KHÔNG BAO GIỜ YÊN NGHỈ: 121. 238. 317.

“Vậy ra tên hung thủ, hay tông phạm của hắn, đã trâng tráo đến mức dám tiếp cận cả bàn lễ tân với mảnh giấy có thể kết tội

hắn nếu như ai đó bắt gặp,” Poirot nói. “Hắn rất táo bạo và tự tin. Hắn không lẩn vào bóng tối bằng cách dùng cửa hậu.”

“Sau khi Luca Lazzari đọc tờ giấy, ông ta đã kiểm tra ba căn phòng và phát hiện các thi thể,” tôi nói. “Rồi ông ta kiểm tra tất cả các phòng khác trong khách sạn và rất tự hào thông báo với tôi điều đó. May thay, không thấy có vị khách nào khác bị chết.”

Tôi biết mình không nên có những lời thô lỗ, nhưng cách nói bốn cột này thế nào đó lại khiến tôi thấy dễ chịu hơn. Nếu Poirot là người Anh, có lẽ tôi sẽ ráng kiềm chế bản thân hơn.

“Và ông Lazzari có bao giờ nghĩ rằng một trong những vị khách còn sống của ông ta chính là hung thủ không nhỉ? Non. Ông ta không nghĩ vậy. ‘Bất kỳ ai chọn thuê phòng ở khách sạn Bloxham đều là người cực kỳ đạo đức và chính trực!’”

Tôi húng hắng, khẽ hắt đầu về hướng cửa. Poirot quay lại. Ông Lazzari vừa bước vào và đang đứng ở ngưỡng cửa. Ông ta trông sung sướng hơn bao giờ hết. “Rất đúng, rất đúng, thưa ông Poirot,” ông ta nói.

“Mọi người có mặt trong khách sạn hôm thứ năm đều phải nói chuyện với ông Catchpool và tường thuật mọi hoạt động của mình,” Poirot nghiêm nghị nói với ông ta. “Mọi khách trọ, tất cả nhân viên ở đây. Tất tật mọi người.”

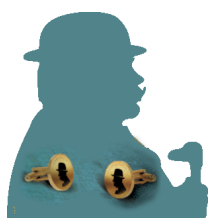
“Rất hân hạnh. Thưa ông Catchpool, ông có thể trao đổi với bất cứ người nào.” Ông Lazzari kính cẩn nghiêng mình. “Và phòng ăn của chúng tôi sẽ sớm thuộc toàn quyền sử dụng của ông, sau khi chúng tôi dọn dẹp xong bữa sáng... À, ông dặn sao nhỉ, khẩn trương tập hợp mọi người lại.”

“Merci. Trong khi chờ đợi, tôi sẽ kiểm tra kỹ ba căn phòng,” Poirot nói. Câu này khiến tôi ngạc nhiên. Tôi cứ tưởng chúng tôi vừa làm xong việc đó. “Catchpool, anh hãy tìm địa chỉ của Harriet Sippel, Ida Gransbury và Richard Negus. Hãy tìm hiểu xem ai trong khách sạn này là người đã nhận đặt món của họ, mỗi người họ đặt món ăn gì, thức uống gì tại phòng, và khi nào. Ai là người giao.”

Tôi bắt đầu hướng ra cửa, bụng lo rằng Poirot sẽ không bao giờ ngưng vẽ thêm những nhiệm vụ mới để bổ sung vào danh sách sẵn có của ông.

Ông gọi với theo tôi: “Nhớ tìm xem có ai tên Jennie ngụ tại khách sạn hay làm việc tại đây không nhé!”

“Không có Jennie nào làm việc tại đây cả, thưa ông Poirot,” Lazzari nói. “Thay vì hỏi ông Catchpool, ông có thể hỏi tôi. Tôi biết rõ tất cả mọi người ở đây. Tại khách sạn Bloxham này, chúng tôi là một gia đình lớn hạnh phúc!”



CHƯƠNG 4

KHUNG HIỆN TRƯỜNG MỞ RỘNG

Ta vẫn đôi khi cười thầm khi nhớ lại một việc mà ai đó đã nói từ nhiều tháng, thậm chí nhiều năm trước. Với tôi, điều này là rất đúng khi tôi nhớ lại lời Poirot vào thời điểm nào đó của ngày hôm ấy: “Ngay cả một thám tử mưu trí nhất cũng khó mà biết phải làm gì để thoát khỏi Signor Lazzari. Nếu ca tụng chưa đủ mức khách sạn của ông ta thì ông ta sẽ đứng kè kè và bổ túc bằng những lời ca tụng của chính ông ta. Còn nếu ca tụng dài dòng và thái quá thì ông ta sẽ trụ lại để lắng nghe.”

Nhưng những cố gắng của Poirot đã thành công, và cuối cùng ông đã thuyết phục được Lazzari cho ông tự xoay sở trong căn phòng 238. Ông bước đến cánh cửa mà người quản lý khách sạn để ngỏ, khép nó lại, và thở phào nhẹ nhõm. Dễ dàng suy nghĩ mạch lạc hơn biết bao khi không có những giọng nói lải nhải bên tai.

Ông tiến thẳng đến cửa sổ. Một cánh cửa ngỏ, ông nghĩ thế khi từ đó nhìn ra ngoài. Hung thủ có thể mở ra để trốn thoát sau khi giết Richard Negus. Hắn có thể theo gốc cây trèo xuống.

Sao lại phải trốn thoát theo cách đó nhỉ? Sao không đơn giản là bời phòng theo cách thông thường, tức sử dụng hành lang? Có thể hung thủ nghe có tiếng nói bên ngoài phòng Negus và không muốn chịu rủi ro bị nhìn thấy. Đúng, đó là một khả năng. Nhưng khi đi qua bàn lễ tân và thả mảnh giấy công bố ba vụ giết người, hắn cũng chịu rủi ro bị nhìn thấy vậy. Hơn thế nữa, hắn còn chịu rủi ro bị bắt quả tang để lại một bằng chứng buộc tội.

Poirot nhìn xuống thi thể trên sàn. Không có ánh kim loại nào giữa đôi môi. Richard Negus là người duy nhất trong ba nạn nhân có chiếc khuy măng-xét nằm sâu trong miệng. Thật bất thường. Quá nhiều thứ bất thường trong phòng này. Vì lý do đó Poirot quyết định lục soát căn phòng này trước tiên. Ông đã... đúng, không việc gì phải chối... ông đã nghi ngờ căn phòng này. Trong ba căn, ông ưu tiên hàng đầu cho căn này. Có gì đó hỗn độn ở đây, có gì đó hơi bất trắc.

Poirot chau mày đứng bên xác Negus. Ngay cả với những chuẩn mực chính xác của ông, một cánh cửa sổ để ngỏ vẫn chưa đủ để coi là hỗn độn. Vậy điều gì đã khiến ông có ấn tượng đó? Ông nhìn quanh, đánh một vòng thật chậm. Không, hắn ông đã lầm. Hercule Poirot ít khi lầm, nhưng điều đó thỉnh thoảng vẫn diễn ra, và trường hợp này hắn là thế, bởi lẽ không thể nào phủ nhận sự ngăn nắp của phòng 238. Không có sự xáo trộn nào cả. Nó cũng ngăn nắp như phòng của Harriet Sippel và Ida Gransbury.

‘Mình đóng cửa sổ thử xem có gì khác biệt không,’ Poirot tự nhủ. Ông đóng cửa sổ và theo dõi căn phòng. Có gì đó vẫn không

ổn. Ông không ưa phòng 238. Nếu đến trọ tại khách sạn Bloxham và được giới thiệu phòng này, ông sẽ không thoải mái...

Đột nhiên, câu trả lời bật ra, khiến cho những suy tư kết thúc một cách đột ngột. Cái lò sưởi! Một trong những viên gạch không được thẳng hàng. Nó nhô ra ngoài. Một viên gạch lỏng. Với chi tiết này, Poirot sẽ không chớp mắt được trong phòng. Ông nhìn thi thể của Richard Negus. “Nếu tôi ở hoàn cảnh như ông thì... Oui, nhưng chỉ giả dụ thôi đấy,” ông nói với xác chết.

Ý nghĩ duy nhất của ông khi khom xuống, chạm vào viên gạch là làm sao nắn cho nó thẳng lại và đẩy nó thụt trở vào, khớp với các viên khác. Để cứu các vị khách tương lai khỏi sự tra tấn khi biết có thứ gì đó không ổn trong căn phòng nhưng không thể nào nghĩ ra là thứ gì. Một việc làm thật hữu ích! Và có lợi cả cho Signor Lazzari nữa đấy!

Khi Poirot chạm vào, viên gạch rơi ra, và có thứ gì đó cũng rơi theo: một chiếc chìa khóa ghi số 238. “Sacré tonnere,” Poirot thì thầm. “Hóa ra cuộc lục soát thấu đáo đã chẳng hề thấu đáo.”

Poirot đặt lại chìa khóa vào nơi ông tìm ra nó, rồi bắt đầu xem xét những thứ khác trong phòng, từng inch, từng inch một. Ông không phát hiện gì thêm, nên chuyển sang phòng 317 rồi đến phòng 121, cũng là nơi mà tôi gặp lại ông sau khi đi loanh quanh và trở về với những tin tức đáng phấn khởi.

Poirot vẫn là Poirot. Ông đòi kể trước cho tôi nghe tin tức từ phía ông, về việc tìm ra chiếc chìa khóa. Tôi chỉ có thể nói rằng ở Bỉ, thái độ đó có lẽ không được xem là hề hảm. Trông ông cứ dương dương tự đắc.

“Anh thấy ý nghĩa của nó chưa, mon ami! Cánh cửa sổ để ngỏ không phải do Richard Negus mở ra. Nó được mở sau khi ông ta chết! Sau khi đã khóa cửa phòng 238 từ bên trong, hung thủ cần thoát ra. Hắn trèo qua gốc cây ngoài cửa sổ phòng ông Negussau sau khi giấu chìa khóa sau viên gạch bị lỏng chỗ lò sưởi. Có thể chính hắn đã làm nó lỏng ra.”

“Tại sao hắn không bỏ nó vào túi quần túi áo rồi mang đi, để lại một căn phòng bình thường?” tôi hỏi.

“Đó là câu hỏi mà tôi cũng đặt ra, và tạm thời vẫn chưa có lời giải,” Poirot nói. “Tôi tạm thời thỏa mãn với việc không có chiếc chìa khóa nào được giấu trong phòng 121 lẫn phòng 317. Nhưng nếu hung thủ đã mang theo hai chìa khóa đó khi rời khách sạn Bloxham thì tại sao không mang cả chiếc thứ ba? Tại sao hắn lại đối xử khác với Richard Negus?”

“Tôi chẳng có chút ý tưởng nào cả,” tôi nói. “Ông nghe đây, tôi đã trao đổi với trưởng quầy lễ tân John Goode...”

“Viên trưởng quầy lễ tân đáng tin cậy bậc nhất,” Poirot bổ sung với một tia giễu cợt trong ánh mắt.

“Vâng... Đáng tin hay không thì ông ta cũng đã mang đến một tin rất quan trọng. Ông đã có lý: ba nạn nhân có liên quan với nhau. Tôi đã xem địa chỉ của họ. Harriet Sippel và Ida Gransbury đều sống ở một nơi gọi là Thung lũng Culver.”

“Bon. Còn Richard Negus?”

“Ông ta sống ở Devon, một nơi có tên là Beaworthy. Nhưng ông ta cũng liên quan nốt. Ông ta là người đã đặt chỗ cho cả ba căn phòng – của Ida, Harriet và của chính ông ta – và ông ta đã

trả tiền trước cho cả ba.”

“Thật sao? Tôi thấy điều này thú vị đấy...” Poirot lẩm bẩm, vắn vê bộ ria mép.

“Phải nói là tôi thấy hơi rối,” tôi nói. “Rối rắm chủ yếu là: nếu đến từ cùng một làng và vào cùng một ngày thì tại sao Harriet Sippel và Ida Gransbury lại không đi cùng nhau? Tại sao họ không cùng nhau đến khách sạn? Tôi đã vặn John Goode nhiều lần mà ông ta vẫn cứ khẳng khẳng rằng Harriet đến trước Ida hai giờ vào hôm thứ tư... những hai giờ cơ đấy.”

“Còn Richard Negus?”

Tôi quyết từ đây sẽ nêu mọi chi tiết liên quan đến Negus ngay khi có cơ hội sớm nhất vì chỉ có cách đó mới khỏi phải nghe Poirot cứ lặp đi lặp lại “Còn Richard Negus?”

“Ông ta đến trước Harriet Sippel một giờ. Ông ta là người đến đầu tiên trong ba người, nhưng không phải John Goode tiếp ông ta mà là một nhân viên lễ tân tên Thomas Brignell. Tôi còn phát hiện ra cả ba nạn nhân đều đến London bằng tàu hỏa, chứ không phải bằng xe. Tôi không chắc ông có muốn biết điều đó không, nhưng...”

“Tôi phải biết mọi thứ,” Poirot nói.

Nguyện vọng rõ rệt của ông được phụ trách vụ án và tự mình điều tra vừa trêu tức nhưng cũng vừa trấn an tôi. “Khách sạn Bloxham có bố trí vài xe chuyên đón khách ở nhà ga,” tôi nói với ông. “Dịch vụ này không rẻ, nhưng họ rất thích được phục vụ cho khách. Ba tuần trước, Richard Negus đã thỏa thuận với John Goode về việc đưa xe của khách sạn đến đón ông ta, Harriet

Sippel và Ida Gransbury. Đón riêng rẽ, mỗi xe một người. Tất cả các khoản – cả phòng lẫn xe – đều được Negus thanh toán trước.”

“Tôi đang thắc mắc không biết ông ta có giàu không,” Poirot nói ra suy nghĩ. “Những vụ giết người rất hay xuất phát từ vấn đề tiền bạc. Nay khi ta đã biết hơn đôi chút, anh nghĩ sao hả Catchpool?”

“Thì...” ông đã hỏi thì tôi cũng quyết thử một phen. Poirot luôn chủ trương phải tưởng tượng điều gì có thể xảy ra, vậy thì tôi sẽ dựng lên lý thuyết của tôi, vận dụng những sự kiện để làm cơ sở. “Richard Negus hẳn phải biết cả ba chuyến đến vì ông ta là người đặt và trả tiền các phòng, nhưng có lẽ Harriet Sippel không biết Ida Gransbury cũng đang đến Bloxham, và Ida không biết rằng Harriet đang đến.”

“Oui, c’est possible.”

Được khích lệ, tôi tiếp tục: “Có lẽ trong kế hoạch của hung thủ, điều quan trọng là cả Ida lẫn Harriet đều không được biết về sự hiện diện của nhau. Nhưng nếu vậy, và nếu Richard Negus biết ông ta và hai người phụ nữ sẽ là khách ở Bloxham...” Những ý tưởng đang ngon trớn của tôi chợt cạn kiệt ở đó.

Poirot đỡ lời: “Anh bạn ơi, dòng suy nghĩ của chúng ta đang đi theo những con đường tương tự nhau. Phải chăng Richard Negus là đồng phạm vô tình cho cái chết của chính ông ta? Có lẽ hung thủ đã thuyết phục ông ta dụ dỗ các nạn nhân đến khách sạn Bloxham vì một lý do nào khác, trong khi đó hắn lại lên kế hoạch giết chết cả ba người. Vấn đề đặt ra là: việc Ida và Harriet

không được biết về sự hiện diện của nhau tại khách sạn, vì lý do nào đó, liệu có phải là một mấu chốt? Và nếu nó là mấu chốt thì mấu chốt cho Richard Negus, hay cho hung thủ, hay cho cả hai?”

“Lẽ nào Richard Negus có một kế hoạch và hung thủ có kế hoạch khác?”

“Chắc vậy rồi,” Poirot nói. “Điều kế tiếp là phải tìm ra tất cả mọi thông tin về Harriet Sippel, Richard Negus và Ida Gransbury. Họ là ai khi còn sống? Những hoài vọng, những buồn đau, những bí mật của họ là gì? Làng Great Holling sẽ là nơi chúng ta tìm kiếm những câu trả lời. Có thể chúng ta sẽ tìm được cả Jennie ở đó, và cả *PIJ*, *le mystérieux* nữa!”

“Không có khách nào ở đây tên Jennie, cả lúc này lẫn tối qua. Tôi đã kiểm tra rồi.”

“Tôi cũng nghĩ là không có. Cô phục vụ Fee Spring cho tôi biết Jennie sống trong ngôi nhà ở đầu bên kia thành phố tính theo quán cà phê Pleasant. Có nghĩa là ở London chứ không phải Devon hay Thung lũng Culver. Jennie không cần thuê phòng ở khách sạn Bloxham nếu cô ta sống ở ngay ‘đầu bên kia thành phố’.”

“À, Henry Negus, em của Richard Negus, đang trên đường từ Devon tới. Richard Negus sống cùng Henry và gia đình ông ta. Tôi cũng đã cử vài nhân viên tốt nhất lần lượt phỏng vấn tất cả các khách trọ.”

“Anh làm việc rất hiệu quả, Catchpool ạ.” Poirot vỗ cánh tay tôi.

Tôi cảm thấy buột lòng phải xin lời khuyên của Poirot về một

thất bại của mình. “Chuyện về các bữa ăn phục vụ tại phòng xem chừng rất khó chốt,” tôi nói. “Tôi không tìm được bất cứ ai cụ thể tham gia vào việc nhận đặt món và giao tận phòng. Có gì đó nhập nhằng trong chuyện này.”

“Đừng lo,” Poirot nói. “Tôi sẽ chốt lại những gì cần thiết khi chúng ta tập hợp ở phòng ăn. Trong khi chờ đợi, ta hãy cùng đi dạo một vòng quanh khu vườn của khách sạn. Biết đâu một cuộc đi dạo nhẹ nhàng lại khơi dậy cho chúng ta ý tưởng mới nào đó.”



Ra đến bên ngoài, Poirot bắt đầu ca cẩm về thời tiết, vốn quả thật đang xấu đi. “Chúng ta trở vào trong nhé,” tôi gợi ý.

“Không, không. Chưa phải lúc này. Thay đổi môi trường cũng tốt cho các tế bào xám nhỏ nhỏ mà, và có lẽ cây cối cũng sẽ che bớt gió. Tôi vốn không sợ lạnh, nhưng lạnh cũng có loại tốt loại xấu, mà hôm nay lại là lạnh xấu.”

Chúng tôi dừng lại khi ra đến cổng vườn của khách sạn Bloxham. Luca Lazzari đã không cường điệu về vẻ đẹp của nó, tôi nghĩ vậy khi nhìn hàng cây đoan xoắn. Đầu bên kia là những bụi cây được cắt tỉa một cách nghệ thuật nhất, khắp London chẳng đâu bằng. Đó là một toà thiên nhiên không chỉ bị chế ngự mà còn bị cưỡng bức phục tùng. Dù gió rét, khung cảnh đó vẫn cực kỳ thích mắt.

“Thế nào?” tôi hỏi Poirot. “Chúng ta vào trong chưa?” Sẽ rất dễ

chịu khi bước trên lối đi xanh giữa những hàng cây. ‘Đích thực phong cách La Mã,’ tôi nghĩ.

“Tôi không biết.” Poirot chau mày. “Thời tiết này...” Ông rùng mình.

“... sẽ còn kéo dài. Căn vườn khó mà tránh được,” tôi hoàn tất câu nói của ông với đôi chút sốt ruột. “Ông Poirot, chúng ta chỉ có thể ở một trong hai nơi: bên trong hoặc bên ngoài khách sạn. Ông muốn nơi nào?”

“Tôi có một ý tưởng hay hơn!” ông đắc thắng tuyên bố. “Chúng ta sẽ đón xe buýt!”

“Xe buýt? Đi đâu cơ chứ?”

“Chẳng đi đâu cả, hay là đi đâu đó! Không quan trọng. Chúng ta sẽ sớm leo ra khỏi xe buýt và trở về trên một xe buýt khác. Đi xe buýt sẽ giúp ta thay đổi khung cảnh mà không bị lạnh. Nào! Chúng ta sẽ ngắm thành phố qua kính xe. Ai biết được chúng ta sẽ quan sát được gì?” Ông quả quyết lên đường.

Tôi lắc đầu đi theo. “Ông đang nghĩ đến Jennie, đúng không?” tôi hỏi. “Rất khó có khả năng chúng ta tìm được cô ta...”

“Nhiều khả năng hơn so với đứng đây và nhìn ngắm cỏ cây!” Poirot khẳng định nói.



Mười phút sau chúng tôi đã chen chúc trong một chiếc xe buýt với cửa sổ mờ sương đến mức nhìn qua không thể thấy được gì.

Dùng khăn để lau cũng chẳng có tác dụng.

Tôi định nói chút lý lẽ với Poirot. “Về Jennie...” tôi mở lời.

“Oui?”

“Cô ta có thể đang gặp nguy, nhưng, thực sự, cô ta chẳng liên quan gì đến vụ án ở Bloxham cả. Chẳng có chứng cứ nào cho thấy cô ta liên quan. Hoàn toàn không!”

“Tôi không đồng ý đâu, bạn tôi ạ,” Poirot rầu rầu nói. “Tôi tin tưởng vào mối liên hệ đó hơn bao giờ hết.”

“Thế ư? Chết tiệt! Ông Poirot, tại sao chứ?”

“Vì hai vụ việc này có chung nhau hai yếu tố cực kỳ bất thường...”

“Yếu tố gì vậy?”

“Chúng sẽ đến với anh, Catchpool ạ. Thật ra chúng không thể không đến, chỉ cần anh chịu mở đầu ra và suy nghĩ những thứ anh đã biết.”

Trên hàng ghế phía sau, một bà mẹ già và cô con gái tuổi trung niên đang tranh cãi về sự khác biệt giữa bột nhồi tốt và bột nhồi cực tốt.

“Anh đã nghe thấy chưa, Catchpool?” Poirot thì thào. “Difference! Chúng ta đừng tranh cãi về sự tương đồng mà hãy tranh cãi về sự khác biệt. Đó là điều sẽ chỉ ra cho chúng ta tên hung thủ.”

“Khác biệt nào cơ?” tôi hỏi.

“Giữa hai vụ giết người ở khách sạn so với vụ thứ ba. Tại sao các tình huống chi tiết lại khác biệt đến thế trong trường hợp

Richard Negus? Tại sao hung thủ lại khóa cửa từ bên trong căn phòng thay vì từ bên ngoài? Tại sao hắn giấu chìa khóa sau viên gạch lỏng thay vì mang theo? Tại sao hắn lại mượn gốc cây, đi bằng lối cửa sổ chứ không đường đường chính chính đi theo hành lang? Thoạt đầu, tôi cứ nghĩ hắn nghe có tiếng người nói ngoài hành lang nên sợ là bị bắt gặp lúc ra khỏi phòng ông Negus.”

“Cũng có lý đấy chứ,” tôi nói.

“Non. Không có lý đâu.”

“Ồ. Tại sao không?”

“Vị trí khác biệt của chiếc khuy măng-xét trong miệng của Richard Negus: nó nằm sâu trong miệng, gần cuống họng, thay vì giữa đôi môi.”

Tôi rên rỉ. “Đừng vậy nữa mà. Tôi thực sự không nghĩ...”

“A! Đợi đã, Catchpool. Chúng ta hãy xem...”

Chiếc xe buýt dừng lại. Poirot ngoái cổ nhìn những hành khách mới bước lên xe rồi thở dài khi hành khách cuối cùng là một người đàn ông mảnh khảnh khoác bộ đồ bằng vải len, có lông tai nhiều hơn cả tóc ở trên đầu.

“Ông thất vọng vì không có Jennie,” tôi nói. Tôi nghĩ mình cần nói điều đó ra thành lời thì mới tin nổi đó là sự thật.

“Non, mon ami. Anh chỉ đúng về mặt tình cảm thôi, chứ không đúng về mặt nguyên do. Tôi cảm thấy thất vọng khi nghĩ rằng trong một thành phố énorme như London này, tôi khó gặp lại Jennie. Thế mà... tôi vẫn cứ hy vọng.”

“Dù ông nói suốt về các phương pháp khoa học, ông vẫn cứ là một người mơ mộng, đúng không ông?”

“Anh tin hy vọng là kẻ thù của khoa học chứ không phải là động lực sao? Nếu thế thì tôi không đồng ý đâu, cũng giống như tôi không đồng ý với anh về chiếc khuy măng-xét vậy. Trường hợp Richard Negus là một khác biệt đáng kể so với hai người phụ nữ kia. Việc hung thủ nghe thấy có người nói ngoài hành lang và muốn tránh bị bắt gặp không thể giải thích cho sự khác biệt về vị trí chiếc khuy măng-xét trong miệng ông Negus,” Poirot nói. “Do đó phải có một cách giải thích nào khác. Chừng nào chưa giải thích được thì ta không thể biết cái gì khác biệt trong việc cửa sổ để ngỏ, chiếc chìa khóa giấu trong phòng và cửa khóa từ bên trong.”

Có những vụ việc – và chắc chắn không chỉ những vụ có Hercule Poirot dính vào – có lúc ta bắt đầu cảm thấy nói với mình là dễ chịu hơn, mà cũng không kém phần hiệu quả, và ta bỏ qua mọi nỗ lực giao tiếp với thế giới bên ngoài.

Ở trong đầu, tôi lẳng lặng đưa ra lập luận như sau, dành cho những thính giả nhảy cảm và biết tán thưởng của riêng tôi: chiếc khuy măng-xét nằm ở vị trí hơi khác biệt trong miệng của Richard Negus tuyệt đối chẳng có gì quan trọng. Miệng vẫn là miệng, chẳng có gì khác biệt. Trong đầu hung thủ, hẳn chỉ muốn làm cùng một điều như nhau cho cả ba nạn nhân: cạy miệng họ và đặt vào đó những chiếc khuy măng-xét vàng có khắc chữ.

Tôi không thể nghĩ ra cách lý giải nào cho việc giấu chìa khóa sau viên gạch lỏng. Sẽ nhanh chóng và thuận lợi hơn cho hung

thủ nếu hắn đem theo hoặc vứt xuống thảm sau khi lau sạch dầu vân tay.

Phía sau chúng tôi, bà mẹ và cô con gái đã cạn kiệt với chủ đề bột nhồi và chuyển sang chuyện dầu mỡ.

“Chúng ta phải tính đường quay về khách sạn thôi,” Poirot nói.

“Nhưng chúng ta chỉ mới vừa lên xe buýt thôi mà!” tôi phản đối.

“Oui, c’est vrai, nhưng chúng ta không muốn đi quá xa Bloxham. Chẳng mấy nữa chúng ta đã phải có mặt ở phòng ăn.”

Tôi chậm chậm thở ra, biết rằng sẽ vô ích nếu hỏi vì sao ông lại nói như thế trong khi chính ông là người đòi đi khỏi khách sạn.

“Chúng ta phải ra khỏi xe này và bắt một chiếc khác,” ông nói. “Có thể xe kế tiếp sẽ nhìn ra đường dễ hơn.”



Poirot không thấy dấu vết nào của Jennie. Dù sửng sốt trước sự trông đợi của ông, tôi vẫn bắt gặp vài khung cảnh thú vị khiến một lần nữa tôi nhận ra vì sao mình yêu London: một anh chàng trong trang phục thẳng hờ đang diễn trò tung hứng vụng về chưa từng thấy, thế mà người đi đường vẫn cứ thả tiền xu vào chiếc nón đặt dưới chân anh ta. Những khung cảnh khác là con chó xù có khuôn mặt y hệt một chính khách nổi tiếng, và một gã lang thang ngồi bên lề đường, cạnh chiếc vali mở toang – hắn

lấy thực phẩm từ trong đó ra ăn cứ như thể đó là cửa hàng ăn uống di động vậy.

“Coi kìa, ông Poirot,” tôi nói. “Gã kia không màng đến cái lạnh. Hắn sung sướng cứ như mèo gặp mỡ vậy. Gã lang thang thích bánh kem, tôi sẽ gọi hắn là thế. Ông Poirot, nhìn con chó kìa. Nó có làm ông nghĩ đến ai không? Một nhân vật nổi tiếng. Nào, ông nhìn đi, chắc chắn ông sẽ nhận ra thôi.”

“Catchpool,” Poirot nghiêm khắc nói. “Đứng dậy đi, nếu không chúng ta sẽ lỡ chuyến đây. Anh cứ toàn nhìn đâu đâu, tìm thứ gì vui nhộn.”

Tôi đứng dậy. Khi ra khỏi xe buýt, tôi nói: “Chính ông là người lôi tôi vào cuộc dạo chơi London vô nghĩa này. Ông không thể trách tôi ngấm nhìn những điều thú vị.”

Poirot dừng bước. “Anh nói đi, tại sao anh không chịu xem xét ba tử thi trong khách sạn? Điều gì khiến anh không chịu đứng nổi khi quan sát?”

“Chẳng có gì đâu. Tôi xem kỹ các tử thi chẳng kém gì ông. Thực sự, tôi đã xem rất kỹ trước khi ông tham gia vào.”

“Nếu anh không muốn bàn việc đó thì cứ nói thẳng với tôi là được mà, mon ami.”

“Có gì mà bàn đâu. Tôi chưa từng thấy ai thích nhìn xác chết lâu hơn mức cần thiết. Chỉ thế thôi.”

“Non,” Poirot điềm tĩnh nói. “Không phải chỉ có thế.”

Thú thật, tôi cũng muốn thổ lộ cùng ông lắm, nhưng chẳng hiểu sao tôi lại không làm vậy. Ông ngoại tôi mất khi tôi mới lên

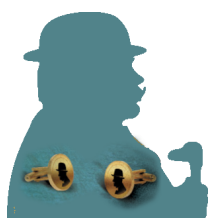
năm. Ông hấp hối rất lâu trong một căn phòng ở nhà tôi. Tôi không thích ngày nào cũng phải thăm hỏi ông trong căn phòng đó, nhưng cha mẹ tôi thì cứ khẳng khẳng rằng việc đó là rất quan trọng với ông, cho nên tôi đã tuân theo để chiều lòng cha mẹ. Và cũng vì ông của tôi nữa. Tôi nhìn da của ông dần dần chuyển màu vàng, nghe hơi thở ông ngày một yếu ớt, thấy mắt ông ngày một đờ đẫn. Lúc đó tôi không nghĩ là tôi sợ, nhưng tôi vẫn nhớ cái cảnh ngồi đếm từng giây để được ra ngoài, được khép cửa lại phía sau và không phải nhắm đếm thời gian nữa.

Khi ông ngoại tôi mất, tôi cảm thấy như thoát khỏi ngục tù, như sống lại. Ông tôi sẽ được mang đi, và sẽ không còn cái không khí chết chóc trong nhà. Rồi mẹ bảo tôi đến chào ông lần cuối trong phòng. Mẹ sẽ đi cùng tôi, bà nói thế. Mọi thứ sẽ ổn cả.

Bác sĩ đã sắp đặt thi thể ông. Mẹ giải thích cho tôi việc sắp đặt thi thể người chết. Tôi đếm từng giây trong im lặng. Nhiều giây hơn thường lệ. Ít nhất là một trăm ba mươi giây tôi đã đứng bên mẹ, nhìn thân hình bất động và teo tóp của ông ngoại. “Cầm tay ông đi, Edward,” mẹ bảo tôi. Khi tôi nói không muốn cầm, mẹ khóc òa lên cứ như thể sẽ chẳng bao giờ nín được.

Cho nên tôi đã cầm bàn tay xương xẩu của ông ngoại. Hơn hết mọi điều, tôi chỉ muốn buông xuống và bỏ chạy, nhưng tôi đã giữ tay ông cho đến khi mẹ thôi khóc và bảo rằng hai mẹ con tôi có thể đi xuống nhà.

Cầm tay ông đi Edward. Cầm tay ông đi.



CHƯƠNG 5

CUỘC THĂM VẤN TRĂM NGƯỜI

Khi cùng Poirot bước vào phòng ăn của khách sạn Bloxham, tôi hầu như chẳng để ý đến đám đông đang tề tựu tại đó. Căn phòng ấn tượng đến mức tôi không khỏi xao lãng trước vẻ hoành tráng của nó. Tôi dừng lại ở ngưỡng cửa, ngó lên trần cao chót vót, với những hoa văn, những biểu tượng và điêu khắc tráng lệ. Thật kỳ khôi khi tưởng tượng những con người đang ăn những món tầm thường nhất như bánh mì nướng hay mứt cam – thậm chí có lẽ chẳng màng nhìn lên khi đập trứng luộc – tại những chiếc bàn bên dưới một kiệt tác nghệ thuật cỡ đó.

Tôi đang cố tìm hiểu toàn bộ thiết kế và mối liên kết giữa các phần khác nhau của trần nhà thì Luca Lazzari phiến muộn bước nhanh về phía tôi. Bằng một lời than thở, ông làm gián đoạn sự thán phục của tôi trước vẻ đối xứng đầy nghệ thuật ở trên đầu.

“Ông Catchpool, ông Poirot, tôi xin có lời cáo lỗi chân thành nhất! Tôi đã quá nôn nóng muốn tương trợ công việc quan trọng của các ông, vì vậy đã có chút sơ suất! Các ông biết đấy, tôi chỉ biết nghe báo cáo và nỗ lực ban đầu của tôi nhằm kiểm chứng

chúng đã bắt thành. Tôi phải chịu trách nhiệm về sự ngu muội của mình, chứ không phải ai khác cả. A...”

Ông Lazzari chột ngừng bật và ngoái nhìn hàng trăm con người, cả nam lẫn nữ, trong gian phòng. Rồi ông dịch sang trái để án ngữ ngay trước Poirot, ưỡn ngực ra cùng một động tác chống nạnh hai tay, trông khá là buồn cười. Tôi nghĩ ông đang hy vọng che giấu toàn bộ đám nhân viên của mình trước đôi mắt không hài lòng của Poirot, cứ như thể nếu họ không bị trông thấy thì không thể trách cứ họ điều gì.

“Ông phạm sai lầm gì vậy, Signor Lazzari?” Poirot hỏi.

“Một sai lầm nghiêm trọng! Ông đã nhận định rằng điều đó là không thể, và ông đã có lý. Nhưng tôi mong ông hiểu cho rằng những nhân viên xuất sắc của tôi, hiện đang ở trước mặt ông đây, đã nói với tôi sự thật, và chính tôi đã bẻ cong sự thật đó, nhưng tôi không hề cố ý!”

“Je comprends. Bây giờ, để sửa chữa sai lầm đó thì...?” Poirot khấp khởi hỏi.

Trong khi đó, các nhân viên “xuất sắc” ngồi im lặng quanh những chiếc bàn tròn lớn, chăm chú nghe từng lời. Tâm trạng chung khá u ám. Tôi dò xét nhanh các khuôn mặt và không tìm được nụ cười nào.

“Tôi đã thưa cùng ông rằng ba vị khách quá cố đã đặt bữa tối riêng rẽ nhau tại phòng họ vào lúc 7 giờ 15 tối qua,” Lazzari nói. “Điều đó không đúng! Ba vị đó đã tụ tập cùng nhau! Họ dùng chung bữa tối! Cả ba cùng tề tựu trong một phòng, phòng 317 của cô Ida Gransbury. Một người phục vụ, chứ không phải ba, đã

thấy họ lần cuối cùng còn sống vào lúc 7 giờ 15. Ông thấy chưa, thưa ông Poirot? Không có trùng hợp lớn nào cả mà chỉ là chuyện thường tình: ba vị khách dùng bữa tối trong cùng một phòng!”

“Bon.” Poirot có vẻ hài lòng. “Nghe có lý đấy. Và người phục vụ đó là ai vậy?”

Một người đàn ông béo tốt, đầu hói đứng bật dậy. Ông ta trạc năm mươi, có cả cái xu hướng dễ kích động lẫn đôi mắt râu rĩ của giống chó Basset.

“Là tôi đây ạ,” ông ta nói.

“Ông tên gì?”

“Rafal Bobak, thưa ông.”

“Ông phục vụ bữa tối cho bà Harriet Sippel, cô Ida Gransbury và ông Richard Negus tại phòng 317 vào lúc 7 giờ 15 tối qua?” Poirot hỏi ông ta.

“Không phải bữa tối ạ,” Bobak nói. “Là bữa trà chiều. Chính là ông Negus đã đặt đấy ạ. Bữa trà chiều vào giờ ăn tối. Ông ta hỏi như vậy có được không, hay tôi muốn ép họ phải dùng thứ mà ông ta gọi là ‘kiểu bữa tối thịnh soạn’. Ông ta bảo tôi rằng ông ta và các bạn bè của ông đã thống nhất với nhau họ không hào hứng lắm với kiểu bữa tối đó. Ông ta bảo họ thích dùng bữa trà chiều hơn. Tôi nói ông ta muốn bất cứ gì chúng tôi đều phục vụ cả, thưa ông. Ông ta đặt món bánh mì kẹp – thịt nguội, phô mai, cá hồi và dưa chuột – và một lô các loại bánh ngọt. Và cả bánh nướng nữa ạ, với mứt và kem, thưa ông.”

“Còn thức uống?” Poirot hỏi.

“Trà, thưa ông. Cho cả ba người họ.”

“D'accord. Và rượu vang cho Richard Negus nữa chứ?”

Rafal Bobak lắc đầu. “Không ạ. Rượu vang thì không. Ông Negus không đặt rượu vang. Tôi không mang ly rượu vang nào lên phòng 317 cả.”

“Ông chắc chứ?”

“Chắc chắn, thưa ông.”

Tôi cảm thấy khó chịu khi hiện diện trước ngằn ấy cặp mắt, và khổ sở nhận ra rằng cho đến tận lúc đó tôi vẫn chưa hề đặt ra câu hỏi nào. Để Poirot dẫn dắt màn trình diễn cũng chẳng sao, nhưng nếu tôi không tham gia vào thì yếu kém quá. Tôi hắng giọng, nói với cả phòng: “Có ai trong các vị đem tách trà đến phòng 121 của bà Harriet Sippel vào thời điểm nào đó? Hay đem rượu vang đến cho ông Richard Negus? Hoặc là vào hôm qua, hoặc vào hôm thứ tư trước đó một ngày?”

Những chiếc đầu lắc tới tấp. Trừ phi có ai đó nói dối, có vẻ như lần phục vụ đồ ăn tại phòng duy nhất đến ba căn phòng này chính là bữa-trà-thay-bữa-tối của Rafal Bobak tại phòng 317 lúc 7 giờ 15 tối thứ năm.

Tôi cố sắp xếp mạch lạc những suy nghĩ trong đầu: tách trà trong phòng của Harriet Sippel không có vấn đề gì. Đó hẳn là một trong ba tách trà mà Bobak bưng đến, dù chỉ có hai tách được tìm thấy trong phòng của Ida Gransbury sau các án mạng. Nhưng ly rượu vang đã đến phòng của Richard Negus bằng đường nào, nếu không phải do phục vụ bưng đến?

Phải chăng hung thủ đã đến Bloxham với một ly Harvey's

Bristol Cream trong tay, còn trong túi thì chứa thuốc độc và đầy ắp khuy măng-xét có khắc chữ? Nghe có vẻ khó tin.

Poirot hình như cũng đang tập trung vào vấn đề này. “Tôi sẽ hỏi thật rõ: trong các ông có ai đem rượu vang đến cho ông Richard Negus không, hoặc là tại phòng ông ta, hoặc là tại nơi nào khác trong khách sạn?”

Lại thêm những cái lắc đầu.

“Signor Lazzari, làm ơn cho tôi biết, chiếc ly tìm thấy trong phòng ông Negus có phải là tài sản của khách sạn Bloxham không?”

“Có đấy ạ, thưa ông Poirot. Chuyện này rất khó hiểu. Theo tôi, có thể cậu phục vụ vắng mặt hôm nay đã bưng rượu vang đến cho ông Negus hôm thứ năm hay thứ tư, nhưng mọi người ở đây đều có mặt vào những ngày đó.”

“Quả là khó hiểu, như ông nói,” Poirot tán thành. “Ông Bobak, xin ông cho chúng tôi biết điều gì đã xảy ra khi ông đưa bữa tối—trà chiều đến phòng của cô Ida Gransbury.”

“Tôi đặt mọi thứ lên bàn rồi đi ra ngay, thưa ông.”

“Cả ba người đều có mặt trong phòng chứ? Bà Sippel, cô Gransbury và ông Negus ấy mà?”

“Dạ vâng, thưa ông.”

“Ông thử mô tả khung cảnh xem nào?”

“Khung cảnh nào ạ, thưa ông?”

Thấy Rafal Bobak có vẻ rồi, tôi xen vào: “Ai trong số họ là người ra mở cửa?”

“Ông Negus ra mở cửa ạ.”

“Và hai người phụ nữ lúc đó đang ở đâu?” tôi hỏi.

“Ồ, họ lúc đó đang ngồi nói chuyện với nhau trên hai chiếc ghế gần lò sưởi. Tôi không giao tiếp gì với họ, chỉ trao đổi với mỗi mình ông Negus thôi. Tôi đặt đồ lên chiếc bàn gần cửa sổ rồi đi ra, thưa ông.”

“Ông có nhớ hai người phụ nữ lúc đó đang nói chuyện gì không?” Poirot hỏi.

Bobak cup mắt xuống. “Vâng thì...”

“Điều này rất quan trọng. Mọi chi tiết mà ông kể cho chúng tôi về ba vị khách đó đều rất quan trọng.”

“Vâng thì... họ hơi cay nghiệt, thưa ông. Lại còn cười cợt nữa.”

“Ý ông là họ có ác ý? Như thế nào nhỉ?”

“Một trong hai người họ là vậy. Còn ông Negus thì hình như thấy chuyện đó là thú vị. Họ đang nói gì đó về một người phụ nữ và một người đàn ông trẻ. Đó không phải là việc của tôi nên tôi không chú tâm nghe.”

“Ông có nhớ cụ thể họ nói những gì không? Sự cay nghiệt của họ chĩa vào ai?”

“Tôi không thể nói chắc được, thưa ông. Hình như họ châm chọc một phụ nữ lớn tuổi vì đã yêu một anh chàng trẻ tuổi. Đó là cảm tưởng của tôi thôi. Với tôi, có vẻ là một câu chuyện ngồi lê đôi mách.”

“Này ông,” Poirot nói bằng một giọng uy quyền nhất, “nếu tình cờ ông nhớ ra điều gì khác về cuộc trò chuyện đó, bất cứ điều gì,

xin hãy thông báo cho chúng tôi ngay tức khắc.”

“Vâng, thưa ông. Tôi chợt nhớ ra, anh chàng trẻ tuổi hình như đã bỏ người phụ nữ lớn tuổi để ra đi với một phụ nữ khác. Quả là một câu chuyện tán gẫu vắn vơ.”

“Vậy thì...” Poirot bắt đầu sải bước dọc ngang căn phòng. Thật kỳ lạ khi thấy hơn một trăm cái đầu chậm chậm xoay qua rồi xoay lại, theo hướng bước chân của ông. “Chúng ta có Richard Negus, Harriet Sippel và Ida Gransbury – một nam và hai nữ – ở phòng 317, đang xúc xiểm một nam và hai nữ khác!”

“Nhưng điều đó thì có ý nghĩa gì, ông Poirot?” tôi hỏi.

“Có thể chẳng có ý nghĩa gì cả. Chỉ thú vị thôi. Việc tán gẫu vắn vơ, sự cười cợt, bữa trà chiều thay bữa tối... Điều đó nói với chúng ta rằng ba nạn nhân không hề xa lạ mà có quen biết nhau, dù họ không hề biết số phận sẽ sớm quay lưng lại với họ.”

Một chuyển động bất chợt khiến tôi giật mình. Ở chiếc bàn ngay đối diện Poirot và tôi, một anh chàng tóc đen, khuôn mặt trắng bệch, bật dậy khỏi ghế như bị khai hỏa bên dưới. Nếu khuôn mặt anh ta không đông cứng vì sợ hãi thì tôi hẳn đã nghĩ anh ta đang nôn nóng nói ra điều gì đó.

“Đây là ông Thomas Brignell, một trong các nhân viên lễ tân của chúng tôi,” Lazzari chìa tay ra để giới thiệu anh ta.

“Họ còn hơn cả quen biết nhau nữa ạ, thưa ông,” Brignell thều thào sau một khoảng im lặng dài. Giọng anh ta quá nhỏ, không ai ngồi phía sau nghe rõ anh nói gì. “Họ là những người bạn thân. Họ biết nhau rất rõ.”

“Dĩ nhiên họ là bạn bè thân thiết!” Lazzari tuyên bố với cả

phòng. “Họ đã dùng bữa cùng nhau!”

“Nhiều người vẫn dùng bữa hàng ngày với những kẻ họ căm ghét,” Poirot nói. “Làm ơn nói tiếp đi, ông Brignell.”

“Khi tôi gặp ông Negus tối qua, ông tỏ ra quan tâm đến hai bà kia như một người bạn thân,” Thomas Brignell thều thào nói.

“Ông đã gặp ông ta?” tôi hỏi. “Khi nào? Ở đâu?”

“Lúc 7 giờ 30, thưa ông.” Anh ta trở vào cánh cửa đôi của phòng ăn. Tôi để ý thấy cánh tay anh ta đang run rẩy. “Ngay ngoài cánh cửa đó. Tôi bước ra và thấy ông ta đang đi về hướng thang máy. Ông ta thấy tôi bèn dừng lại, gọi tôi đến. Tôi đoán ông ta đang về phòng.”

“Ông ta nói gì với ông?” Poirot hỏi.

“Ông ta... ông ta yêu cầu tôi đảm bảo bữa ăn được tính cho ông ta chứ không phải hai vị kia. Ông ta nói ông ta mới có khả năng trang trải chứ bà Sippel và cô Gransbury thì không.”

“Ông ta chỉ nói có thế?”

“Vâng.” Brignell có vẻ sắp lả đi nếu bị buộc phải trả lời thêm câu nào.

“Cảm ơn ông Brignell,” tôi cố gắng tỏ ra thật nồng nhiệt. “Ông đã giúp chúng tôi rất nhiều.” Lập tức, tôi cảm thấy có lỗi vì đã không cảm ơn Rafal với cùng cách tương tự, cho nên tôi bổ sung: “Ông cũng thế, ông Bobak. Và tất cả mọi người nữa.”

“Catchpool,” Poirot thì thào. “Hầu hết mọi người trong phòng này chưa hề nói gì cả.”

“Họ đã lắng nghe chăm chú và vắt óc suy nghĩ về những vấn

đề đặt ra với họ. Tôi nghĩ họ xứng đáng được cảm ơn.”

“Anh tin vào những suy nghĩ của họ thật sao? Phải chăng đây là cái một trăm người mà anh đề cập lúc chúng ta bắt đồng nhau? Bien, nếu phải hỏi cái một trăm người này thì...” Poirot quay sang đám đông. “Thưa các ông, các bà, chúng ta đã được nghe rằng Richard Negus, Harriet Sippel và Ida Gransbury là bạn bè, và thức ăn của họ đã được giao đến phòng 317 vào lúc 7 giờ 15. Nhưng vào lúc 7 giờ 30, Brignell đã thấy ông Richard Negus ở tầng này của khách sạn, đang hướng đến thang máy. Ông Negus hẳn đang quay về, nest ce pas, về phòng 238 của mình hoặc là về phòng 317 – để tụ họp với hai người bạn. Nhưng từ đâu về? Bánh mì kẹp và bánh ngọt của ông ta mới được giao trước đó mười lăm phút! Có phải ông ta đã lập tức bỏ chúng lại để đi đâu đó? Hay ông ta đã ăn phần của mình trong ba, bốn phút rồi vội vã bỏ đi? Ông ta vội vã đi đâu vậy? Mục đích quan trọng nào đã khiến ông ta rời phòng 317? Chỉ để đảm bảo Harriet Sippel và Ida Gransbury không bị tính tiền đồ ăn? Ông ta chẳng lẽ không thể đợi hai, ba mươi phút, hay thậm chí một tiếng hay sao?”

Một phụ nữ đầy đà có mái tóc xoắn nâu và đôi mày nghiêm nghị bật dậy ở cuối phòng. “Ông hỏi mãi mấy câu đó cứ như tôi phải biết câu trả lời vậy, cứ như tất cả chúng tôi đều phải biết, mà chúng tôi nào có biết gì đâu!” Mắt bà ta đảo quanh phòng, hết nhìn người này sang người khác dù lời lẽ vẫn hướng thẳng về Poirot. “Thưa ông Lazzari, tôi muốn về,” bà nói. “Tôi muốn gặp lại mấy đứa nhóc nhà tôi để xem chúng có bình an không!”

Một phụ nữ trẻ hơn ngồi cạnh đó chạm vào tay bà, cố trấn an.

“Ngồi xuống đi, Tessie,” cô ta nói. “Quý ông đây chỉ muốn giúp thôi mà. Mấy đứa nhóc của chị chẳng sao đâu, miễn chúng không ở gần Bloxham.”

Nghe lời trấn an kiểu đó, cả Luca Lazzari lẫn Sturdy Tessie đều than trời.

“Chúng tôi không giữ bà lâu hơn nữa đâu, thưa bà,” tôi nói. “Tôi tin chắc ông Lazzari sẽ cho bà về với các cháu ngay sau đây, nếu bà thấy cần về.”

Lazzari cho biết ông sẵn lòng, và Tessie ngồi lại, hơi dịu đi.

Tôi quay sang Poirot và nói: “Richard Negus không rời phòng 317 để giải quyết vấn đề thanh toán. Ông ta gặp Thomas Brignell trên đường từ đâu đó trở về, nghĩa là lúc đó ông ta đã làm xong cái việc mà ông ta đi làm. Ông ta tình cờ gặp ông Brignell và quyết định giải quyết luôn vấn đề thanh toán.” Với bài phát biểu nho nhỏ này, tôi hy vọng cho tất cả những người hiện diện thấy chúng tôi có cả câu trả lời chứ không chỉ có câu hỏi. Có lẽ không phải tất cả mọi câu trả lời, nhưng chí ít cũng là vài câu, và vài câu thì cũng còn tốt hơn là không có câu nào.

“Ông Brignell, ông có cảm giác ông Negus chỉ tình cờ gặp ông và nhân tiện nhắc nhủ ông không? Hay ông ta chủ động tìm ông? Có phải ông là người đã đón ông ta hôm thứ tư, khi ông ta đến khách sạn?”

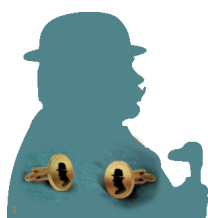
“Đúng vậy, thưa ông. Ông ta không chủ động tìm tôi.” Brignell có vẻ thoải mái hơn khi ngồi nói. “Ông ta tình cờ gặp tôi và nghĩ ‘Ồ, lại là gã đó’, tôi nghĩ vậy, thưa ông.”

“Thưa các ông, các bà,” Poirot cao giọng. “Sau khi gây ra ba án

mạng trong khách sạn tối qua, hung thủ, hay ai đó quen hắn và thông đồng với hắn, đã để lại mảnh giấy trên bàn lễ tân với nội dung: ‘CẦU CHO HỌ KHÔNG BAO GIỜ YÊN NGHỈ: 121. 238. 317.’ Có ai tình cờ thấy kẻ bỏ lại mảnh giấy này không?” Poirot huơ huơ một mảnh giấy nhỏ màu trắng mà ông lấy ra từ trong túi. “Nó được ông John Goode tìm thấy vào lúc 8 giờ 10. Có ai trong các vị để ý thấy một hay nhiều người có hành vi bất thường khi đang ở gần quầy không? Hãy cố nhớ xem! Hắn phải có vị nào đó thấy điều gì chứ!”

Tessie đẩy đà nheo mắt, tựa vào cô bạn gái. Căn phòng ngập trong tiếng xì xào và tiếng thở gấp, nhưng đó chỉ là do cú sốc trước mảnh giấy viết tay của hung thủ, một kỷ vật làm cho ba cái chết bỗng trở nên sống động.

Không ai có gì để nói thêm. Hóa ra, khi hỏi một trăm người, ta có nhiều khả năng phải thất vọng.



CHƯƠNG 6

LY RƯỢU VÀNG ĐÁNH ĐỐ

Nửa giờ sau, Poirot và tôi đã ngồi uống cà phê trước ngọn lửa réo rất trong cái mà ông Lazzari gọi là "buồng khuất của chúng tôi", một căn phòng phía sau phòng ăn, không thể vào từ bất kỳ lối đi chung nào. Các bờ tường phủ kín những bức chân dung mà tôi cố tưởng lơ. Thà là khung cảnh một ngày nắng nào đó, hay thậm chí khung cảnh trời mưa. Những đôi mắt trong tranh luôn khiến tôi khó chịu, bất kể họa sĩ là ai. Bất kỳ bức chân dung nào cũng khiến tôi nghĩ rằng nhân vật được vẽ đang khinh mạn nhìn tôi.

Sau màn trình diễn hoành tráng tại phòng ăn trong vai người dẫn chương trình, Poirot lại chìm vào cơn u uất lặng im.

"Ông lại phiền muộn về Jennie đấy à?" tôi hỏi ông.

Ông thừa nhận điều đó. "Tôi không muốn nghe báo tìm thấy cô ta với một chiếc khuy măng-xét có khắc chữ *PIJ* trong miệng. Đó là tin mà tôi sợ."

"Lúc này ông đâu thể làm gì được cho Jennie, vì vậy tôi mong ông hãy nghĩ về điều gì khác," tôi khuyên nhủ.

"Anh rất thực tế, Catchpool ạ. Tốt lắm. Chúng ta hãy nghĩ về

những tách trà nhé.”

“Những tách trà?”

“Phải. Anh nghĩ sao về chúng?”

Sau một hồi ngẫm nghĩ, tôi nói: “Tôi chẳng tìm được ý nào cả.”

Poirot sốt ruột thốt lên: “Ba tách trà được Rafal Bobak bưng đến phòng của Ida Gransbury. Ba tách trà cho ba người, ta hiểu vậy. Nhưng khi tìm thấy xác của cả ba thì trong phòng đó chỉ còn hai tách trà.”

“Tách còn lại ở trong phòng của Harriet Sippel cùng với thi thể bà ta,” tôi nói.

“Exactement. Điều đó rất lạ, phải không? Bà Sippel đã bưng cả tách trà lẫn đĩa lót về phòng mình trước hay sau khi thuốc độc được thả vào? Trong cả hai kịch bản, thì ai lại bưng tách trà đi dọc hành lang khách sạn, rồi vào thang máy đi xuống hai tầng lầu, vẫn với tách trà trên tay cơ chứ? Nếu tách trà đầy thì sẽ có thể bị sánh ra ngoài. Nếu với một nửa hoặc hết thì lại không đáng để bưng. Thông thường người ta chỉ rót trà vào tách khi ở trong phòng, n'est-ce pas?”

“Vâng, thường thì là vậy. Hung thủ làm tôi ngạc nhiên bởi sự kỳ lạ của hắn,” tôi nói với ít nhiều sôi nổi.

“Còn các nạn nhân của hắn thì sao? Họ có bình thường không? Hành vi của họ ra sao? Phải chăng anh muốn tôi tin rằng Harriet Sippel đã bưng tách trà của bà ta về phòng, ngồi ghế uống, rồi hầu như tức thì, tên hung thủ đến gõ cửa phòng, tìm ra cơ hội bỏ cyanide vào cốc? Còn Richard Negus, anh nhớ đi, ông ta

cũng ra khỏi phòng Ida Gransbury vì lý do không rõ nào đó, nhưng ông ta đã trở lại phòng mình ngay sau đó, với một ly rượu vang mà không một người nào trong khách sạn đưa cho.”

“Ông đã nói thế thì tôi cho rằng...” tôi nói.

Poirot vẫn nói tiếp, như không nghe tôi nói gì.

“À, phải rồi, cả Richard Negus nữa. Ông ta đang ngồi một mình uống rượu thì hung thủ đến thăm. Ông ta cũng bảo: ‘Làm thế nào thì tùy, cứ bỏ thuốc độc vào ly rượu của tôi đi.’ Còn Ida Gransbury, phải chăng suốt thời gian đó cô ta kiên nhẫn chờ đợi tên hung thủ trong phòng 317, một mình? Cô ta nhấp trà rất chậm rãi. Dĩ nhiên sẽ là thiếu chu tất nếu uống hết trước khi hung thủ đến, vì nếu vậy thì làm sao hắn có thể đầu độc cô ta? Hắn biết bỏ cyanide vào đâu đây?”

“Chết tiệt! Ông Poirot, tôi biết nói sao với ông bây giờ? Cũng không hơn gì ông, tôi chẳng hiểu mô tê gì cả! Mà này, tôi nghĩ ba nạn nhân hắn đã có lời qua tiếng lại với nhau. Nếu không thì tại sao họ dự định dùng bữa tối cùng nhau rồi mỗi người lại đi một nẻo như thế?”

“Tôi không tin một phụ nữ đang giận dữ rời phòng mà lại còn mang theo tách trà uống dở của mình,” Poirot nói. “Chẳng phải nó sẽ nguội khi về đến phòng 121 sao?”

“Tôi thường xuyên uống trà nguội,” tôi nói. “Tôi rất thích thế.”

Poirot nhướn mày. “Tôi mà không biết anh là người trung thực thì tôi chẳng tin nổi điều đó. Trà nguội! Dégeulasse!”

“Tôi đã quen dần,” tôi tự vệ. “Trà nguội thì không phải uống vội. Ta uống lúc nào cũng được, để một lúc cũng chẳng có gì là tệ.

Không bị áp lực thời gian. Theo kinh nghiệm của tôi thì làm vậy cũng hợp lý.”

Có tiếng gõ cửa.

“Chắc ông Lazzari đến đây xem có ai quấy rầy cuộc đàm đạo quan trọng của chúng ta hay không,” tôi nói.

“Xin mời vào,” Poirot gọi ra.

Không phải là Luca Lazzari mà là Thomas Brignell, anh nhân viên lễ tân đã cho biết từng gặp Richard Negus gần thang máy vào lúc 7 giờ 30.

“À, ông Brignell,” Poirot thốt lên. “Vào đây. Lời thuật của ông về sự việc tối hôm qua rất là hữu ích. Ông Catchpool và tôi rất cảm kích.”

“Phải, rất cảm kích,” tôi nhiệt thành nói. Tôi có thể nói bất cứ điều gì để tạo thuận lợi cho Brignell, để anh ta chịu khai ra cái điều làm anh ta thấy phiền toái. Rõ ràng là có điều gì đó. Anh chàng tội nghiệp trông chẳng tự tin gì hơn so với lúc ở phòng ăn. Anh ta xoa nắn bàn tay, nhắc lên để xuống. Tôi thấy mồ hôi vã ra trên trán anh ta, và trông anh ta nhột nhột hơn lúc trước.

“Tôi đã phụ lòng các ông,” anh ta nói. “Tôi đã phụ lòng ông Lazzari, trong khi ông ấy đối xử với tôi rất tốt. Tôi đã không... trong phòng ăn. Tôi đã không...” Anh ta bỏ lửng câu, xoa nắn bàn tay còn dữ dội hơn trước.

“Ông đã không nói sự thật với chúng tôi?” Poirot gợi ý.

“Từng lời tôi nói đều là sự thật, thưa ông!” Thomas Brignell giận dữ nói. “Tôi đâu khá gì hơn tên hung thủ nếu tôi nói dối

cảnh sát một vấn đề hệ trọng như thế này.”

“Tôi không nghĩ ông nhiều tội như hấn đâu.”

“Có hai việc mà tôi đã bỏ qua, không khai báo. Tôi chẳng biết phải xin lỗi các ông thế nào. Các ông thấy đấy, tôi không quen nói trước một căn phòng đầy người. Tôi vẫn luôn như thế. Và còn khó hơn nữa vì ở đó...” anh ta hất đầu về hướng phòng ăn “... ở đó tôi đã ngần ngại khai ra một điều nữa mà ông Negus đã nói với tôi vì ông ta đã cho tôi một khoản thưởng.”

“Thưởng gì vậy?”

“Tôi chẳng làm gì xứng được thưởng cả, chắc chắn vậy, thưa ông. Tôi chỉ là một người bình thường. Tôi chẳng có gì đặc biệt cả. Tôi làm việc ăn lương và cố làm sao tốt nhất, nhưng chẳng có lý do gì ai đó chọn tôi ra để ban thưởng đặc biệt.”

“Thế ông Negus đã làm vậy?” Poirot hỏi. “Ông ta chọn ông để ban thưởng?”

Brignell nhăn mặt. “Vâng, thưa ông. Như tôi đã nói: tôi không xin được thưởng và chắc chắn tôi không có làm gì để được thưởng. Nhưng khi tôi thấy ông ta và ông ta thấy tôi, ông ta nói: ‘À, anh Brignell, anh có vẻ là người được việc đấy. Tôi biết tôi có thể ủy thác cho anh chuyện này.’ Rồi ông ta bắt đầu nói vấn đề mà tôi đã khai báo lúc nãy, thưa ông... về việc ông ta muốn thanh toán bữa ăn ấy mà.”

“Và ông không muốn nhắc đến khoản thưởng trước tất cả mọi người, đúng không?” tôi hỏi. “Ông sợ điều đó nghe có vẻ khoe khoang chẳng?”

“Vâng, đúng ạ, thưa ông. Tôi đã nghĩ thế. Còn một chuyện

khác nữa ạ. Sau khi tôi và ông Negus thỏa thuận xong chuyện thanh toán, ông ta nhờ tôi mang đến một ly rượu vang. Tôi chính là người làm việc đó. Tôi đã đề nghị sẽ mang lên phòng ông ta, nhưng ông ta nói ông ta chờ cũng được. Tôi mang ly rượu lại, và rồi ông ta vào thang máy để đi lên.”

Poirot chồm tới trên chiếc ghế. “Vậy sao ông chẳng nói năng gì khi tôi hỏi có ai trong phòng mang rượu vang đến cho ông Richard Negus?”

Brignell trông bối rối và tuyệt vọng như thể câu trả lời đúng đã ở trên đầu lưỡi, nhưng cách chi đó vẫn cứ tuột khỏi anh. “Lẽ ra tôi phải làm vậy, thưa ông. Lẽ ra tôi phải kể tất tật ngay sau khi ông hỏi. Tôi vô cùng hối lỗi vì đã không làm tròn bổn phận đối với ông và với ba vị khách đã từ trần. Cầu cho linh hồn họ được siêu thoát. Tôi chỉ hy vọng chuộc tội lại đôi chút bằng cách đến chỗ các ông lúc này đây.”

“Đúng thế, đúng thế, tôi chỉ thắc mắc vì sao ông không nói ra lúc ở phòng ăn thôi. Khi tôi hỏi: ‘Có ai đem ly rượu vang đến cho ông Richard Negus?’ thì vì có gì mà ông lại im lặng?”

Chàng lễ tân đáng thương bắt đầu run lẩy bẩy. “Tôi xin thề trên năm mộ người mẹ yêu thương đã khuất của tôi, thưa ông Poirot, tôi đã nói hết từng chi tiết về cuộc tiếp xúc giữa tôi và ông Negus tối hôm qua. Từng chi tiết một. Ông cứ tin tôi đi, không thể có một lời khai nào đầy đủ hơn đâu.”

Poirot mở miệng toan hỏi một câu nữa thì tôi xen vào: “Cảm ơn ông rất nhiều, ông Brignell. Xin đừng lo về việc không khai báo cho chúng tôi sớm hơn. Tôi hiểu đúng nói trước đám đông

khó khăn như thế nào. Bản thân tôi cũng chẳng thích thú gì việc đó.”

Được cho đi, Brignell bước vội ra cửa như con cáo vừa thoát khỏi đàn chó săn.

“Tôi tin anh ta,” tôi nói khi anh ta đi khỏi. “Anh ta đã nói tất cả những gì mình biết.”

“Về cuộc gặp gỡ với Richard Negus cạnh thang máy thì đúng. Chi tiết mà anh ta tiết lộ có liên quan đến anh ta. Tại sao, lúc ở phòng ăn, anh ta không nói ra chuyện ly rượu vang? Tôi đã hỏi anh ta câu đó đến hai lần, thế mà anh ta vẫn không trả lời. Thay vào đó, anh ta nói lòng vòng về sự ân hận của mình, vốn cũng là thành thật. Anh ta không nói dối, nhưng anh ta vẫn không nói sự thật. A, anh ta giấu giếm ghê thật đấy! Đó là một dạng nói dối, một cách nói dối rất hiệu quả vì không thể bắt bẻ một lời nào cả.” Poirot đột nhiên cười khùng khục. “Còn anh, Catchpool, anh tìm cách bảo vệ anh ta trước Hercule Poirot, người sẽ liên tục ép anh ta để lấy thông tin, đúng không nào?”

“Anh ta trông có vẻ đã đạt đến giới hạn. Nếu anh ta vẫn im lặng về điều gì thì đó hẳn là điều anh ta nghĩ chẳng hệ trọng gì với chúng ta mà lại gây ra nhiều rắc rối cho bản thân. Anh ta là loại người tận tụy. Ý thức về bốn phận sẽ buộc anh ta khai báo với chúng ta nếu anh ta thấy việc đó là cần thiết.”

“Và vì anh đã cho anh ta đi, tôi đã mất cơ hội giải thích với anh ta rằng thông tin mà anh ta còn che giấu có thể là quyết định,” Poirot lớn giọng, nhìn xoáy vào tôi để tỏ rõ sự bức bối của ông. “Ngay cả tôi, Hercule Poirot này, còn chưa biết điều gì là

quan trọng và điều gì không. Vì thế mà tôi phải biết tất tạt mọi thứ.” Ông đứng dậy. “Bây giờ tôi sẽ quay lại quán cà phê Pleasant,” ông cộc cằn nói. “Cà phê ở đó ngon hơn hẳn cà phê của Signor Lazzari.”

“Nhưng Henry Negus, em của Richard Negus, đang trên đường đến đây,” tôi phản đối. “Tôi tưởng ông muốn gặp ông ta kia mà.”

“Tôi cần đổi khung cảnh, Catchpool ạ. Tôi phải làm hồi sinh các tế bào xám nho nhỏ. Chúng sẽ trì trệ nếu tôi không đưa chúng đi dạo đâu đó.”

“Thật là vớ vẩn! Ông vẫn đang hy vọng sẽ bắt gặp Jennie hoặc nghe được tin về cô ta,” tôi nói. “Poirot ạ, tôi nghĩ ông đi tìm cô Jennie này cũng vô vọng như đi bắt ngỗng trời thôi. Ông cũng biết thế mà. Hãy thừa nhận đi, ông đến Pleasant với hy vọng sẽ tìm ra cô ta.”

“Có thể là vậy. Nhưng còn một tên chuyên thịt ngỗng đang nhớn nhor ở ngoài kia thì tôi biết làm sao khác được? Hãy đưa ông Henry Negus đến quán Pleasant. Tôi sẽ nói chuyện với ông ta ở đó.”

“Sao cơ? Ông ta ở tí tặn Devon đến. Ông ta sẽ chẳng muốn vừa đến nơi là phải về ngay chỉ vì...”

“Thế ông ta có muốn con ngỗng bị thịt không?” Poirot hỏi. “Cứ hỏi thử ông ta xem!”

Tôi dứt khoát sẽ không hỏi Henry một câu nào như thế, vì e rằng ông ta sẽ quay gót về thẳng nơi ông ta xuất phát sau khi ngộ ra rằng Scotland Yard đã tuyển mộ một thám tử loạn thần kinh.



CHƯƠNG 7

HAI CHIẾC CHÌA KHÓA

Khi Poirot đến nơi, quán cà phê đã đông nghẹt. Một mùi hỗn hợp giữa khói thuốc và vị ngọt của bánh mật tỏa ra. “Tôi cần bàn mà hết cả rồi,” ông than phiền với Fee spring. Cô này vừa mới đến, đang đứng bên chiếc giá treo đồ, áo khoác vắt trên tay. Khi lột chiếc nón ra, mái tóc bông bênh của cô kêu lách tách và lơ lửng trên không mất vài giây trước khi bị trọng lực khuất phục. ‘Hiệu ứng này trông khá hài hước,’ Poirot nghĩ.

“Thế thì nhu cầu của ông gặp rắc rối rồi nhỉ?” cô ta vui vẻ nói. “Tôi đâu thể nào đuổi khách ra đường, dù là để lấy chỗ cho một thám tử lừng danh.” Cô hạ giọng, thì thào. “Ông bà Ossessil sắp đi rồi đó. Ông có thể lấy chỗ họ.”

“Ông bà Ossessil? Tên nghe lạ nhỉ.”

Fee cười với ông rồi thì thầm tiếp. “‘Ôi, Cecil.’ Đó là câu bà ta suốt ngày nói, cái bà vợ ấy mà. Ông chồng đáng thương kia chưa kịp mở miệng nói nửa lời đã bị bà vợ bác cái rụp. Ông ta nói thích ăn trứng với cả bánh mì nướng ư? Lập tức bà ta trở miệng vào, ‘Ôi, Cecil, không được ăn trứng và bánh mì nướng!’ Ông ta

chớ có cự cãi! Ông ta mới ngồi vào chiếc bàn đầu tiên là bà ta nói liền, ‘Ôi, Cecil, không ngồi bàn đó!’ Dĩ nhiên ông ta buộc phải muốn những gì ông ta không muốn, không được muốn những gì ông ta muốn. Tôi thì thế này. Tôi đợi ông ta nổi dậy, nhưng thực sự mà nói, ông ta là một lão độn vô dụng. Bộ não cứ như bấp cái mồi ấy. Tôi nghĩ cũng vì thế mới để ra cái loạt ‘Ôi, Cecil’ của bà ta.”

“Nếu ông ta không sớm nhường bàn, đích thân tôi sẽ nói ‘Ôi, Cecil’ với ông ta cho xem,” Poirot nói. Chân ông đã bắt đầu thấy tê tê, vừa do phải đứng lâu vừa do khao khát được ngồi.

“Họ sẽ đi trước khi tách cà phê pha xong,” Fee nói. “Bà ta dùng bữa xong rồi đó, ông thấy chưa. Bà ta sẽ nhanh chóng ‘Ôi, Cecil ra khỏi đây thôi.’ Mà ông đến đây vào bữa trưa làm gì vậy? Tôi nghe nói sáng hôm nay cũng là lần đầu tiên ông đến đây.”

“Làm sao cô nghe được?” Poirot hỏi. “Cô chỉ mới đến thôi mà, n’est-ce pas!”

“Tôi luôn quanh quẩn nơi đây,” Fee nói một cách bí ẩn. “Chẳng ai thấy mặt mũi Jennie đâu cả, nhưng ông biết không, ông Poirot, cũng giống như ông, tôi đang bị cô ta bám riết theo trong đầu.”

“Cả cô cũng lo lắng sao?”

“Ồ, không phải vì cô ta gặp nguy đâu. Đâu đến lượt tôi cứu cô ta.”

“Non.”

“Cũng chẳng đến lượt ông.”

“À, nhưng Hercule Poirot thì đã cứu nhiều mạng người rồi đấy. Ông ta đã cứu nhiều người vô tội khỏi giá treo cổ.”

“Quá nửa số đó chắc là cũng có tội,” Fee vui vẻ nói, như thể ý tưởng đó khiến cô thấy thích thú.

“Non, mademoiselle. Vous êtes misanthrope.”

“Ông nói thế thì tùy. Tôi chỉ biết nếu cứ lo lắng cho từng người đáng lo lắng ở đây thì tôi chẳng còn một khoảnh khắc bình yên nào cả. Cứ hết dự cảm đáng ngại này đến dự cảm đáng ngại khác, hầu hết đều từ trong đầu mà ra chứ nào phải thực.”

“Điều gì từ đầu người ta mà ra thì đó là thực,” Poirot nói.

“Không phải thế nếu đó là những thứ nhảm nhí, tưởng tượng, từ hư không, mà hay vậy lắm,” Fee nói. “Không, ý tôi về Jennie là tôi có nhận thấy điều gì đó tối qua... nhưng tôi không nhớ là điều gì. Tôi nhớ mình đã nghĩ: Thật lạ khi Jennie làm thế này hay nói thế nọ... Rắc rối duy nhất là tôi không thể nhớ điều gì khiến tôi nghĩ cô ta làm gì hay nói gì. Tôi đã cố nhớ, cố nhớ cho đến khi đầu óc tôi quay mòng mòng! À, coi kìa, ông bà ‘Ôi, Cecil’ đã đi khỏi rồi đấy. Ông vào chỗ họ đi. Cà phê nhé?”

“Vâng, thưa cô. Cô tiếp tục cố nhớ xem Jennie đã nói hay làm gì nhé! Tôi không thể diễn tả cho cô hiểu hết việc đó quan trọng như thế nào đâu.”

“Quan trọng hơn việc các kệ phải ngay ngắn chứ?” Fee hỏi, sắc sảo đến bất ngờ. “Hơn là dao nĩa phải xếp đúng chỗ ở trên bàn chứ?”

“À. Cô nghĩ đó là những thứ tưởng tượng nhảm nhí sao?” Poirot hỏi.

Khuôn mặt Fee đỏ dừ lên. “Xin lỗi, tôi nói năng lung tung quá,” cô nói. “Chỉ vì... mà nếu ông thôi nhặng xị về việc nữa phải nằm ở đâu trên khăn bàn thì ông sẽ vui vẻ hơn, đúng vậy không?”

Poirot tặng cô nụ cười lịch sự nhất. “Tôi sẽ vui vẻ hơn rất nhiều nếu cô nhớ ra điều gì ở cô Jennie đã bám riết tâm trí cô.” Nói đoạn, ông kiêu hãnh thoát ra khỏi cuộc đối thoại và ngồi vào bàn của mình.



Ông đợi suốt một tiếng rưỡi. Trong thời gian đó ông dùng một bữa trưa ngon miệng, nhưng chẳng thấy tăm hơi Jennie đâu cả.

Khoảng gần hai giờ, tôi đến Pleasant cùng một người đàn ông mà thoát đầu Poirot ngỡ là Henry Negus, em của Richard Negus. Đã có chút nhầm lẫn cho đến khi tôi giải thích rằng tôi đã cắt đặt viên đội Stanley Beer đón Henry Negus và đưa ông ta đến đây, và sở dĩ tôi làm vậy là vì người duy nhất tôi quan tâm lúc này chính là người đàn ông ở bên tôi.

Tôi giới thiệu ông ta – ông Samuel Kidd, thợ gò nồi – và thích thú ngắm Poirot hơi chùn lại trước chiếc áo thiếu nút, đầy vết bẩn và khuôn mặt cạo dở. Bộ râu hay ria mép của ông Kidd cũng bình thường thôi, nhưng ông ta chắc chắn có vấn đề với dao cạo. Rõ ràng ông ta đã cạo râu, bị lẹm vào thịt một cách thảm hại và đành bỏ dở việc đang làm. Hậu quả là ông ta có một bên mặt

nhấn nhụi nhưng bị thương, còn bên không thương tích thì phủ một mớ râu sạm cứng còng. Bên nào trông tệ hơn là cả một câu hỏi khó.

“Ông Kidd có câu chuyện rất hay muốn kể cho chúng ta,” tôi nói. “Tôi đang đứng bên ngoài khách sạn Bloxham đợi ông Henry Negus thì...”

“A!” Poirot ngắt lời tôi. “Anh và ông Kidd vừa từ khách sạn Bloxham đến?”

“Vâng.” Ông ta nghĩ chúng tôi từ đâu đến vậy? Timbuktu chắc?

“Anh và ông ta đến đây bằng cách nào?”

“Ông Lazzari cho tôi mượn một xe của khách sạn.”

“Chuyến đi kéo dài hết bao lâu?”

“Chính xác ba mươi phút.”

“Đường xá thế nào? Có nhiều xe cộ không?”

“Không. Chẳng có mấy xe cộ.”

“Anh có nghĩ nếu ở điều kiện khác thì chuyến đi có thể nhanh hơn không?” Poirot hỏi.

“Không, trừ phi tôi mọc cánh. Ba mươi phút đã là nhanh lắm rồi, tôi đảm bảo đấy.”

“Bon. Ông Kidd, ông ngồi xuống kể cho Poirot tôi nghe câu chuyện lý thú của ông đi.”

Tôi sửng sờ khi Samuel Kidd, thay vì ngồi xuống, lại phá lên cười và lặp lại từng lời Poirot vừa nói ra bằng một giọng Pháp đặc sệt, hay giọng Bỉ, hay một giọng nào đó mà Poirot vẫn thường dùng: “Ônk Kiid, ônk ngồi xuống kể cho Poirr-oh tôi nghe

cầu chiện rất lý thú của ông đi.”

Poirot có vẻ tự ái vì bị nhại giọng. Tôi chợt thấy cảm thông... cho đến khi ông nói: “Ông Kidd phát âm tên của tôi nghe còn chuẩn hơn cả anh nữa đấy, Catchpool.”

“Ông Kidd,” người đàn ông nhếch nhác bật cười hô hố. “Ồ, xin đừng giận tôi, ông nhé. Tôi chỉ đùa chút thôi. Ông Kidd!”

“Chúng ta không đến đây để ông đùa,” tôi nói, bắt đầu thấy ngán ngẩm cái trò hề này. “Xin làm ơn kể lại những gì ông đã nói với tôi ở bên ngoài khách sạn.”

Kidd mất mười phút để kể lại một câu chuyện có thể tách lọc ra thành ba câu chuyện, nhưng cũng đáng để nghe. Khi đi ngang qua khách sạn Bloxham ngay sau 8 giờ tối hôm qua, ông ta thấy một phụ nữ chạy ra khỏi khách sạn, lao xuống bậc thang, xông ra đường. Hơi thở hỗn hển và có vẻ hoảng hốt. Ông ta dậm bước đến để hỏi xem có giúp được gì không, nhưng người phụ nữ chạy quá nhanh, bỏ xa ông, khiến ông không bắt kịp. Khi chạy, người phụ nữ đánh rơi vật gì đó xuống sàn: hai chiếc chìa khóa trông như bằng vàng. Nhận ra vừa đánh rơi chúng, người phụ nữ bèn quay đầu, chạy đến để nhặt lại, nắm chặt chúng trong bàn tay đeo găng, rồi biến mất vào màn đêm.

“Tôi tự nhủ, chuyện này lạ ghê, bà ta trông lạ thật,” Samuel Kidd dăm chiêu nói. “Rồi đến sáng nay tôi thấy cảnh sát ở khắp nơi. Tôi hỏi một cảnh sát có chuyện gì ầm ĩ. Khi nghe nói có ba án mạng, tôi nghĩ, ‘Có khi mà đã gặp hung thủ đó, Sammay.’ Bà ta trông hoảng hốt, đúng là hoảng hốt mà!”

Poirot đang nhìn vào một trong rất nhiều vết bẩn trên áo

người đàn ông. “Hoảng hốt,” ông thì thầm. “Câu chuyện của ông rất lý thú đấy, ông Kidd. Ông nói có hai chiếc chìa khóa?”

“Đúng vậy, thưa ông. Hai chiếc chìa khóa vàng.”

“Ông ở đủ gần để nhìn rõ chứ?”

“Ồ, vâng, thưa ông. Đường phố bên ngoài Bloxham sáng mà. Mọi thứ đều tỏ tường.”

“Ông có nhớ chi tiết nào khác về hai chiếc chìa khóa, ngoài việc chúng trông như bằng vàng không?”

“Có chớ. Chúng có khắc số bên trên.”

“Số ư?” Tôi thốt lên. Đó là chi tiết mà Samuel Kidd đã không tiết lộ với tôi khi thuật lại câu chuyện lần đầu tiên ở bên ngoài khách sạn, và cả lần thứ hai khi ngồi trong xe đến đây. Và... chết tiệt, lẽ ra tôi phải nghĩ đến việc hỏi ông ta chứ. Tôi đã thấy chìa khóa của Richard Negus, chiếc mà Poirot tìm thấy sau viên gạch lỏng ở lò sưởi. Nó có khắc số 238 ở bên trên.

“Đúng vậy, thưa ông, có số. Ông biết đấy, như là một trăm, hai trăm...”

“Tôi biết là số nào rồi,” tôi cộc cằn nói.

“Có phải đó là những con số mà ông thấy trên các chìa khóa không, ông Kidd?” Poirot hỏi. “Một trăm và hai trăm?”

“Không, thưa ông. Một chiếc có số một rồi gì gì đó, nếu như tôi không lầm. Chiếc kia...” Kidd gãi đầu rất lung. Poirot hướng mắt đi nơi khác. “Nó bắt đầu bằng số ba rồi gì gì đó, tôi nghĩ vậy, thưa ông. Nhưng tôi không dám thề đâu, ông hiểu cho. Đó là những gì con mắt trong đầu tôi đang thấy lúc này đây: một gì gì đó, và ba

gì gì đó.”

Phòng 121 là của Harriet Sippel và phòng 317 là của Ida Gransbury. Tôi cảm thấy một không gian trống rỗng đang mở ra trong bụng. Tôi nhận ra cảm giác ấy: tôi đã từng cảm thấy thế khi lần đầu tiên nhìn thấy ba xác chết và được bác sĩ pháp y cho biết trong miệng mỗi người họ đều có một chiếc khuy măng-xét vàng có khắc chữ.

Có vẻ như tối qua Samuel Kidd đã ở cách tên hung thủ chỉ trong gang tấc. *Một người phụ nữ trông hoảng hốt.* Tôi rùng mình.

“Người phụ nữ mà ông thấy,” Poirot nói, “có tóc vàng, nón và áo khoác đều màu nâu?”

Dĩ nhiên ông đang nghĩ về Jennie. Tôi vẫn tin cô ta chẳng liên can, nhưng tôi thấy lý lẽ của Poirot: Jennie đã chạy quanh London tối qua trong trạng thái rất kích động và người phụ nữ kia cũng vậy. Rất có thể họ là cùng một người chẳng.

“Không, thưa ông. Cô ta có đội nón nhưng nó màu xanh nhạt, còn tóc cô ta thì màu đen. Xoăn và đen?”

“Cô ta trạc bao nhiêu tuổi?”

“Tôi không giỏi đoán tuổi phụ nữ lắm đâu, thưa ông. Tôi chỉ có thể nói là không già, không trẻ?”

“Ngoài chiếc nón xanh nhạt ra, cô ta ăn mặc thế nào?”

“Tôi không nhớ, thưa ông. Lúc đó tôi mãi nhìn khuôn mặt cô ta?”

“Cô ta có đẹp không?” tôi hỏi.

“Đẹp, nhưng tôi không nhìn vì lý do đó đâu, thưa ông. Tôi nhìn vì tôi có biết cô ta, ông hiểu chứ? Tôi mới nhìn một phát là nghĩ ngay trong đầu: ‘Sammy. Mà biết cô nàng này mà.’”

Poirot cựa quậy trên ghế. Ông nhìn tôi rồi nhìn lại Kidd. “Nếu ông biết cô ta, ông Kidd, hãy cho chúng tôi biết cô ta là ai đi.”

“Tôi không thể, thưa ông. Từ lúc thấy cô ta chạy, tôi đã cố moi móc trí nhớ. Tôi không rõ bằng cách nào tôi lại biết cô ta hay tên cô ta hay điều gì đó về cô ta. Không phải bằng nghề gò nôi mà tôi biết cô ta, tôi chỉ nói được có vậy thôi. Cô ta trông thanh tú. Một cô gái đứng đắn. Tôi không quen nhiều người như thế, nhưng tôi biết cô ta. Khuôn mặt đó... không phải là khuôn mặt tôi thấy lần đầu tối qua. Đúng đấy, thưa ông.” Samuel Kidd lắc đầu. “Rồi quái Giá cô ta dừng chạy thì tôi đã hỏi cho ra lẽ.”

Tôi tự hỏi, trong số những người đang trốn chạy liệu có bao nhiêu người chịu trả lời. Họ trốn chạy chính vì không muốn bị hỏi han, cho dù là hỏi gì.



Ít lâu sau khi tôi gửi cho Samuel Kidd hàng đồng mệnh lệnh, buộc ông phải lục tìm cho ra trong ký ức cái tên người phụ nữ bí ẩn đó lần chi tiết về thời gian và nơi chốn ông quen biết cô, viên đội Stanley Beer đưa Henry Negus đến quán Pleasant.

Ông Negus trông mát mắt hơn đáng kể so với Samuel Kidd: một người đàn ông đẹp mã, tuổi khoảng năm mươi, tóc màu

xám sắt, khuôn mặt thông minh. Ông ăn mặc bảnh bao, nói năng nhỏ nhẹ. Tôi thích ông ngay tức thì. Có thể cảm nhận nỗi buồn đau của ông trước cái chết của anh trai, mặc dù xuyên suốt cuộc đối thoại với chúng tôi, ông tỏ ra là mẫu mực về tự kiềm chế.

“Xin ông nhận lời chia buồn của tôi, ông Negus,” Poirot nói. “Tôi rất tiếc. Mất đi người anh trai thân thiết quả là điều khủng khiếp.”

Negus gật đầu hàm ơn. “Việc gì tôi giúp được – bất cứ việc gì – tôi sẽ vui vẻ giúp ngay. Ông Catchpool nói ông có những câu hỏi dành cho tôi?”

“Vâng, thưa ông. Ông có quen ai tên Harriet Sippel hay Ida Gransbury không?”

“Họ có phải là hai người bị...?” Henry Negus ngưng nói khi Fee Spring tiến tới với tách trà mà ông gọi khi đến.

Đợi cho cô lui ra, Poirot nói: “Phải. Harriet Sippel và Ida Gransbury cũng bị giết tại khách sạn Bloxham tối qua.”

“Tôi không biết gì về cái tên Harriet Sippel. Còn Ida Gransbury thì cô ta đã đính hôn với anh tôi nhiều năm trước.”

“Vậy ra ông có quen cô Gransbury?”

Tôi nghe thấy sự hồi hộp dâng lên trong giọng nói của Poirot.

“Không, tôi chưa từng gặp cô ta,” Henry Negus nói. “Dĩ nhiên, tôi biết tên cô ta từ các lá thư của Richard. Khi anh ấy đến sống tại Great Holling, hai anh em tôi rất hiếm khi gặp nhau. Chúng tôi chỉ trao đổi thư từ.”

Tôi cảm thấy một mảnh ghép hình khác đã vào đúng vị trí cùng với một tiếng "tách".

“Richard sống ở Great Holling sao?” tôi hỏi, cố đấu tranh để giữ cho giọng nói bình thản. Nếu Poirot cũng chia sẻ sự ngạc nhiên của tôi trước phát hiện mới này thì ông sẽ không để lộ ra.

Một làng cùng nổi kết ba nạn nhân. Tôi nhắc lại cái tên của nó nhiều lần trong đầu: Great Holling; Great Holling; Great Holling. Mọi thứ như đều trở về hướng đó.

“Phải, Richard sống ở đó cho đến năm 1913,” Negus nói. “Anh ấy có văn phòng luật sư ở Thung lũng Culver. Đó là nơi hai anh em tôi lớn lên – tại Silsford. Rồi, vào năm 1913, anh ấy chuyển đến sống tại Devon cùng tôi cho đến tận giờ. Ý tôi là... cho đến trước khi chết,” ông chỉnh lại. Khuôn mặt ông chợt phờ phạc, như thể tin tức về cái chết của người anh một lần nữa giáng xuống ông, nghiền nát ông.

“Richard có bao giờ đề cập với ông về ai đó từ Thung lũng Culver có tên là Jennie?” Poirot hỏi. “Hay nói chung ai đó mang cái tên này, có thể từ Great Holling, và cũng có thể không?”

Một khoảng lặng kéo dài. Rồi Henry đáp, “Không.”

“Còn về cái nhân vật có tên viết tắt là *PIJ*?”

“Không. Người duy nhất từ làng mà anh ấy có nhắc tới là Ida, vị hôn thê của anh ấy.”

“Cho phép tôi hỏi một câu tế nhị nhé, thưa ông: tại sao cuộc đính hôn của anh ông lại không dẫn đến hôn nhân?”

“E rằng tôi không biết gì cả. Richard và tôi tuy thân nhau

nhưng chúng tôi thường thảo luận về lý tưởng hơn là những thứ khác, về triết học, chính trị, thần học... ấy mà. Nói chung, chúng tôi không tò mò về công việc cá nhân của nhau. Anh ấy chỉ thông báo đã đính hôn với cô ta, và rồi, vào năm 1913, anh ấy nói họ đã hủy hôn.”

“Attendez. Năm 1913, hôn ước với Ida Gransbury bị hủy, và ông ta cũng rời Great Holling để đến sống tại Devon cùng ông?”

“Cùng vợ con của tôi nữa.”

“Có phải ông ta rời Great Holling để xa lánh cô Gransbury?”

Henry Negus ngẫm nghĩ một hồi. “Tôi nghĩ đó chỉ là phần nào câu chuyện chứ không phải toàn bộ. Khi rời Great Holling, Richard thù ghét nó, và điều này không thể do mỗi mình Ida Gransbury gây ra. Anh ấy nói anh ấy ghét từng tấc đất nơi đó. Anh ấy không cho tôi biết vì sao, mà tôi cũng chẳng hỏi. Richard có cách riêng để cho người ta biết khi nào anh ấy đã nói hết những gì muốn nói. Theo tôi nhớ, nhận định của anh ấy về ngôi làng có vẻ gần với tinh thần: ‘Từ rày sẽ không đếm xỉa đến nó nữa.’ Có lẽ nếu tôi cố tìm hiểu...” Negus dừng lại, vẻ đau khổ hiện lên trên khuôn mặt.

“Ông không cần tự trách mình, ông Negus,” Poirot nói. “Ông đâu có gây ra cái chết của anh ông.”

“Tôi cứ quẩn quanh mãi với ý nghĩ... thì đấy, có chuyện gì khủng khiếp đã diễn ra tại ngôi làng đó. Giá như tự chủ được thì chẳng ai muốn nói hay nghĩ về những thứ ghê gớm như thế.” Henry Negus thở dài. “Richard chắc chắn không muốn nói, dù đó là chuyện gì, cho nên tôi giữ lập trường là không bàn đến nữa.

Anh ấy có thứ uy quyền riêng, ông hiểu đấy. Mọi người đều răm rắp nghe theo anh ấy. Anh ấy có một bộ óc lỗi lạc, ông biết đấy.”

“Thật sao?” Poirot cười hiền hòa.

“Ồ, trước khi Richard bị suy sụp, không ai giỏi về chi tiết như anh ấy đâu. Anh ấy việc gì cũng chi li. Ông có thể tin cậy anh ấy trong bất cứ việc gì, ai cũng tin anh ấy cả. Chính vì vậy mà anh ấy rất thành công trong nghề luật sư trước khi mọi chuyện trở nên tồi tệ. Tôi luôn tin tưởng anh ấy sẽ gượng dậy một ngày nào đó. Cách đây vài tháng, khi anh ấy có vẻ ngẩng dậy, tôi đã nghĩ: ‘Cuối cùng, Richard đã tìm lại niềm vui sống.’ Tôi hy vọng anh ấy sẽ tính chuyện đi làm lại trước khi tiền bạc hết nhẵn...”

“Ông Negus, xin ông hãy chậm lại đôi chút,” Poirot nói, lịch sự nhưng kiên quyết. “Khi đến nhà ông, anh của ông không làm việc gì sao?”

“Không. Richard đã bỏ lại cả Great Holling lẫn Ida Gransbury và công ăn việc làm khi anh ấy đến Devon. Thay vì hành nghề luật sư, anh ấy tự giam mình trong phòng và nốc rượu liên miên.”

“À, ra đó là sự suy sụp mà ông nói?”

“Phải,” Negus nói. “Richard đến nhà tôi là một Richard rất khác so với người anh mà tôi gặp lần trước. Anh ấy có vẻ nội tâm và khắc khổ. Cứ như anh ấy vừa xây một bức tường quanh mình vậy. Anh ấy không bao giờ rời nhà, không gặp gỡ ai, chẳng viết thư cho ai và cũng không nhận lá thư nào. Anh ấy chỉ đọc sách rồi nhìn trân trân vào không trung. Anh ấy từ chối theo chúng tôi đi lễ và không hề đổi ý, cho dù chỉ để làm vui lòng vợ tôi. Một

ngày nọ, khi anh sống với chúng tôi chừng một năm, tôi phát hiện một cuốn Kinh Thánh ở trên thềm ngoài cửa phòng anh ấy. Xưa nay nó vẫn nằm trong ngăn kéo căn phòng ngủ mà chúng tôi dành cho anh. Tôi toan trả nó về chỗ cũ, nhưng Richard kiên quyết nói anh ấy muốn tống khứ nó khỏi phòng. Tôi phải thú nhận rằng, sau sự kiện này, tôi đã hỏi vợ tôi liệu chúng tôi có nên... vâng, liệu có nên đặt vấn đề với anh ấy để anh ấy tìm một chỗ ở nào khác bên ngoài. Sống chung với anh ấy khá là khó chịu. Nhưng Clara, vợ tôi, không chịu nghe. ‘Gia đình là gia đình,’ cô ấy nói. ‘Richard chỉ còn có mỗi chúng mình. Anh không thể đẩy gia đình ra ngoài đường được.’ Dĩ nhiên là cô ấy có lý.”

“Ông muốn nói anh của ông đã tiêu xài rất hoang phí?” tôi hỏi.

“Vâng. Tôi và anh ấy được cha mẹ để lại của cải rất sung túc.” Henry Negus lắc đầu. “Tôi đã nghĩ ông anh Richard có trách nhiệm của tôi đang tiêu sạch phần tài sản của anh ấy mà chẳng dành dụm gì cho tương lai... và đó là những gì anh ấy đang làm. Hình như anh ấy có ý định chuyển thành rượu tất cả những gì cha tôi để lại cho anh, rồi rót nó qua cổ họng. Anh ấy đang hướng đến sự bần cùng và bệnh tật, tôi đã e là vậy. Nhiều đêm, tôi nằm thao thức, lo lắng cái kết thúc bi thảm đang chờ đợi anh ấy. Nhưng không phải việc bị giết. Tôi chưa bao giờ nghĩ rằng Richard có thể bị giết chết, mặc dù lẽ ra tôi phải tính đến việc đó.”

Poirot chợt cảnh giác nhìn lên: “Tại sao ông phải tính đến việc đó? Phần đông chúng ta chẳng ai giả định người thân của mình

sẽ bị giết. Trong đa số trường hợp, giả định vậy là không hợp lý.”

Henry Negus suy nghĩ một hồi. Cuối cùng, ông nói: “Nếu tôi nói Richard có vẻ biết trước anh ấy sẽ bị giết thì rất kỳ quặc, vì có ai biết được đâu? Nhưng từ ngày chuyển đến nhà tôi, anh ấy đã có thái độ sâu thẳm, u uất của một người mà cuộc đời đã kết thúc. Tôi chỉ mô tả được đến thế.”

“Tuy nhiên, ông có nói ông ta đã ngất dậy vài tháng trước khi chết?”

“Phải. Vợ tôi cũng nhận ra điều đó. Cô ấy muốn tôi hỏi Richard về chuyện này – phụ nữ luôn vậy, đúng không ạ? – nhưng tôi hiểu quá rõ Richard để biết rằng anh ấy sẽ không chào đón việc xâm phạm vào chuyện riêng tư.”

“Ông ấy có tỏ ra vui vẻ hơn không?” Poirot hỏi.

“Tôi ước chỉ có thể nói vậy, ông Poirot ạ. Giả như tôi tin được rằng, vào ngày chết, Richard đã vui vẻ hơn bao năm qua. Đó sẽ là niềm an ủi đáng kể đối với tôi. Nhưng không, đó không phải là niềm vui. Mà giống như anh ấy đang có một kế hoạch gì đó. Anh ấy như sống có mục đích trở lại sau nhiều năm vật vờ. Tôi có cảm giác như vậy, mặc dù, như đã nói, tôi không biết tí gì về mục đích này.”

“Nhưng ông biết chắc sự thay đổi đó không phải do ông tưởng tượng ra?”

“Vâng, đúng vậy. Nó thể hiện ra theo nhiều cách. Richard thức dậy và xuống nhà dùng điểm tâm thường xuyên hơn. Anh ấy có nhiều sinh khí và năng lượng hơn. Vệ sinh cá nhân của anh ấy được cải thiện. Đáng chú ý nhất là anh ấy đã ngừng uống rượu,

tôi không thể mô tả với ông chỉ riêng việc đó thôi đã khiến tôi mừng rỡ như thế nào. Vợ tôi và tôi đã cầu nguyện cho anh ấy được thành công, cho dù anh ấy đang toan tính điều gì. Chúng tôi cầu cho sự nguyên rửa của Great Holling cuối cùng sẽ nối lỏng những móng vuốt của nó và để cho anh ấy vui hưởng cuộc sống.”

“Nguyên rửa ư? Ông tin ngôi làng đó có thể nguyên rửa?”

Khuôn mặt Henry chột đỏ lên. “Không hẳn vậy. Dĩ nhiên đâu thể có chuyện như thế, đúng không ạ? Đó là câu mà vợ tôi nói. Do không có manh mối nào để bám víu, cô ấy đã tưởng tượng ra cái ý niệm lời nguyện, căn cứ vào việc Richard trốn chạy khỏi Great Holling, hủy hôn ước và cả cái sự kiện duy nhất mà cô ấy biết về ngôi làng đó.”

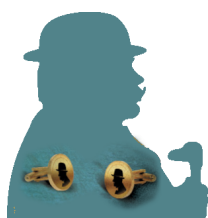
“Sự kiện nào vậy?” tôi hỏi.

“Ồ,” Henry Negus có vẻ ngạc nhiên. Rồi ông nói, “Ừ nhỉ, tôi đâu thể giả định các ông đã biết chuyện đó. Tại sao các ông phải biết chứ? Đó là tai họa khủng khiếp đã xảy ra với vị mục sư quản nhiệm trẻ tuổi và vợ của ông ta. Richard đã viết thư kể cho chúng tôi vài tháng trước khi anh ấy rời ngôi làng,” Henry nói. “Họ đã chết cách nhau chỉ vài giờ.”

“Vậy sao? Điều gì đã gây ra cái chết của họ?” Poirot hỏi.

“Tôi không biết. Richard không nói chi tiết đó trong thư, chỉ ngụ ý rằng anh ấy biết nguyên nhân. Anh ấy chỉ viết rằng đó là một tai họa khủng khiếp. Quả thực, sau này tôi có hỏi anh ấy, nhưng anh ấy khá gắt gỏng với tôi, khiến tôi chẳng biết được gì hơn. Tôi nghĩ anh ấy quá ngập sâu vào những bất hạnh của bản

thân nên chẳng muốn quan tâm thảo luận nổi bất hạnh của ai khác.”



CHƯƠNG 8

TỔNG HỢP SUY NGHĨ

“Nói cách khác,” Poirot nói khi nhanh nhẹn đi từ quán Pleasant về hướng nhà trọ của chúng tôi nửa giờ sau đó, “tất cả những sự kiện không hay mười sáu năm về trước đều nối kết với nhau: số phận bi thảm của vị mục sư và vợ của ông ta, Richard Negus đột nhiên hủy hôn ước với Ida Gransbury, Richard Negus quyết định bỏ Great Holling, chạy về Devon để bắt đầu chuỗi ngày ăn không ngồi rồi và uống rượu chí tử tại nhà người em trai.”

“Theo ông có phải Richard Negus uống rượu vì cái chết của vị mục sư?” tôi hỏi. “Ông giả định mọi thứ đều gắn kết với nhau, nhưng phải chăng có khả năng nhiều hơn là chúng chẳng liên quan gì đến nhau?”

“Tôi không nghĩ vậy đâu, không đâu.” Poirot ném cho tôi một cái nhìn sắc lẹm. “Hãy hít thở không khí trong lành của ngày đông hôm nay đi, Catchpool. Có thể sẽ giúp nạp ôxy cho các tế bào xám nho nhỏ của anh đấy. Hít sâu vào, bạn tôi.”

Tôi chiều ý bằng cách làm theo lời ông. Dĩ nhiên, dù sao tôi cũng đang hít thở đấy thôi, cho nên việc đó cũng khá là ngốc

nghech.

“Bon. Giờ thì hãy nghĩ về điều này: vị mục sư trẻ không chỉ chết một cách bi thảm mà ông ta chết sau vợ ông ta chỉ vài giờ. Điều này rất bất thường. Richard Negus đã nhắc tới sự việc này trong lá thư gửi người em Henry. Nhiều tháng sau, ông ta hủy hôn ước với Ida Gransbury. Ông ta trốn đến Devon, nơi ông ta bị rơi vào tình trạng suy sụp. Ông ta không muốn có cuốn Kinh Thánh trong phòng, và không chịu đi lễ ngay cả để làm vui lòng bà chủ nhà.”

“Sao ông nói cứ như những điều đó có ý nghĩa đặc biệt vậy?” tôi hỏi.

“À! Khí ôxy phải mất thời gian để đi đến các tế bào xám nhĩ! Không sao: nó sẽ đến được nơi nó phải đến, đến cái bộ não gối-gài-kim của anh ấy mà. Nhà thờ, Catchpool ạ! Một mục sư và người vợ bị chết thảm ở Great Holling. Ít lâu sau đó, Richard Negus đột nhiên ác cảm với ngôi làng, nhà thờ và Kinh Thánh.”

“Ồ, tôi hiểu ông đang hướng về đâu rồi.”

“Bon. Alors, Richard Negus đã lết về Devon, sống suy sụp trong nhiều năm ở đó, và suốt thời gian ấy người em trai đã không được chào đón mỗi khi xâm phạm vào cuộc sống riêng tư của ông ta, dù chỉ là để cứu anh mình không tự hủy hoại...”

“Ông nghĩ Henry Negus đã sơ suất trong chuyện này sao?”

“Không phải tại ông ta,” Poirot khoát tay, nói. “Ông ta là người Anh. Người Anh các vị luôn ngồi sang bên, thà im lặng một cách lịch sự trước đủ loại thảm họa vốn có thể tránh diễn ra ngay trước mắt còn hơn là phải xấu hổ vì bị bắt gặp ra tay can thiệp

vào!”

“Tôi nghĩ ông nói vậy không đúng đâu,” tôi cao giọng để át tiếng gió rít và giọng người trên các con phố đông đúc của London.

Poirot phớt lờ lời chống chế của tôi. “Suốt nhiều năm, Henry Negus đã thầm lặng lo lắng cho người anh. Ông ta hy vọng, và chắc còn cầu nguyện nữa, và khi ông ta hầu như đã đầu hàng thì những lời cầu nguyện của ông ta lại được lắng nghe: Richard Negus đã đứng dậy được vài tháng trước. Ông ta hình như đang lên kế hoạch gì đó. Có lẽ kế hoạch này bao gồm việc đặt ba căn phòng ở khách sạn Bloxham tại London cho ông ta và hai người phụ nữ mà ông ta quen từ những ngày sống ở Great Holling, vì chúng ta biết ông ta đã làm như thế. Và tối qua người ta tìm thấy ông nằm chết ở khách sạn Bloxham, trong miệng có chiếc khuy măng-xét khắc chữ, ở rất gần vị hôn thê cũ Ida Gransbury và Harriet Sippel, người hàng xóm cùng làng trước đây. Cả hai người phụ nữ đều bị giết theo cùng một cách.”

Poirot dừng bước. Ông đã đi quá nhanh và lúc này đang hụt hơi. “Catchpool,” ông hỗn hển, rút từ áo gi-lê ra chiếc khăn tay gấp cẩn thận lau trán. “Anh hãy tự hỏi mình xem đâu là sự kiện đầu tiên trong chuỗi sự kiện mà tôi vừa trình bày cùng anh. Phải chăng là cái chết bi thảm của vị mục sư và vợ?”

“Thì vậy, nhưng là chỉ khi ta nhìn nhận chúng là những nhánh của cùng một câu chuyện ba án mạng ở Bloxham. Ông Poirot ạ, việc đó ta nào đã có bằng cứ gì đâu. Tôi vẫn cho rằng vị mục sư đáng thương đó chẳng hề nằm ở nhánh nào cả.”

“Giống như la pauvre Jennie, cô ta cũng chẳng ở nhánh nào hết?”

“Chính xác.”

Chúng tôi tiếp tục đi.

“Có bao giờ ông thử giải một ô chữ chưa, ông Poirot? Bởi lẽ... lúc này đây, tôi đang cố tự tạo ra một ô chữ, ông có biết không nhỉ?”

“Làm sao tôi không biết khi mà tôi đã thân thiết với anh như thế, mon ami.”

“Phải. Quả vậy. Thế này nhé, tôi có vài nhận xét khi giải ô chữ. Thú vị lắm. Giả sử ta có manh mối là dụng cụ nhà bếp, gồm ba chữ cái, và ta có vần ‘P’ ở đầu. Rất dễ nghĩ rằng đó hẳn phải là ‘pot’ vì ‘pot’ gồm ba chữ cái, bắt đầu bằng chữ ‘P’, và ‘pot’ cũng là dụng cụ nhà bếp. Do đó ta tự nhủ từ đó chắc là đúng, trong khi câu trả lời đúng lại là ‘pan’. Nó cũng gồm ba chữ cái, nó cũng là dụng cụ nhà bếp bắt đầu bằng chữ ‘P’ vậy. Ông thấy chưa?”

“Ví dụ này không hay lắm, Catchpool ạ. Trường hợp anh vừa nêu, tôi sẽ nghĩ cả ‘pot’ lẫn ‘pan’ đều có khả năng đúng ngang nhau. Chỉ có kẻ ngốc mới chỉ nghĩ một món và bỏ qua món kia khi cả hai đều khớp hoàn toàn.”

“Được thôi, nếu ông muốn thứ gì đó có khả năng đúng ngang nhau, vậy giả thuyết này thì sao: Richard Negus từ chối đi lễ hoặc chứa Kinh Thánh trong phòng vì chuyện bất hạnh nào đó diễn ra với ông ta ở Great Holling đã làm suy giảm đôi chút niềm tin tôn giáo thì sao? Lẽ nào điều đó nghe không khớp? Và có thể chẳng liên quan gì đến cái chết của vị mục sư và bà vợ. Richard

Negus không phải là người đầu tiên lâm vào hoàn cảnh khó khăn và tự hỏi tại sao Chúa lại không yêu ông ta như yêu bao người khác! Ý nghĩ đó nảy ra mãnh liệt hơn ta tưởng.”

“Bản thân anh có bao giờ tự hỏi như vậy không, Catchpool?” Poirot chạm tay áo tôi để nhắc tôi chậm lại. Đôi khi tôi quên khuấy rằng chân tôi dài hơn chân ông.

“Thật ra là có đấy. Điều đó không ngăn tôi tiếp tục đi lễ, nhưng tôi đã thấy nó như thế nào đối với một số người.” Lấy ví dụ, tôi nghĩ, nếu bộ não của mình bị gọi là gổi-gài-kim thì người ta sẽ có xu hướng phản bác thay vì im lặng đồng tình. Nhưng với Poirot thì tôi nói: “Tôi nghĩ điều đó còn tùy thuộc vào việc người ta có biết tự chủ hay chỉ đổ trách nhiệm cho Chúa các vấn đề của chính mình.”

“Lập luận của anh có gắn với phụ nữ không đấy?”

“Có nhiều mẫu phụ nữ tốt. Cha mẹ tôi đã sốt sắng hy vọng tôi sẽ lấy một cô trong số đó. Tôi vẫn khẳng khẳng chẳng để cho cô nào cám dỗ.” Tôi nhanh chân bước tiếp.

Poirot bước vội để bắt kịp tôi. “Vậy nên, theo như kinh nghiệm của anh, chúng ta phải quên đi vị mục sư quá cố và vợ ông ta? Chúng ta phải vờ như không biết sự kiện đó, để ngăn ngừa nó dẫn chúng ta đến một kết luận sai? Và chúng ta phải quên Jennie cũng vì lý do đó?”

“Không phải, tôi đâu có nói làm thế nào là đúng. Tôi không đề nghị chúng ta quên gì cả, chỉ là...”

“Để tôi nói anh biết thế nào là hành động đúng nhé! Anh phải đến Great Holling. Harriet Sippel, Ida Gransbury và Richard

Negus không phải là ba mảnh ghép hình đầu. Họ đầu chỉ là những miếng ghép giấy mà ta tìm cách đặt chỗ này, chỗ kia để thành bức tranh. Trước khi chết, họ là những con người thật, có cuộc sống, có cảm xúc... với những xu hướng điên rồ, và có lẽ cả những khoảnh khắc khôn ngoan và sáng suốt nữa. Anh phải đến ngôi làng nơi họ sống và tìm hiểu xem họ là người thế nào, Catchpool ạ.”

“Tôi ấy à? Ý ông là chúng ta chứ?”

“Non, mon ami. Poirot, ông ấy sẽ ở lại London. Tôi chỉ cần di chuyển ý nghĩ là tạo ra được bước tiến. Anh sẽ đi và đem về cho tôi bản tường thuật đầy đủ nhất về chuyến đi của anh. Vậy là đủ. Hãy đem theo hai danh sách: danh sách các khách trọ của khách sạn Bloxham vào tối thứ tư và thứ năm, và danh sách nhân viên của khách sạn Bloxham. Hãy tìm xem có ai trong ngôi làng bị nguyên rửa ấy nhận ra cái tên nào trong các bản danh sách này. Hãy hỏi về Jennie và *PIJ*. Hãy khám phá bằng được câu chuyện về vị mục sư và vợ ông ta rồi hăng về, và cả những cái chết bí ẩn trong năm 1913 nữa.”

“Poirot, ông phải đi cùng tôi,” tôi nói, khá khẩn khoản. “Tôi không nắm bắt đủ sâu trong vụ án Bloxham này. Tôi đang trông cậy cả vào ông.”

“Anh có thể vẫn tiếp tục như thế, mon ami. Chúng ta sẽ về nhà bà Unsworth và ở đó chúng ta sẽ tổng hợp lại các suy nghĩ để chuẩn bị cho anh đến Great Holling.”

Ông ta luôn gọi nó là “nhà bà Unsworth”. Mỗi lần ông gọi vậy, tôi lại nhớ chính mình cũng từng nghĩ về nó như thế. Và nay tôi

đã bắt đầu gọi nó là "nhà".



"Tổng hợp suy nghĩ" hóa ra có nghĩa là Poirot đứng bên ngọn lửa lò sưởi trong căn phòng khách nồng nặc mùi oải hương và đọc cho tôi ghi lại. Còn tôi thì ngồi trên chiếc ghế gần đó, ghi chép từng lời mà ông nói. Tôi chưa từng nghe ai nói năng một cách lớp lang hoàn hảo như thế. Tôi đã thử phản đối việc ông bắt tôi ghi lại những điều mà tôi đã biết rõ, và hậu quả là tôi nhận một bài giáo huấn dài, đầy sốt sắng, với chủ đề "tầm quan trọng của phương pháp". Có vẻ như bộ não gối-gài-kim của tôi không thể trông cậy có thể nhớ được gì, cho nên tôi phải ghi ra để mà còn tham khảo.

Sau khi đọc danh sách mọi điều chúng tôi đã biết, Poirot lặp lại quy trình đó cho mọi điều chúng tôi chưa biết và hy vọng sẽ biết. (Tôi đã cân nhắc việc viết ra hai bản danh sách, nhưng không muốn làm phiền và chọc tức người khác giống như tôi đã bị làm phiền và chọc tức.)

Nói cho công bằng với Poirot, sau khi tôi viết ra và xem lại những gì mình viết, tôi cảm thấy sáng tỏ hơn nhiều điều: sáng tỏ và cực kỳ nỗ lực. Tôi đặt bút xuống và thở dài, nói: "Tôi không chắc mình có muốn mang theo bản danh sách bất tận những câu hỏi này không. Chúng không có lời giải và có lẽ chẳng hy vọng có lời giải."

“Anh thiếu tự tin rồi, Catchpool.”

“Phải. Biết làm sao được?”

“Tôi không biết. Đó không phải là vấn đề của tôi. Tôi không lo lắng sẽ gặp phải một vấn đề mà tôi không thể tìm ra lời giải.”

“Ông có nghĩ ông sẽ tìm ra lời giải cho vấn đề đó không?”

Poirot mỉm cười. “Anh muốn tôi động viên anh tin vào tôi, vì anh không tự tin vào bản thân chứ gì? Mon ami, anh biết nhiều hơn anh tưởng đấy. Anh có nhớ lúc anh nói đùa ở khách sạn về việc ba nạn nhân đến vào hôm thứ tư, một ngày trước các án mạng? Anh đã nói: ‘Cứ như họ đã nhận thư mời đến trình diện kẻ giết hại mình vậy, kẻ đã nói: Xin vui lòng đến trước một ngày, để thứ năm có thể dành trọn cho việc lấy mạng quý vị’.”

“Vâng, vậy thì sao?”

“Câu đùa của anh gắn với ý tưởng rằng việc bị giết là một hoạt động quá nhiều trong cùng một ngày – đi tàu hỏa băng qua cả đất nước và bị giết trong cùng một ngày, quá nhiều đối với bất kỳ ai! Và tên hung thủ không muốn các nạn nhân của hắn phải vất vả quá mức! Điều này thật buồn cười!”

Poirot vuốt ria, như thể ông hình dung rằng việc phá lên cười sẽ làm rã rượi bộ ria của ông vậy.

“Anh bạn ạ, những lời của anh đã khiến tôi tự hỏi: do việc bị giết chẳng đòi hỏi nỗ lực nào từ nạn nhân và do chẳng có hung thủ nào lại chu đáo đến thế với những người mà hắn định đầu độc, vậy thì tại sao hắn không giết ba nạn nhân ngay trong tối thứ tư?”

“Hắn bận gì đó vào tối thứ tư chẳng?” tôi nói.

“Thế thì tại sao lại không thu xếp để ba nạn nhân đến khách sạn vào sáng và chiều thứ năm thay vì sáng và chiều thứ tư? Hung thủ vẫn có thể giết họ vào khoảng thời gian đó mà, n'est-ce pas? Tối thứ năm, từ 7 giờ 15 đến 8 giờ 10.”

Tôi cố không bộc lộ vẻ bất bình. “Ông phức tạp hóa mọi việc rồi, ông Poirot ạ. Nếu các nạn nhân quen biết nhau thì biết đâu họ có lý do để ở London trong hai đêm, một lý do không liên quan gì đến hung thủ. Hắn chọn giết họ đêm thứ hai vì như vậy thuận tiện hơn cho hắn. Hắn đâu mời họ đến Bloxham. Hắn chỉ đơn giản biết họ sẽ đến đó, và đến khi nào. Ngoài ra...” tôi khựng lại. “Thôi bỏ đi. Điều đó thật ngốc nghếch.”

“Nói cho tôi nghe điều ngốc nghếch đó đi,” Poirot ra lệnh.

“Được thôi, có thể hung thủ bẩm sinh là một tay rất giỏi lên kế hoạch, sắp xếp. Hắn không có kế hoạch ra tay trong cái ngày mà hắn biết các nạn nhân đến London để phòng hờ tàu của họ bị hoãn chuyến.”

“Có lẽ hung thủ cũng phải di chuyển đến London, từ Great Holling hay nơi nào đó. Cũng có thể hắn ta – hay ả ta, vì đó có thể là phụ nữ – không muốn thực hiện một cuộc hành trình dài và mệt mỏi, rồi tiến hành ba án mạng trong cùng một ngày.”

“Ngay cả như vậy đi nữa, các nạn nhân vẫn có thể đến vào thứ năm, đúng không?”

“Đúng,” Poirot nói đơn giản. “Chúng ta biết họ đã đến một ngày trước đó, tức thứ tư. Cho nên, tôi bắt đầu thắc mắc: phải chăng có việc gì đó cần phải diễn ra trước khi các án mạng được

tiến hành? Nếu vậy, có lẽ hung thủ không cần phải đến đây từ xa, mà sống ở ngay tại London này.”

“Có thể,” tôi nói. “Tất cả những điều đó chẳng qua chỉ là một cách nói lê thê rằng chúng ta không có ý tưởng mảy may nào về việc gì đã xảy ra và tại sao. Theo tôi nhớ, tình trạng hiện nay cũng y như bản đánh giá tình hình.”

“Gì vậy, mon ami?”

“Tôi đã không có đủ dũng khí để nói với ông trước đây, và tôi biết ông sẽ không thích điều này. Những chữ khắc trên những chiếc khuy măng-xét... Ông đã hỏi Henry Negus về *PIJ*. Tôi không nghĩ đó là tên viết tắt của kẻ sở hữu những chiếc khuy măng-xét. Tôi nghĩ tên viết tắt của hắn phải là *PJI*. Ông xem đây.” Tôi vẽ lại dòng chữ viết tắt lên mặt sau một trong những mẫu giấy tờ của tôi. Cố lục lại trí nhớ, tôi ráng lặp lại cách thức các chữ cái thể hiện trên những chiếc khuy măng-xét. “Ông có thấy chữ ‘I’ lớn hơn đáng kể so với chữ ‘P’ và chữ ‘J’ ở hai bên không? Đó là một phong cách phổ cập của khắc chữ. Chữ lớn hơn nằm ở giữa thể hiện họ.”

Poirot chau mày và lắc đầu. “Các chỗ viết tắt bị cố tình viết sai trình tự sao? Tôi chưa bao giờ nghe chuyện này. Ai lại có ý tưởng kỳ cục thế? Thật là vớ vẩn!”

“Đó là một phong cách phổ biến, tôi e là vậy. Tin tôi đi. Các đồng nghiệp nơi tôi làm đều có khuy măng-xét ghi tên tắt theo lối đó.”

“Incroyable. Người Anh thật chẳng có ý niệm gì về trật tự cả.”

“Vâng, cứ cho là thế đi... Nhưng *PJI* là kẻ mà chúng ta sẽ phải

hỏi thăm khi đến Great Holling chứ không phải là *PIJ*.”

Đó là một nỗ lực yếu ớt mà Poirot đã nhìn thấu ngay tức thì. “Anh, bạn tôi ời, chỉ mình anh đến Great Holling, chứ không phải chúng ta,” ông nói. “Còn Poirot tôi sẽ ở lại London.”



CHƯƠNG 9

CHUYẾN THĂM GREAT HOLLING

Sáng thứ hai liền sau đó, tôi khởi hành đến Great Holling như đã được phân công. Ấn tượng của tôi khi đến là nơi đó giống mọi ngôi làng của nước Anh mà tôi đã đi qua, và chẳng có gì nhiều để mà nói. Tôi nghĩ các thành phố thường khác nhau nhiều hơn so với các ngôi làng, và các thành phố cũng có nhiều chuyện để nói hơn. Chắc chắn tôi có thể kể huyền thuyên về những điều thú vị của London. Có lẽ đơn giản vì tôi không thể thích ứng với những nơi như Great Holling. Chúng khiến tôi cảm thấy như vượt ra ngoài bản sắc của mình, nếu như tôi có một bản sắc. Tôi cũng không dám quả quyết điều đó.

Tôi được dặn coi chừng không tìm ra cái nơi có tên là King's Head mà tôi sẽ ở trọ, và tôi đã không tìm ra thật. May thay, một chàng trai đeo kính với những đốm tàn nhang hình chiếc boomerang vắt ngang qua sống mũi và một tờ báo kẹp dưới nách đã ra tay giúp tôi. Anh ta chợt xuất hiện phía sau tôi, làm cho tôi giật mình.

“Ông bị lạc phải không?” anh ta hỏi.

“Chắc vậy. Tôi đang tìm quán trọ King’s Head.”

“À!” Anh ta nhoẻn cười. “Tưởng gì. Ông không phải người quê đây nhỉ? King’s Head nhìn từ ngoài phố trông giống nhà ở, cho nên ông không nhận ra là phải. Ông theo lối đi kia... ông thấy chưa? Ra đó, ông rẽ phải. Đi dọc đường, ông sẽ thấy bảng hiệu và lối vào.”

Tôi cảm ơn và sắp sửa làm theo lời chỉ dẫn của anh ta thì anh ta gọi giật lại: “Ông từ đâu đến vậy?”

Tôi cho anh ta biết. Anh ta nói: “Tôi chưa từng đến London. Ông đến nơi khỉ ho cò gáy này làm gì vậy?”

“Để làm việc,” tôi nói. “Anh nghe này, hy vọng tôi không quá thô lỗ, nhưng tôi sẽ rất vui nếu được trò chuyện cùng anh sau, chứ lúc này tôi phải ổn định chỗ ở cái đã.”

“Tốt thôi, tôi không giữ chân ông thêm nữa đâu,” anh ta nói. “Ông làm việc gì vậy? Ồ... tôi lại hỏi nữa rồi. Tôi sẽ hỏi ông sau nhé.” Anh ta vẫy tay rồi xuôi tiếp con phố.

Tôi lại quay sang tìm đường đến quán trọ King’s Head, và anh ta hét với theo sau: “Theo lối này rồi rẽ phải!” Lại thêm những cú vẫy tay hơn hở nữa.

Anh ta đang cố tỏ ra thân thiện và giúp đỡ. Đáng lẽ tôi phải tỏ ra biết ơn. Bình thường tôi luôn vậy, nhưng...

Thôi được, tôi xin thú nhận: tôi không ưa làng quê. Tôi không nói điều đó với Poirot trước khi đi, nhưng tôi đã nhủ thầm như thế rất nhiều lần suốt cuộc hành trình bằng tàu hỏa, và nhủ thầm thêm lần nữa khi bước ra khỏi cái nhà ga bé xiu. Tôi không ưa con phố hẹp duyên dáng nơi tôi đứng. Con phố đó lượn

chính xác theo hình chữ S và có những ngôi nhà tranh nho nhỏ nằm dọc hai bên, trông phù hợp với các sinh vật rừng rú hơn là với con người.

Tôi không thích bị những người xa lạ hỏi han quá táo tợn ở ngoài phố, mặc dù tôi hoàn toàn ý thức về sự đạo đức giả của mình, bởi lẽ bản thân tôi đang ở làng Great Holling này chẳng phải để hỏi han những người xa lạ hay sao?

Giờ thì anh chàng đeo kính đó đã đi khỏi, quanh tôi chẳng còn âm thanh nào ngoài hơi thở của chính tôi và thì thoảng là tiếng chim hót. Ngoài những ngôi nhà, tôi thấy những cánh đồng và những ngọn đồi trống trơn ở xa xa. Cùng với sự im ắng, tôi lập tức cảm thấy sự cô đơn. Dĩ nhiên các thành phố cũng khiến người ta cô đơn. Ở London, ta nhìn những người đi ngang mà không thể biết trong đầu họ nghĩ gì. Mỗi người đều cực kỳ gần gũi và đồng thời cũng cực kỳ bí ẩn. Ở các làng xã, quy luật đó cũng đúng, nhưng trong đầu mọi người hình như chỉ có cùng một thứ.

Chủ của King's Head là Victor Meakin, trông bề ngoài khoảng từ ngũ tuần đến lục tuần. Ông có mái tóc mảnh và bạc, từ đó hai đỉnh tai hồng hồng lộ ra ngoài. Cả ông ta cũng háo hức khi nhắc đến London. “Cho phép tôi hỏi nhé, có phải ông sinh ra ở đó không, ông Catchpool? Hiện nay ở đó có bao nhiêu người sinh sống? Dân số ở đó là bao nhiêu? Ở đó có dơ bẩn lắm không? Dì của tôi từng đến London và nói ở đó rất bẩn. Dù vậy, tôi vẫn mong có ngày được đến đó. Nhưng tôi chưa từng nói với dì tôi chuyện này. Tôi không biết nói lý thế nào với bà ấy. Cầu Chúa

ban phước cho bà ấy. Có phải mọi người ở London đều có xe hơi riêng không?”

Tôi thấy nhẹ nhõm vì dòng suối những câu hỏi huyền thuyên của ông ta đã giúp tôi khỏi phải trả lời. Sự may mắn của tôi kết thúc khi ông ta đi đến câu hỏi mà ông ta thực sự quan tâm: “Điều gì đưa ông đến Great Holling vậy, ông Catchpool? Tôi không hình dung nổi ông có chuyện làm ăn gì ở đây.”

Nói đến đó, ông ta dừng lại, và tôi không có lựa chọn nào khác là phải trả lời: “Tôi là cảnh sát,” tôi nói. “Đến từ Scotland Yard.”

“Cảnh sát ư?” ông ta vẫn duy trì một nụ cười không đổi, nhưng nhìn tôi với ánh mắt hoàn toàn khác: gay gắt, dò xét và khinh khỉnh, cứ như ông ta đang nghiên cứu tôi và rút ra những kết luận bất lợi cho tôi. “Một cảnh sát,” ông ta nói, với chính mình hơn là với tôi. “Vậy, tại sao cảnh sát lại đến đây? Một cảnh sát quan trọng từ London nữa chứ.”

Vì ông ta có vẻ không hỏi tôi trực tiếp nên tôi cũng phớt lờ, không trả lời.

Khi xách hành lý của tôi đi lên chiếc cầu thang gỗ xoan, ông ta dừng lại ba lần và quay lại nhìn tôi, chẳng vì lý do rõ rệt nào.

Căn phòng ông ta dành cho tôi trông trống trải và lạnh lẽo, thế mà lại dễ chịu: đó là sự thay đổi rất tốt sau những cầu kỳ, diêm dúa ở căn nhà trọ của Blanche Unsworth. Tại đây, may thay, không có những chai nước nóng và chăn đan sắp sẵn để tôi dùng. Tôi không thể chịu nổi những thứ đó. Chỉ cần thấy chúng thôi là tôi đã khó chịu. Theo tôi, vật ấm nhất trên giường bao giờ cũng là con người.

Meakin giới thiệu một vài đặc điểm của căn phòng như giường nằm và chiếc tủ gỗ to đùng. Tôi cố đáp lại bằng sự pha trộn phù hợp giữa ngạc nhiên và thích thú. Và tôi đã cho ông ta biết thực chất công việc của tôi ở Great Holling vì chẳng lẽ nào cũng tới lúc tôi sẽ phải làm vậy thôi. Tôi hy vọng thỏa mãn được sự hiếu kỳ của ông ta và nhờ vậy mà ông ta sẽ nhìn tôi ít soi mói hơn. Tôi kể cho ông ta nghe về những án mạng ở khách sạn Bloxham.

Miệng ông ta méo xệch trong khi lắng nghe. Trông ông ta như đang cố không bật cười, mặc dù có thể là tôi làm.

“Ông nói giết người ư? Tại một khách sạn sang trọng ở London? Chuyện lớn rồi! Bà Sippel và cô Gransbury bị giết ư? Còn ông Negus?”

“Ông cũng biết họ nhỉ?” tôi hỏi, cởi áo khoác ra, treo vào tủ.

“Ồ, vâng. Tôi biết họ chứ.”

“Chắc họ là bạn bè của ông?”

“Chẳng phải bạn bè, cũng chẳng phải kẻ thù,” Meakin nói. “Quản lý một quán trọ thì phải vậy thôi. Bạn bè và kẻ thù đều gây rắc rối cho ta. Thì bà Sippel và cô Gransbury đã gặp rắc rối rồi đấy thôi. Ông Negus cũng thế.”

Tôi nghe thấy gì trong giọng ông ta nhỉ? Một điểm nhấn lạ? Một sự thích thú?

“Xin thứ lỗi, thưa ông Meakin, nhưng... phải chăng ông thấy hài lòng khi nghe tin ba cái chết đó, hay đó là do tôi tưởng tượng ra?”

“Là ông tưởng tượng ra, ông Catchpool ạ. Đúng vậy.” Lời bác bỏ được đưa ra một cách chắc nịch.

Chúng tôi nhìn nhau trong khoảnh khắc. Tôi thấy những ánh mắt ngờ vực, lúc này đã hoàn toàn mất đi sự nồng nhiệt.

“Ông cho tôi biết vài cái tin và tôi thấy quan tâm, chỉ thế thôi,” Meakin nói. “Cũng giống như tôi quan tâm đến chuyện kể của bất cứ khách trọ nào. Quản lý một quán trọ thì phải như vậy mới đúng. Dù vậy câu chuyện giết người đó nghe cũng đáng sợ thật!”

Tôi quay đi và cứng cỏi nói: “Cảm ơn đã chỉ phòng cho tôi. Ông đã giúp tôi rất nhiều.”

“Tôi đoán ông đang muốn hỏi tôi hàng lô lốc câu hỏi, phải không ạ? Quán trọ King’s Head là của tôi từ năm 1911. Ông sẽ không tìm được ai tốt hơn để hỏi han đâu.”

“Ồ vâng, dĩ nhiên. Để khi nào tôi đỡ xong hành lý rồi ăn uống và duỗi chân đôi chút.” Tôi không thấy hào hứng với viễn cảnh phải nói chuyện dài hơi với gã đàn ông này, nhưng điều đó là cần thiết. “Còn điều này nữa, ông Meakin, rất quan trọng: xin ông vui lòng đừng kể lại cho ai khác tất cả những gì tôi vừa nói với ông. Tôi sẽ rất biết ơn.”

“Bí mật, đúng không ạ?”

“Không hề. Chỉ đơn giản là tôi muốn tự nói với mọi người.”

“Ông sẽ nêu những câu hỏi, đúng không ạ? Sẽ không ai ở làng Great Holling này nói được với ông bất cứ điều gì giá trị đâu.”

“Tôi biết chắc rằng điều đó không đúng,” tôi nói. “Chính ông vừa đề xuất sẽ trò chuyện cùng tôi đó thôi.”

Meakin lắc đầu. “Tôi không nghĩ vậy đâu, ông Catchpool. Tôi nói ông sẽ muốn hỏi tôi chứ đâu có nói tôi muốn trả lời. Tuy vậy, tôi sẽ nói thế này...” Ông ta chĩa ngón tay trở xương xẩu, phù lên ở phần khớp vào tôi. “Nếu ông vấp phải ba án mạng trong cái khách sạn sang trọng của các ông tại London và cứ khẳng khẳng trong đầu rằng ông là cảnh sát London thì tốt nhất ông nên ra ngoài để đặt các câu hỏi của ông chứ đừng có hỏi ở đây.”

“Ông muốn tôi đi khỏi đây ư, ông Meakin?”

“Hoàn toàn không. Kế hoạch của ông là việc của ông. Ở quán trọ này ông luôn được chào đón chừng nào ông còn muốn trụ lại. Không thành vấn đề với tôi.” Nói đoạn, ông ta quay lưng, bỏ đi.

Tôi bối rối lắc đầu. Thật khó mà hòa giải với Victor Meakin vì giờ đây ông ta không còn là cái người đã đón tôi khi tôi mới đến King’s Head, cái người đã lái nhải về London và bà dì ngại bẩn của mình.

Tôi ngồi lên giường rồi lập tức đứng dậy, cảm thấy nhu cầu hít thở không khí tươi mát. Giá như ở Great Holling có nơi nào khác để trọ ngoài cái quán trọ King’s Head này.

Tôi mặc vào chiếc áo khoác mới vừa cởi ra chỉ vài phút trước đó, khóa cửa phòng lại và bước xuống cầu thang. Victor Meakin đang lau khô mấy cái ly bia sau quầy rượu. Ông ta cúi chào khi tôi bước vào phòng.

Ở chiếc bàn chật kín ly bia cạn tại góc phòng có hai người nam ngồi đối diện nhau. Họ đang ráng hết sức tự đầu độc bằng bia. Cả hai đều là bậc thầy của nghệ thuật đóng đũa trong tư thế ngồi. Một trong hai bợm nhậu này là cụ già lùn lụ khụ râu bạc

trắng khiến người ta liên tưởng đến Ông-Già-Tuyết. Người kia là một gã thanh niên cường tráng, cầm vuông, không quá hai mươi tuổi. Hắn đang cố nói gì đó với ông già, nhưng miệng hắn đã bị rượu làm nhịu lại và không ai hiểu nổi hắn muốn nói gì. May thay, người bạn nhậu của hắn cũng không ở trạng thái sẵn sàng lắng nghe, cho nên có lẽ cũng là may khi thứ bị lãng phí là những câu nói tối tăm, vô nghĩa chứ không phải là những mẫu đối thoại tinh tế.

Bộ dạng gã thanh niên khiến tôi thấy thương hại. Sao hắn lại đi đến chỗ tàn tạ thế này? Trông hắn cứ như đang cố khoác vào một bộ mặt mà hắn sẽ sớm phải khoác vĩnh viễn nếu như không thay đổi nếp sống.

“Ông uống chút gì chứ, ông Catchpool?” Meakin hỏi.

“Để sau đi, cảm ơn ông.” Tôi mỉm cười ấm áp. Tôi đang cố tỏ ra mình là người vui tính với những gã mà tôi ghét hoặc không tin cậy. Việc đó không phải lúc nào cũng thành công, nhưng đôi khi họ cũng đáp lại tương tự. “Đầu tiên phải dành thời gian để đuổi cặp chân già này cái đã.”

Gã thanh niên say xỉn lão đảo đứng dậy. Hình như hắn bất chợt nổi giận và nói câu gì đó bắt đầu bằng từ “Không”. Phần còn lại thì không ai hiểu nổi. Hắn loạng choạng băng qua tôi và bước ra phố. Cụ già từ từ đưa tay lên – một quy trình mất đến gần mười giây – cho đến khi ngón tay ông trở thẳng vào mặt tôi. “Anh,” ông ta nói.

Tôi mới đến làng Great Holling này chưa đầy một giờ, thế mà đã có hai người trở thẳng ngón tay vào mặt tôi một cách thô lỗ.

Một biểu hiện chào đón thuộc về tập tục nơi đây chăng? Tôi không tin là thế.

“Xin lỗi, cụ muốn nói tôi?” tôi hỏi.

Ông-Già-Tuyết phát ra những âm thanh mà tôi có thể tạm dịch lại như sau: “Phải, là anh đó, anh là người tốt. Đến ngồi đây đi. Ngồi vào ghế này nè. Ngồi cạnh tôi này. Hãy ngồi vào ghế của cái thằng nhóc rách việc đáng thương kia, ngồi đi nào.”

Trong tình huống bình thường, sự lặp đi lặp lại sẽ làm tôi phát cáu, nhưng do quá mải miết với bài tập phiên dịch nên tôi khá dễ dãi.

“Tôi sắp đi một vòng quanh làng...” Tôi mở miệng nói, nhưng ông cụ đã quyết chí không cho tôi làm cái việc đó.

“Anh còn khối gì thời gian để đi lại mà!” ông ta gầm lên. “Đến ngồi đây ngay đi, chúng ta sẽ trò chuyện cùng nhau.” Tôi tá hỏa khi ông ta cất tiếng hát: “*Đến ngồi đây. Đến ngồi đây. Ông Cảnh sát London lại đây.*”

Tôi nhìn Meakin. Đôi mắt ông ta vẫn tập trung vào mấy ly bia. Cơn giận bốc lên trong tôi, và tôi nói với ông ta: “Mới cách đây mười phút tôi đã yêu cầu ông không nói về công việc của tôi với bất cứ ai.”

“Tôi có nói gì đâu.” Ông ta thậm chí chẳng thèm nhìn tôi.

“Ông Meakin, bằng cách nào mà ông cụ kia lại biết tôi là cảnh sát từ London nếu như không phải ông nói? Không ai khác trong làng này biết tôi là ai.”

“Ông không nên kết luận nhanh như thế, ông Catchpool ạ. Tôi

nghĩ điều đó sẽ chẳng dẫn ông đến đâu cả. Tôi không nói một lời nào về ông cho bất kỳ một ai. Không một lời nào.”

Ông ta nói dối. Ông ta biết là tôi biết, thế mà ông ta cứ phớt tỉnh.

Bị đánh bại, tôi đến ngồi với cụ già lùn ở góc quán. Quanh ông ta là những thanh xà màu sậm treo lủng lẳng những món đồ bằng đồng, và trong vài giây ông đã tạo ấn tượng giống như một sinh vật kỳ dị tóc bạc phơ ngồi trong chiếc tổ thậm chí còn kỳ dị hơn nữa.

Ông ta bắt đầu nói như thể cuộc trò chuyện đã râm ran sẵn rồi: “...nó không phải người đường hoàng mà là một thằng rách việc, và cha mẹ nó cũng y như thế. Chúng không biết đọc, không viết nổi cái tên của mình, và thằng con chúng cũng thế. Không có một chữ Latinh nào trong đầu! Mới hai mươi tuổi mà trông nó kìa! Hồi tôi bằng tuổi nó... ôi, đã lâu lắm rồi. Vào cái thời xa xưa đó tôi là một chàng trai tuyệt vời, thế mà có những kẻ được Chúa ban cho phúc lành lại đi quẳng hết ráo xuống sông xuống biển. Chúng không nhận ra rằng sự vĩ đại nằm trong tầm tay mỗi người cho nên chúng chẳng cố gắng làm việc gì vĩ đại cả.”

Latinh hả? Thứ đó tôi có thể xoay sở đối đáp được. Còn lớn lao ư? Tôi tự nghĩ mình đã may mắn tránh thoát được nhiều thất bại nhục nhã. Chẳng có gì lỗ mãng trong giọng nói của cụ già này, bất chấp chiếc mũi bạc màu vàng đỏ và bộ râu sừng bia. Nếu không bị méo mó do nhậu nhẹt, giọng ông cụ có lẽ cũng dễ nghe, tôi nghĩ vậy.

“Vậy hồi đó cụ có làm được việc gì vĩ đại không?” tôi hỏi.

“Tôi đã cố và đã thành công vượt ngoài những ước mơ hoang đường nhất.”

“Thật sao?”

“À, nhưng đó là lâu lắm rồi. Mơ ước đâu có mất mát gì, và những ước mơ quan trọng nhất có thể không bao giờ thành hiện thực. Khi còn trẻ tôi không biết điều đó. Mừng là tôi không biết.” Ông cụ thở dài. “Còn anh thì sao, anh bạn tốt? Thành tựu lớn của đời anh là gì vậy? Phá được vụ án mưu sát Harriet Sippel, Ida Gransbury và Richard Negus ư?”

Ông ta nói cứ như đó là một mục tiêu tầm phào.

“Tôi không quen Negus, mặc dù có thấy anh ta vài lần,” ông cụ nói tiếp. “Tôi vừa đến làng thì anh ta bỏ đi. Người đến, người đi, cả hai vì cùng một lý do. Cả hai đều có trái tim nặng trĩu.”

“Lý do gì vậy?”

Bằng một động tác nhanh nhẹn, cụ già lùn rót một lượng bia không thể tưởng tượng nổi vào cuống họng.

“Cô ta không bao giờ bỏ qua chuyện đó!” ông ta nói.

“Ai không bao giờ bỏ qua chuyện gì? Có phải ý cụ là Ida Gransbury không bao giờ bỏ qua việc Richard Negus rời bỏ Great Holling?”

“Việc mất chồng, như mọi người vẫn nói... Harriet Sippel ấy mà. Mọi người nói việc mất chồng khi còn rất trẻ đã khiến cô ta trở nên như thế. Tôi thì nói cái cơ đó thật dấm dớ. Không nhiều tuổi gì hơn cái thằng nhóc vừa ngồi cái chỗ anh đang ngồi. Quá trẻ để mà chết.”

“Cụ nói ‘khiến cô ta trở nên như thế’ có phải ngụ ý là... Cụ... hừm... cụ giải thích rõ hơn được không ạ?”

“Giải thích gì vậy, anh bạn tốt? Ồ, phải. Mơ ước thì chẳng làm ai mất mát gì, dù là nam hay nữ. Mừng là lúc vấp phải chuyện đó tôi đã già.”

“Xin lỗi, nhưng tôi muốn kiểm tra lại xem tôi hiểu có đúng không,” tôi nói, lòng thầm mong ông cụ sẽ bám theo vấn đề. “Có phải cụ nói rằng Harriet Sippel mất chồng khi còn trẻ, và do góa chồng mà bà ta đã trở nên... trở nên thế nào nhỉ?”

Tôi kinh hoàng khi ông cụ bật khóc. “Tại sao cô ta lại đến đây? Lẽ ra cô ta đã có một tấm chồng, nhiều đứa con, một mái nhà riêng, và một cuộc sống hạnh phúc.”

“Ai lẽ ra đã có những thứ đó?” Tôi hỏi, khá tuyệt vọng. “Harriet Sippel ư?”

“Nếu như cô ta đừng nói ra cái điều không thể dung thứ đó... Nó đã khởi đầu mọi rắc rối.” Như thế có một người thứ ba vô hình đã tham gia vào cuộc đối thoại và chợt hỏi một câu khác, ông cụ chau mày, nói: “Không, không. Harriet Sippel đã có chồng. Là George. Anh ta đã chết rồi. Chết rất trẻ. Một căn bệnh khủng khiếp. Anh ta còn trẻ hơn cái thằng nhóc rách việc vừa ngồi đây trước anh đấy. Stoakley.”

“Tên của gã rách việc đó là Stoakley?”

“Không, anh bạn tốt. Tên tôi mới là Stoakley. Walter Stoakley. Tôi không biết tên nó.” Ông già lùn luồn các ngón tay vào bộ râu rồi nói: “Cô ta dâng tặng cả cuộc sống cho anh ta. Ồ, anh biết không, tôi hiểu rõ vì sao. Anh ta là người có địa vị, dù anh ta có

gây ra tội lỗi gì đi nữa. Cô ta hy sinh mọi thứ cho anh ta.”

“Cho... gã vừa rời đây ư?” Không, nghe không ổn. Gã rách việc đó chẳng có vẻ gì là có địa vị cả.

Thật may mà Poirot không tham gia vào cuộc trò chuyện này, tôi nghĩ. Những lời dông dài, lộn xộn của Walter Stoakley hẳn sẽ làm ông nổi điên.

“Không, không. Nó chỉ mới hai mươi tuổi, anh biết đấy.”

“Vâng, cụ vừa nói ít phút trước đây rồi mà.”

“Chẳng việc gì phải dâng tặng đời mình cho một tên vô tích sự, chỉ biết suốt ngày nhậu nhẹt.”

“Tôi đồng ý, nhưng...”

“Cô ta không thể lấy một thằng nhóc nào đó khi đã từng yêu một người có địa vị. Cho nên cô ta bỏ rơi hắn.”

Tôi chợt nảy ra một ý tưởng, lấy cảm hứng từ những gì người phục vụ Rafal Bobak đã nói tại phòng ăn của khách sạn Bloxham.

“Cô ta có lớn hơn hắn nhiều tuổi không?” tôi hỏi.

“Ai cơ?” Stoakley có vẻ bối rối.

“Người phụ nữ mà cụ đang nói đó. Cô ta bao nhiêu tuổi.”

“Dễ phải hơn anh đến chục tuổi. Khoảng bốn hai, bốn ba gì đó.”

“Tôi hiểu rồi.” Tôi không khỏi ấn tượng khi ông cụ đoán được chính xác tuổi của tôi. Nếu ông cụ đã làm được vậy, tôi suy luận, chắc chắn sẽ có lúc mình xoay xở rút ra được vài ý tứ mạch lạc từ ông cụ.

Trở lại với câu chuyện lộn xộn kia, tôi nói: “VẬY người phụ nữ cụ đang nói nhiều tuổi hơn cái gã rách việc vừa ngồi trên ghế này ban nãy ư?”

Stoakley chau mày. “Nói sao vậy, anh bạn tốt, cô ta lớn hơn thằng ấy đến những hai chục tuổi lận đó! Cảnh sát các anh toàn hỏi những câu kỳ cục.”

Một phụ nữ và một chàng trai trẻ: một cặp khắp khểnh mà Harriet Sippel, Ida Gransbury và Richard Negus đã đàm tiếu tại khách sạn Bloxham. Chắc chắn tôi đã có bước tiến. “VẬY lẽ ra cô ta phải lấy gã rách việc, nhưng lại chọn cái anh chàng có địa vị kia?”

“Không, không phải cái thằng nhóc rách việc đó,” Stoakley mất kiên nhẫn. Rồi mí mắt ông cụ rung lên. Ông mỉm cười, nói: “À, nhưng Patrick! Anh ta có sự vĩ đại trong tầm tay. Cô ta thấy điều đó. Cô ta hiểu. Nếu anh muốn phụ nữ yêu anh, anh Catchpool ạ, hãy cho họ thấy anh có sự vĩ đại trong tầm tay.”

“Tôi không muốn phụ nữ yêu tôi, ông Stoakley ạ.”

“Tại sao không?”

Tôi hít vào một hơi sâu.

“Cụ Stoakley, xin cụ vui lòng cho tôi biết tên người phụ nữ mà cụ đang nói tới, cái người mà cụ mong đừng đến đây, cái người đã yêu một kẻ có địa vị và đã có một lời nói dối không thể dung thứ?”

“Không thể dung thứ,” cụ già lùn tán thành.

“Patrick là ai vậy? Tên họ đầy đủ là gì? Có phải viết tắt là PJI

không? Ở Great Holling có người phụ nữ nào tên là Jennie không, cả hiện nay lẫn trước đây?”

“Sự vĩ đại nằm trong tay anh ta,” Stoakley rầu rĩ nói.

“Vâng, đúng vậy. Nhưng...”

“Cô ta đã hy sinh mọi thứ cho anh ta, và chớ có nghĩ rằng cô ta hối tiếc, cứ hỏi cô ta thì biết. Cô ta biết làm sao khác được? Cô ta yêu anh ta, anh biết đấy. Tình yêu thì khỏi có lý lẽ.” Ông cụ tự tóm lấy ngực áo của mình, xoắn lại. “Có thể đập nát cả trái tim đấy.”

Đó chính là điều tôi cảm thấy sau nửa giờ nữa tìm cách rút ra vài logic từ Walter Stoakley. Tôi đã cố cho đến khi không chịu đựng nổi nữa và đành phải đầu hàng.



CHƯƠNG 10

BIA MIỆNG

Tôi bước ra khỏi King's Head mà thấy lòng nhẹ nhõm. Mưa lâm tẩm rơi. Phía trước tôi, một người đàn ông mặc áo khoác dài, đội nón vừa dợm chạy, chắc là muốn về kịp nhà và vào được đó trước khi thời tiết xấu đi. Tôi nhìn bằng cánh đồng phía sau một bờ rào thấp đối diện với quán trọ: một khoảng xanh mênh mông, ba phía bao bọc bởi những hàng cây. Cũng lại sự im ắng đó. Chẳng có âm thanh nào ngoài tiếng mưa rơi trên lá, chẳng có gì mà nhìn ngoài một màu xanh.

Một ngôi làng ở miệt vườn không phải là nơi sinh sống với ai muốn thoát khỏi những dòng suy tư, đó là điều chắc chắn. London luôn có xe hơi, xe buýt hay một khuôn mặt hay một con chó vùn vụt băng qua, tạo ra sự chuyển động nhất định. Giờ đây tôi thấy thêm sự chuyển động ấy biết bao, thêm bất cứ điều gì miễn không phải là sự bất động.

Hai phụ nữ đi ngang qua có vẻ cũng vội vã. Họ phớt lờ cái chào thân thiện của tôi, hối hả cúi gằm mặt bước đi. Chỉ khi tôi nghe phía sau lưng những từ như "cảnh sát" và "Harriet", tôi mới tự

hỏi phải chăng đó là do sự hiện diện mang tính hiện tượng của tôi, và tôi đã trách nhảm cơn mưa vốn hoàn toàn vô tội. Những người này chạy trốn thời tiết hay muốn tránh mặt viên cảnh sát từ London?

Thừa lúc tôi đang mài vận dụng các tế bào xám nho nhỏ của mình, như cách Poirot vẫn thường nói, để giải mã những tiết lộ rời rạc của cụ Walter Stoakley, phải chăng Victor Meakin đã rời quán trọ bằng cửa hậu, chặn từng người đi đường lại để thông báo về sự hiện diện của tôi trong làng, bất chấp lời dặn dò rành mạch của tôi? Tôi hình dung đó là một thú vui quen thuộc của ông ta. Ông ta quả là một gã kỳ lạ và khó ưa.

Tôi tiếp tục đi dọc con phố hình chữ S. Phía trước, một thanh niên xuất hiện từ một trong những ngôi nhà. Tôi vui mừng nhận ra đó là anh chàng đeo kính, mặt tàn nhang, người đầu tiên tôi gặp khi xuống tàu. Thấy tôi tiến đến, anh ta dừng phắt lại cứ như để giày anh bị dính vào vỉa hè.

“Xin chào!” tôi cất tiếng. “Tôi đã tìm ra quán trọ King’s Head, cảm ơn anh đã giúp đỡ!”

Đôi mắt anh thanh niên mở lớn khi tôi đến gần. Anh ta trông như muốn lĩnh đi, rõ ràng chỉ vì lịch sự mà không làm như vậy. Nếu không phải là những đốm tàn nhang vắt ngang sống mũi, tạo thành hình thù rõ rệt của chiếc boomerang, tôi hẳn đã kết luận đây không phải là anh chàng mà tôi đã gặp khi trước. Cung cách của anh ta hoàn toàn thay đổi... hệt như sự thay đổi cung cách của Victor Meakin.

“Tôi không biết chút gì về kẻ đã giết họ đâu, thưa ông,” anh ta

lắp bắp nói trước cả khi tôi kịp đặt câu hỏi. “Tôi chẳng biết gì cả. Tôi chưa từng đến London, như tôi đã nói với ông.”

Giờ thì không còn nghi ngờ gì nữa rồi: việc tôi là ai và lý do tôi đến Great Holling đã trở thành một điều mà ai ai cũng biết. Tôi thăm nguyên rửa lão Meakin.

“Tôi không phải đến đây để tìm hiểu về London,” tôi nói. “Anh có biết Harriet Sippel, Ida Gransbury và Richard Negus không?”

“E rằng tôi không thể đứng đây lâu, thưa ông.” Anh ta cứ mở miệng là “thưa ông”. Anh ta không như vậy hồi gặp nhau lần đầu, khi anh ta chưa biết tôi là cảnh sát.

“Ồ,” tôi nói. “Được thôi, lát nữa ta nói chuyện với nhau nhé?”

“Không, thưa ông, e rằng tôi không có thời gian.”

“Còn mai thì sao?”

“Không, thưa ông.” Anh ta nhai nhai bờ môi dưới.

“Tôi hiểu. Và nếu tôi cố ép, tôi dám cá anh sẽ im thin thít hoặc nói dối, đúng không?” Tôi thở dài. “Dẫu sao tôi cũng cảm ơn anh đã trò chuyện vài lời. Hầu hết mọi người cứ thấy tôi là tất tả chạy theo hướng ngược lại.”

“Họ chẳng thành kiến gì ông đâu, thưa ông. Họ sợ thôi.”

“Sợ gì?”

“Đã có những cái chết. Chẳng ai muốn là người kế tiếp cả.”

Tôi không biết mình chờ đợi câu trả lời nào, nhưng không phải là câu này. Trước khi tôi kịp nói gì thêm, anh thanh niên đã băng qua tôi, đi xuôi theo con phố. Điều gì khiến anh ta tin rằng nhiều khả năng sẽ có cái “kế tiếp”? Tôi nghĩ đến câu nói của

Poirot về chiếc khuy măng-xét thứ tư chờ sẵn trong túi của hung thủ để đặt vào miệng của nạn nhân tương lai mà thấy cổ mình chợt se lại. Tôi không thể cho phép có thêm một cái xác được sắp đặt nào nữa. Lòng bàn tay úp xuống...

Không. Chuyện đó tuyệt đối sẽ không xảy ra. Tự tuyên bố như thế, tôi cảm thấy dễ chịu hơn.



Tôi đi ngược xuôi con phố một hồi lâu, hy vọng sẽ gặp ai đó, nhưng chẳng ai xuất hiện cả. Chưa sẵn sàng trở về King's Head, nên tôi đi đến tận cuối làng, nơi có đường ray xe lửa. Tôi đứng trên sân ga đi London, lòng buồn rầu vì không thể bước lên tàu và về nhà ngay tức khắc. Tôi tự hỏi không biết Blanche Unsworth nấu món gì cho bữa tối hôm nay, và Poirot có cho món đó là tạm được hay không. Rồi tôi buộc ý nghĩ của mình quay trở về Great Holling.

Tôi đã làm gì để mọi người trong làng quyết tránh mặt và phớt lờ?

Nhà thờ! Tôi đã đi qua khu nghĩa trang của nó nhiều lần mà không hề nhận ra, không hề nghĩ đến câu chuyện bí ẩn về những cái chết cách nhau vài giờ của vị mục sư và người vợ. Sao tôi lại lãng trí đến vậy?

Tôi trở về làng và hướng thẳng đến nhà thờ – Nhà thờ Holy Saints, một tòa nhà nho nhỏ lát cùng một loại đá màu mật như

ở ga xe lửa. Cỏ trong sân nhà thờ được chăm sóc kỹ. Đa số các ngôi mộ đều có hoa, trông tươi tắn như mới vừa được đặt.

Sau nhà thờ, ở mé bên kia bờ tường thấp có cánh cổng, tôi thấy hai căn nhà. Một căn hơi lúi sâu, trông như nhà mục vụ. Căn kia, nhỏ hơn hẳn, là một mái nhà tranh thấp và dài, phía sau hầu như nép sát vào tường. Không có cửa hậu, nhưng tôi đếm được bốn cửa sổ – những cửa sổ rất lớn đối với một căn nhà tranh – không nhìn ra đâu khác ngoài những hàng mộ. Phải gan lì lắm mới sống được nơi đây, tôi nghĩ.

Tôi mở cánh cửa sắt, bước từ phố vào sân nhà thờ. Nhiều bia mộ cũ đến mức không thể đọc được tên ghi trên đó. Một bia mộ mới và khá đẹp đập vào mắt tôi. Đó là một trong số ít ngôi mộ không được ai đặt hoa, và cái tên khắc trên đó đã khiến hơi thở tôi tắc nghẹn trong cuống họng.

Không thể tin nổi... Nhưng đúng là thế!

Patrick James Ive, mục sư quản nhiệm của địa phận, và Frances Maria, người vợ yêu dấu.

PJI. Đúng như tôi đã giải thích với Poirot: chữ tắt lớn hơn nằm ở giữa là họ. Và Patrick Ive từng là mục sư quản nhiệm của Great Holling.

Tôi rà lại những ngày sinh và ngày mất để kiểm tra xem mình có lầm lẫn không. Không, Patrick và Frances Ive cùng mất vào năm 1913, Patrick ở tuổi hai mươi chín và Frances ở tuổi hai mươi tám.

Chính là vị mục sư và người vợ đã chết bi thảm cách nhau vài giờ... Tên họ viết tắt của ông ta có trên ba chiếc khuy măng-xét

tìm thấy trong miệng ba nạn nhân tại khách sạn Bloxham...

Chết tiệt! Poirot đã đúng, tôi miễn cưỡng thừa nhận. Có mối liên hệ. Phải chăng điều này có nghĩa ông cũng đã đúng về người phụ nữ tên Jennie? Cô ta có cũng có liên can sao?

Có một bài thơ trên bia mộ, bên dưới những cái tên và ngày tháng. Đó là một bài *sonnet**, nhưng tôi không biết bài này. Tôi bắt đầu đọc:

Bị vu cáo thì không thể xem là sai trái

Những người tốt vẫn mãi luôn là bia miệng

Mới chỉ đọc được hai dòng thì một giọng nói cất lên sau lưng tôi, ngăn tôi đọc tiếp.

“Tác giả là William Shakespeare.”

Tôi quay lại, thấy một bà trạc năm mươi tuổi có khuôn mặt dài hơi xương xẩu, mái tóc màu dẻ ngựa điểm những dải bạc lưa thưa, đôi mắt màu xanh xám tinh ranh và dò xét. Siết lại chiếc áo khoác sẫm quanh cơ thể, bà ta nói: “Đã có nhiều tranh luận về việc có nên đưa cái tên William Shakespeare vào hay không.”

“Bà nói sao cơ?”

“Phía dưới bài *sonnet*. Cuối cùng thì đã có quyết định rằng những cái tên duy nhất trên bia đã là...” Bà đột ngột quay đi mà không nói dứt câu. Khi quay lại, đôi mắt bà đắm ướt. “Vâng, đã có quyết định... người chồng quá cố của tôi, Charles, đã cùng tôi quyết định... Ồ, thật ra đó là tôi. Charles chỉ là người một lòng ủng hộ mọi việc tôi làm. Chúng tôi thống nhất rằng cái tên

William Shakespeare thế nào cũng bị nhiều người chú ý, vì vậy không cần thiết phải khắc lên đó.” Bà gật gù với tấm bia. “Tuy vậy, khi thấy ông đứng đọc, tôi cảm thấy cần phải đến cho ông biết ai là tác giả của bài thơ.”

“Tôi cứ tưởng đang ở đây một mình,” tôi nói, lòng tự vấn có sao mình không hề biết bà ta đến dù đã quay mặt ra đường.

“Tôi vào bằng ngõ khác,” bà nói, lấy ngón cái trỏ ra phía sau. “Tôi sống trong ngôi nhà tranh. Tôi thấy ông qua cửa sổ.”

Khuôn mặt tôi hẳn đã tiết lộ những suy nghĩ riêng tư về khung cảnh ảm đạm của ngôi nhà, bởi lẽ bà mỉm cười và nói: “Tôi quan tâm gì đến cảnh quan? Không hề. Tôi sống trong ngôi nhà tranh là để trông mộ.”

Bà nói cứ như đó là một điều hoàn toàn bình thường. Hẳn bà đã đọc được suy nghĩ của tôi, vì bà tiếp tục nói: “Ông Catchpool ạ, chỉ có một lý do duy nhất mộ của Patrick Ive không bị đào xới lên. Đó là: mọi người đều biết tôi đang canh chừng nó.” Không hề báo trước, bà tiến đến tôi, chìa tay ra. Tôi bắt tay bà. “Margaret Ernst,” bà nói. “Hãy gọi tôi là Margaret.”

“Ý bà là... Bà cho rằng có những người trong làng muốn quấy nhiễu mộ của Patrick và Frances Ive?”

“Phải. Tôi thường đặt hoa ở đó, nhưng đã sớm nhận ra làm vậy là vô ích. Hoa rất dễ phá, dễ hơn một khối đá. Khi tôi ngừng đặt hoa, chúng chẳng còn gì để phá nữa ngoài bia mộ, nhưng tôi lại đang canh chừng nó ở ngôi nhà tranh bên cạnh.”

“Thật không ngờ đến nơi yên nghỉ của người ta mà có kẻ lại dám làm cái việc kinh khủng như thế,” tôi nói.

“Vâng, con người kinh khủng lắm, đúng không ông? Ông đã đọc bài thơ chưa?”

“Tôi mới vừa đọc thì bà đến.”

“Giờ hãy đọc đi,” bà ra lệnh.

Tôi quay lại tấm bia và đọc toàn bộ bài sonnet.

*Bị vu cáo thì không thể xem là sai trái
Những người tốt vẫn mãi luôn là bia miêng
Nếu ngờ vực là một món trang sức của cái đẹp
Thì nó cũng chẳng khác chi quạ bay trong thiên đường ngọt ngào.*

*Chỉ cần ta tốt thì vu cáo chỉ có thể chứng tỏ
Rằng giá trị của ta lớn hơn và thời gian sẽ ủng hộ ta
Bởi lẽ loài sâu bọ chỉ yêu thích những nụ nào ngọt nhất
Và ta đã chứng tỏ sự trinh nguyên, trong trắng.
Ta đã vượt qua cạm bẫy của những ngày tươi trẻ
Không bị cám dỗ hay lao đến những chiến thắng
Nhưng ngợi khen sẽ chỉ xứng đáng với ngợi khen
Khi ta không bị trói buộc bởi lòng đố kỵ, vốn luôn được thả rộng.
Và sự ngờ vực xấu xa không phủ bóng lên ta như một chiếc mặt nạ*

Chỉ khi đó ta mới đến được những vương quốc của tình yêu.

“Để đưa lên bia mộ thì đó một bài thơ kỳ lạ.”

“Ông nghĩ vậy ư?”

“‘Bia miệng’ là từ rất nặng. Bài thơ có phải gợi ý rằng... nếu tôi không làm... đã có những công kích nhắm vào Patrick và Frances Ive?”

“Có đấy. Vì vậy mới có bài *sonnet*. Chính tôi đã chọn. Có người khuyên tôi chỉ nên khắc hai câu đầu thôi, chứ khắc cả bài thì tốn kém lắm... làm như chi phí là quan trọng nhất không bằng. Loài người là một đám cục súc!” Margaret Ernst phát ra một tiếng khịt mũi ghê tởm. Lòng bàn tay bà đặt lên bia đã trông cứ như đang đặt trên đỉnh đầu của một đứa bé cứng. “Patrick và Frances Ive là những người tử tế, chẳng bao giờ muốn hại ai cả. Phải lặp lại điều này bao nhiêu lần mới được đây? Bản thân tôi không quen biết họ – Charles và tôi chỉ tiếp quản xứ đạo sau khi họ chết – nhưng đó là những gì ông bác sĩ làng nói, bác sĩ Flowerday ấy mà, mà ông ta là người duy nhất ở Great Holling này có những ý kiến đáng lắng nghe.”

Để xem mình có hiểu đúng ý bà ta hay không, tôi hỏi: “Vậy chồng bà là mục sư quản nhiệm hiện nay, sau Patrick Ive?”

“Không, ông ấy là mục sư quản nhiệm cho đến khi mất, cách đây ba năm. Bây giờ đã có mục sư quản nhiệm mới rồi: một lão mục sách không vợ, luôn sống xa cách.”

“Còn cái ông bác sĩ Flowerday...?”

“Quên ông ta đi.” Margaret Ernst nói nhanh, và điều đó đã có tác dụng xuất sắc trong việc gắn chặt cái tên này vào đầu tôi.

“Được thôi,” tôi nói dối.

Tiếp xúc với Margaret Ernst đã hơn mười lăm phút, tôi nghĩ rằng việc ngoan ngoãn phục tùng là sách lược có lợi nhất.

“Tại sao bà nhận việc khắc chữ lên bia?” tôi hỏi. “Bà có họ hàng với vợ chồng Ives sao?”

“Buồn thay, chỉ vì chẳng ai quan tâm hoặc có khả năng làm việc đó.”

“Bà Ernst,” tôi nói, “ý tôi là... Bà Margaret... Bà đã khiến tôi cảm thấy được tiếp đón nồng hậu hơn rất nhiều trong ngôi làng này. Chắc hẳn bà đã biết tôi là ai, và hẳn cũng biết lý do tôi đến đây. Chẳng ai chịu nói chuyện với tôi cả, trừ ông cụ ở quán trọ King’s Head, nhưng những gì ông ta nói chẳng có mấy ý nghĩa.”

“Chưa chắc tôi mong ông cảm thấy được chào đón nhiều hơn đâu, ông Catchpool.”

“Thì ít hơn vậy. Dù sao bà đã không tránh mặt tôi như tránh hồn ma kinh dị.”

Bà bật cười: “Ông ư? Kinh dị ư? Ôi, trời.”

Tôi không biết phải nói sao.

“Cái ông cụ nói năng chẳng mấy ý nghĩa tại King’s Head... ông ta có râu trắng đúng không?”

“Phải.”

“Ông ta nói chuyện với ông vì ông ta không sợ.”

“Vì ông ta say quá nên không biết sợ ư?”

“Không phải. Vì ông ta không...” Margaret Ernst khựng lại, rồi nói trở đi. “Ông ta không gặp nguy cơ nào từ vụ giết Harriet, Ida và Richard.”

“Còn bà thì sao?” tôi hỏi.

“Tôi thì vẫn nói với ông dù có nguy hay không.”

“Tôi hiểu. Bà gan dạ một cách lạ thường?”

“Tôi nhút nhát một cách lạ thường thì có. Tôi chỉ nói những gì tôi tin cần phải nói, và làm những gì tôi tin cần phải làm. Và nếu tôi bắt được một gợi ý nào đó rằng tôi phải im lặng thì tôi sẽ làm ngược lại.”

“Tôi nghĩ điều đó là rất đáng khen ngợi.”

“Ông có thấy tôi quá thẳng thừng không, ông Catchpool?”

“Không hề. Nghĩ gì nói nấy sẽ làm cho cuộc sống dễ dàng hơn.”

“Và đó phải chăng là lý do mà cuộc sống của ông chưa bao giờ dễ dàng?” Margaret Ernst mỉm cười. “À... tôi thấy rồi, ông không thích nói về bản thân mình. Thế thì tốt lắm. Ông có ấn tượng gì về tính cách của tôi, nếu như ông không phản đối câu hỏi này?”

“Tôi chỉ mới vừa quen bà thôi.” Trời ạ! Tôi nghĩ. Tôi không được chuẩn bị cho việc trò chuyện kiểu này nên điều tốt nhất mà tôi có thể nói là... “Tôi chỉ nói được rằng bà là người tốt, chỉ thế thôi.”

“Đó là một mô tả khá trừu tượng về một con người, ông nghĩ sao? Và cũng khá ngắn gọn nữa. Với lại thế nào là tốt? Về mặt đạo đức mà nói thì điều tốt nhất mà tôi từng làm hoá ra lại là hoàn toàn sai.”

“Thật sao?” Bà ta quả là một phụ nữ khác thường. Tôi quyết định thử vận may. “Nhân bà nói về việc làm ngược lại những gì người ta muốn bà làm... Ông Victor Meakin bảo rằng sẽ không ai nói chuyện với tôi. Ông ta hẳn sẽ rất mừng nếu bà không mời tôi vào ngôi nhà tranh của bà để uống tách trà, nhờ đó mà chúng ta

có thể trò chuyện lâu hơn, tránh được cả mưa gió. Bà nghĩ sao?”

Margaret Ernst mỉm cười. Bà có vẻ thích sự táo tợn của tôi, như tôi đã thầm mong. Tuy nhiên, tôi nhận ra đôi mắt bà trở nên e ngại hơn.

“Ông Meakin cũng sẽ mừng không kém nếu ông noi gương hầu hết mọi người làng và từ chối bước qua ngưỡng cửa nhà tôi,” bà nói. “Ông ta luôn vui mừng trước sự bất hạnh của người khác. Chúng ta có thể làm ông ta hết mừng vì cả hai điều đó, nếu như ông có khuynh hướng nổi loạn.”

“Vậy thì tốt lắm,” tôi nói. “Với tôi, vấn đề coi như đã dàn xếp xong!”



“Xin cho tôi biết điều gì đã xảy ra với Patrick và Frances Ive,” tôi nói khi trà đã pha xong và chúng tôi đang ngồi bên ngọn lửa trong “phòng khách” dài và hẹp ở nhà Margaret Ernst. Đó là cách bà gọi tên căn phòng mà chúng tôi đang ngồi, mặc dù nó chứa nhiều sách đến mức cũng có thể gọi nó là “phòng đọc”. Trên một bức tường có treo ba bức chân dung – hai bức vẽ và một bức chụp – thể hiện một người đàn ông có vầng trán cao và đôi mày ngỗ ngược. Tôi đoán rằng ông ta là Charles, chồng quá cố của bà Margaret. Thật là dễ bối rối khi có đến ba ông như thế đang nhìn tôi chòng chọc, cho nên tôi quay đầu ra cửa sổ. Ghế của tôi cho phép nhìn rất rõ ra ngôi mộ của vợ chồng Ive, và tôi đoán đó

cũng là chiếc ghế bà Margaret thường ngồi để canh chừng. Ở khoảng cách này, không thể nào đọc được bài *sonnet*. Tôi đã quên toàn bộ ngoài một dòng duy nhất – "Những người tốt vẫn mãi luôn là bia miệng" – vốn đã khu trú trong tâm trí tôi.

"Không," Margaret Ernst nói.

"Không? Bà sẽ không kể cho tôi về Patrick và Frances Ive?"

"Không phải hôm nay. Có thể ngày mai tôi sẽ kể. Trong khi chờ đợi, ông có câu hỏi nào khác không?"

"Có, nhưng... cho phép tôi được hỏi, hôm nay hay ngày mai thì có khác biệt gì nhau?"

"Tôi cần có thời gian để cân nhắc."

"Vấn đề là..."

"Ông định nhắc tôi rằng ông là một cảnh sát đang điều tra án mạng, và trách nhiệm của tôi là phải nói mọi điều tôi biết. Nhưng Patrick và Frances thì dính líu gì đến vụ án của ông?"

Tôi cũng cần vài trì hoãn và có những cân nhắc của riêng mình, nhưng tôi lại quá nôn nóng muốn thấy phản ứng của bà nếu tôi cho bà hay cái sự kiện mà tôi đã không nói với Victor Meakin, và vì vậy bà không thể nào biết trước.

"Ba nạn nhân, mỗi người đều có một chiếc khuy măng-xét vàng nhét trong miệng," tôi nói. "Cả ba chiếc khuy măng-xét đều có khắc tên họ viết tắt của Patrick Ive: *PIJ*." Tôi giải thích, như đã từng làm với Poirot, về việc chữ cái viết tắt cái họ lớn hơn hai chữ cái kia và nằm ở giữa. Không giống như ông bạn người Bỉ của tôi, Margaret Ernst chẳng có biểu hiện nào cho thấy bà tin

nền văn minh sẽ lâm nguy bởi cách sắp xếp như thế. Bà cũng chẳng có vẻ sốc hay ngạc nhiên trước những gì tôi kể, và tôi thấy điều này khá bất thường.

“Giờ thì bà hiểu vì sao tôi quan tâm đến Patrick Ive rồi chứ?” tôi hỏi.

“Vâng, tôi hiểu.”

“Thế bà có kể cho tôi về ông ta không?”

“Như tôi đã nói ban nãy: có lẽ để ngày mai. Ông uống thêm trà nhé, ông Catchpool?”

Tôi xin bà thêm trà, và bà rời khỏi phòng. Một mình trong phòng khách, tôi ngẫm nghĩ về việc liệu có quá muộn không nếu tôi bảo bà gọi tôi là Edward, và nếu chưa muộn thì liệu đây có phải là lúc tôi nên đề nghị? Tôi cân nhắc việc đó dù vẫn biết không nên nói gì cả, cứ để bà ta tiếp tục gọi tôi là "ông Catchpool". Đó là một trong những thói quen vô nghĩa của tôi: tự hỏi phải làm gì khi đã biết chắc điều mình sắp làm.

Khi Margaret trở ra với tách trà, tôi cảm ơn bà và yêu cầu bà cho biết về Harriet Sippel, Ida Gransbury và Richard Negus. Sự thay đổi thật khó tin. Bà không tìm cách úp mở nữa, mà kể cho tôi một cách nhiệt tình nhất về hai trong số ba nạn nhân – một câu chuyện đủ để lấp đầy nhiều trang giấy. Thật tức điên lên được, cuốn sổ tay tôi mang theo đến Great Holling lại nằm trong chiếc vali trong phòng tôi ở King's Head. Đây quả là một thách thức cho trí nhớ của tôi.

“Harriet có bản tính tốt, theo như vô số những tâng thư trong truyền thuyết của làng,” Margaret nói. “Tử tế, rộng lượng, luôn

tươi cười, lúc nào cũng đùa vui và trợ giúp bạn bè, lối xóm, chưa bao giờ ích kỷ, rất thánh thiện, luôn kiên quyết nghĩ tốt về mọi người, nhìn mọi thứ dưới ánh sáng tích cực nhất. Có người còn nói bà ta ngây thơ và cả tin. Tôi thì không dám chắc mình có tin tất cả những điều đó hay không. Không ai hoàn hảo hơn Harriet-trước-khi-thay-đổi. Tôi tự hỏi không biết đó có phải là sự đối nghịch với con người mà bà ấy về sau hay không...” Margaret chau mày. “Nói cho ngay, có lẽ đó không phải là sự xoay chuyển từ thái cực này sang thái cực khác, nhưng khi rỉ tai nhau, người ta thường kịch tính hóa tối đa mọi thứ, đúng không ạ? Tôi thì nghĩ rằng khi mất chồng ở độ tuổi quá trẻ thì ngay cả một người có bản tính vui vẻ nhất cũng có thể thay đổi. Harriet rất yêu George, người ta bảo thế, và ông ta cũng hết lòng với vợ. Ông ta mất vào năm 1911 ở tuổi hai mươi bảy – một hôm đang đi trên đường thì tự nhiên ngã chết, dù trước đó luôn là tấm gương mẫu mực về sức khỏe. Một cục máu đông trong não. Harriet trở thành góa phụ ở tuổi hai mươi lăm.”

“Quả là một cú sốc lớn đối với bà ấy,” tôi nói.

“Vâng,” Margaret tán thành. “Mất mát lớn như thế có thể để lại hậu quả khủng khiếp. Thật thú vị khi có người mô tả bà ta là ngây thơ.”

“Tại sao bà nói vậy?”

“‘Ngây thơ’ là nói về một cái nhìn lệch lạc, tô hồng về cuộc sống. Nếu người ta tin vào một thế giới hoàn toàn nhân ái và rồi tai họa tồi tệ nhất ập xuống, người ta có thể thấy oán giận và buồn rầu như thể mình đã bị lừa gạt. Và dĩ nhiên khi người ta

rất đau khổ, việc oán trách và khùng bố người khác trở nên dễ dãi hơn rất nhiều.”

Tôi đang cố che giấu sự bất đồng của mình thì bà ta bổ sung: “Tôi nói là với một số người thôi, chứ không phải tất cả. Tôi nghĩ ông là loại thà hại mình còn thấy dễ chịu hơn, đúng không ông Catchpool?”

“Hy vọng tôi chẳng làm hại ai cả,” tôi ngần ngại nói. “Vậy phải chăng tôi nên hiểu cái chết của người chồng đã có tác động không tốt lên tính cách của Harriet Sippel?”

“Đúng vậy. Tôi chưa bao giờ biết Harriet thuở ngọt ngào, tử tế. Harriet Sippel mà tôi biết là một phụ nữ hằn học và sùng tín. Bà ta coi cả thế giới này, và hầu như tất cả mọi người, là kẻ thù đáng ngờ vực. Thay vì chỉ thấy cái tốt, bà ta thấy toàn cái xấu đe dọa khắp nơi nơi, và hành xử cứ như mình có trách nhiệm phải phát giác và đánh bại cái xấu. Nếu có người mới đến làng, bà ta sẽ tin ngay rằng người này có chiều hướng xấu xa nào đó. Bà ta sẽ nói ra những ngờ vực của mình với bất cứ ai chịu nghe, rồi xúi giục họ tìm kiếm những dấu hiệu. Ai cũng bị bà ta bới ra những mặt xấu. Nếu không tìm thấy thì bà ta bịa ra. Niềm vui duy nhất của bà ta sau khi George qua đời là lên án người khác, cứ như bà ta cảm thấy mình tốt đẹp hơn nếu làm vậy. Mắt bà ta lấp lánh mỗi khi đánh hơi thấy điều xấu xa...”

Margaret Ernst rùng mình.

“Cứ như, vắng bóng chồng, bà ta đã tìm thấy thứ gì khác khơi dậy niềm đam mê và bám riết vào nó. Nhưng đó là một niềm đam mê tăm tối và hủy diệt, xuất phát từ hận thù chứ không

phải tình yêu. Điều tồi tệ nhất là mọi người lại túm tụm quanh bà ta, sẵn sàng đồng ý với những cáo buộc không lấy gì làm hay ho đó.”

“Tại sao họ lại như vậy?” tôi hỏi.

“Họ không muốn là người kế tiếp. Họ biết Harriet bao giờ cũng có một con mồi. Tôi nghĩ bà ta khó ở yên được một tuần mà không có đối tượng để hướng sự hận thù đoạn chính của mình vào.”

Tôi chợt nhớ anh thanh niên đeo kính đã từng nói: “Không ai muốn là người kế tiếp.”

Bà Margaret nói: “Họ thấy vui khi bà ta lên án bất cứ kẻ đáng thương nào bị nhắm tới, miễn sao bà ta không chú ý đến họ nữa. Suy nghĩ của Harriet về bạn bè là thế đấy: đó là những ai vào hùa với bà ta để nói xấu những kẻ mà bà ta cho rằng đã gây ra một tội ác lớn nhỏ nào đó.”

“Tôi nghĩ bà đang mô tả loại người có khả năng kết cuộc là bị sát hại.”

“Vậy sao? Tôi thì lại nghĩ loại người như Harriet Sippel sao ít bị sát hại đến thế.” Margaret Ernst nhướn mày. “Tôi hiểu. Tôi lại gây sốc cho ông nữa rồi, ông Catchpool. Là vợ mục sư, lẽ ra tôi không nên nói vậy. Tôi đã cố gắng là tín hữu Cơ Đốc tốt, nhưng tôi cũng có những nhược điểm, ai mà chẳng thế. Nhược điểm của tôi là không khoan dung đối với sự không khoan dung. Nghe mâu thuẫn, phải không ông?”

“Nghe như một câu nói nhệ. Bà có thể cho tôi biết bà ở đâu vào tối thứ năm tuần trước không?”

Margaret Ernst thở dài, nhìn ra cửa sổ. “Ở nơi tôi vẫn luôn luôn ở: ngồi chỗ ông đang ngồi, nhìn ra mộ.”

“Một mình?”

“Vâng.”

“Cảm ơn bà.”

“Ông có muốn tôi kể về Ida Gransbury ngay bây giờ không?”

Tôi gật đầu với ít nhiều lo lắng. Tôi tự hỏi sẽ cảm thấy thế nào nếu như cả ba nạn nhân hóa ra đều là những quái vật thù hận khi còn sống. Câu nói “CẦU CHO HỌ KHÔNG BAO GIỜ YÊN NGHỈ” chợt thoáng qua đầu tôi, nhanh chóng tiếp nối bởi lời kể của Poirot về lần gặp gỡ đầu tiên giữa ông và Jennie, sự quả quyết của cô ta về việc công lý chỉ được thực thi khi nào cô ta chết...

“Ida là một ả mộ đạo đến kinh khủng. Biểu hiện ra ngoài thì cũng hết như Harriet, nhưng cô ta bị dẫn dắt bởi nỗi sợ và niềm tin vào những luật lệ mà mọi người phải tuân theo chứ không là nỗi lo bị hại. Khác với Harriet, Ida không xem việc tố giác tội lỗi của kẻ khác là niềm vui. Cô ta xem đó là bốn phận đạo đức của một tín hữu Cơ Đốc tốt.”

“Khi nói đến từ ‘sợ’, có phải ý bà là sợ sự trừng phạt của các đấng thiêng liêng?”

“Ồ, dĩ nhiên, nhưng không chỉ có thế,” Margaret Ernst nói. “Ai cũng có quan điểm riêng luật lệ hay quy định, dù luật lệ có là như thế nào. Người hay nổi loạn như tôi thì luôn ghét sự gò bó, ngay cả những gò bó hợp lý nhất. Nhưng cũng có người cần đến chúng vì như vậy họ cảm thấy an toàn hơn, được che chở hơn.”

“Và Ida Gransbury là loại người thứ hai?”

“Tôi nghĩ vậy, đúng đấy. Nhưng cô ta không nói thế đâu. Cô ta luôn chăm chăm thể hiện mình là một phụ nữ đức hạnh tuyệt đối. Không thể có khiếm khuyết ô nhục nào của con người nơi Ida! Tôi tiếc rằng cô ta đã chết, dù cô ta gây ra những tác hại không kể xiết lúc còn sống. Không như Harriet, Ida tin vào sự chuộc tội. Cô ta muốn cứu rỗi những người có tội, trong khi Harriet chỉ muốn sỉ vả họ và nâng tầm của mình lên qua tương quan so sánh. Tôi nghĩ Ida luôn tha thứ cho tội đồ nào thể hiện rõ sự ăn năn hối cải. Cô ta thấy yên lòng với sự sám hối theo đúng chuẩn mực Cơ Đốc. Nó củng cố thế giới quan của cô ta.”

“Những tác hại không kể xiết mà Ida gây ra là gì vậy?” tôi hỏi.
“Hại ai cơ?”

“Ông về đi, câu đó để ngày mai hẵng hỏi.” Giọng bà vừa độ lượng vừa quyết đoán.

“Hại Patrick và Frances Ive ư?”

“Để mai đi, ông Catchpool.”

“Bà nói sao về Richard Negus?” tôi hỏi.

“E rằng chẳng có gì nhiều. Ông ta bỏ Great Holling mà đi ngay sau khi Charles và tôi đến. Tôi nghĩ ông ta là một nhân vật có uy ở làng này. Tiếng nói của ông ta được lắng nghe và mọi người hay xin lời khuyên của ông ta. Ai cũng nói về ông ta một cách vì nể, ngoại trừ Ida Gransbury. Cô ta không nói lời nào về ông ta sau khi ông bỏ cô, chạy khỏi Great Holling.”

“Quyết định hủy hôn là của ông ta hay của cô ta?” tôi hỏi.

“Của ông ta.”

“Làm sao bà biết cô ta không nói gì về ông ta sau đó? Biết đâu cô ta có nói với người khác chứ không nói với bà?”

“Ồ, Ida sẽ chẳng đời nào nói với tôi về Richard Negus hay bất cứ chuyện gì. Tôi chỉ biết qua lời của Ambrose Flowerday thôi, ông bác sĩ của làng ấy mà, nhưng ông ấy là người đáng tin nhất trần đời. Chỉ cần Ambrose để hé cánh cửa phòng tiếp bệnh của mình là ông ấy nghe ngóng được tất tậ mọi chuyện đang diễn ra.”

“Có phải cũng cái ông bác sĩ Flowerday mà tôi cần phải quên đi? Chắc tôi phải quên luôn cả tên thánh của ông ta quá.”

Margaret Ernst phớt lờ nhận xét lém lỉnh của tôi. “Có những nguồn đáng tin cậy cho tôi biết, sau khi bị Richard Negus bỏ, Ida quyết không bao giờ nhắc hay nghĩ gì về ông ta nữa,” bà nói. “Bề ngoài cô ta không có dấu hiệu buồn bã nào. Mọi người có bàn bạc chuyện này. Họ nói cô ta thật mạnh mẽ và dứt khoát. Cô ta tuyên bố từ đây sẽ dành trọn tình yêu cho Chúa. Cô ta thấy đặt niềm tin vào Chúa luôn tốt hơn là đặt vào người trần.”

“Bà có ngạc nhiên không nếu biết Richard Negus và Ida Gransbury đã cùng nhau dùng bữa trà tối tại căn phòng khách sạn của cô ta ở London tối thứ năm vừa qua?”

Margaret Ernst trợn tròn mắt. “Chỉ hai người dùng bữa trà với nhau thì, vâng, tôi ngạc nhiên lắm. Ida là loại người luôn đưa ra những lập trường dứt khoát và không bao giờ vi phạm. Nhưng xem ra cả Richard Negus cũng thế. Đã quyết không lấy Ida làm vợ thì ông ta khó mà đổi ý. Theo tôi nghĩ, ông ta phải thể hiện sự

ân hận rất sâu sắc và tỏ tình lại lần nữa thì họa may mới thuyết phục được Ida chịu gặp riêng.”

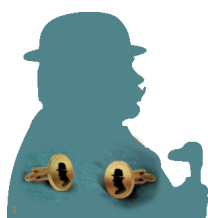
Nghỉ một lúc, Margaret Ernst nói tiếp: “Nhưng vì Harriet Sippel cũng có mặt tại cái khách sạn London đó, tôi đoán cả bà ta cũng hiện diện trong bữa trà chiều hôm ấy?”

Tôi gật đầu.

“Vậy thì rõ. Ba người họ chắc chắn có chuyện gì đó phải thảo luận. Chuyện này ắt là quan trọng hơn cả lập trường của mỗi bên trong quá khứ.”

“Bà có ý tưởng đó là chuyện gì không?”

Margaret Ernst nhìn những hàng mộ qua cửa sổ. “Có thể tôi sẽ có vài ý tưởng khi ông ghé nhà tôi ngày mai,” bà nói.



CHƯƠNG 11

HAI HỒI ỨC

Trong khi tôi vật vã vô ích thuyết phục Margaret Ernst kể về Patrick và Frances Eve trước khi bà sẵn sàng, thì Hercule Poirot đang ở quán cà phê Pleasant tại London, cũng lao đầu vào một nỗ lực không kém phần vô vọng: thuyết phục cô phục vụ Fee Spring kể lại điều mà cô ta không thể nhớ.

“Tôi biết gì thì đã nói hết với ông rồi còn đâu,” cô ta nhiều lần nói, càng lúc càng ngán ngẩm. “Tôi để ý thấy có gì trật trạ ở Jennie tối hôm đó. Tôi đẹp nó sang bên để suy ngẫm sau, giờ đây nó bị chôn đâu đó mà không chịu lú ra. Ông có nài tôi thì cũng thế cả thôi. Có khi ông còn đuổi nó đi cơ đấy. Ông chẳng biết kiên nhẫn là gì cả, điều đó là chắc chắn.”

“Làm ơn tiếp tục lục lợi trí nhớ, cô nhé. Điều đó có thể quan trọng đấy.”

Fee Spring nhìn ra cửa, qua vai Poirot. “Nếu cái ông tìm là ký ức thì sắp có người đem ký ức đến cho ông rồi đấy. Ông ta vào quán cách đây khoảng một giờ. Có cảnh sát dẫn đường, được hộ tống cơ đấy, thật là oách. Chắc là cũng có chút quyền hành, tôi

đoán vậy. Ông không có mặt lúc đó nên tôi bảo ông ta trở lại vào giờ này.” Cô ngược nhìn chiếc đồng hồ chèn giữa hai ấm trà trên cái kệ cong vênh trên đầu. “Tôi biết hôm nay ông thế nào cũng đến ít nhất một lần để tìm Jennie dù tôi đã bảo ông không tìm được cô ta đâu.”

“Cái ông đó có cho cô biết tên không?”

“Không. Dù vậy, ông ta là người tử tế, lịch sự. Biết tôn trọng. Chẳng hề như cái lão lẩm lem nói nhại bằng giọng của ông. Lão không được quyền làm thế, dù có tài tình cách mấy.”

“Pardon. Cái người mà cô vừa nhắc đến – ông Samuel Kidd – ông ta không nói bằng giọng của tôi. Ông ta cố nhại theo tôi, nhưng chẳng ai sao chép được nguyên xi giọng nói của người khác.”

Fee phì cười. “Lão bắt chước giọng ông tài ra phết! Tôi mà nhắm mắt thì chẳng thể phân biệt được.”

“Vậy là cô không chú tâm khi người ta nói rồi,” Poirot cau kỉnh nói. “Mỗi người chúng ta đều có một giọng nói độc nhất, một nhịp điệu riêng.” Để minh họa, Poirot nâng chiếc tách của ông lên. “Cũng độc nhất vô nhị như món cà phê độc đáo này của Pleasant.”

“Ông uống thứ đó quá nhiều rồi,” Fee nói. “Không tốt cho ông đâu.”

“Từ đâu cô có cái ý tưởng đó vậy?”

“Ông đâu thấy được mặt của chính mình, ông Poirot. Tôi thì thấy đấy. Ông nên thử uống trà một lần đi. Trà không có vị như bùn, và uống nhiều cũng chẳng sao. Uống trà chỉ có lợi mà thôi.”

Nói đến đó, Fee vượt phẳng lại chiếc tạp dề. “Và tôi có chú tâm khi người ta nói – chú tâm vào lời lẽ chứ không phải giọng điệu. Quan trọng là người ta nói gì chứ không phải là nói bằng giọng Bỉ hay giọng Anh.”

Ngay lúc đó, cửa quán bật mở ra và một người đàn ông bước vào. Ông ta có đôi mắt cụp của giống chó Basset.

Fee huých nhẹ Poirot. “Ông ta kia rồi, không có cảnh sát đi kèm,” cô thì thào.

Người đàn ông đó là Rafal Bobak, người phục vụ ở khách sạn Bloxham đã phục vụ bữa trà chiều cho Harriet Sippel, Ida Gransbury và Richard Negus lúc 7 giờ 15 vào cái đêm án mạng. Bobak xin lỗi vì sự đường đột của ông ta và giải thích rằng Luca Lazzari đã căn dặn toàn bộ nhân viên rằng nếu có ai muốn trao đổi với thám tử lừng danh Hercule Poirot thì nên đến tìm ở quán cà phê Pleasant tại St. Gregory’s Alley.

Khi cả hai ngồi vào bàn, Poirot hỏi: “Ông muốn nói gì với tôi vậy? Ông nhớ ra điều gì sao?”

“Tôi nhớ ra rất nhiều điều, thưa ông, và tôi nghĩ phải nói ngay với ông khi chúng còn nóng hổi trong đầu tôi. Một số điều ông đã nghe rồi, nhưng tôi cứ trần qua trở lại, và nhiều ký ức đã quay về khi ta cố lục lại.”

“Đúng vậy, ông ạ. Chỉ cần ta ngồi yên và khai thác những tế bào xám nho nhỏ.”

“Ông Negus là người đặt bữa, như tôi đã nói với ông, thưa ông. Hai quý bà đang thảo luận về một phụ nữ và một người đàn ông, như tôi đã nói ở khách sạn. Câu chuyện nghe đâu như người

phụ nữ bị người đàn ông kia ruồng bỏ vì quá già, hay vì ông kia không quan tâm nữa vì lý do nào đó. Ít ra tôi hiểu là như vậy, thưa ông, nhưng tôi đã xoay xở nhớ ra chút đỉnh những gì họ nói cụ thể, xin ông hãy tự phán xét lấy.”

“À! Hữu ích lắm đây!”

“Thưa ông, việc đầu tiên tôi đã nhớ ra được là bà Harriet Sippel có nói: ‘Bà ta còn lựa chọn nào đâu nhỉ? Bà ta chẳng còn là người để ông ấy yêu thương. Giờ đây ông ấy khó lòng mà quan tâm đến bà ta khi bà ta đã đánh mất chính mình, và nay còn đáng tuổi mẹ của ông ấy nữa cơ đấy. Không, nếu muốn biết ông ấy nghĩ gì trong đầu, bà ta chẳng còn lựa chọn nào khác hơn là chấp nhận và thỏa hiệp với người phụ nữ mà ông ấy yêu thương.’ Sau khi nói như thế, bà Sippel đã bật cười khanh khách, và đó không phải là tràng cười tử tế. Cay nghiệt, như tôi đã nói ở khách sạn.”

“Tiếp tục đi, ông Bobak.”

“Vâng, ông Negus có nghe bà ta nói vì ông ta quay lưng lại với tôi – ông ta và tôi đang trao đổi vài câu đùa bỡn, ông biết đấy – và nói: ‘Ồ, Harriet, nói vậy thì ác quá. Ida dễ bị sốc lắm đấy. Nhẹ nhàng với bà ta đi.’ Sau đó, hoặc bà Harriet Sippel, hoặc cô Ida Gransbury đã nói gì đó. Tôi không cách chi nhớ ra nổi câu nói này, thưa ông. Tôi xin lỗi.”

“Không cần phải xin lỗi đâu,” Poirot nói. “Hồi ức của ông, dù chưa hoàn chỉnh, sẽ được chứng tỏ là vô giá, tôi tin chắc như thế.”

“Tôi hy vọng là vậy, thưa ông,” Bobak ngừng nói. “Mẫu kẻ tiếp mà tôi đã nhớ lại được từng từ diễn ra nhiều phút sau đó,

khi tôi chuyển các món sang bàn cho ba vị khách. Ông Negus nói với bà Sippel: ‘Lý trí của ông ấy ư? Tôi thì cho rằng ông ấy chẳng còn lý trí. Tôi nghi ngờ cái vụ đáng-tuổi-mẹ của bà. Rất nghi đấy.’ Bà Sippel cười chuyện đó và nói: ‘Thôi được, nếu không ai trong chúng ta chứng tỏ được mình đúng, vậy ta chấp nhận là bất đồng đi!’ Đó là câu cuối cùng tôi nghe được trước khi rời khỏi phòng, thưa ông.”

“Tôi thì cho rằng ông ta chẳng còn lý trí,” Poirot lẩm bẩm.

“Họ không nói điều gì thân thiện cả, thưa ông. Người phụ nữ mà họ đề cập, họ chỉ muốn điều ác cho cô ta thôi.”

“Tôi không biết phải cảm ơn ông bao nhiêu lần cho đủ, ông Bobak ạ. Lời khai báo của ông hữu ích một cách phi thường. Biết được từng từ họ nói, và bấy nhiêu là từ, quả là vượt quá sự mong đợi của tôi.”

“Tôi chỉ mong mình nhớ được phần còn sót, thưa ông.”

Poirot cố thuyết phục ông Bobak ở lại uống một tách gì đó, nhưng người phục vụ này dứt khoát đòi trở về khách sạn Bloxham càng sớm càng tốt, không lạm dụng lòng tốt của ông Luca Lazzari.



Bị Fee Spring từ chối phục vụ thêm một tách cà phê nữa, viện dẫn lý do sức khỏe. Poirot quyết định trở về nhà trọ của Blanche Unsworth. Ông đi thong thả, chậm rãi băng qua những con phố

sầm uất của London, trong khi đầu óc băng băng về phía trước. Trong khi đi, ông lật giở trong đầu từng lời lẽ mà Rafal Bobak đã thuật lại: “Giờ đây ông ấy khó lòng mà quan tâm đến bà ta... Bà ta nay còn đáng tuổi mẹ của ông ấy nữa cơ đấy... Lý trí của ông ấy ư? Tôi thì cho rằng ông ấy chẳng còn lý trí... Tôi nghi ngờ cái vụ đáng-tuổi-mẹ của bà... Thôi được, nếu không ai trong chúng ta chứng tỏ được mình đúng...”

Poirot còn đang lẩm bẩm những câu này thì đã về đến nhà trọ. Blanche Unsworth lao đến bên ông lúc ông bước vào. “Ông lẩm bẩm gì vậy, ông Poirot?” bà vui vẻ hỏi. “Cứ như có hai Poirot vậy!”

Poirot nhìn xuống thân thể mình, thấy nó bệ vệ đồ tới trước. “Tôi đâu đã ăn nhiều đến mức mập ra gấp đôi, thưa bà,” ông nói.

“Không, ý tôi là cả hai ông Poirot cùng nói.” Blanche Unsworth hạ giọng xuống thành tiếng thì thầm và tiến sát Poirot đến mức ông buộc phải nép sát vào tường để tránh tiếp xúc thân thể với bà. “Có một người đến tìm ông và ông ta có giọng nói hệt như ông. Ông ta đang đợi trong phòng khách. Chắc ông ta đến từ nước Bỉ, quê hương ông. Một ông trông rất ngầu, nhưng tôi vẫn cho ông ta vào vì người ông ta không đến nổi bốc mùi, và... thì đấy, tôi không muốn quay lưng với một người bà con của ông, ông Poirot ạ. Tôi nghĩ mỗi nước đều khác nhau về phong tục ăn mặc. Dĩ nhiên, chỉ có người Pháp mới ăn mặc điệu đà, đúng không ạ?”

“Ông ta không phải là bà con của tôi,” Poirot gay gắt nói. “Tên ông ta là Samuel Kidd và ông ta là người Anh cũng y như bà vậy,

thưa bà.”

“Ông ấy có sẹo đầy khắp mặt,” Blanche Unworth nói. “Ông ấy bảo là do cạo râu. Tôi đồn rằng ông ta không biết cách cạo râu sao cho đúng, thật là tội nghiệp. Tôi bảo ông ta tôi có vài thứ giúp chữa lành những vết cắt, nhưng ông ta chỉ phá lên cười!”

“Đầy khắp mặt ư?” Poirot chau mày. “Ông Kidd mà tôi gặp hôm thứ sáu ở quán Pleasant chỉ có một vết sẹo trên mặt thôi, ở mảng da mà ông ta vừa cạo. Xin cho biết cái người ngồi ở phòng khách kia có râu không vậy?”

“Ồ, không. Mặt ông ta không có lấy một cọng lông, trừ cặp lông mày ra. Cũng chẳng có bao nhiêu mảng da lành lặn! Tôi mong ông sẽ dạy ông ta cách cạo mà không phạm vào da thịt, ông Poirot ạ. Ồ, tôi xin lỗi.” Blanche Unsworth dùng hai tay bịt miệng. “Ông nói ông ta chẳng bà con gì với ông, đúng không ạ? Trong đầu tôi vẫn cứ nghĩ ông ta là người Bỉ. Cái cách ông ta nói chính xác hệt như ông. Tôi còn nghĩ ông ta là em của ông nữa đấy. Chừng bốn mươi tuổi, đúng không nhỉ?”

Bực mình vì bị làm tưởng gã ngầu Samuel Kidd là bà con của mình, Poirot cắt ngang cuộc trò chuyện với Blanche Unworth một cách khá đường đột rồi tiến về phía phòng khách.

Trong phòng khách, ông phát hiện những gì bà Unsworth đã nói trước: một người đàn ông – cũng cái gã từng gặp ông ở Pleasant hôm thứ sáu trước – đã cạo sạch sẽ lông lá trên khuôn mặt và trong quá trình đó để lại những vết sẹo.

“Chào ông Poirr-oh.” Samuel Kidd đứng bật dậy. “Tôi cá là đã đánh lừa được bà ấy, đúng không vậy, cái bà cho tôi vào ấy mà?”

Bà ấy có nghĩ tôi là đồng hương của ông không?”

“Chào ông Kidd. Tôi thấy ông đã gặp nhiều xui xẻo hơn lần trước, lúc chúng ta gặp nhau.”

“Xui xẻo ư?”

“Thì những vết thương ở trên mặt ông đó.”

“À, ông đúng đấy, thưa ông. Thật là tôi không thích nghĩ đến lưỡi dao bén ở sát đôi mắt của tôi đến thế. Tôi tưởng tượng nó phạm vào các nhãn cầu của tôi, và thế là hai tay tôi run bắn lên. Tôi rất quý đôi mắt. Tôi đã nhủ thầm phải nghĩ đến thứ gì khác, nhưng không được. Lần nào cũng kết thúc bằng việc để lại sẹo tùm lum.”

“Tôi hiểu. Tôi hỏi ông điều này được không: làm sao ông biết phải tìm tôi ở địa chỉ này?”

“Ông Lazzari ở bên khách sạn nói rằng viên đội Stanley Beer có nói ông Catchpool sống ở đây và cả ông cũng thế, thưa ông. Tôi xin lỗi vì quấy rầy ông tại nhà, nhưng tôi có tin tốt cho ông và tôi nghĩ ông muốn biết nó ngay tức khắc.”

“Tin gì vậy?”

“Cái cô đánh rơi hai chìa khóa, cái cô mà tôi thấy chạy ra khỏi khách sạn sau các án mạng... Tôi đã nhớ ra cô ta là ai! Tôi sức nhớ khi nhìn tờ báo sáng nay. Tôi không thường xuyên xem báo lắm đâu.”

“Người phụ nữ đó là ai vậy? Ông nói đúng đấy. Poirot tôi muốn biết tên cô ta ngay tức thì.”

Samuel Kidd sờ một lớp vảy viêm đỏ trên má trái bằng đầu

ngón tay trong khi mở màng nói: “Thời gian không nhiều nhặn gì để vừa đọc về cuộc đời người khác vừa sống cuộc sống của chính mình. Nếu phải lựa chọn, tôi sẽ ưu tiên chọn cuộc sống của tôi hơn là đọc điều gì đó về người khác. Nhưng, như tôi nói, tôi đã nhìn vào tờ báo sáng nay vì tôi muốn xem báo chí nói gì về các vụ án mạng ở khách sạn Bloxham.”

“Oui,” Poirot nói, cố đấu tranh để giữ kiên nhẫn. “Và ông đã thấy gì?”

“Ồ, quá chừng tin bài về các án mạng ở Bloxham, hầu hết nói rằng cảnh sát chưa có bước tiến nào đáng kể và kêu gọi ai thấy được điều gì thì bước ra khai báo. Thì đấy, ông Poirot, tôi bước ra đây nè. Nhưng, như tôi nói hôm trước, thoát đầu tôi không thể gắn cái tên nào với khuôn mặt. Vâng, giờ thì tôi gắn được rồi!”

“Một tin tuyệt vời, ông Kidd ạ. Sẽ còn tuyệt vời hơn nữa nếu như ông có thể tiết lộ cho tôi cái tên đó trong câu nói kế tiếp của ông.”

“Tôi thấy cô ta, ông biết đấy: ảnh của cô ta, trên báo. Chính vì vậy mà khi nhìn tờ báo tôi nhớ ngay đến cô ta. Cô ta là một phụ nữ danh tiếng, thưa ông. Tên cô ta là Nancy Ducane.”

Mắt Poirot tròn tròn. “Danh họa Nancy Ducane ư?”

“Vâng, thưa ông. Chính là cô ta, chẳng ai khác. Tôi thề đấy. Vẽ chân dung chính là nghề của cô ta. Cô ta đã vẽ cái khuôn mặt rất đáng vẽ của chính mình, và có lẽ nhờ đó mà tôi nhớ mặt cô ta. Tôi tự nhủ: ‘Sammy ơi, kẻ mà mày thấy chạy ra khỏi khách sạn Bloxham vào cái đêm án mạng chính là Nancy Ducane đó!’ Và giờ thì tôi ở đây để kể cho ông.”



CHƯƠNG 12

VẾT THƯƠNG NHỨC NHỒI

Ngày kế tiếp, ngay sau bữa điểm tâm, tôi lên đường đến ngôi nhà tranh của Margaret Ernst gần sân nhà thờ Holly Saints tại Great Holling. Tôi phát hiện cánh cửa chính khép hờ, bèn gõ vào đó nhẹ hết cỡ, chỉ sợ mình lỡ tay xô nó mở rộng ra.

Không có ai trả lời nên tôi gõ lớn hơn. “Bà Ernst?” tôi cất tiếng gọi. “Bà Margaret?”

Im lặng.

Chẳng biết vì sao tôi quay lại, linh cảm có một chuyển động nào đó phía sau lưng, nhưng có lẽ chỉ là gió rung cây.

Tôi nhè nhẹ đẩy cửa và nó mở toang ra cùng một tiếng cọt kẹt. Thứ đầu tiên tôi thấy là chiếc khăn quàng cổ trên sàn đá phiến của nhà bếp: một dải lụa màu lam và lục thêu hoa văn rất công phu. Tại sao nó nằm đây? Tôi hít một hơi sâu rồi lấy gan bước vào, vừa lúc có giọng nói vọng ra: “Vào đi, ông Catchpool.” Tôi giật bắn cả mình.

Margaret Ernst xuất hiện trong căn bếp. “Ồ, tôi tìm nó nãy giờ,” bà nói, miệng mím cười, khom xuống nhặt chiếc khăn

quàng. “Tôi biết ông đến nên đã để cửa ngỏ. Thật ra, tôi chờ ông từ năm phút trước đây cơ, nhưng tôi nghĩ đúng y boong chín giờ thì có vẻ háo hức quá, đúng không ạ?”

Bà quần chiếc khăn lên cổ, dẫn đường cho tôi vào nhà. Có gì đó trêu chọc nơi bà ta – dù không có chủ định làm phật lòng người ta – thúc giục tôi phải thẳng thừng hơn so với bình thường.

“Tôi háo hức muốn phát hiện sự thật, và tôi cũng không ngại làm rõ sự thật,” tôi nói. “Ai là kẻ muốn giết Harriet Sippel, Ida Gransbury và Richard Negus? Tôi tin bà có biết gì đó về điều này, và rất mong bà nói cho tôi.”

“Những giấy tờ đó là gì vậy?”

“Sao cơ? Ồ!” Tôi quên bém mình đang cầm chúng trên tay. “Các bản danh sách ấy mà. Khách trọ tại khách sạn Bloxham vào khoảng thời gian các án mạng, nhân viên của Bloxham. Tôi đang định trước hết hỏi bà xem ai có khả năng là hung thủ, sau đó nhờ bà liếc qua và cho biết có cái tên nào mà bà thấy quen thuộc không.”

“Nancy Ducane,” Margaret nói. Bà đón lấy hai bản danh sách từ tay tôi rồi chăm chú xem, mày chau lại.

Tôi nói với bà cái câu hệt như Poirot đã nói với Samuel ngày hôm qua, dù lúc đó tôi không biết ông nói gì. “Danh họa Nancy Ducane ư?”

“Xin chờ một chút.” Tôi đứng im lặng trong lúc bà Margaret đọc hai bản danh sách. “Không có cái tên nào quen cả, tôi e là vậy.”

“Có phải bà ngụ ý Nancy Ducane, họa sĩ chân dung nổi tiếng, chính là người có động cơ sát hại Harriet Sippel, Ida Gransbury và Richard Negus?”

Margaret gấp hai xấp giấy, trả lại, rồi ra hiệu cho tôi theo bà vào phòng khách. Khi chúng tôi đã thoải mái ngồi trên chính những chiếc ghế như hôm qua, bà nói: “Đúng vậy. Chính là họa sĩ Nancy Ducane. Tôi nghĩ bà ấy là người duy nhất có cả động cơ giết Harriet, Ida và Richard, lẫn năng lực để làm việc đó và thoát ra. Đừng ngạc nhiên thế chứ, ông Catchpool. Đâu phải cứ là người nổi tiếng thì không tàn bạo. Tuy vậy, phải nói rằng tôi không thể tin nổi Nancy lại làm việc tà đình như thế. Bà ấy là một phụ nữ có văn hóa – lúc tôi còn quen biết bà ấy. Không ai thay đổi nhiều đến thế. Bà ấy là một người phụ nữ quả cảm.”

Tôi không nói gì cả. Tôi nghĩ, oái oăm nằm ở chỗ một số kẻ sát nhân thông thường luôn là người có văn hóa và chỉ phá vỡ nếp văn hóa đó một lần duy nhất để ra tay giết người.

Bà Margaret nói: “Tôi đã thao thức suốt đêm qua, tự hỏi liệu có thể nào là do Walter Stoakley gây ra hay không, nhưng không, không thể nào. Ông ta đứng dậy còn phải có người đỡ, làm sao lết nổi đến London. Ba vụ án mạng là chuyện ngoài tầm với của ông ta.”

“Walter Stoakley ư?” Tôi nhồm dậy trên ghế. “Ông cụ say xỉn tại King’s Head mà tôi đã trò chuyện hôm qua? Tại sao ông ta muốn giết Harriet Sippel, Ida Gransbury và Richard Negus cơ chứ?”

“Vì Frances Ive là con gái của ông ta,” Margaret nói. Bà quay lại

để nhìn nắm mộ của vợ chồng Ive qua cửa sổ. Một lần nữa dòng thơ trong bài *sonnet* của Shakepeare lại hiện lên trong đầu tôi: *Những người tốt vẫn mãi luôn là bia miệng.*

“Tôi sẽ rất mừng nếu Walter là hung thủ,” bà Margaret nói. “Tôi nói thế có kinh khủng lắm không? Tôi sẽ nhẹ nhõm biết bao nếu không phải là do Nancy. Walter già rồi, chẳng còn bao nhiêu sự sống, tôi nghĩ vậy. Ồ, tôi không muốn hung thủ đó là Nancy đâu! Tôi đọc báo thấy nói Nancy đã thắng hoa trong hội họa. Bà ấy đã rời nơi đây và thực sự làm nên tên tuổi của mình. Với tôi, bà ấy là một nguồn động viên. Tôi rất vui khi biết bà ấy thành đạt ở London.”

“Rời nơi đây?” tôi hỏi. “Vậy ra Nancy Ducane cũng từng sống ở Great Holling ư?”

Margaret Ernst vẫn đắm đuối nhìn qua cửa sổ. “Phải. Đến năm 1913.”

“Là cái năm mà Patrick và Frances Ive mất. Cũng là năm mà Richard Negus bỏ làng đi.”

“Phải.”

“Bà Margaret...” Tôi chồm tới, nỗ lực lôi kéo sự chú ý của bà khỏi mộ vợ chồng Ive. “Tự đáy lòng, tôi hy vọng bà sẽ chóng quyết định kể tôi nghe câu chuyện về Patrick và Frances Ive. Chắc chắn sau khi nghe xong, tôi sẽ hiểu ra nhiều điều hiện vẫn còn là bí ẩn với tôi.”

Bà ta hướng đôi mắt nghiêm trang sang tôi. “Tôi đã quyết định sẽ kể cho ông nghe câu chuyện đó, nhưng với một điều kiện. Ông phải hứa không kể lại cho bất kỳ ai trong làng. Những điều tôi

nói với ông trong phòng này không được ra khỏi đây cho đến khi ông trở về London. Ở đó, ông muốn kể cho ai thì cứ việc.”

“Xin bà đừng lo,” tôi nói. “Cơ hội trò chuyện của tôi ở Great Holling này rất hạn hẹp. Vừa thấy tôi đến là mọi người đã lĩnh đi.” Điều đó đã diễn ra hai lần sáng nay, trên đường tôi đi đến ngôi nhà tranh của Margaret Ernst. Trong số những người né tránh tôi có một thằng bé chưa đầy mười tuổi đời, một thằng nhóc tì. Thế mà nó cũng biết tôi là ai, biết phải nhìn tránh đi và lướt nhanh qua tôi để được an toàn. Tôi tin chắc nó biết đầy đủ họ tên của tôi, biết luôn tôi đến Great Holling này để làm gì. Những ngôi làng nhỏ ít ra cũng có cái biệt tài mà London không có: chúng biết cách phớt lờ một người theo kiểu làm cho người đó cảm thấy mình quan trọng đến đáng sợ.

“Tôi cần một lời thề trang trọng chứ không phải lời nói suông, ông Catchpool ạ.”

“Cớ sao phải bí mật thế? Dân làng không biết gì về vợ chồng Ive và chuyện gì xảy ra với họ sao?”

Điều kế tiếp mà bà Margaret nói thể hiện rằng bà ta chỉ lo một người trong làng biết được mà thôi. “Một khi ông đã nghe những gì tôi kể, chắc chắn ông sẽ muốn trò chuyện với bác sĩ Ambrose Flowerday.”

“Cái ông mà bà thúc tôi hãy quên đi, nhưng lại liên tục nhắc đến hết lần này đến lần khác ấy à?”

Bà Margaret đỏ mặt. “Ông phải hứa không tìm đến ông ta, và nếu có gặp ông ta thì không được nêu đề tài Patrick và Frances Ive. Ông mà không cam kết điều này thì tôi không thể nói với

ông điều gì đâu.”

“Tôi không chắc có cam kết được không. Tôi biết nói gì đây với sếp của tôi ở Scotland Yard? Ông ta cử tôi đến đây để đặt ra những câu hỏi.”

“Thế thì đành vậy. Chúng ta đành bó tay.” Margaret Ernst khoanh tay lại.

“Nếu tôi tìm đến cái ông bác sĩ Flowerday đó và yêu cầu ông ta kể câu chuyện này thay vì nhờ bà thì sao nhỉ? Ông ta cũng biết vợ chồng Ive mà, đúng không? Hôm qua bà đã nói rồi, ông ta khác bà ở chỗ là đã ở Great Holling khi họ còn sống.”

“Đừng!” Không thể nhầm lẫn vào đâu nỗi lo lắng trong đôi mắt bà. “Làm ơn đừng nói chuyện với Ambrose! Ông không hiểu đâu. Ông không thể hiểu được.”

“Bà lo gì vậy, bà Margaret? Tôi cứ nghĩ bà là người chính trực, nhưng... Tôi cứ băn khoăn mãi không biết liệu bà có ý đồ chỉ kể ra một phần câu chuyện hay không.”

“Ồ, những gì tôi kể là đầy đủ, không thiếu sót gì cả.”

Vì lý do nào đó, tôi tin lời bà ta. “Thế thì, nếu bà không có ý đồ giấu diếm một phần sự thật, tại sao tôi không thể trò chuyện với ai khác về Patrick và Frances Ive?”

Margaret Ernst bật dậy, bước đến cửa sổ và đứng đó, tì trán vào kính. Cơ thể bà chặn tầm nhìn của tôi đến nắm mộ vợ chồng Ive. “Điều xảy ra tại đây vào năm 1913 đã gây ra một vết thương nhức nhối cho cả làng,” bà chậm rãi nói. “Không ai ở đây thoát được cả. Sau đó Nancy Ducane bỏ làng lên London, Richard Negus thì chạy đến Devon, nhưng cả hai vẫn không thoát. Họ đã

mang vết thương theo cùng. Dù không lộ trên da hay phần cơ thể nào đó, nhưng nó vẫn hiện diện. Vết thương vô hình chính là vết thương tồi tệ nhất. Với những người ở lại, như Ambrose Flowerday, nó cũng không kém phần khủng khiếp. Tôi không biết liệu Great Holling có hồi phục được hay không. Tôi chỉ biết là hiện thì chưa hồi phục.”

Bà quay lại để đối mặt tôi. “Thảm kịch đó không bao giờ được kể ra, ông Catchpool ạ. Bất kỳ ai nơi đây đều không kể hay nói trực tiếp về nó. Đôi lúc im lặng cũng là một cách. Im lặng và lãng quên, giá như người ta có thể quên.” Bà siết chặt hai bàn tay vào nhau rồi nhả ra.

“Bà lo câu hỏi của tôi có thể tác động đến bác sĩ Flowerday phải không? Ông ta đang tìm cách lãng quên sao?”

“Tôi nói rồi: lãng quên là điều không thể.”

“Dù vậy... Đó là chủ đề quá đau buồn đối với ông ta?”

“Vâng. Rất đau buồn.”

“Ông ta có phải là bạn thân của bà?”

“Tôi chẳng liên quan gì ở đây,” bà gay gắt nói. “Ambrose là người tốt nên tôi không muốn ông ta bị quấy rầy. Tại sao ông không đồng ý với yêu cầu của tôi?”

“Thôi được, tôi cam đoan với bà,” tôi miễn cưỡng nói. “Những gì bà kể tôi nghe, tôi sẽ không nói với bất cứ ai trong làng.” Thề xong, tôi bỗng mong cư dân của Great Holling cứ tiếp tục kiên quyết phớt lờ tôi như hiện nay, chứ đừng đặt ra những cảm dỗ trên con đường tôi đi. Phải xem tôi có gặp may hay không, chứ vừa rời ngôi nhà tranh của bà Margaret mà đụng ngay ông bác sĩ

Flowerday ba hoa đang rất muốn có một cuộc tán gẫu thì coi như xong chuyện.

Từ ba bức chân dung treo trên tường, ông Charles Ernst quá cố phóng xuống tôi những ánh mắt cảnh cáo: *Thử thất hứa với vợ tao đi, mày sẽ phải hối tiếc cho coi, đồ vô lại*, cặp mắt ông như muốn nói.

“Còn về sự thanh thản của chính bà?” tôi hỏi. “Bà không muốn tôi trò chuyện với bác sĩ Flowerday vì sợ làm ông ta đau lòng, nhưng tôi thì lại lo làm bà đau lòng. Tôi không muốn gây ra buồn đau nào cho bà đâu đấy.”

“Tốt.” Bà Margaret nhẹ nhõm thở phào. “Thật ra tôi cũng thích có cơ hội được kể ra câu chuyện cho một người ngoài cuộc giống như tôi.”

“Vậy thì xin mời bà,” tôi nói.

Bà gạt đầu, trở lại ghế của mình, và bắt đầu kể câu chuyện về Patrick và Frances Ive. Tôi nghe một mạch, không hề ngắt lời bà. Tôi sẽ trình bày nó ngay sau đây.



Tin đồn khởi đầu cho mọi tai họa mười sáu năm trước đây xuất phát từ cô gái giúp việc nhà của mục sư Patrick Ive – vị mục sư quản nhiệm trẻ tuổi của Great Holling – và Frances, vợ ông. Nói là thế, nhưng cô gái giúp việc này không phải là người duy nhất hay thậm chí là người chịu trách nhiệm chính cho tấn thảm

kịch. Cô ta đưa ra một lời nói dối đầy ác ý, nhưng chỉ nói với duy nhất một người và không hề tham gia vào việc lan truyền nó khắp ngôi làng. Thật ra, khi rắc rối bắt đầu, cô ta hầu như đã rút ra hoàn toàn và chẳng mấy khi xuất hiện. Một vài người đồn rằng cô ta xấu hổ – và như vậy cũng phải thôi – về thứ mà cô ta đã châm ngòi. Sau này, cô ta hối tiếc về vai trò của mình trong vụ việc và cố hết sức để sửa chữa, nhưng khi đó đã là quá muộn rồi.

Dĩ nhiên, nói dối đến mức vậy là xấu xa cho dù chỉ nói với một người duy nhất. Có lẽ cô ta đang bức bối sau một ngày làm việc cực nhọc ở nhà mục vụ, hay có thể cô ta ghét vợ chồng Ive vì là một người giúp việc không an phận. Có thể cô ta muốn tạo ra chút sóng gió trong cuộc đời ảm đạm bằng một câu chuyện phỉếm ác ý, nhưng lại quá ngây thơ để mà hình dung được cái hậu quả nghiêm trọng nó có thể gây ra.

Rủi thay, người cô ta chọn để trút lời bịa đặt độc địa đó lại là Harriet Sippel. Một lần nữa, lựa chọn của cô ta có lẽ cũng dễ hiểu. Harriet, bức bối và đầy thù hận kể từ sau cái chết của chồng, là người luôn đón nhận những lời dối trá với tất cả sự hào hứng và tin tưởng. Dĩ nhiên, bởi vì bà mong nó là sự thật. Bà mong ai đó trong làng phạm lỗi lầm nghiêm trọng, và tốt hơn nữa (theo quan điểm của Harriet) nếu người đó lại chính là mục sư! Vâng, Harriet là thánh giả hoàn hảo cho câu chuyện mà cô gái giúp việc muốn vu khống, và dĩ nhiên vì thế bà đã được chọn.

Cô giúp việc nói với Harriet Sippel rằng Patrick là một tay lừa đảo độc ác nhất, báng bố nhất: ông ta, theo lời cô, thường dụ dỗ

dân làng đến nhà mục vụ vào ban đêm, khi Frances – vợ ông – đi đâu đó để giúp đỡ giáo dân như bà vẫn thường làm. Tại nhà mục vụ, Patrick thu tiền của dân làng, đổi lấy việc lên đồng, giúp dân làng giao tiếp với người thân đã khuất. Linh hồn người đã khuất thông qua ông, Patrick Ive, để truyền về những thông điệp từ thế giới bên kia.

Harriet Sippel rĩ tai những người chịu nghe bà rằng Patrick đang dùng những trò bịp bợm để lừa đảo dân làng, nhưng đó có lẽ mới chỉ là khúc dạo đầu cho nỗ lực khuếch đại những sai trái của ông nhằm tạo ra một câu chuyện còn choáng váng hơn nữa. Sau này cô gái giúp việc một mục nói rằng cô ta chỉ nêu ra với Harriet một cái tên duy nhất: Nancy Ducane.

Nancy thuở đó chưa là họa sĩ chân dung nổi tiếng mà chỉ là một cô gái trẻ bình thường. Bà ấy chuyển đến sống ở Great Holling vào năm 1890 cùng chồng là William khi ông này nhậm chức hiệu trưởng trường làng. William lớn tuổi hơn Nancy rất nhiều. Khi họ lấy nhau, Nancy mới mười tám trong khi William đã gần năm mươi, và năm 1912 ông qua đời do một căn bệnh đường hô hấp.

Theo những tin đồn xấu mà Harriet Sippel bắt đầu lan truyền trong tháng giêng ngập tuyết năm 1913, thì Nancy đã bị bắt gặp nhiều lần ra vào nhà mục vụ vào chiều tối, luôn luôn vào lúc tối trời, luôn luôn với bộ dạng lén lút, và chỉ ban đêm Frances Ive mới không có nhà.

Chỉ cần dùng chút lý trí thì người ta hẳn lập tức ngờ vực câu chuyện này. Trong đêm đen thì chắc chắn không thể nào nhận

ra biểu hiện lẫn lút hay bất kỳ biểu hiện nào trên khuôn mặt. Khó mà xác định danh tính một phụ nữ rời nhà mục vụ trong đêm đen trừ phi người này có dáng đi đặc biệt, mà Nancy Ducane thì không có. Thật ra, sẽ là hợp lý hơn nếu có người bắt gặp bà ấy trong một lần như thế, rồi đi theo bà ấy về và phát hiện bà ấy là ai.

Một câu chuyện được kể với đầy nhiệt huyết thì bao giờ cũng dễ được chấp nhận hơn là phản bác, và đó cũng là phản ứng của hầu hết cư dân Great Holling. Họ sẵn sàng tin vào lời đồn và về hòa với Harriet tố giác Patrick Ive về tội báng bổ và tống tiền. Hầu hết đều tin (hoặc làm ra vẻ tin để tránh những lời móc mĩa cay độc của Harriet) là Patrick Ive đã bí mật làm cầu nối giữa người sống và người chết, bỏ túi một khoản tiền công rất lớn từ những giáo dân cả tin. Dân làng Great Holling nghĩ rằng hoàn toàn có khả năng Nancy Ducane đã không cưỡng được khi thấy có phương cách giúp bà nhận thông điệp từ người chồng quá cố William, đặc biệt khi lời đề nghị lại đến từ mục sư quản nhiệm xứ đạo. Và, quả thật, bà ấy có khả năng chi trả hậu hĩnh cho một dàn xếp như thế.

Dân làng quên mất rằng họ đã từng biết, từng yêu mến và tin tưởng Patrick Ive. Họ phớt lờ cái sự thật rằng họ biết ông là người đứng đắn và tốt bụng. Họ quên cả cái thú vui sục sạo tìm tội đồ của Harriet Sippel mà họ luôn coi thường. Họ rơi vào chiến dịch hận thù của bà ta vì sợ cơn phẫn nộ của bà ta ập xuống họ. Nhưng đó không phải là điều duy nhất thuyết phục họ. Điều còn gây ảnh hưởng sâu hơn nữa là họ biết rõ Harriet được hậu thuẫn

bởi hai đồng minh lớn: Richard Negus và Ida Gransbury.

Ida nổi tiếng là người phụ nữ sùng đạo nhất Great Holling. Cô không bao giờ dao động trong đức tin, và hiếm khi nào mở miệng mà không trích dẫn Kinh Tân ước. Tất cả mọi người đều ngưỡng mộ và kính trọng cô, dù cô không phải là loại phụ nữ mà người ta tìm đến khi muốn có một khoảng thời gian bù khú. Kết bạn với cô chẳng có gì là thú vị, nhưng đối với dân làng, cô là thứ gì đó gần gũi nhất với thánh thần. Hơn nữa, cô lại đính hôn với Richard Negus, một luật sư có tiếng là rất thông minh.

Trí tuệ sáng láng và cái dáng vẻ quyền uy thâm lặng của Richard giúp ông giành được sự tôn kính của cả làng. Ông tin vào lời nói dối khi Harriet trình bày với ông vì nó khớp với chứng cứ mà ông đã thấy tận mắt. Chính ông cũng đã từng hơn một lần thấy Nancy Ducane – hay ít ra là một phụ nữ na ná như Nancy Ducane – rời nhà mục vụ vào giữa đêm, khi vợ vị mục sư đang ở thăm cha của bà hay ở lại nhà các giáo dân.

Richard Negus tin vào lời đồn, và Ida Gransbury cũng thế. Cô ta bị sốc nặng khi nghĩ rằng một người của nhà thờ như Patrick Ive lại có thể hành xử một cách vô đạo như thế. Cô ta, Harriet và Richard tự cho rằng sứ mệnh của họ là trục xuất Patrick Ive khỏi vị trí mục sư quản nhiệm của Great Holling. Họ đòi ông phải ra mắt công chúng và thú nhận hành vi tội lỗi của mình. Ông từ chối điều đó vì những tin đồn này là không có thật.

Sự thù ghét của dân làng đối với Patrick Ive nhanh chóng lan cả sang Frances, vợ ông. Người ta rỉ tai nhau rằng bà hẳn phải biết những hoạt động tà giáo và lừa bịp của chồng. Frances thề

rằng bà chẳng biết gì cả. Thoạt đầu bà còn cố bào chữa, nói rằng Patrick chẳng đời nào làm những việc như thế. Nhưng khi hết người này đến người khác khẳng định ông có làm, bà im lặng, không nói năng gì nữa.

Chỉ có hai người ở Great Holling từ chối tham gia vào cuộc vây hãm vợ chồng Ive: Nancy Ducane (vì những lý do hiển nhiên, một số người nói vậy) và bác sĩ Ambrose Flowerday, người tỏ ra đặc biệt năng nổ trong việc bảo vệ Frances Ive. Ông lập luận, nếu Frances biết những hoạt động báng bổ diễn ra trong nhà mục vụ, thế thì tại sao chúng chỉ diễn ra những lúc bà đi vắng? Điều đó cho thấy bà hoàn toàn vô can. Chính bác sĩ Flowerday đã chỉ ra rằng không thể nào thấy được biểu hiện lẩn lút trên khuôn mặt ai đó khi tối mịt. Chính bác sĩ Flowerday đã tuyên bố ông vẫn tin người bạn Patrick Ive của ông, trừ khi nào hoặc cho đến lúc nào có ai đưa ra được một bằng chứng không thể chối cãi về tội lỗi của Patrick. Cũng chính bác sĩ Flowerday đã nói với Harriet Sippel (vào một ngày nọ ở giữa phố, trước rất nhiều người chứng) rằng chỉ trong nửa giờ qua bà ta đã tập hợp nhiều cái ác hơn cả Patrick Ive trong suốt cả cuộc đời.

Với quan điểm như thế, Ambrose Flowerday không được mọi người ưa thích, nhưng ông là một trong những người hiếm hoi không quan tâm cả thế giới nghĩ gì về mình. Ông đã bảo vệ Patrick Ive trước các giáo chức nhà thờ, bảo họ rằng, theo thiện ý của ông, không hề có mảy may sự thật nào trong các lời đồn đại. Ông hết sức lo lắng cho Frances Ive, lúc đó rơi vào hoàn cảnh rất đáng thương. Bà thôi ăn uống, bị mất ngủ, và không chịu rời nhà

mục vụ dù có thuyết phục thế nào. Patrick Ive nổi điên. Vị trí mục sư và uy tín cá nhân không còn quan trọng với ông nữa, ông nói thế. Mong muốn duy nhất của ông là sức khỏe vợ ông được phục hồi.

Nancy Ducane trong khi đó chẳng nói năng gì cả, không xác nhận mà cũng không chối cãi những tin đồn. Càng bị Harriet Sippel công kích, bà ấy càng quyết tâm im lặng. Rồi một ngày nọ, bà ấy chợt đổi ý. Bà ấy bảo Victor Meakin rằng bà ấy có chuyện quan trọng muốn nói ra để chấm dứt sự điên rồ đã kéo dài quá lâu đó. Victor Meakin xoa tay, cười khẩy, rồi lảng lảng lách ra cửa sau của King's Head. Rất nhanh sau đó, mọi người ở Great Holling đều biết Nancy Ducane muốn đưa ra một tuyên bố.

Patrick và Frances Ive là hai người duy nhất trong làng không xuất hiện thể theo lời triệu tập. Tất cả những người còn lại – thậm chí cả cô gái giúp việc đã tung ra tin đồn, người mà nhiều tuần qua chẳng ai thấy đâu cả – tập hợp tại King's Head, háo hức chờ sự khởi đầu giai đoạn kế tiếp của màn kịch.

Sau khi nhoẻn một nụ cười nhanh và nồng ấm với Ambrose Flowerday, Nancy Ducane lấy lại dáng vẻ lạnh lùng và thẳng thắn để đối mặt với đám đông. Bà bảo họ rằng câu chuyện Patrick Ive lấy tiền của bà để đổi lấy việc giao tiếp với người chồng quá cố của bà là hoàn toàn bịa đặt. Tuy nhiên, bà nói, không phải tất cả những đồn đại đều là dối trá. Bà thú nhận đã viếng thăm Patrick Ive tại nhà mục vụ vào ban đêm không chỉ một lần, khi vợ ông không có mặt. Bà làm vậy vì bà và Patrick Ive đang yêu nhau.

Dân làng ai nấy há hốc mồm vì sốc. Một số bắt đầu huýt sáo. Vài người lấy tay bịt miệng hay chộp tay bất cứ ai đứng cạnh.

Nancy chờ cho sự huyền ảo lắng dịu mới tiếp tục. “Chúng tôi đã sai khi bí mật gặp nhau và buông xuôi theo sự cảm dỗ,” bà nói, “nhưng chúng tôi không thể xa lìa nhau. Khi gặp nhau ở nhà mục vụ, chúng tôi chỉ trò chuyện mà thôi – nói cảm xúc của mỗi người về nhau, về sự vô vọng... Chúng tôi lẽ ra phải thỏa thuận không bao giờ gặp riêng nhau lần nữa, nhưng rồi Frances lại đi đâu đó và... thật vậy, sức mạnh của tình yêu khiến chúng tôi không thể nào cưỡng lại được.”

Có ai đó la lên: “Các người chỉ trò chuyện thôi sao? Lửa gần rơm làm sao mà tin được!”

Một lần nữa, Nancy cam kết với đám đông rằng giữa bà và Patrick Ive không hề có tiếp xúc thân thể nào.

“Giờ thì tôi đã nói với các người sự thật,” bà nói. “Một sự thật mà tôi lẽ ra không bao giờ tiết lộ, nhưng đó lại là cách duy nhất để chấm dứt những dối trá hiểm độc. Ai trong các người hiểu được cảm xúc sâu lắng, nồng cháy của tình yêu thì người ấy không thể lên án tôi và không thể lên án Patrick. Những người có trái tim hằn học là những người không biết đến tình yêu, và tôi thấy thương hại họ.”

Rồi Nancy nhìn thẳng vào Harriet Sippel: “Harriet, tôi tin bà đã từng thực sự yêu, nhưng khi mất George, bà đã chọn cách quên đi những gì mình từng biết. Bà đã biến tình yêu thành sự hận đời và biến thù hận thành đồng minh.”

Như để quyết tâm chứng tỏ mình đúng, Harriet Sippel đứng

bật dậy. Sau vài câu chửi bới Nancy là con điểm đối trá, bà bắt đầu lu loa kể tội Patrick Ive một cách âm ỉ hơn bao giờ hết: ông ta không chỉ kiếm lợi từ những trò lừa bịp "giao tiếp với người chết" mà còn lang chạ với những con đàn bà mất nết trong lúc vợ đi vắng. Ông ta vừa tà đạo vừa gian dân! Ông ta còn tồi bại hơn cả bà tưởng! Thật không thể chấp nhận được, Harriet nói, khi một kẻ ngấp sâu trong tội lỗi lại được phép tự xưng mình là mục sư của Great Holling.

Nancy Ducane rời khỏi King's Head vào nửa chừng bài phát biểu kích động của Harriet vì không thể chịu nổi. Vài giây sau, cô gái giúp việc cho vợ chồng Ive lao ra cửa, khuôn mặt đỏ ửng và nước mắt đầm đìa.

Hầu hết dân làng không biết phải nghĩ sao. Họ lúng túng trước những gì nghe thấy. Và rồi Ida Gransbury bắt đầu lên tiếng để hậu thuẫn cho Harriet: mặc dù chưa rõ lắm đâu là tin đồn và đâu là sự thật, không nghi ngờ gì nữa, Patrick Ive kiểu gì cũng là một tội đồ, vì vậy không thể tiếp tục giữ cương vị mục sư quản nhiệm của Great Holling được nữa.

Đúng rồi, hầu hết dân làng tán thành. Đúng, đó chính là sự thật.

Richard Negus không nói gì cả, ngay cả khi vị hôn thê Ida mời ông lên phát biểu. Sau đó, trong cùng ngày hôm ấy, ông nói với bác sĩ Ambrose Flowerday rằng ông thấy lo ngại trước bước ngoặt sự kiện. Một người "kiểu gì cũng là tội đồ" mặc dù cũng là một lý lẽ tốt với Ida, nhưng lại không đủ tốt đối với ông. Ông tuyên bố bản thân thấy ghê tởm trước mưu đồ của Harriet

Sippel, chớp cơ hội để phác họa Patrick Ive như một kẻ tội lỗi nhân đôi, tức cùng một lúc mang hai tội chứ không chỉ một. Bà ta đã biến lý lẽ "không phải thế này mà là thế kia" của Nancy Ducane thành ra "vừa thế này vừa thế kia" mà không hề có chứng cứ hay lý lẽ nào.

Ida đã dùng cụm từ "không nghi ngờ gì nữa" tại King's Head. Thứ "không nghi ngờ gì nữa" đối với Richard Negus lúc này – ông thú nhận với Ambrose Flowerday – là dân làng (bao gồm cả chính ông, và ông rất xấu hổ về điều đó) đã hùa nhau nói dối về Patrick Ive. Nhưng nếu Nancy Ducane cũng nói dối thì sao? Nếu tình yêu của bà ấy đối với Patrick Ive là một chiều và ông đã bí mật gặp bà ấy theo khấn nài của bà, chỉ nhằm mục đích bảo ban bà hãy từ bỏ những tình cảm dành cho ông thì sao?

Bác sĩ Flowerday tán thành: không ai biết chắc Patrick Ive có làm gì sai trái hay không, đó là ý kiến của ông ngay từ đầu. Ông là người duy nhất vợ chồng Ive đồng ý tiếp trong nhà mục vụ, và trong lần viếng kế tiếp, ông đã kể lại cho Patrick những lời của Nancy Ducane tại King's Head. Patrick chỉ lắc đầu. Ông không bình luận gì về thật giả trong câu chuyện của Nancy. Frances Ive trong khi đó lại suy sụp cả thể chất lẫn tinh thần.

Richard Negus không thuyết phục được Ida Gransbury nhìn sự việc giống như ông, từ đó mà quan hệ giữa hai người bắt đầu căng thẳng. Dân làng, do Harriet cầm đầu, tiếp tục quây phá Patrick và Frances Ive. Họ ngày đêm gào rống những lời lên án từ bên ngoài nhà mục vụ. Ida tiếp tục kiến nghị nhà thờ tước vai trò mục sư quản nhiệm của Patrick, đuổi ông khỏi nhà thờ và làng

Great Holling.

Rồi thảm kịch xảy ra: không chịu nổi nhục nhã, Frances Ive uống thuốc độc để kết thúc những chuỗi ngày khổ sở của bà. Chồng bà phát hiện ra và lập tức biết đã quá muộn. Gọi bác sĩ Flowerday chẳng ích gì. Không thể cứu được Frances nữa rồi. Patrick Ive biết ông sẽ không sống nổi với sự cắn rứt và đau khổ, vì vậy ông cũng lấy đi mạng sống của mình.

Ida Gransbury khuyên dân làng nên khoan dung, cầu nguyện cho linh hồn tội lỗi của Patrick và Frances Ive, tuy nhiên cô cho rằng Chúa khó mà dung thứ cho họ.

Harriet Sippel thấy không cần thiết để Chúa nhúng tay vào chuyện này. Bà nói với đám người về hùa rằng vợ chồng Ive phải bị thiêu đốt vĩnh viễn dưới hỏa ngục và như vậy là xứng đáng.

Vài tháng sau cái chết của vợ chồng Ive, Richard Negus hủy hôn ước với Ida Gransbury và rời khỏi Great Holling. Nancy Ducane bỏ lên London, và cô gái giúp việc tung tin đồn nhảm cũng biến mất khỏi làng.

Trong khi đó, Charles và Margaret Ernst đến làng và bắt đầu tiếp quản nhà mục vụ. Họ nhanh chóng trở thành bạn của bác sĩ Ambrose Flowerday, người đã miễn cưỡng kể cho họ biết toàn bộ tấn thảm kịch. Ông bảo họ rằng Patrick Ive – dù có lầm lạc thảm si mê Nancy Ducane hay không – là người rộng lượng và nhân từ nhất và không đáng là bia miệng chút nào cả.

Chính từ "bia miệng" mà ông dùng đã gợi ý cho Margaret Ernst khắc bài thơ lên bia mộ. Charles Ernst chống lại ý tưởng đó vì không muốn khiêu khích dân làng, nhưng Margaret vẫn kiên

quyết giữ lập trường rằng nhà thờ Holly Saints phải thể hiện sự hậu thuẫn đối với Patrick và Frances Ive. “Em còn muốn gây ra điều gì đó tệ hại hơn cho Harriet Sippel và Ida Gransbury chứ khiêu khích thì đã nhằm nhò gì,” bà nói. Và, đúng vậy, khi thốt ra câu đó, ý nghĩ giết người đã có trong đầu bà dù đó chỉ là ý nghĩ chứ không phải là ý định phạm tội.



Kể xong câu chuyện, Margaret Ernst rơi vào im lặng. Mãi một hồi, cả hai chúng tôi không nói năng gì cả.

Cuối cùng, tôi nói: “Tôi đã hiểu vì sao bà cung cấp cho tôi cái tên của Nancy Ducane khi tôi hỏi ai là người có thể có động cơ. Nhưng bà ấy có cần thiết phải giết Richard Negus không? Ông ta đã rút lại sự hậu thuẫn đối với Harriet Sippel và Ida Gransbury ngay khi ông nghi ngờ sự gian dối của cô gái giúp việc.”

“Tôi chỉ biết mình cảm thấy thế nào nếu ở vào địa vị của Nancy,” bà Margaret nói. “Liệu tôi có tha thứ cho Richard Negus không? Không đâu. Tôi sẽ không tha thứ. Nếu ông ta không xác nhận những lời dối trá của Harriet và cô gái giúp việc thì Ida Gransbury có thể đã không tin những thứ vợ vẫn mà họ phun ra. Có ba kẻ đã giống trống, khơi lên cơn thù hận đối với vợ chồng Ive tại Great Holling. Ba kẻ đó là Harriet Sippel, Ida Gransbury và Richard Negus.”

“Còn cô giúp việc?”

“Ambrose Flowerday không tin cô ta có ác ý khi khởi xướng cái mà cô ta đã khởi xướng. Cô ta rõ ràng khổ sở ngay khi trong làng bắt đầu nghĩ xấu về vợ chồng Ive.”

Tôi chau mày, không thỏa mãn. “Nhưng từ quan điểm của một Nancy Ducane giết người – thuần túy là lý luận thôi đấy – nếu bà ấy đã không dung thứ cho Richard Negus, người sau đó đã nhận ra lỗi lầm của mình, vậy cơ sao lại dung thứ cho cô kia, người đầu tiên tung ra lời dối trá?”

“Có lẽ bà ấy sẽ không dung thứ,” Margaret Ernst nói. “Có lẽ bà ấy sẽ giết nốt cô giúp việc. Tôi không biết số phận cô ta đi đến đâu nhưng Nancy Ducane có thể biết đấy. Có thể bà ấy sẽ sẵn lòng và giết nốt cô này. Sao thế? Mặt ông sao xám ngoét vậy?”

“Tên... tên cô gái tung tra lời nói dối là gì vậy?” tôi lắp bắp mà lòng e rằng mình đã biết câu trả lời. “Không, không, không thể nào,” giọng nói trong đầu tôi cất lên, “nhưng cơ sao lại không thể.”

“Jennie Hobbs. Ông Catchpool, ông có ổn không vậy? Trông ông không khỏe chút nào cả.”

“Ông ấy nói đúng! Cô ta đang gặp nguy.”

“Ông ấy là ai?”

“Là Hercule Poirot. Ông ta luôn luôn đúng. Sao lại như vậy được nhỉ?”

“Sao ông có vẻ cay cú thế? Ông mong ông ta sai sao?”

“Không. Không phải đâu.” Tôi thở dài. “Tôi chỉ thấy lo cho sự an toàn của Jennie nếu giả thiết cô ta hãy còn sống.”

“Tôi hiểu. Cũng lạ thật.”

“Lạ gì cơ?”

Margaret thở dài. “Bất chấp tất cả những gì tôi nói, tôi thấy khó mà tin có ai đó gặp nguy từ phía Nancy. Dù có hay không có động cơ, tôi vẫn không tin bà ấy là hung thủ. Chuyện đó nghe không thuận... người ta không thể giết người nếu không đảm mình trong những thứ kinh dị và khó chịu, ông nghĩ đúng không?”

Tôi gật đầu.

“Nancy thì lại thích vui nhộn, thích cái đẹp, thích sự thoải mái và thích yêu. Tất cả những thứ vui vẻ. Cô ta chẳng muốn dây dưa với những công việc xấu xa của một kẻ sát nhân đâu.”

“Nếu không phải Nancy thì là ai?” Tôi hỏi. “Ông cụ say xỉn Walter Stoakley thì sao? Là cha của Frances Ive, ông ta cũng có động cơ lớn vậy. Nếu ông ta bỏ nhậu vài ngày, việc giết ba người biết đâu không phải là ở ngoài tầm tay ông ta?”

“Walter không có khả năng bỏ nhậu thậm chí trong một giờ. Tôi có thể cam đoan với ông đấy, ông Catchpool, Walter Stoakley không phải là người ông tìm kiếm. Ông thấy rồi đó, không giống Nancy Ducane, ông ta không bao giờ trách cứ Harriet, Ida và Richard về những gì Frances đã gặp phải. Ông ta chỉ tự trách mình thôi.”

“Do rượu ư?”

“Phải. Walter Stoakley chính là người mà Walter Stoakley quyết giết sau khi mất con gái. Và tôi đoán ông ta cũng sắp thành công đến nơi rồi.”

“Có thể nào việc Frances tự tử là do lỗi của ông ta?”

“Walter xưa nay vốn không sống ở Great Holling. Ông ta chuyển đến đây để ở gần nơi yên nghỉ của Patrick và Frances. Ông sẽ khó tin nổi khi thấy ông ta như hiện nay, nhưng trước khi Frances chết, Walter Stoakley là một nhà kinh điển xuất chúng, hiệu trưởng trường Saviour thuộc Đại học Cambridge. Đó là nơi Patrick Ive đã được đào tạo làm thầy tu. Patrik không có cha mẹ. Ông ta mồ côi từ tấm bé, và Walter đã nhận nuôi ông kiểu như người giám hộ. Jennies Hobbs, khi đó chỉ mới mười bảy tuổi, là người dọn phòng ở trường. Cô là người dọn phòng giỏi nhất trường Saviour, vì vậy Walter Stoakley đã sắp xếp để cô ta chăm sóc phòng của Patrick Ive. Rồi Patrick Ive lấy Frances Stoakley, con gái của Walter, và khi họ chuyển đến nhà mục vụ của nhà thờ Holly Saints, Jennie cũng đi theo họ. Ông hiểu rồi chứ?”

Tôi gật đầu. “Walter Stoakley tự trách mình đã ghép Patrick Ive và Jennie Hobbs vào nhau. Giá như Patrick Ive và Frances đừng đem Jennie theo họ về Great Holling thì cô ta đã không có dịp đưa ra lời nói dối khủng khiếp, dẫn đến cái chết của họ.”

“Và tôi không phải dành cả cuộc đời canh giữ một nấm mộ để đảm bảo không ai phá phách nó.”

“Ai có thể làm một điều như vậy?” tôi hỏi. “Harriet Sippel chẳng? Ý tôi là trước khi bà ta bị giết.”

“Ồ, không, vũ khí của Harriet là cái lưỡi tẩm độc của bà ta chứ không phải đôi tay. Bà ta chẳng đời nào đi phá mộ. Không, đó là mấy gã côn đồ trẻ tuổi ở trong làng. Cứ sơ sẩy ra là chúng phá.

Khi Patrick và Frances mất, chúng còn là trẻ con, nhưng chúng đã bị cha mẹ nhồi nhét. Ông mà hỏi bất cứ ai ở đây, ngoại trừ tôi và Ambrose Flowerday ra, họ sẽ nói với ông rằng Patrick Ive là kẻ xấu xa, rằng ông ấy đã cùng vợ tiến hành tà thuật. Tôi nghĩ, thời gian trôi qua, hầu hết bọn họ càng tin tưởng điều đó hơn. Họ buộc phải vậy, đúng không ông nhỉ? Họ phải như thế nếu không họ sẽ tự cảm ghét mình cũng sâu sắc chẳng kém gì tôi cảm ghét họ.”

Có một điều mà tôi muốn làm sáng tỏ. “Có phải Richard Negus cắt đứt quan hệ với Ida Gransbury vì cô ta cứ tiếp tục tố giác Patrick Ive sau khi ông đã nhận thức ra mọi việc? Có phải sau công bố của Nancy tại King’s Head ông ta mới hủy hôn ước?”

Một biểu hiện kỳ lạ thoáng qua khuôn mặt Margaret Ernst. Bà nói: “Cái ngày hôm đó ở King’s Head là sự khởi đầu của...” rồi bà khựng lại và nói trở đi. “Phải. Ông ta không chịu đựng được nữa sự khẳng khẳng phi lý của Ida trong công cuộc bảo vệ đức hạnh của cô ta và Harriet.”

Khuôn mặt bà Margaret chợt như đóng lại. Tôi có cảm giác bà ta vừa quyết định không nói ra điều gì đó quan trọng.

“Bà có nói Frances dùng thuốc độc,” tôi nói. “Bằng cách nào? Bà ấy kiếm nó đâu ra? Và Patrick Ive đã chết ra sao?”

“Theo cùng cách: uống thuốc độc. Chắc ông chưa nghe nói về Abrin đâu nhỉ?”

“Quả thật tôi chưa nghe.”

“Nó trích xuất từ một loại cây có tên là cây đậu hồng, rất phổ biến ở vùng nhiệt đới. Frances Ive kiếm được nhiều lọ chứa chất

này từ đâu đó.”

“Xin lỗi, nhưng nếu hai người dùng cùng loại thuốc độc và được phát hiện ở bên nhau thì làm sao người ta xác định Frances tự sát trước rồi Patrick làm theo sau, khi phát hiện vợ chết?”

Margaret trông có vẻ cảnh giác. “Ông sẽ không thuật lại cho bất cứ ai ở Great Holling chứ? Chỉ với những người ở Scotland Yard tại London thôi?”

“Vâng.” Tôi quyết định rằng, vì mục đích hiện nay, Hercule Poirot cũng được coi là người của Scotland Yard.

“Frances Ive để lại một lá thư cho chồng trước khi tự sát,” bà Margaret nói. “Thư đơn giản nói rằng bà mong ông tiếp tục sống không có bà. Patrick cũng để lại một lá thư...” Bà dừng lại.

Tôi chờ đợi.

Một lúc sau, bà nói: “Hai lá thư cho chúng ta biết trình tự các sự kiện.”

“Các lá thư đó ra sao rồi?”

“Tôi hủy chúng rồi. Ambrose Flowerday đưa chúng cho tôi, và tôi đã quẳng chúng vào lửa.”

Lời thú nhận này khiến tôi sửng sốt. “Vì lý do quái quỷ gì bà lại làm như vậy?” tôi hỏi.

“Tôi...” Margaret Ernst khụt khịt, quay mặt đi. “Tôi không biết,” bà cứng cổ nói.

Chắc chắn bà ta biết, tôi thầm nhủ. Cái miệng mím chặt của bà đã nói rõ bà không có ý định nói thêm lời nào về chủ đề này.

Nếu tôi cứ hỏi tới thì cũng chỉ tổ củng cố thêm quyết tâm giấu giếm của bà.

Tôi đứng dậy để duỗi đôi chân lúc này đã trở nên tê cứng. “Bà nói đúng,” tôi nói. “Bây giờ, khi tôi đã biết câu chuyện về Patrick và Frances Ive, tôi quả thật muốn trao đổi với bác sĩ Ambrose Flowerday. Ông ta ở trong làng này vào lúc câu chuyện đó diễn ra. Còn bà, dù câu chuyện của bà có đáng tin cách mấy...”

“Không được. Ông đã hứa với tôi.”

“Tôi rất muốn hỏi ông ta về Jennie Hobbs chẳng hạn.”

“Tôi có thể kể ông nghe về Jennie. Ông muốn biết gì nào? Hình như cả Patrick lẫn Frances Ive đều cho rằng cô ta là không thể thiếu. Họ rất quý mến cô ta. Tất cả mọi người đều nghĩ cô ta điềm đạm, lễ phép, khá là vô hại, cho đến khi cô ta đưa ra lời nói dối thâm hiểm. Cá nhân tôi không tin ai đó từng dựng đứng một lời nói dối kiểu này có thể là vô hại trong phần còn lại của cuộc đời. Và cô ta có những ý tưởng vượt quá địa vị của mình. Cách nói năng của cô ta đã thay đổi.”

“Thay đổi ra sao?”

“Ambrose nói cô ta thay đổi rất đột ngột. Hôm nay cô ta nói theo kiểu người giúp việc, hôm sau cô ta lại nói bằng giọng điệu lịch thiệp hơn hẳn, mà lại rất chuẩn nữa.”

Và với cấu trúc ngữ pháp chuẩn nữa chứ, tôi thầm nghĩ. Ôi, mong đừng ai mở miệng. Ba cái miệng, mỗi cái ngậm một chiếc khay măng-xét có khắc chữ ở mặt trong: chuẩn về mặt ngữ pháp. Chết tiệt thật, cả trong chuyện này Poirot có lẽ cũng đã đúng.

“Ambrose nói rằng Jennie đổi giọng là nhại theo Patrick và Frances Ive. Cả hai đều là người có học và ăn nói chuẩn mực.”

“Bà Margaret, xin cho tôi biết sự thật: Tại sao bà lại kiên quyết không cho tôi trò chuyện với Ambrose Flowerday? Có phải bà sợ ông ta tiết lộ điều gì đó mà bà không muốn cho tôi biết?”

“Trao đổi với Ambrose sẽ chẳng giúp gì được cho ông, mà lại là trở ngại lớn đối với ông ta.” Margaret nói chắc nịch. “Nhưng tôi cho phép ông khùng bố cuộc sống của mọi dân làng mà ông gặp.” Bà mỉm cười nhưng ánh mắt đanh lại. “Họ đã sợ lắm rồi – những kẻ có tội đang bị thủ tiêu từng người một, và sâu thẳm trong lòng họ hẳn phải biết rằng họ có tội – nhưng họ sẽ còn sợ hơn nếu họ nghe ông nói, bằng ý kiến chuyên gia của ông, rằng hung thủ sẽ không ngơi nghỉ cho đến khi tất cả những ai góp phần hủy hoại vợ chồng Patrick và Frances Ive đều bị lôi xuống hố sâu rục lửa của địa ngục.”

“Nói vậy thì cực đoan quá,” tôi nói.

“Tôi có óc hài hước, không chính thống. Charles thường than phiền như vậy. Tôi chưa từng nói với ông ấy, nhưng tôi không tin có thiên đàng và địa ngục. Ồ, tôi tin là có Chúa chứ, nhưng không phải Đức Chúa mà chúng ta nghe vẫn nghe truyền tụng quá nhiều.”

Hắn trông tôi rất sốt ruột. Tôi không thích tranh luận về tôn giáo, tôi muốn trở về London càng sớm càng tốt để kể cho Poirot những gì tôi phát hiện được.

Bà Margaret nói tiếp: “Dĩ nhiên chỉ có một Đức Chúa mà thôi, nhưng tôi không giây phút nào tin rằng người muốn chúng ta

mù quáng tuân theo những luật lệ. Chúa cũng không muốn chúng ta xử tệ với những người thất thế.” Bà mỉm cười với vẻ ầm áp hơn. “Tôi nghĩ Chúa cũng nhìn thế giới như cách tôi nhìn, chứ hoàn toàn không theo cách của Ida Gransbury. Ông có công nhận không?”

Tôi ầm ừ cho qua chuyện.

“Nhà thờ dạy rằng chỉ có Chúa mới được quyền phán xét,” bà Margaret nói. “Tại sao Ida Gransbury sùng tín lại không nhắc điều đó cho Harriet Sippel và đám người về hòa theo bà ta? Muốn thể hiện mình là mẫu mực của tính thánh thiện Cơ Đốc thì phải biết tuân thủ những giáo huấn cơ bản chứ.”

“Tôi thấy bà vẫn còn giận dữ về chuyện đó.”

“Tôi sẽ còn giận dữ cho đến ngày nhắm mắt, ông Catchpool ạ. Những kẻ nhiều tội đang nhân danh đạo đức mà hành hạ những kẻ ít tội hơn – đó là điều cũng đáng giận lắm chứ.”

“Đạo đức giả quả là điều xấu xa,” tôi đồng tình.

“Hơn nữa, ta có thể lập luận rằng chẳng có gì là sai trái nếu thực sự yêu một người nào đó.”

“Tôi không chắc điều đó đâu. Với một người đã lập gia đình...”

“Ồ, hôn nhân là vợ vắn!” Bà Margaret nhìn lên các bức tranh trên bờ tường phòng khách và nói trực tiếp với chúng: “Em xin lỗi, Charles, anh yêu, nhưng nếu hai người yêu nhau thì dù nhà thờ có thấy bất tiện thế nào, dù điều đó có đi ngược lại luật pháp đi nữa thì... vâng, tình yêu vẫn cứ là tình yêu, đúng không anh? Em biết anh không thích nghe em nói vậy.”

Cả tôi cũng không thích. “Tình yêu có thể gây ra hàng đống rắc rối,” tôi nói. “Nếu Nancy Ducane đừng yêu Patrick Ive thì giờ đây tôi đã không có ba án mạng phải điều tra.”

“Thật vớ vẩn.” Margaret nhăn mũi với tôi. “Chính hận thù làm người ta bị giết, ông Catchpool ạ, chứ nào phải tình yêu. Không bao giờ là tình yêu cả. Xin ông hãy nhìn hợp lý.”

“Tôi luôn tin rằng những luật lệ hà khắc nhất chính là những thử thách cho tính cách,” tôi nói với bà.

“Phải, nhưng là thử thách tính cách nào của chúng ta cơ chứ? Nhẹ dạ ư? Hay ngu muội? Kinh Thánh, cùng tất cả những luật lệ trong đó, chỉ đơn giản là một cuốn sách viết ra bởi một hay nhiều người. Lẽ ra nó phải mang một dòng phê, thể hiện một cách nổi bật: ‘Lời của Chúa, do con người bóp méo và xuyên tạc’.”

“Tôi phải đi đây,” tôi nói, cảm thấy không thoải mái trước bước chuyển của cuộc trò chuyện. “Tôi phải về London. Cảm ơn bà đã dành thời gian giúp đỡ tôi. Những gì bà làm thật vô giá.”

“Xin ông thứ lỗi cho,” bà Margaret nói khi tiễn tôi ra cửa trước. “Tôi không thường nói ra suy nghĩ của mình một cách huých toẹt như thế, ngoại trừ với Ambrose và Charles-trên-tường.”

“Vậy thì tôi cảm thấy rất vinh hạnh,” tôi nói.

“Tôi đã trải cả cuộc đời tuân theo hầu hết các luật lệ trong cuốn sách cũ bụi bặm, ông Catchpool ạ. Chính vì vậy mà tôi biết đó là một việc ngu xuẩn. Khi những người yêu nhau quăng những lời răn đe theo làn gió và gặp gỡ nhau khi lẽ ra không nên gặp... thì tôi thấy ngưỡng mộ họ! Cho dù kẻ giết Harriet Sippel là

ai, tôi thấy ngưỡng mộ người đó. Tôi không cưỡng được. Điều đó không có nghĩa tôi dung thứ cho việc giết người. Không đâu. Giờ thì ông đi đi... trước khi tôi trở nên lắm lời hơn.”



Trong lúc tản bộ về King's Head, tôi thầm nghĩ đây là một cuộc trò chuyện kỳ lạ, có thể dẫn ta đến bất cứ đâu. Thường thì ta sẽ kẹt lại cách điểm xuất phát đến hàng dặm mà chẳng có may ý tưởng làm cách nào để quay về. Những lời của Margaret Ernst vẫn vang vẳng trong tai trong khi tôi rảo bước: “Dù điều đó có đi ngược lại luật pháp thì tình yêu vẫn cứ là tình yêu, đúng không anh?”

Đến King's Head, tôi lên lầu để thu xếp hành lý, cầm cúi bước qua một Walter Stoakley đang ngáy ran và một Victor Meakin đang hau háu soi mói.

Tôi bắt chuyến tàu sớm nhất đi London và hân hoan làm một động tác giả từ Great Holling khi đoàn tàu ra khỏi ga. Dù vui mừng rời khỏi ngôi làng này, tôi vẫn ước mình có thể trò chuyện với ông bác sĩ Ambrose Flowerday. Poirot sẽ nói gì đây khi tôi kể cho ông về lời hứa với Margaret Ernst? Ông sẽ chê bai, chắc chắn rồi, và nói câu gì đó về tính trọng danh dự điên rồ của người Anh. Và chắc chắn tôi sẽ trở mặt ra, lí nhí những lời xin lỗi thay vì nói ra ý kiến thực của mình, theo đó ta sẽ lấy được nhiều thông tin hơn nếu biết tôn trọng ước nguyện của người nói. Hãy

để họ nghĩ ta không ép họ nói điều họ biết và, thường xuyên đến đáng ngạc nhiên, họ sẽ tự nguyện đem đến cho ta đích xác những câu trả lời mà ta tìm.

Tôi biết Poirot sẽ chê trách nhưng quyết định sẽ mặc kệ ông. Nếu Margaret Ernst có thể không đồng ý với Chúa, thì việc tôi thỉnh thoảng bất đồng với Poirot cũng là hoàn toàn bình thường thôi. Nếu ông muốn thẩm vấn bác sĩ Flowerday thì ông hãy tự đến Great Holling mà gặp ông ta.

Tôi hy vọng điều đó là không cần thiết. Nancy Ducane là người mà chúng tôi cần tập trung vào. Việc này và việc cứu mạng Jennie nữa, nếu chưa là quá muộn. Tôi cảm thấy đầy căng rứt vì đã bác bỏ khả năng gặp nguy của cô ta. Nếu chúng tôi xoay sở cứu được cô ta thì công đầu thuộc về Poirot. Nếu chúng tôi phá được vụ án ở khách sạn Bloxham thì công đầu cũng thuộc về Poirot nốt. Chính thức mà nói, ở Scotland Yard, tôi sẽ được ghi công, nhưng ai ai cũng biết đó là thành tựu của Poirot chứ không phải của tôi. Thật ra, chính vì các sếp của tôi biết có Poirot tham gia phá án mà họ mới để cho tôi – hay nói đúng hơn là cho ông bạn người Bỉ của tôi – được toàn quyền xoay sở. Chính Hercule Poirot lừng danh mới là người được họ ủy thác chứ không phải tôi.

Tôi bắt đầu phân vân, không biết tôi thích mình thất bại nhưng hoàn toàn dựa vào năng lực của tôi, hay thích thành công chỉ nhờ vào sự tham gia của Poirot... và tôi đã cảm thấy buồn ngủ trước khi kịp đi đến kết luận.

Tôi có một giấc mơ – giấc mơ đầu tiên khi đi tàu – trong mơ

tôi bị mọi người quen biết quy kết cho một tội nào đó mà tôi không làm. Trong mơ, tôi thấy rõ rành rành nắm mộ của chính mình, với tên tôi khắc trên bia thay cho tên của Patrick và Frances Ive, cùng với bài *sonnet* về "bia miệng" ở bên dưới. Trên mặt đất cạnh ngôi mộ có một ánh kim loại, và trong thâm tâm, tôi biết đó là chiếc khuy măng-xét ngập một phần trong đất có khắc tên viết tắt của tôi. Tôi tỉnh dậy khi tàu vào London, mồ hôi ướt sũng và trái tim đập rộn.



CHƯƠNG 13

NANCY DUCANE

Dĩ nhiên tôi không biết Poirot đã biết khả năng có sự tham gia của Nancy Ducane vào ba án mạng. Khi tôi lên tàu tẩu thoát khỏi Great Holling thì Poirot đang bận thu xếp – với sự trợ giúp của Scotland Yard – một buổi viếng thăm bà Ducane tại nhà riêng.

Ông xoay sở đạt được việc đó trong cùng ngày hôm ấy, với viên đội Stanley Beer đi kèm. Một cô hầu trẻ đeo tạp dề hồ bột mở cánh cửa dẫn vào một ngôi nhà lớn, tường trát vữa phẳng phiu, ở khu Belgravia. Poirot đoán ông sẽ được mời vào một phòng khách rất đẹp và phải chờ ở đó để được tiếp kiến. Ông ngạc nhiên khi thấy Nancy Ducane đã đứng đợi sẵn trong sảnh, ngay dưới chân cầu thang.

“Ông Poirot phải không ạ? Ông vào đi. Tôi thấy ông có đem theo một cảnh sát. Phải nói rằng điều này hơi bất thường đấy.”

Stanley Beer phát ra một âm thanh trong cuống họng, khuôn mặt bỗng đỏ dừ. Nancy Ducane là một phụ nữ đẹp khác thường với làn da màu kem trộn anh đào, mái tóc sậm rục rở, đôi mắt

xanh sâu thẳm với cặp lông mi dài. Bà trạc bốn mươi tuổi. Trong bộ y phục xanh thẳm tựa như màu lông công, trông bà rất phong cách. Đó là lần duy nhất trong đời, Poirot không phải là nhân vật lịch thiệp nhất trong mắt những người hiện diện.

“Rất hân hạnh được làm quen với bà, thưa bà Ducane.” Ông nghiêng mình. “Tôi rất khâm phục tài năng của bà trong lĩnh vực hội họa. Tôi đã khá may mắn được xem vài bức họa của bà trong các cuộc triển lãm vài năm gần đây. Bà có một tài năng hiếm có vào bậc nhất.”

“Cảm ơn ông. Ông tử tế quá. Bây giờ, xin các ông trao lại áo khoác và nón cho cô Tabitha đây, và chúng ta sẽ tìm nơi nào đó thoải mái để ngồi trò chuyện. Các ông muốn dùng trà hay cà phê không ạ?”

“Non, merci!”

“Vậy xin hãy đi theo tôi.”

Họ đi qua một phòng khách nhỏ mà tôi chỉ thích nghe kể lại chứ không muốn ngồi trong, vì Poirot nói nó treo đầy những bức chân dung. Tất cả những cặp mắt soi mói đó trên tường...

Poirot hỏi có phải tất cả đều là tác phẩm của Nancy Ducane không.

“Ồ không,” bà đáp. “Chỉ rất ít là của tôi. Tôi mua tranh cũng nhiều như vẽ tranh vậy. Nghệ thuật là đam mê của tôi.”

“Cũng là một trong những đam mê của tôi,” Poirot nói.

“Nếu chỉ ngắm những bức họa của mình thôi thì người ta sẽ cô đơn đến không thể chịu nổi. Tôi luôn nghĩ khi treo tranh của

họa sĩ khác thì cũng giống như tôi có thêm một người bạn tốt nữa trên tường nhà.”

“D'accord. Bà khái quát thật ngắn gọn, thưa bà.”

Khi mọi người đã ngồi xuống, Nancy nói: “Tôi đi thẳng vào vấn đề nhé? Xin hỏi điều gì đưa các ông đến đây vậy? Ông nói qua điện thoại rằng ông muốn khám nhà tôi. Xin ông cứ tùy tiện, nhưng tại sao phải làm vậy?”

“Chắc bà đã đọc trên báo, thưa bà. Có ba vị khách của khách sạn Bloxham bị giết chết vào tối thứ năm qua.”

“Tại khách sạn Bloxham ư?” Nancy phá lên cười. Rồi khuôn mặt bà chợt sa sầm. “Ồi trời, ông nói có nghiêm túc không đấy? Những ba người ư? Ông có chắc không vậy? Bloxham là một chốn cao cấp, tôi luôn định ninh như thế. Tôi không thể hình dung ở đó lại có án mạng.”

“Vậy ra bà biết khách sạn đó?”

“Ồ vâng. Tôi thường đến đó dùng trà chiều. Ông quản lý Lazzari rất dễ mến. Họ nổi tiếng nhờ món bánh nướng. Ông biết đấy, ngon nhất London này. Tôi xin lỗi...” Bà khựng lại. “Tôi không định ba hoa về bánh nướng nếu quả thực đã có ba người chết. Thật khủng khiếp. Tuy vậy tôi không rõ tôi liên quan gì đến chuyện đó?”

“Bà chưa đọc về các án mạng đó trên báo chí?” Poirot hỏi.

“Chưa.” Miệng Nancy Ducane chợt mím lại. “Tôi không đọc báo và không đặt báo tại nhà. Báo chí chỉ toàn đưa những chuyện bất hạnh, mà tôi thì cố tránh chúng tối đa.”

“Cho nên bà không biết tên của ba nạn nhân bị giết?”

“Không. Mà tôi cũng chẳng muốn biết nữa.” Nancy nhún vai.

“Tôi e phải nói cho bà biết dù bà muốn hay không. Tên của họ là Harriet Sippel, Ida Gransbury và Richard Negus.”

“Ồ không, không, ông Poirot!” Nancy bịt miệng bằng bàn tay. Bà không nói năng gì trong suốt một phút dài. Rốt cuộc bà lên tiếng: “Không phải là chuyện đùa chứ? Làm ơn nói với tôi đó là chuyện đùa đi.”

“Không phải là chuyện đùa. Tôi rất tiếc đã làm bà không vui, thưa bà.”

“Điều làm tôi không vui là nghe nhắc đến những cái tên đó. Họ sống hay chết tôi chẳng màng, miễn là tôi không phải suy nghĩ gì về họ. Ông biết đấy, ta luôn cố tránh những đau buồn, nhưng không phải lúc nào cũng thành công, và... tôi căm ghét sự buồn đau hơn ai hết.”

“Cuộc đời bà hẳn có nhiều buồn đau lắm nhỉ?”

“Tôi không muốn bàn luận chuyện riêng tư của tôi.” Nancy quay ngoắt đi.

Poirot không tiện nói ra rằng điều ông muốn hoàn toàn trái ngược với điều bà muốn. Thứ hấp dẫn nhất đối với ông là cảm xúc riêng tư, có thể không bao giờ lặp lại, của một người xa lạ.

Thay vào đó ông nói: “Vậy ta hãy trở lại với cuộc điều tra của cảnh sát mà vì thế tôi có mặt ở đây. Bà thấy tên của ba nạn nhân đó có quen thuộc không?”

Nancy gật đầu. “Tôi từng sống tại một ngôi làng tên là Great

Holling ở Thung lũng Culver. Ông không biết nó đâu. Chẳng ai biết cả. Harriet, Ida và Richard là láng giềng của tôi. Từ nhiều năm nay, tôi không gặp hay nghe tin tức gì về họ. Kể từ năm 1913, khi tôi chuyển lên London. Có thật là họ bị giết không?”

“Oui, thưa bà.”

“Tại khách sạn Bloxham ư? Nhưng họ đến đó làm gì? Họ đến London làm gì chứ?”

“Đó là một trong rất nhiều câu hỏi mà tôi chưa có lời giải,” Poirot nói.

“Vô lý quá, sao họ lại bị giết?” Nancy bật dậy khỏi ghế, bắt đầu đi qua lại giữa cánh cửa và bức tường ở mé xa. “Người duy nhất có thể làm việc đó thì lại không làm.”

“Người đó là ai vậy?”

“Ồ, xin cứ mặc tôi.” Nancy quay lại ghế của bà và ngồi xuống. “Tôi xin lỗi. Tin của ông khiến tôi bị sốc, ông biết đấy. Tôi không giúp gì được ông. Và... tôi không định thô lỗ, nhưng tôi muốn ông rời khỏi đây ngay.”

“Có phải bà cho mình là người duy nhất có thể gây ra ba án mạng, thưa bà? Và bà đã không làm việc đó?”

“Tôi... không...” Nancy nói rất chậm, mắt bà đảo quanh căn phòng. “À, tôi hiểu ông muốn nói gì rồi. Ông nghe được câu chuyện nào đó và ông nghĩ tôi chính là hung thủ. Đó là lý do ông muốn khám nhà tôi. Này nhé, tôi không giết ai cả. Ông cứ việc sục sạo thoải mái đi, ông Poirot. Hãy bảo Tabitha dẫn ông xem từng phòng một. Có nhiều phòng lắm đấy, ông sẽ bỏ sót phòng nào đó nếu không ai dẫn đường.”

“Cảm ơn bà.”

“Ông sẽ không thấy thứ gì có thể buộc tội được tôi đâu vì chẳng có gì để mà tìm cả. Tôi mong ông chóng rời khỏi đây! Ông làm tôi khó chịu quá.”

Stanley Beer đứng dậy. “Để tôi làm cho,” anh ta nói. “Xin cảm ơn bà đã hợp tác, thưa bà Ducane.” Anh ta rời khỏi phòng, khép cửa lại.

“Ông thông minh lắm, đúng không?” Nancy Ducane nói với Poirot cứ như đó là một khuyết điểm của ông vậy. “Mọi người đều nói thế. Tôi nhìn mắt ông là biết ngay.”

“Oui, người ta nghĩ tôi có một bộ óc siêu việt.”

“Ông nói nghe ngạo mạn thật đấy. Theo thiên ý của tôi, một bộ óc siêu việt chẳng là gì cả nếu không đi kèm một trái tim siêu việt.”

“Naturellement. Là những người yêu nghệ thuật, chúng ta phải tin điều đó. Nghệ thuật gắn với trái tim và tâm hồn nhiều hơn là bộ óc.”

“Tôi cũng nghĩ vậy,” Nancy dịu giọng. “Ông biết đấy, ông Poirot, đôi mắt ông... chúng còn hơn cả thông minh nữa kia. Chúng khôn ngoan. Chúng lùi lại rất xa xăm. Ông không hiểu tôi đang nói gì đâu, nhưng đúng là vậy. Chúng sẽ trông rất tuyệt trên một bức họa, mặc dù tôi sẽ chẳng đời nào vẽ ông vì ông đã mang ba cái tên đáng sợ đó vào nhà tôi.”

“Thật đáng tiếc.”

“Tôi trách ông đấy,” Nancy thẳng thừng nói. Bà siết hai bàn

tay. “Ồ, có lẽ tôi cũng nên nói cho ông biết. Ban nãy tôi quả đã nhủ thầm rằng nếu có kẻ nào giết Harriet, Ida và Richard thì lẽ ra kẻ đó phải là tôi, nhưng, như ông đã nghe rồi đấy, tôi không làm việc đó. Vì vậy tôi không hiểu điều gì có thể đã diễn ra.”

“Bà ghét họ lắm nhỉ?”

“Ghê tởm họ. Cầu cho họ chết đi sống lại. Ôi trời!” Nancy chột bưng đôi má. “Họ đã chết thật chưa? Tôi nghĩ lẽ ra mình phải xúc động hay nhẹ nhõm. Tôi muốn vui mừng về chuyện đó, nhưng lại không vui được khi nghĩ về Harriet, Ida và Richard. Có phải là trở trêu lắm không?”

“Tại sao bà ghét họ?”

“Tôi sẽ không bàn luận chuyện này.”

“Thưa bà, tôi sẽ không hỏi nếu không phải là cần thiết.”

“Dù vậy, tôi vẫn không muốn trả lời.”

Poirot thở dài. “Bà ở đâu tối thứ năm tuần rồi trong khoảng từ 7 giờ 15 đến 8 giờ?”

Nancy chau mày. “Tôi không nhớ gì cả. Tôi còn không nhớ nổi việc gì cần phải làm trong tuần này nữa là. Ồ, đợi đã. Thứ năm, phải rồi. Tôi đang ở bên kia đường, tại nhà cô bạn Louisa của tôi. Louisa Wallace. Tôi vừa vẽ xong chân dung cô ta nên mang nó đến đó và ở lại dùng bữa tối. Hình như tôi ở đó từ 6 giờ cho đến gần 10 giờ. Thậm chí tôi có thể ngồi lại lâu hơn nữa nếu St. John, chồng của Louisa, không hiện diện ở đó. Anh ta là một gã hợm hĩnh kinh khủng. Louisa thì quá dễ thương, cô ấy không có khả năng nhận ra sai trái của người khác, chắc ông cũng biết loại người này. Cô ấy thích nghĩ rằng tôi và St. John cực kỳ quý mến

nhau chỉ vì cả hai chúng tôi đều là họa sĩ, nhưng tôi chịu không nổi anh ta. Anh ta tin chắc rằng loại hình nghệ thuật của anh ta ưu việt hơn của tôi, và cứ hờ ra lúc nào là lại nói tát vào mặt tôi điều đó. Chủ đề của anh ta là cỏ cây và cá, anh ta vẽ những thứ đó. Những chiếc lá già cỗi, u uất, những con cá tuyết có đôi mắt lạnh lùng!”

“Ông ta là họa sĩ chuyên vẽ động-thực vật?”

“Tôi chỉ quan tâm đến họa sĩ nào vẽ mặt người mà thôi,” Nancy dứt khoát nói. “Tôi xin lỗi, nhưng đúng là thế đấy. St. John khẳng khẳng rằng muốn vẽ một khuôn mặt thì phải kể một câu chuyện, và khi ta áp đặt câu chuyện vào thì ta sẽ bóp méo dữ-liệu-nhìn. Thật là vớ vẩn! Kể chuyện thì có gì là sai hả trời?”

“Liệu St. John Wallace có kể cho tôi cùng câu chuyện mà bà kể liên quan đến tối thứ năm tuần rồi?” Poirot hỏi. “Liệu ông ta có chịu xác nhận rằng bà ở nhà họ từ 6 giờ đến gần 10 giờ?”

“Dĩ nhiên. Thật là vô lý, ông Poirot. Ông đang hỏi tôi như hỏi tên sát nhân vậy, mà tôi có phải đâu. Ai nói với ông những vụ giết người đó là do tôi gây ra vậy?”

“Có người đã thấy bà từ khách sạn Bloxham chạy ra ngoài trong trạng thái bấn loạn ngay sau 8 giờ tối. Trong khi chạy, bà đánh rơi hai chiếc chìa khóa. Bà cúi xuống nhặt rồi chạy tiếp. Nhân chứng đã nhận ra khuôn mặt bà trên báo và chỉ ra đích xác danh họa Nancy Ducane.”

“Điều đó không thể nào. Nhân chứng của ông đã lầm người rồi. Ông cứ hỏi St. John và Louisa Wallace đi.”

“Tôi sẽ hỏi, thưa bà. Bon. Giờ thì tôi có câu hỏi khác cho bà đây: cái tên họ viết tắt *PIJ*, hay có thể là *PJI*, có quen thuộc với bà không? Có thể là ai đó ở Great Holling?”

Khuôn mặt của Nancy chợt thất sắc. “Có,” bà thì thào. “Patrick James Ive. Ông ta từng là mục sư quản nhiệm.”

“À! Cái ông mục sư chết bi thảm có đúng không? Cả vợ ông ta nữa?”

“Phải.”

“Chuyện gì xảy ra cho họ vậy?”

“Tôi sẽ không nói chuyện đó. Không nói đâu!”

“Điều đó cực kỳ quan trọng. Tôi cầu xin bà hãy cho tôi biết.”

“TÔI KHÔNG NÓI!” Nancy hét lên. “Tôi có cố cũng không được. Ông không hiểu đâu. Tôi không nhắc đến chuyện đó từ lâu lắm rồi, tôi...” Miệng bà mở rồi khép trong vài giây mà không có lời nào thốt ra. Khuôn mặt bà méo xệch vì đau đớn. “Chuyện gì xảy ra cho Harriet, Ida và Richard vậy?” bà hỏi. “Họ bị giết như thế nào?”

“Bằng thuốc độc.”

“Ồ, khủng khiếp quá! Nhưng cũng thật là đáng.”

“Tại sao lại đáng, thưa bà? Phải chăng vì Patrick Ive và vợ ông ta cũng chết vì thuốc độc?”

“Tôi không nói về họ, tôi đã bảo rồi!”

“Ở Great Holling bà còn biết cô gái nào tên là Jennie không?”

Nancy hốt hển đặt tay lên cuống họng. “Jennie Hobbs. Tôi không có gì để nói về cô ta, không có bất cứ điều gì. Đừng hỏi tôi

thêm câu nào nữa!” Bà quệt nước mắt. “Tại sao người ta cứ phải ác như thế, hả ông Poirot? Ông có hiểu điều đó không? Không, đừng trả lời! Ta hãy bàn chuyện gì khác đi, chuyện gì giúp lên tinh thần ấy. Ta hãy bàn về nghệ thuật, vì cả tôi và ông đều yêu nghệ thuật.”

Nancy đứng dậy, bước đến một bức chân dung lớn treo ở bên trái cửa sổ. Đó là chân dung một người đàn ông với mái tóc đen phóng khoáng, miệng rộng và cằm chẻ. Ông ta đang mỉm cười. Có cái vẻ của một người vui tính.

“Cha tôi đấy,” Nancy nói. “Albinus Johnson. Có thể ông biết cái tên này.”

“Nghe quen lắm, nhưng tôi không thể nhớ ra ngay,” Poirot nói.

“Ông mất cách đây hai năm. Lần cuối hai cha con gặp nhau là khi tôi mười chín tuổi. Nay tôi đã bốn mươi hai rồi.”

“Xin thành thật chia buồn.”

“Tôi không vẽ bức đó. Tôi không biết ai vẽ và vẽ khi nào. Không có chữ ký và không ghi ngày tháng, vì vậy tôi không nghĩ nhiều về người vẽ, dù người đó là ai – có thể là một họa sĩ nghiệp dư – nhưng... đó là nụ cười của cha tôi, và đó là lý do vì sao nó được treo trên tường. Giá như ông ấy cười nhiều hơn trong đời thực...” Nancy ngắt ngang và quay sang đối mặt với Poirot. “Ông thấy chưa?” bà nói. “St. John đã sai! Công việc của nghệ thuật là thay những chuyện đau thương có thật bằng những sáng tạo vui vẻ hơn.”

Có tiếng gõ cửa mạnh rồi viên đội Stanley Beer tái xuất hiện.

Theo cách anh ta chỉ nhìn ông, lẩn tránh ánh mắt của Nancy, Poirot hiểu ngay đã có chuyện. “Tôi đã tìm ra vài món, thưa ông.”

“Món gì vậy?”

“Hai chiếc chìa khóa. Chúng nằm trong túi chiếc áo khoác màu xanh đậm có cổ tay bằng lông. Cô giúp việc nói nó thuộc sở hữu của bà Ducane.”

“Hai chìa khóa nào?” Nancy hỏi. “Đưa tôi xem. Tôi không bao giờ bỏ chìa khóa trong túi áo khoác. Tôi có ngăn kéo để cất chúng.”

Beer vẫn không dám nhìn bà. Thay vào đó, anh ta tiến đến chiếc ghế Poirot ngồi. Khi đến cạnh ông, anh ta xòe lòng bàn tay ra.

“Anh ta tìm thấy gì vậy?” Nancy bồn chồn nói.

“Hai chiếc chìa khóa có khắc số phòng thuộc về khách sạn Bloxham,” Poirot nói bằng một giọng trịnh trọng. “Phòng 121 và phòng 317.”

“Những con số đó có ý nghĩa gì liên quan đến tôi không?” Nancy hỏi.

“Hai trong số các án mạng đã diễn ra trong các phòng đó, thưa bà: 121 và 317. Nhân chứng thấy bà chạy khỏi khách sạn Bloxham vào đêm án mạng nói rằng bà đã đánh rơi hai chìa khóa có khắc số bên trên: một trăm bao nhiêu đó và ba trăm bao nhiêu đó.”

“Quả là một trùng hợp kỳ lạ!” Nancy phá lên cười. “Ồ, ông Poirot, ông có chắc là ông thông minh không vậy? Chẳng lẽ ông

không thấy điều gì ngay trước mũi? Hay bộ ria đồ sộ kia đã chắn mất tầm nhìn của ông rồi? Có ai đó đã gài tôi vào tội giết người. Chắc chắn là một âm mưu! Tôi sẽ có một khoảng thời gian thú vị lắm đây để tìm hiểu xem kẻ đó là ai. Như chúng ta đều biết, tôi không trên đường đi đến giá treo cổ đâu.”

“Ai là người có cơ hội nhét các chìa khóa đó vào túi áo của bà trong thời gian từ thứ năm qua đến hiện nay?” Poirot hỏi.

“Sao tôi biết được chớ? Bất kỳ ai đi ngang qua tôi trên đường, tôi dám nói thế. Tôi mặc chiếc áo khoác xanh đó khá thường. Ông biết đấy, chuyện này hết sức vô lý.”

“Xin bà hãy giải thích.”

Trong khoảnh khắc bà có vẻ chìm đắm trong mơ màng. Rồi bà hồi tỉnh lại và nói: “Bất kỳ ai căm ghét Harriet, Ida và Richard đủ để giết họ... người đó hầu như chắc chắn sẽ có lợi nếu đổ vấy cho tôi. Và y như rằng hắn đã gán cho tôi tội giết người.”

“Tôi có phải bắt giữ bà ấy không, thưa ông?” Stanley Beer hỏi Poirot. “Tôi đưa bà ấy về đồn nhé?”

“Ồ, đừng lố bịch thế chứ,” Nancy ngán ngẩm nói. “Tôi vừa nói ‘gán cho tôi tội giết người’ là các ông đã lập tức nghĩ rằng phải làm như vậy sao? Các ông là cảnh sát hay con vẹt vậy? Nếu muốn bắt ai đó, sao không bắt nhân chứng của các ông đi. Biết đâu hắn không chỉ là kẻ nói láo mà còn là hung thủ? Các ông đã nghĩ đến điều đó chưa? Các ông phải băng qua đường ngay tức thì và nghe sự thật từ St. John và Louisa Wallace. Đó là cách duy nhất để kết thúc câu chuyện vớ vẩn này.”

Một cách khá khó nhọc, Poirot nhắc mình, đứng lên khỏi ghế.

Đó là loại ghế bành không thoải mái lắm cho những người có kích cỡ và thể trạng như ông. “Chúng tôi sẽ làm điều đó, précisément,” ông nói rồi quay sang Stanley Beer: “Ông đội, lúc này chúng ta chưa bắt bớ ai cả. Thưa bà, tôi không tin bà giữ lại hai chiếc chìa khóa đó nếu quả thực bà đã giết người trong các phòng 121 và 317 của khách sạn Bloxham. Tại sao bà không thủ tiêu chúng đi chứ?”

“Thì đó. Tôi sẽ thủ tiêu nó ngay cơ hội đầu tiên, đúng không nào?”

“Tôi sẽ gặp ông bà Wallace ngay sau đây.”

“Thật ra, ông sẽ gặp ngài Wallace và phu nhân,” Nancy nói. “Louisa thì không quan tâm đâu, nhưng St. John sẽ không tha thứ cho ông nếu ông phớt lờ tước hiệu của anh ta.”



Không lâu sau đó, Poirot đã đứng cạnh Louisa Wallace trong khi bà mê mẩn ngắm nghía bức chân dung treo trên tường phòng khách do Nancy Ducane vẽ bà.

“Ông xem nó có hoàn hảo không?” bà thì thào. “Không tôn tạo mà cũng chẳng giảm khinh. Với làn da đỏ và khuôn mặt tròn như tôi thì luôn có nguy cơ bị giống bà vợ bác nông dân, nhưng không hề. Trông tôi không nông thẳm, nhưng rất hiền hòa, tôi nghĩ thế. St. John dùng từ ‘khoan thai’, một từ mà anh ấy chưa từng dùng để nói về tôi, nhưng bức họa đã làm anh ấy bật ra từ

đó.” Bà cười thành tiếng. “Có tuyệt vời không khi trên đời này có một người tài năng như Nancy?”

Poirot đang có chút khó khăn trong việc tập trung vào bức họa. Tương đương với cô giúp việc tạp-dề-hồ-bột Tabitha, Louisa Wallace có một cô giúp việc hậu đậu tên là Dorcas. Cô này đã hai lần đánh rơi áo khoác của Poirot, một lần đánh rơi nón của ông mà còn giẫm lên.

Ngôi nhà của vợ chồng Wallace có thể là đẹp nếu có một chế độ cai quản khác, nhưng ngày hôm đó Poirot thấy nó còn nhiều điều chưa hấp dẫn. Trừ những bàn ghế nặng bố trí hợp lý tựa vào tường, mọi thứ trong nhà trông cứ như vừa bị cơn gió mạnh quét qua, nằm rải rác lung tung ở những vị trí rất bất tiện. Poirot không chịu nổi sự bừa bãi, nó ngăn trở ông suy nghĩ mạch lạc.

Sau khi nhặt áo khoác và chiếc nón rúm ró của ông, Dorcas lui ra, để lại Poirot một mình với Louisa Wallace. Stanley Beer đang ở lại nhà của Nancy Ducane để hoàn tất việc khám xét các phòng. Ngài-Quý-phái cũng không có mặt ở đây, nghe đâu sáng hôm đó ông phải về điền trang nông thôn của gia đình. Poirot nhận ra vài "chiếc lá già cỗi, u uất và những con cá tuyết có đôi mắt lạnh lùng" – như cách nói của Nancy – treo trên tường. Ông tự hỏi không biết những bức tranh đó có phải là tác phẩm của St. John Wallace hay không.

“Tôi xin lỗi ông về Dorcas,” Louisa nói. “Cô bé ấy mới nhận việc. Cô ta là cô hầu đoảng nhất xưa nay ở nhà chúng tôi, nhưng tôi sẽ không đầu hàng đâu. Mới chỉ có ba ngày thôi mà. Cô ta sẽ học được thôi, chỉ cần thời gian và kiên nhẫn. Miễn cô ta đừng

quá lo lắng. Tôi biết điều gì diễn ra nơi cô ta: cô ta tự nhủ ‘không được đánh rơi áo mũ của quý ông quan trọng này’, rồi cô ta bị ám ảnh bởi cái ý nghĩ đánh rơi đó, và cuối cùng việc đó đã trở thành hiện thực. Bực thật!”

“Vâng,” Poirot đồng ý. “Thưa bà Wallace, về hôm thứ năm vừa qua...”

“Ồ, vâng, ta đang nói dở chuyện đó thì tôi kéo ông vào đây để khoe mấy bức họa. Phải, Nancy đã ở đây tối hôm đó.”

“Từ mấy giờ đến mấy giờ, thưa bà?”

“Tôi không nhớ chính xác. Tôi chỉ biết chúng tôi thỏa thuận cô ấy đưa bức họa đến đây vào lúc 6 giờ, và hình như cô ấy không đến muộn. Còn cô ấy về lúc nào thì e rằng tôi không nhớ. Nếu để tôi đoán thì chắc là 10 giờ hay sau đó một chút.”

“Và bà ấy đã ở đây suốt thời gian đó, tức đến khi ra về? Bà ấy không đi đâu rồi quay lại chứ?”

“Không.” Louisa Wallace trông bối rối. “Cô ấy đem tranh đến vào lúc 6 giờ, rồi chúng tôi ngồi với nhau cho đến khi cô ấy về. Có chuyện gì vậy?”

“Bà có thể xác nhận bà Ducane không ra về trước 8 giờ 30 chứ?”

“Chao ôi, vâng. Cô ấy về muộn hơn thế nhiều. Vào lúc 8 giờ 30 chúng tôi vẫn đang ngồi ở bàn.”

“‘Chúng tôi’ là những ai?”

“Nancy, St. John và tôi.”

“Chồng của bà, nếu tôi nói chuyện với ông ta, liệu ông ta có

xác nhận điều đó không?”

“Có chứ. Ông ngụ ý rằng tôi nói sai sự thật sao, ông Poirot?”

“Không, không. Pas du tout.”

“Tốt,” Louisa Wallace dứt khoát nói. Bà quay sang bức chân dung của chính mình treo trên tường. “Màu sắc là tài năng đặc biệt của cô ấy, ông biết đấy. Cô ấy thể hiện được cả cá tính trên khuôn mặt, nhưng sức mạnh lớn nhất của cô ấy chính là màu sắc. Hãy nhìn xem cái cách mà ánh sáng rơi lên bộ váy xanh của tôi.”

Poirot hiểu bà muốn nói gì. Màu xanh có lúc trông sáng hơn, nhưng lúc sau lại sậm hơn. Không có một bóng màu cố định nào. Ánh sáng có vẻ như thay đổi khi ta ngắm bức tranh. Đó chính là tài năng của Nancy Ducane. Bức vẽ mô tả Louisa Wallace đang ngồi trên ghế, khoác một bộ váy xanh cổ thấp, phía sau có bộ ấm chén màu xanh trên chiếc bàn bằng gỗ. Poirot đi qua đi lại trong phòng, ngắm nghía bức tranh từ nhiều góc độ và vị trí.

“Tôi muốn trả cho Nancy theo mức thù lao thường lệ của cô ấy, nhưng cô ấy gạt phắt đi,” Louisa Wallace nói. “Tôi thật may mà có được một người bạn hào phóng như thế. Ông biết không, tôi nghĩ chồng tôi có hơi ganh tị, ý tôi là về bức họa. Cả nhà này tràn ngập tranh của anh ấy - chúng tôi chỉ còn mỗi một hành lang chưa treo tranh. Chỉ toàn tranh của anh ấy thôi, cho đến khi có bức này. Giữa anh ấy và Nancy luôn có sự ganh đua ngốc nghếch đó. Tôi thì không bàn luận gì. Cả hai đều tài năng theo cách riêng.”

Vậy là Nancy Ducane đã tặng tranh cho Louisa Wallace, Poirot nghĩ. Có thật bà ta không muốn trả công hay bà ta kỳ vọng vào một chứng cứ ngoại phạm? Giữa bạn bè thân thiết, đôi khi cũng khó lòng mà từ chối một lời nói dối nho nhỏ, vô hại sau khi được tặng cho một món quà hào phóng cỡ đó. Poirot tự hỏi liệu ông có nên cho Louisa Wallace biết ông ở đây để điều tra một vụ án mạng. Cho đến lúc này, ông vẫn chưa nói ra điều đó.

Dòng suy nghĩ của ông bị gián đoạn bởi sự xuất hiện bất ngờ của cô giúp việc Dorcas. Cô ta lao vào phòng với vẻ khẩn trương và lo lắng. “Xin lỗi, thưa ông!”

“Có chuyện gì vậy?” Poirot ngờ rằng cô ta sắp thú nhận đã vô tình làm cháy luôn nón và áo khoác của ông.

“Ông muốn dùng trà hay cà phê không ạ?”

“Đó là điều cô muốn hỏi tôi?”

“Vâng, thưa ông.”

“Không có việc gì khác chứ? Không có gì xảy ra chứ?”

“Dạ, không ạ.” Giọng Dorcas có vẻ bối rối.

“Bon. Vậy thì vâng, cho tôi xin cà phê. Cảm ơn cô.”

“Có ngay ạ, thưa ông.”

“Ông thấy chưa?” Louisa Wallace lau bàu khi cô gái tha thẩn ra khỏi phòng. “Ông tin nổi không? Tôi cứ tưởng cô ta sắp thông báo nghỉ việc gấp vì mẹ đang hấp hối cơ đấy! Cô ta thật là quá đáng mà. Chắc phải cho cô ta nghỉ việc quá. Nhưng có người phụ giúp, dù giúp chẳng là bao, cũng còn hơn là không. Ngày nay thật không dễ tìm được đứa giúp việc nào ra hồn.”

Poirot phát ra một tiếng thở dài như để chia sẻ. Ông không muốn bàn luận về chuyện người ăn kẻ ở. Ông quan tâm hơn tới những ý tưởng của mình, đặc biệt cái ý tưởng đã nảy ra trong khi Louisa Wallace mãi ca cẩm về Dorcas còn ông mãi ngắm nhìn bộ ấm chén ở trên tranh.

“Thưa bà, nếu như bà cho phép tôi lạm dụng thêm ít thời gian của bà... những bức tranh treo tường ở đây, tất cả đều do chồng bà vẽ chứ ạ?”

“Vâng.”

“Như bà nói, ông ấy cũng là một họa sĩ xuất sắc. Tôi sẽ rất vinh dự, thưa bà, nếu bà cho tôi được tham quan ngôi nhà xinh đẹp của bà. Tôi sẽ rất vui thích được ngắm các bức họa của ông nhà. Bà nói chúng được treo trên khắp các tường, đúng không ạ?”

“Vâng. Tôi rất vui được đưa ông đi xem tranh của St. John Wallace, và ông sẽ thấy là tôi không cường điệu.” Louisa trông rạng rỡ khi chấp hai bàn tay. “Vui thật! Dù vậy tôi vẫn ước có St. John ở đây. Anh ấy sẽ nói được nhiều hơn tôi về các bức vẽ. Tuy nhiên tôi sẽ cố hết sức. Ông Poirot ạ, ông sẽ ngạc nhiên khi biết có rất nhiều người đến nhà này mà không ngắm tranh hay hỏi han gì về chúng. Dorcas là một ví dụ. Có đến cả năm trăm khung tranh treo trên tường mà cô ta vẫn thờ ơ. Ta bắt đầu từ sảnh lớn nhé?”

Thật may mà mình biết thưởng thức nghệ thuật, Poirot nghĩ khi ông được dẫn đi quanh nhà để giới thiệu rất nhiều loại nhện nhện, cây cỏ và cá kiếc. Ông nghĩ về cuộc ganh đua giữa St. John

Wallace và Nancy Ducane. Tranh của Wallace công phu và tỉ mỉ, nhưng không gây cảm xúc nào. Tranh của Nancy Ducane thể hiện một tài năng lớn hơn. Bà đã nắm bắt được cái thần của Louisa Wallace và làm cho bà này trở nên sinh động và sống thực trên bức tranh sơn dầu. Poirot chợt muốn ngắm lại bức chân dung trước khi rời khỏi nhà, và điều đó không chỉ để kiểm tra xem ông có nhầm lẫn không cái chi tiết quan trọng mà ông nghĩ mình đã phát hiện ra.

Dorcas xuất hiện ở thềm cầu thang trên gác. “Cà phê của ông đây ạ.” Vừa ở trong phòng vẽ của St. John Wallace đi ra, Poirot bước tới để đón tách cà phê. Cô ta lui ra sau như thể không ngờ ông tiến tới, vì thế làm sánh cà phê ra chiếc tạp dề trắng. “Ồi trời! Tôi xin lỗi, thưa ông. Tôi đúng là hậu đậu mà. Để tôi pha cho ông tách khác.”

“Không, khỏi đi. Không cần đâu.” Poirot đón lấy tách cà phê với và uống cạn chỉ một ngụm, trước khi cô gái kịp làm đổ nốt chỗ còn lại.

“Đây có lẽ là bức tôi thích nhất,” Louisa Wallace nói, vẫn đang trong phòng vẽ. Bà đang trở vào bức họa mà Poirot không thể thấy. “Bìm bịp xanh: thuộc họ cà *Solanum Dulcamara*. Ngày bốn tháng 8 năm ngoái, ông thấy chưa? Đó là quà kỷ niệm đám cưới của St. John tặng tôi. Ba mươi năm đấy. Đẹp quá, đúng không ông?”

“Ông có muốn một tách cà phê nữa không ạ?” Dorcas hỏi.

“Ngày bốn tháng... Sacrétonnerre.” Poirot lẩm bẩm khi một cảm giác phấn khích chợt dâng trào. Ông quay về phòng vẽ,

ngắm nghĩa bức tranh bìm bịp xanh.

“Ông ấy đã trả lời một lần rồi mà, Dorcas. Ông ấy không muốn uống thêm cà phê nữa.”

“Không phải đâu ạ, thưa bà, thật đấy. Ông ấy muốn uống cà phê, nhưng lúc ông ấy cầm lên thì trong tách hầu như chẳng còn gì.”

“Nếu không có đó thì ta không thấy gì,” Poirot chột đảm chiêu một cách khó hiểu. “Ta nghĩ là không có gì – đó là một việc khó, ngay cả với Poirot này – cho đến khi ta thấy ở nơi khác thứ mà lẽ ra phải ở đó.” Ông cầm tay Dorcas, hôn lên nó. “Cô gái trẻ thân mến ơi, điều mà cô đem đến cho tôi còn quý giá hơn nhiều so với món cà phê!”

“ỒỒỒ.” Dorcas nghiêng đầu, nhìn sững. “Mắt ông sao tự nhiên vui và xanh quá, thưa ông.”

“Ông ngụ ý gì vậy, ông Poirot?” Louisa Wallace hỏi. “Dorcas, đi làm việc gì có ích đi.”

“Vâng, thưa bà.” Cô gái hấp tấp rời đi.

“Tôi mắc nợ cả Dorcas lẫn bà, thưa bà,” Poirot nói. “Lúc tôi đến đây – bao lâu rồi nhỉ? – mới nửa giờ trước tôi không thấy rõ ràng lắm. Tôi chỉ thấy lộn xộn và rối rắm. Giờ thì tôi đã sắp xếp được mọi thứ... Suy nghĩ liên lạc là rất quan trọng đối với tôi.”

“Ồ.” Louisa có vẻ thất vọng. “Nếu ông đã vội đi như thế...”

“Ồ, không, không, bà hiểu lầm tôi rồi. Xin lỗi, thưa bà. Lỗi là do tôi, tôi đã không diễn đạt rõ ràng. Dĩ nhiên chúng ta phải hoàn tất chuyến tham quan nghệ thuật. Còn rất nhiều thứ để

khám phá! Chỉ sau đó tôi mới đi và tiếp tục việc suy nghĩ của tôi.”

“Ông chắc không đấy?” Louisa nhìn ông, vẻ hơi hoang mang. “Vậy thì, tốt lắm, nếu như không phải là quá nhàm chán.” Bà nói lại những bình luận hào hứng về các bức vẽ của chồng khi họ đi hết phòng này sang phòng khác.

Tại một trong các phòng ngủ dành cho khách – căn phòng cuối trên gác mà họ đến – có một bộ ấm chén màu trắng với nắp đây màu đỏ, xanh và trắng. Có cả một chiếc bàn và một chiếc ghế. Poirot nhận ra cả hai món này trong bức vẽ chân dung Louisa của Nancy Ducane. Ông nói: “Xin lỗi, thưa bà, còn bộ ấm chén màu xanh trên bức chân dung đâu mất rồi?”

“Bộ ấm chén màu xanh...” Louisa lặp lại, vẻ bối rối.

“Tôi nghĩ bà đã ngồi cho bà Nancy Ducane vẽ trong phòng này, n'est-ce pas?”

“Phải, đúng vậy. Và... chờ đã! Bộ ấm chén đó là bộ ở phòng ngủ khác dành cho khách!”

“Thế nhưng nó không ở đó. Nó ở đây.”

“Đúng vậy thật. Nhưng... nếu vậy bộ ấm chén màu xanh đâu mất rồi?”

“Tôi không biết, thưa bà.”

“Vậy nó hẳn phải ở trong một phòng ngủ khác. Phòng của tôi có lẽ. Chắc Dorcas đã tha nó đi lung tung.” Bà lao vội đi tìm món vật thất lạc.

Poirot đi theo sau. “Không có bộ ấm chén nào trong các phòng

ngủ,” ông nói.

Sau một hồi kiểm tra kỹ càng, Louisa Wallace nói qua hàm răng nghiến chặt: “Cái con bé vô dụng này! Tôi sẽ nói cho ông biết chuyện gì xảy ra, ông Poirot ạ. Dorcas đã làm vỡ mà không dám nói với tôi. Ta đi hỏi cô ta đây, ông nghĩ sao? Dĩ nhiên cô ta sẽ chối, nhưng đó là cách giải thích duy nhất. Ấm chén không tự nhiên biến mất được, chúng không thể tự di chuyển từ phòng này sang phòng khác.”

“Bà thấy bộ ấm chén màu xanh lần cuối là khi nào vậy, thưa bà?”

“Tôi không biết. Lâu rồi tôi không để ý đến chúng. Tôi cũng hiếm khi nào bước vào các phòng ngủ dành cho khách.”

“Có khi nào Nancy Ducane đã mang theo bộ ấm chén xanh khi bà ấy rời khỏi đây tối thứ năm?”

“Không đâu. Cô ấy cầm nó theo làm gì? Làm vậy thì ngớ ngẩn quá! Tôi đứng ngoài cửa chào tạm biệt cô ấy mà có thấy cô ấy cầm gì theo đâu, ngoài chìa khóa nhà cô ấy. Hơn nữa, Nancy không phải là kẻ trộm. Còn Dorcas thì... Chắc là vậy rồi! Cô ta không làm vỡ mà lấy trộm, chắc chắn là như vậy. Nhưng làm sao chứng minh đây? Thế nào cô ta cũng chối cho coi.”

“Thưa bà, xin hãy dành cho tôi một ưu ái,” Poirot nói. “Chỉ chút xíu nữa thôi, tôi sẽ để bà được yên, nhưng trước hết liệu tôi có thể xem lần cuối bức chân dung xuất sắc của bà do Nancy Ducane vẽ?”

“Được, rất hân hạnh.”

Louisa Wallace và Hercule Poirot cùng trở về phòng khách. Họ

đứng trước bức họa.

“Chết tiệt thật,” Louisa lầu bầu. “Giờ thì nhìn bức tranh tôi chỉ thấy có mỗi bộ ấm chén màu xanh thôi.”

“Nó nổi bật lên, đúng không ạ?”

“Lẽ ra nó phải ở trong nhà tôi, mà giờ thì lại không, và tôi chỉ có thể ngắm bức tranh và tự hỏi bộ ấm chén đi đâu mất rồi! Ôi trời, hôm nay quả là một ngày bực bội.”



Khi Poirot trở về nhà trọ, bà Blanche Unsworth, theo thói quen, ân cần hỏi han xem ông có cần thứ gì không.

“Có đấy,” ông nói. “Tôi muốn một tờ giấy và vài cây bút chì để vẽ. Chì màu đấy nhé.”

Khuôn mặt bà Unsworth xị xuống. “Giấy thì tôi có, nhưng bút chì màu thì không biết có hay không. Trừ phi ông chấp nhận màu của bút chì thường.”

“À! Màu xám: tốt nhất là màu đó.”

“Vậy tôi kiếm cho ông nhé, ông Poirot? Xám hả?”

“Oui,” Poirot vỗ vỗ một bên đầu. “Màu của các tế bào xám nhỏ nhỏ.”

“Ồ, không, thà là màu hồng nhạt hay hoa cà còn hơn.”

“Màu sắc không quan trọng – một chiếc váy màu xanh lục, một bộ ấm chén màu xanh lam, một bộ khác lại màu trắng.”

“Tôi không theo kịp ông, ông Poirot ạ.”

“Tôi đâu yêu cầu bà theo kịp tôi, bà Unsworth. Chỉ cần bà lấy cho tôi một cây bút chì thông thường của bà và một tờ giấy, nhanh lên. Và một phong bì nữa nhé. Hôm nay tôi đã có cuộc thảo luận rất dài về nghệ thuật. Giờ thì Hercule Poirot muốn tạo ra tác phẩm nghệ thuật của chính mình!”

Hai mươi phút sau, ngồi tại bàn ở phòng ăn, Poirot lại gọi Blanche Unsworth đến. Khi bà xuất hiện, ông trao cho bà chiếc phong bì đã niêm kín. “Xin bà hãy gọi điện cho Scotland Yard giúp tôi,” ông nói. “Bảo họ cho người đến lấy phong bì này ngay lập tức và chuyển cho viên đội Stanley Beer. Tôi đã ghi tên anh ta trên phong bì. Làm ơn giải thích rằng việc này rất quan trọng. Có liên quan đến các án mạng ở khách sạn Bloxham.”

“Tôi tưởng ông vẽ tranh kia mà,” bà Blanche nói.

“Bức họa của tôi được niêm trong phong bì này, kèm với một lá thư.”

“Ồ. Vậy tôi có thể xem tranh ông vẽ được không ạ?”

Poirot mỉm cười. “Bà không cần phải xem đâu, thưa bà, trừ phi bà làm việc cho Scotland Yard, mà theo như tôi biết thì bà đâu có làm việc ở đó.”

“Ồ.” Blanche Unsworth có vẻ phật ý. “Tôi đành đi gọi điện thoại cho ông vậy,” bà nói.

“Merci, madame.”

Khi trở lại năm phút sau đó, bà bịt miệng bằng cả hai tay, đôi má bà có hai đốm hồng rực. “Ôi trời, ông Poirot,” bà nói. “Ôi, đây

là tin xấu cho tất cả chúng ta! Tôi không hiểu tại sao người ta lại làm vậy, thực sự không hiểu.”

“Tin gì vậy?”

“Tôi gọi cho Scotland Yard như ông yêu cầu. Họ nói sẽ cử ai đó đến lấy phong bì của ông.Ồ, ông Poirot, thật là khủng khiếp!”

“Bình tĩnh lại đi, thưa bà. Xin hãy cho tôi biết.”

“Lại có thêm một án mạng nữa ở Bloxham! Tôi không hiểu có gì bất ổn ở mấy cái khách sạn sang trọng đó, thực sự không hiểu.”



CHƯƠNG 14

Ý NGHĨ TRONG GƯƠNG

Về đến London, tôi đến ngay quán Pleasant, định ninh rằng sẽ tìm thấy Poirot ở đó. Nhưng khuôn mặt quen thuộc duy nhất trong quán cà phê lại là cô phục vụ mà Poirot đặt tên là "Tóc Bay Bay". Với tôi, cô ta giống như món thuốc bổ. Hơn bất cứ điều gì khác, tôi thích quán Pleasant chính vì sự hiện diện của cô ta. Tên cô ta là gì nhỉ? Poirot đã có nói. Ồ phải: Fee Spring, tên tắt của Euphemia.

Tôi thích cô ta vì cái thói quen dễ chịu, cứ mỗi lần gặp tôi là lại nói đúng hai điều. Cô ta đang nói đây. Điều thứ nhất là ước vọng đã lâu của cô ta, muốn đổi cách gọi Pleasant từ "Quán Cà phê" thành "Trà quán", nhằm phản ánh mối tương quan lợi ích giữa hai món thức uống này. Điều thứ hai là: "Scotland Yard đối xử với ông ra sao? Tôi rất muốn làm việc ở đó – chỉ cần họ giao nhiệm vụ cho tôi, ông nhớ đấy nhé."

"Ồ, cô sẽ chóng thành trưởng nhóm cho coi," tôi nói. "Chỉ có điều tôi ngại rằng ngày nào đó tôi đến đây và bắt gặp dòng chữ 'Trà quán Pleasant' ghi trên tấm biển ngoài kia."

“Không chắc đâu. Đó là điều duy nhất họ sẽ không cho phép tôi thay đổi. Ông Poirot đâu thích điều đó, phải không ạ?”

“Ông ta sẽ thất kinh.”

“Ông không được nói với ông ta hay ai khác đâu đấy.”

Đề nghị đổi tên quán của Fee là điều mà cô ta thổ lộ là chưa từng nói với ai khác ngoài tôi ra.

“Tôi không nói đâu,” tôi cam kết. “Tôi bảo cô thế này nhé: hãy đến giúp tôi phá án và tôi sẽ xin sếp tôi đổi tên cơ quan thành ra là Trà quán Scotland Yard. Ở đó mọi người đều uống trà nên chẳng có gì là không phù hợp cả.”

“Hừm.” Fee không thấy đó là ý hay. “Tôi nghe nói cảnh sát nữ không được tiếp tục công việc nếu lập gia đình. Chẳng hề gì, tôi thà cùng ông phá án còn hơn là suốt ngày chăm chồong.”

“Thế thì cô được toại nguyện rồi đấy!”

“Vậy đừng hỏi cưới tôi đấy nhé.”

“Khỏi lo!”

“Ông đáng mến nhỉ?”

Để thoát ra, tôi nói: “Tôi sẽ không hỏi cưới ai, nhưng nếu cha mẹ tôi chĩa súng vào đầu tôi, tôi sẽ hỏi cưới cô trước các cô gái khác, được chưa?”

“Thà là tôi còn hơn cô nàng mơ mộng nào, trong đầu chỉ toàn chuyện lãng mạn. Loại đó thì chán lắm đấy.”

Tôi không muốn bàn luận chuyện lãng mạn. Tôi nói: “Do chúng ta đã có mối hợp tác phá án... Có phải cô đang chờ Poirot đến đây không? Tôi cũng định ninh ông ta ở đây để đợi Jennie

Hobbs tái xuất.”

“Jennie Hobbs ư? Vậy ra ông đã truy được họ của cô ta. Ông Poirot sẽ hài lòng khi biết được danh tính của người đã làm ông ấy mãi phiền muộn. Có lẽ từ đây ông ta sẽ thôi quấy rầy tôi. Cứ mỗi lần tôi quay đầu là y như rằng thấy ông ta ở phía sau, hỏi đi hỏi lại tôi cùng một câu về Jennie. Tôi thì chưa từng hỏi ông ta xem ông đang ở đâu, chưa bao giờ!”

Tôi khá bối rối khi nghe câu này. “Cớ sao cô phải hỏi điều đó?” tôi nói.

“Tôi không phải hỏi thật và nào đã có hỏi han gì đâu. Ông nên thận trọng với các câu hỏi kiểu chất vấn của ông. Ông có tìm hiểu được điều gì khác về Jennie không?”

“Tôi e chẳng có gì để kể cho cô cả.”

“Thế thì, bù lại, sao tôi không kể cho ông vài điều nhỉ? Ông Poirot muốn nghe chuyện này lắm đấy.”

Fee dẫn tôi đến một chiếc bàn trống. Chúng tôi ngồi xuống. Cô ta nói: “Cái đêm Jennie đến, hôm thứ năm vừa rồi, khi ta nhón nhác hết cả lên... Tôi có nói với Poirot rằng tôi để ý thấy điều gì đó, và rồi tôi không nhớ ra nổi. Giờ thì tôi nhớ ra là gì rồi. Lúc đó trời đã tối mà tôi vẫn chưa vén rèm lên. Tôi chẳng bao giờ vén. Thắp sáng lối đi cũng được mà, tôi luôn nghĩ thế. Dân tình nhìn được vào bên trong thì nhiều khả năng sẽ bước vào quán hơn.”

“Nhất là khi họ thấy cô qua cửa sổ,” tôi gheo cô ta.

Mắt cô tròn tròn. “Chính là thế,” cô nói.

“Ý cô là sao?”

“Sau khi tôi bảo cô ta khép cửa lại, Jennie lao ra cửa sổ, nhìn ra ngoài. Cô ta hành xử cứ như có ai đó ngoài kia đang săn lùng cô ta. Cô ta nhìn chăm chăm ra cửa sổ, nhưng thứ mà cô ta thấy chỉ có thể là chính cô ta, căn phòng này và tôi – ý tôi là hình ảnh phản chiếu của tôi. Và tôi cũng thấy cô ta nữa. Đó là cách tôi nhận biết cô ta là ai. Ông hỏi ông Poirot đi, ông ta sẽ nói ông biết. Trước khi cô ta quay đầu lại, tôi hỏi: ‘Ồ, là cô đấy à?’ Cửa sổ giống như một tấm gương, ông hiểu không, khi mà trong này sáng bừng còn ngoài kia thì tối. Ông sẽ nói có lẽ cô ta đang cố nhìn ra ngoài cho dù chẳng có mấy khả năng, nhưng không đúng vậy.”

“Ý cô là sao?”

“Cô ta không nhìn ra ngoài để canh ai đó bám theo cô ta. Cô ta đang nhìn tôi, giống như tôi đang nhìn cô ta. Mắt tôi nhìn thấy hình ảnh phản chiếu của cô ta và mắt cô ta cũng nhìn hình ảnh phản chiếu của tôi... giống như tấm gương vậy, ông biết soi gương là thế nào rồi chứ?”

Tôi gật đầu. “Cô thấy ai trong gương thì người đó cũng thấy cô.”

“Đúng rồi. Và Jennie đang quan sát tôi, tôi thề đấy: cô ta đang chờ xem tôi có nói hay làm gì liên quan đến việc cô ấy đến hay không. Ông Catchpool ạ, nghe thì buồn cười thật đấy, nhưng cứ như tôi đã thấy không chỉ đôi mắt của cô ta. Nghe thì kỳ lạ, nhưng tôi thấy luôn cả suy nghĩ của cô ta nữa. Tôi thề là cô ta đang chờ đợi tôi tiến tới.”

“Bất kỳ ai nhảy cảm cũng chờ đợi cô tiến tới,” tôi cười.

‘Xììì.’ Fee phát ra một âm thanh thể hiện sự hờn dỗi. “Ông biết

đấy, tôi không hiểu vì sao tôi lại quên chuyện đó. Tôi muốn nắm lấy hai tay mình, lắc thật mạnh vì đã không chịu nhớ. Tôi thề là tôi không hình dung nổi. Hình ảnh phản chiếu của cô ta chăm chăm nhìn vào mắt tôi, cứ như...” Fee chau mày. “Cứ như tôi mới chính là mối nguy chứ không phải ai đó ở ngoài đường. Nhưng tại sao cô ta lại nhìn tôi như vậy? Ông có thể giải thích được không? Tôi thì không thể.”



Sau khi sắp xếp xong công việc ở Scotland Yard, tôi về nhà trọ, gặp Poirot đang nóng lòng rời khỏi đó. Ông đứng gần cánh cửa trước mở toang, áo khoác sẵn, đầu đội nón, khuôn mặt đỏ dừ và dáng điệu bồn chồn, cứ như ông không thể ở yên. Đó là một trạng thái không bình thường nơi ông. Khác với thường lệ, Blanche Unsworth chẳng tỏ ra quan tâm đến việc tôi trở về. Thay vào đó, bà đang nhặng xị về việc xe đến muộn. Cả bà cũng có khuôn mặt đỏ ửng.

“Đội xe tới, chúng ta đi ngay đến khách sạn Bloxham, Catchpool ạ,” Poirot nói, các ngón tay trong găng nắm lại bộ ria mép.

“Lẽ ra nó phải đến từ mười phút trước,” bà Unsworth nói. “Tôi nghĩ việc chậm trễ này cũng có cái hay là ông lôi được ông Catchpool theo cùng.”

“Chuyện gì khẩn cấp vậy?” tôi hỏi.

“Có thêm một án mạng nữa tại khách sạn Bloxham.” Poirot đáp.

“Ôi trời.” Trong vài giây, cơn hoảng loạn tột cùng chạy qua các mạch máu của tôi. Lại nữa: việc sắp đặt xác chết. Một, hai, ba, bốn...

Bốn đôi tay không sức sống, lòng bàn tay úp xuống...

Cầm tay ông đi, Edward...

“Có phải là Jennie Hobbs không?” tôi hỏi Poirot trong lúc máu rần rật ở đôi tai.

Lẽ ra tôi đã phải nghe ông về mối nguy. Tại sao tôi không chịu lắng nghe ông một cách nghiêm túc?

“Tôi không biết. À! Anh biết họ cô ta rồi nhỉ. Signor Lazzari có mời tôi đến gặp qua điện thoại, từ đó tôi vẫn chưa thể liên lạc với ông ta. Bon, cuối cùng xe đã đến rồi kìa.”

Khi bước đến chiếc xe, tôi cảm thấy như bị kéo giật lại. Blanche Unworth đang túm tay áo khoác của tôi. “Hãy bảo trọng ở khách sạn, ông Catchpool nhé. Nếu ông mà bị sao thì tôi không chịu nổi đâu đấy.”

“Dĩ nhiên, tôi sẽ thận trọng.”

Khuôn mặt bà nhăn nhúm lại. “Tôi cho rằng ông không cần phải đến đó. Người đó đến đấy làm gì nhỉ, cái kẻ bị giết lần này ấy? Đã có ba người bị giết ở Bloxham rồi, và chỉ mới từ hồi tuần qua thôi! Tại sao hắn không trốn thoát đi, trú ngụ ở đâu đó để khỏi chịu chung số phận? Thật chẳng đúng tí nào, người đó đã phớt lờ những dấu hiệu tai ương và vì thế đã lôi ông vào mớ lộn

xộn này.”

“Tôi sẽ truyền đạt lời bà cho tử thi của người ấy.” Tôi thăm lý sự rằng nếu tôi biết cười đùa và nói ra đúng những từ cần nói thì nhất định sẽ sớm tìm lại sự bình tĩnh.

“Khi ông làm việc, hãy nói vài lời với các khách trọ khác,” Blanche Unsworth khuyên nhủ. “Bảo họ rằng tôi còn hai phòng trống ở đây. Có lẽ không rộng rãi như ở Bloxham, nhưng mọi người vẫn sống sót khi thức dậy hàng sáng.”

“Catchpool, nhanh lên,” Poirot giục giã từ trên xe.

Tôi vội vã trao hành lý cho bà Unsworth và làm theo lời ông.

Trên đường đi, Poirot nói: “Mon ami, tôi đã kỳ vọng quá nhiều vào việc ngăn chặn án mạng thứ tư, và tôi đã thất bại.”

“Tôi không nhìn sự việc theo cách đó đâu,” tôi nói.

“Non?”

“Ông đã làm tất cả những gì có thể. Hung thủ đã thành công thì điều đó đâu có nghĩa ông thất bại.”

Khuôn mặt Poirot chợt khoác lên chiếc mặt nạ khinh khỉnh. “Nếu đó là ý kiến của anh thì anh quả là một cảnh sát tốt đối với mọi tên sát nhân. Dĩ nhiên là tôi thất bại!” Ông đưa tay ra ngăn, không cho tôi nói. “Làm ơn đừng nói những điều phi lý nữa. Kể tôi nghe chuyến đi của anh đến Great Holling đi. Anh đã phát hiện những gì ngoài cái họ của Jennie?”

Tôi kể lại toàn bộ chuyến đi của tôi, càng lúc càng thấy tự tin và cố không bỏ sót chi tiết nào để một người thấu đáo như Poirot có thể xem là sơ suất. Trong khi nói, tôi nhận thấy một điều lạ:

đôi mắt ông trở nên xanh hơn. Cứ như thể ai đó trong đầu ông vừa thắp lên những ngọn đuốc nho nhỏ ở đôi mắt làm cho chúng sáng lên.

Khi tôi kể xong, ông nói: “Vậy ra Jennie là người giúp việc cho Patrick Ive ở trường Saviour thuộc Đại học Cambridge. Đó là điều lý thú nhất.”

“Tại sao?”

Không có câu trả lời nào mà chỉ có câu hỏi kế tiếp.

“Sau khi thăm Margaret Ernst ở ngôi nhà tranh của bà ta, anh có ở lại rình hay bám theo bà ta không?”

“Bám theo bà ta? Không. Tôi chẳng có lý do nào để nghĩ bà ta sẽ đi đâu đó. Có vẻ như bà ta đã dành trọn thời gian để canh mộ vợ chồng Ive qua cửa sổ.”

“Anh có mọi lý do để nghĩ bà ta sẽ đi đâu đó, hay ai đó sẽ đến gặp bà ta,” Poirot nghiêm khắc nói. “Suy nghĩ đi, Catchpool. Bà ta không muốn nói với anh về Patrick và Frances Ive vào ngày đầu tiên anh trò chuyện với bà ta, *n'est-ce pas!* ‘Hãy trở lại ngày mai’, bà ta nói thế. Khi anh trở lại, bà ta kể ngay cho anh toàn bộ câu chuyện. Anh không hề nghĩ rằng lý do việc trì hoãn có thể là vì bà ta muốn tham vấn ai đó sao?”

“Không. Quả thật tôi không nghĩ tới. Bà ta có vẻ là người luôn suy nghĩ cẩn thận, không vội vàng trong những quyết định quan trọng. Bà ta cũng có vẻ là một phụ nữ quyết đoán chứ chẳng phải là loại ba chân bốn cẳng đi tìm bạn bè để xin lời khuyên. Do đó tôi không nghi ngờ gì cả.”

“Tôi thì tôi nghi ngờ đấy,” Poirot nói. “Tôi nghĩ Margaret Ernst

muốn thảo luận với bác sĩ Ambrose Flowerday về việc bà ta nên nói gì.”

“Nếu bà ta muốn trao đổi với ai thì người đó chỉ có thể là ông ta mà thôi,” tôi thừa nhận. “Bà ta đã nêu tên ông ta rất nhiều lần trong suốt cuộc trò chuyện. Rõ ràng bà ta rất ngưỡng mộ ông bác sĩ.”

“Vậy mà anh không tìm đến bác sĩ Flowerday.” Poirot phát ra một tiếng khụt khịt. “Anh quá trọng danh dự mà không làm việc đó, do anh đã thề giữ im lặng. Và phải chăng chính sự tế nhị của người Anh đã khiến anh dùng từ ‘ngưỡng mộ’ để thay cho từ ‘yêu’? Margaret Ernst yêu Ambrose Flowerday. Theo những gì anh kể với tôi thì điều đó quá rõ! Bà ta có say mê đắm đuối không khi kể về vị mục sư và vợ ông ta, những người mà bà ta chưa từng gặp gỡ? Không, sự say mê đắm đuối của bà ta là dành cho bác sĩ Flowerday. Bà ta đã cảm xúc theo cảm xúc của ông ta về cái chết của vợ chồng vị mục sư. Họ là bạn thân của ông ta. Anh đã hiểu ra chưa, Catchpool?”

Tôi phát ra một âm thanh chống chế. Với tôi, Margaret Ernst có sự nhiệt tình đối với các nguyên tắc bị đe dọa, nhiệt tình với ý niệm về sự bất công đã xảy đến cho vợ chồng Ive. Nhưng tôi chẳng dại nói thẳng điều đó ra. Tôi sẽ chỉ tỏ đón nhận một bài thuyết giảng của Poirot về sự kém cỏi của tôi trong việc nhận biết cảm xúc yêu đương. Để chuyển hướng Poirot khỏi nghĩ về vô số sai lầm và thiếu sót của tôi, tôi kể cho ông cuộc viếng thăm quán Pleasant và câu chuyện của Fee Spring.

“Theo ông câu chuyện này có ý nghĩa gì không?” tôi hỏi khi

chiếc xe va phải vật gì đó nhô cao trên đường.

Một lần nữa, Poirot phớt lờ câu hỏi của tôi. Ông hỏi lại liệu tôi có bỏ sót điều gì không.

“Những chuyện ở Great Holling thì không sót gì. Chỉ có độc nhất một tin mới nữa, đó là kết quả khám nghiệm mới đến hôm nay. Ba nạn nhân đã bị đầu độc. Chúng tôi nghĩ đó là chất cyanide. Tuy nhiên có một chi tiết kỳ lạ: trong bao tử các nạn nhân không tìm thấy thức ăn nào vừa được tiêu thụ. Harriet Sippel, Ida Gransbury và Richard Negus đã không ăn gì nhiều giờ trước khi bị giết. Điều này có nghĩa chúng ta phải xác định bữa trà chiều dành cho ba người đã đi về đâu.”

“À! Thế là một bí ẩn đã được giải.”

“Giải ư? Tôi thì nói một bí ẩn mới đã được tạo ra. Không lẽ tôi sai?”

“Ồ, Catchpool,” Poirot rầu rĩ nói. “Nếu tôi cho anh biết câu trả lời, nếu tôi thương hại anh, anh sẽ không chịu mài giũa khả năng suy nghĩ của anh, mà anh thì phải mài giũa mới được! Tôi có một người bạn rất thân mà tôi chưa kể cho anh. Tên anh ta là Hastings. Tôi thường cầu xin anh ta vận dụng những tế bào xám nhỏ nhỏ của anh ta, nhưng tôi biết chúng sẽ chẳng bao giờ tương xứng với các tế bào xám của tôi.”

Tôi nghĩ ông đang đùa dịu bằng cách cho tôi một lời khen kiểu như ‘Còn anh, anh thì khác...’, nhưng rồi ông lại nói: “Các tế bào xám của anh cũng thế, sẽ không bao giờ tương xứng với của tôi. Anh không thiếu thông minh, cũng chẳng thiếu nhạy bén, thậm chí không thiếu cả sự độc đáo. Ở đây chỉ là vấn đề tự tin. Thay vì

đi tìm câu trả lời, anh nhìn quanh quất xem có ai đã tìm ra để nói cho anh biết không. Anh tìm Hercule Poirot! Nhưng, mon ami, Poirot không chỉ là chuyên gia giải mã các bài toán hóc búa, ông ta còn là người hướng dẫn, người thầy. Ông ta muốn anh học cách tự suy nghĩ, như ông ta tự suy nghĩ. Như người phụ nữ mà anh vừa mô tả, Margaret Ernst, kẻ đã không trông chờ vào Kinh Thánh mà dựa vào phán xét của chính mình.”

“Vâng. Tôi nghĩ bà ta khá kiêu ngạo,” tôi mĩa mai nói. Tôi rất muốn nói rõ thêm, nhưng xe chúng tôi đã đến khách sạn Bloxham.



CHƯƠNG 15

CHIẾC KHUY MĂNG-XÉT THỨ TƯ

Tại tiền sảnh của Bloxham, chúng tôi sém nữa va phải Henry Negus, em của Richard Negus. Một tay ông xách chiếc cặp nhỏ, tay kia xách một chiếc vali rất lớn. Ông đặt chiếc vali xuống để nói chuyện với chúng tôi.

“Nặng ghê quá,” ông hớn hển nói. “Xin cho phép tôi hỏi, vụ án tiến triển đến đâu rồi?”

Theo biểu hiện và giọng nói của ông ta, tôi suy ra ông không hề biết án mạng thứ tư đã xảy ra. Tôi nín thinh, chỉ để ý xem Poirot sẽ làm gì.

“Chúng tôi tin tưởng sẽ thành công,” Poirot cố tình nói mơ hồ. “Ông qua đêm tại đây sao, thưa ông?”

“Đêm ư? Ồ, cái vali. Không, tôi ngụ tại khách sạn Langham. Ở đây tôi sẽ không chịu được, dù ông Lazzari đã có nhã ý mời. Tôi đến đây chỉ để thu hồi di vật của Richard.” Henry Negus nghiêng đầu xuống chiếc vali nhưng mắt thì vẫn lảng đi như thể ông không muốn nhìn nó.

Tôi nhìn tấm thẻ cứng cột ở quai nắm vali: Ông R. Negus.

“Thôi nhé, tôi cũng đang vội,” Negus nói. “Mong các ông tiếp tục thông báo cho tôi.”

“Chúng tôi sẽ báo cho ông,” tôi nói. “Xin tạm biệt, ông Negus. Tôi rất tiếc về anh trai của ông.”

“Cảm ơn ông, ông Catchpool. Ông Poirot.” Negus có vẻ bối rối, thậm chí có vẻ giận dữ.

Tôi nghĩ tôi hiểu lý do: đối mặt với tai họa, ông quyết tỏ ra hiệu quả và không mong ai nhắc đến chuyện buồn của ông vào lúc ông đang cố tập trung vào những vấn đề thực tiễn. Khi ông ta bước ra đường, tôi thấy Luca Lazzari bước vội đến chỗ chúng tôi, tay vuốt tóc. Một lớp mồ hôi phủ trên khuôn mặt ông. “A, ông Poirot, ông Catchpool! Cuối cùng các cũng tới! Các ông đã nghe tin thảm khốc chưa? Những ngày bất hạnh của khách sạn Bloxham! Ôi, những ngày bất hạnh!”

Không biết có phải tôi tưởng tượng hay quả thật ông ta đã sửa bộ ria cho giống với bộ ria của Poirot. Đó là sự bắt chước nhẹ nhàng, nếu như ông ta quả có bắt chước. Tôi lấy làm lạ, không hiểu sao án mạng thứ tư lại gây ra cho ông ta nhiều buồn đau đến thế. Lúc chỉ có ba khách bị giết ở Bloxham, ông ta vẫn giữ được sự hoạt bát. Một ý nghĩ chợt thoáng qua tôi: hay lần này nạn nhân là một nhân viên khách sạn chứ không phải là khách. Tôi bèn hỏi người bị giết là ai.

“Tôi không biết cô ta là ai và cô ta hiện ở đâu,” ông Lazzari nói. “Xin mời vào, hãy theo tôi. Các ông sẽ tận mắt thấy.”

“Ông không biết cô ta ở đâu sao?” Poirot hỏi khi theo chân viên quản lý khách sạn đến thang máy. “Ý ông là sao? Cô ta không ở

đây, trong khách sạn này sao?”

“A, nhưng ở đâu trong khách sạn chứ? Cô ta có thể ở bất cứ nơi đâu!” Lazzari rên rỉ.

Rafal Bobak cúi đầu chào khi tiến về phía chúng tôi, đẩy một xe đẩy lớn chất đầy những gói trông như khăn trải giường cần đưa đi giặt. “Ông Poirot,” ông ta dừng lại nói khi thấy chúng tôi. “Tôi đã lục đi lục lại mãi trong đầu xem có nhớ gì thêm về những lời trong phòng 317 vào đêm án mạng.”

“Oui?” Poirot có vẻ khấp khởi.

“Tôi không nhớ được gì khác, thưa ông. Tôi rất tiếc.”

“Không sao đâu. Cảm ơn ông đã cố nhớ, ông Bobak.”

“Kìa,” Lazzari nói, “thang máy đến rồi, mà tôi lại sợ bước vào đó! Trong khách sạn của chính tôi! Tôi không còn biết mình sẽ phát hiện gì và không phát hiện gì nữa. Tôi sợ khi rẽ vào mỗi góc, khi mở mỗi cánh cửa... tôi sợ những bóng người trên hành lang, tiếng cọt két của ván sàn...”

Khi chúng tôi theo thang máy đi lên, Poirot cố moi vài thông tin từ người quản lý quần trí, nhưng không thành. Ông Lazzari có vẻ mất khả năng nói liền lạc một lúc quá sáu từ: “Cô Jennie Hobbs đặt phòng... Sao ạ? Vàng, tóc vàng... Nhưng rồi cô ta đi đâu?... Vàng, nón màu nâu... Cô ta đã biến mất!... Cô ta để lại hành lý... Chính tôi đã gặp cô ta, vàng... Tôi đến phòng quá muộn!... Sao ạ? Vàng? Áo khoác. Màu nâu nhạt...”

Đến tầng thứ tư, chúng tôi theo chân Lazzari khi ông bước vội dọc hành lang.

“Harriet Sippel ở tầng một, ông nhớ không?” Tôi nói với Poirot. “Richard Negus ở tầng hai và Ida Gransbury ở tầng ba. Tôi tự hỏi chẳng biết điều này có ý nghĩa gì không.”

Lúc chúng tôi bắt kịp Lazzari thì ông đã mở khóa cửa phòng 402. “Thưa các ông, các ông sắp thấy một khung cảnh xấu xí, dị thường nhất trong khách sạn Bloxham xinh đẹp. Xin các ông hãy chuẩn bị tinh thần.” Nói xong lời cảnh báo này, ông xô mạnh cánh cửa, đến mức nó đập vào bờ tường trong phòng.

“Nhưng... thi thể đâu?” tôi hỏi. Nó không có trong phòng, không được sắp đặt như các thi thể kia. Tôi cảm thấy nhẹ cả người.

“Chẳng ai biết cả, Catchpool ạ.” Giọng Poirot điềm đạm nhưng ẩn chứa sự giận dữ. Hay có lẽ là sự sợ hãi chẳng?

Giữa một chiếc ghế và một chiếc bàn phụ – chính xác như vị trí các tử thi trong các phòng 121, 238 và 317 – có một vũng máu trên sàn và một vệt bẩn dài ở một bên như vật gì đó đã bị kéo lê bằng qua đó một phần. Thi thể của Jennie Hobbs chẳng? Một cánh tay có lẽ, theo như dấu của vệt bẩn. Có những đường thang ngắn cắt ngang vũng máu đỏ, có thể là dấu ngón tay. Tôi quay đi, cảm thấy buồn nôn trước cảnh tượng đó.

“Ông Poirot, coi kìa.”

Trong góc phòng có một chiếc nón màu nâu sậm lật ngửa. Có gì đó bên trong nón, một vật nhỏ bằng kim loại. Có thể nào đó là...?

“Nón của Jennie,” Poirot nói, giọng run run. “Điều mà tôi sợ nhất đã xảy ra, Catchpool ạ. Và bên trong chiếc nón...” Ông bước

tối, rất chậm. “Phải, đúng như tôi nghĩ: một chiếc khuy măng-xét, cũng với dòng chữ tắt *PIJ*.”

Bộ ria mép của ông bắt đầu ngo ngoáy khá mạnh và tôi chỉ có thể hình dung ông đang che giấu những nhãn nhó: *Poirot, mi là một tên ngốc – một tên ngốc đáng khinh. Sao mi lại để cho điều đó diễn ra!*

“Ông Poirot, không ai trách được ông về...” tôi mở lời.

“Non! Đừng an ủi tôi! Anh bao giờ cũng quay mặt trước đau thương, nhưng tôi thì khác anh, Catchpool ạ! Tôi không thể chấp nhận một sự hèn nhát như thế. Tôi hối tiếc thứ mà tôi hối tiếc, không cần anh phải ngăn tôi lại đâu. Cần phải thế!”

Tôi đứng im như pho tượng. Poirot muốn tôi im, và ông đã thành công rồi đó.

“Catchpool,” ông gọi giật tên tôi như thể ông nghĩ sự tập trung của tôi đang bỏ đi lang thang, rời xa khỏi các vấn đề thực tại. “Hãy quan sát các vết máu. Thi thể bị kéo lê qua vũng máu nên mới để lại... vệt này. Anh thấy chưa?” ông hỏi.

“Thi... vâng, tôi cũng nghĩ vậy.”

“Hãy nhìn hướng chuyển động: không về phía cửa sổ mà là rời khỏi nó.”

“Điều đó có nghĩa gì?” tôi hỏi.

“Do thi thể của Jennie không có đây, hẳn nó đã được đưa ra khỏi phòng. Vết máu không hướng về cửa sổ mà lại hướng về hành lang, do đó...” Poirot nhìn tôi vẻ chờ đợi.

“Do đó thì sao nhỉ?” tôi dọ dẫm hỏi, và bất chợt sáng tỏ, “Ồ, tôi

hiếu ý ông rồi: các dấu vết được tạo ra khi hung thủ lôi thi thể của Jennie Hobbs qua vũng máu, kéo về phía cửa.”

“Non. Nhìn bề rộng của khung cửa đi, Catchpool. Nhìn đi: nó rất rộng. Điều đó nói lên gì với anh?”

“Cũng không nhiều gì lắm,” tôi nghĩ tốt nhất là cứ nên thật thà. “Khi đưa xác nạn nhân ra khỏi phòng hung thủ chắc cũng đâu quan tâm cửa phòng rộng hay hẹp.”

Poirot lắc đầu ngán ngẩm, miệng lẩm bầm rửa thầm. Ông quay sang Lazzari. “Signor, vui lòng kể cho tôi mọi điều mà ông biết, từ lúc bắt đầu.”

“Dĩ nhiên. Chắc chắn rồi.” Lazzari hăng giọng để chuẩn bị. “Một phụ nữ tên Jennie Hobbs đã thuê phòng này. Cô ta chạy vào khách sạn cứ như thể một tai họa nào đó vừa trút xuống cô. Cô ta quăng tiền lên bàn, đòi thuê ngay một phòng, cứ như đang bị quỷ săn lùng vậy. Tôi đích thân đưa cô ta lên phòng rồi quay sang cân nhắc: phải làm gì đây? Có cần thông báo cho cảnh sát rằng người phụ nữ tên Jennie đó đã đến khách sạn? Ông đã yêu cầu tôi để ý cái tên này, thưa ông Poirot, nhưng ở London có rất nhiều phụ nữ mang tên Jennie và, rủi thay, hầu hết đều không liên can gì đến vụ án. Tôi làm sao biết được...?”

“Signor, vui lòng nói vào vấn đề,” Poirot ngắt lời ông. “Ông đã làm gì?”

“Tôi chờ khoảng hai mươi phút rồi lên lại đây, gõ cửa. Không có ai trả lời! Vì vậy tôi trở xuống để lấy chìa khóa.”

Trong khi Lazzari nói, tôi bước đến cửa sổ, nhìn ra ngoài. Mọi thứ đều dễ chịu hơn so với cảnh tượng máu me, chiếc nón và

chiếc khuy măng-xét xúi quẩy có khắc chữ.

Giống như phòng 238 của Richard Negus, phòng 402 hướng khu vườn của khách sạn. Tôi nhìn ra những hàng chanh xoắn, nhưng rồi chẳng mấy chốc phải quay đi vì, với tôi, cả chúng cũng trông rất xúi quẩy: một hàng cây vô tri giác, lẫn vào nhau như thể chúng đã từ lâu nắm tay nhau.

Tôi vừa định quay sang Poirot và Lazzari thì chợt thấy hai người ở trong vườn, bên dưới cửa sổ. Họ đứng cạnh một chiếc xe cút kít màu nâu. Tôi chỉ thấy được đỉnh đầu họ. Một người là nam, người kia là nữ, và họ đang ôm ghì nhau. Người nữ có vẻ như trượt chân, khụy xuống, chiếc đầu chao sang bên. Người yêu của cô ghì chặt cô hơn nữa. Tôi lui lại, nhưng không kịp: người nam ngược lên và trông thấy tôi. Đó là Thomas Brignell, chàng nhân viên lễ tân. Khuôn mặt anh ta lập tức đỏ dừ. Tôi lùi thêm bước nữa để khuất hoàn toàn với khu vườn. Brignell tội nghiệp, tôi nghĩ. Cứ nhớ cảnh anh ngập ngừng khi đứng dậy phát biểu trước đám đông, thì biết ngay anh bối rối ra sao khi bị bắt gặp đang tình tự.

Luca Lazzari tiếp tục lời thuật của ông: “Khi trở lại với chìa khóa vạn năng, tôi gõ cửa lần nữa để đảm bảo mình không xâm phạm sự riêng tư của cô gái trẻ đó, nhưng vẫn không thấy cô ta mở cửa! Do đó tôi dùng khóa mở ra... và phát hiện khung cảnh này!”

“Jennie Hobbs có yêu cầu cụ thể phòng ở tầng bốn không?” tôi hỏi.

“Không, cô ta không đòi mà tự tôi hướng dẫn lên vì người lễ

tân đáng tin cậy của tôi, ông John Goode, lúc đó đang bận chuyện khác. Cô Hobbs nói: ‘Cho tôi bất kỳ phòng nào, nhưng nhanh lên. Nhanh lên, tôi van ông đấy’.”

“Có giấy tờ gì để lại ở bàn lễ tân, thông báo về án mạng thứ tư không?” Poirot hỏi.

“Không. Lần này không thấy có thông báo,” Lazzari đáp.

“Có thức ăn thức uống gì được giao lên phòng hay được yêu cầu không?”

“Không. Không có.”

“Ông đã hỏi tất cả nhân viên khách sạn để kiểm tra rồi chứ?”

“Từng người một ạ. Thưa ông Poirot, chúng tôi đã tìm kiếm khắp nơi...”

“Signor, mới rồi ông mô tả Jennie Hobbs là cô gái trẻ. Ông đoán cô ta bao nhiêu tuổi vậy?”

“Ồ... xin ông thứ lỗi cho. Không, cô ta không trẻ. Nhưng cô ta cũng không già.”

“Cô ta có khoảng ba mươi tuổi không?” Poirot hỏi.

“Tôi tin cô ta cũng phải đến bốn mươi, nhưng tuổi của phụ nữ là thứ rất khó đoán.”

Poirot gật đầu. “Nón nâu và áo khoác nâu nhạt. Tóc vàng. Hốt hoảng và khổ sở, và cũng trạc tuổi bốn mươi. Cái cô Jennie Hobbs mà ông mô tả có vẻ giống Jennie Hobbs mà tôi gặp ở quán cà phê Pleasant tối thứ năm vừa qua. Nhưng liệu ta có thể chắc chắn đó chính là cô ấy? Hai cái nhìn của hai người khác nhau...” Đột nhiên, ông rơi vào im lặng, dù miệng ông vẫn tiếp tục ngo

nguatem.

“Ông Poirot?” tôi gọi.

Ông chỉ để mắt – đôi mắt xanh xanh sáng quắc – đến Luca Lazzari. “Signor, tôi cần nói chuyện lại với người phục vụ có óc quan sát tốt nhất của ông, ông Rafal Bobak. Và cả Thomas Brignell, John Goode nữa. Thật ra tôi cần nói chuyện càng sớm càng tốt với từng nhân viên một của ông, để hỏi xem họ từng thấy Harriet Sippel, Richard Negus và Ida Gransbury bao nhiêu lần, sống hoặc chết.”

Chắc hẳn ông đã nhận ra điều gì đó quan trọng. Khi đi đến kết luận đó, tôi bỗng há hốc miệng vì cả tôi cũng vừa có bước nhảy vọt về nhận thức. “Ông Poirot,” tôi thì thào.

“Có chuyện gì vậy, bạn tôi? Anh vừa lắp được vài mảnh trong trò chơi ghép hình của chúng ta sao? Poirot thì giờ đây ông ấy hiểu ra vài điều mà lúc trước chưa rõ, nhưng vẫn còn nhiều câu hỏi, còn nhiều mảnh không khớp.”

“Tôi vừa...” tôi đằng hắng. Vì lý do nào đó, với tôi việc ăn nói trở nên khá khó khăn. “Tôi vừa nhìn thấy một phụ nữ trong vườn khách sạn.” Lúc đó tôi không tiện nói rằng cô ta đang ở trong vòng tay của Thomas Brignell, hay mô tả cái vẻ kỳ lạ khi cô ta khụy xuống, cái cách đầu cô ta chao đi. Đơn giản là quá... lạ lùng. Nỗi ngờ vực xẹt qua tâm trí tôi khiến tôi quá bối rối để nói ra thành lời. Nhưng, may thay, tôi đã bật ra được một chi tiết quan trọng. “Cô ta mặc áo khoác màu nâu nhạt,” tôi nói với Poirot.



CHƯƠNG 16

LỜI NÓI DỐI ĐÁP LẠI LỜI NÓI DỐI

Tôi đang mải mê với ô chữ của mình thì Poirot trở về nhà trọ từ khách sạn vài giờ sau đó. “Catchpool,” ông nghiêm khắc nói. “Sao anh lại ngồi ở chỗ tối thui như thế này? Tôi không tin anh thấy đường để mà viết.”

“Ngọn lửa cũng đủ sáng lắm rồi. Hơn nữa lúc này tôi có viết gì đâu, tôi đang suy nghĩ. Nhưng cũng chẳng tiến được xa mấy. Chẳng hiểu mấy gã đó làm cách nào, những tay chuyên tạo ra ô chữ cho các tờ báo ấy mà. Tôi xây ô chữ này suốt mấy tháng rồi mà vẫn không thể làm cho mọi thứ khớp với nhau. Tôi nghĩ ông có thể giúp được đấy. Ông có nghĩ ra từ nào liên hệ với cái chết và chỉ có sáu chữ không?”

“Catchpool.” Giờ thì giọng của Poirot thậm chí còn gắt hơn.

“Hả?” tôi đáp.

“Anh nghĩ tôi ngốc hay chính anh mới là ngốc? Từ liên hệ với cái chết và chỉ có sáu chữ là ‘murder’.”

“Phải. Từ đó là hiển nhiên. Lúc đầu tôi cũng nghĩ đến nó.”

“Tôi thấy nhẹ cả người khi nghe anh nói vậy, mon ami.”

“Sẽ là hoàn hảo nếu ‘murder’ bắt đầu bằng vần D. Nhưng nó lại không thế, và tôi bị kẹt mãi với vần D này của một từ khác...” tôi lắc đầu ngán ngẩm.

“Quên ô chữ đó đi. Chúng ta có nhiều chuyện phải thảo luận.”

“Tôi không tin Thomas Brignell giết Jennie Hobbs,” tôi nói chắc nịch.

“Anh có cảm tình với anh ta,” Poirot nói.

“Đúng vậy, và tôi dám cá đến đồng xu cuối cùng rằng anh ta không phải là hung thủ. Ai biết được, nhỡ đâu bạn gái anh ta cũng có áo khoác màu nâu nhạt thì sao? Màu nâu là màu phổ biến của áo khoác!”

“Anh ta là nhân viên lễ tân,” Poirot nói. “Cớ sao anh ta lại đứng trong vườn, cạnh chiếc xe cút kít?”

“Có thể chiếc xe cút kít đã nằm sẵn đó từ trước rồi!”

“Và Brignell đứng với cô bạn gái ngay cạnh đó?”

“Tại sao không?” tôi bức bối hỏi. “Chẳng phải nghe hợp lý hơn sao so với ý tưởng Brignell đưa thi thể của Jennie Hobbs ra ngoài vườn, toan dùng xe cút kít để đưa đi đâu đó, rồi giả vờ ôm cái xác khi thấy tôi nhìn qua cửa sổ? Người ta cũng có thể...” Tôi khựng lại và hít một hơi sâu. “Thiên địa ơi.” Tôi thốt lên. “Ông định nói vậy, phải không?”

“Gì vậy, mon ami? Anh nghĩ Poirot định nói gì?”

“Rafa Bobak là phục vụ phòng. Cớ sao ông ta lại đẩy xe chứa đồ giặt?”

“Exactement! Và cố sao ông ta lại đẩy đồ giặt đi qua tiền sảnh thanh lịch, hướng ra cổng chính của khách sạn? Chẳng phải việc giặt giũ được thực hiện trong khách sạn hay sao? Signor Lazzari chắc chắn nhận ra sự bất thường đó nếu như ông không quá lo lắng về nạn nhân thứ tư bị mất tích. Dĩ nhiên, ông ta không nghi ngờ gì ông Bobak: dưới mắt ông ta, mọi nhân viên của Bloxham đều không có điều gì đáng chê trách.”

“Khoan đã.” Cuối cùng tôi cũng buông tờ ô chữ xuống chiếc bàn bên cạnh. “Vì vậy mà ông đề cập đến độ rộng của khung cửa, đúng không? Chiếc xe chở đồ giặt có thể dễ dàng đẩy vào phòng 402, vậy cố sao không dùng nó luôn từ đầu? Cố sao phải kéo lê cái xác, trong khi làm vậy sẽ mất nhiều công sức hơn?”

Poirot gật đầu hài lòng. “Đúng vậy, mon ami. Đó là những câu hỏi mà tôi chờ đợi anh đặt ra.”

“Nhưng... chẳng lẽ ông cho rằng Rafal Bobak có khả năng đã giết Jennie Hobbs, quăng xác cô ta lên chiếc xe chứa đồ giặt rồi đẩy nó ra ngoài đường, ngang nhiên băng qua cả chúng ta? Ông ta thậm chí còn dừng lại để nói những lời thống thiết nữa chứ.”

“Đúng vậy, dù ông ta chẳng có gì để nói. Thế thì sao? Anh nghĩ tôi là người khắt khe, chỉ nghĩ xấu về những người từng hỗ trợ chúng ta ư?”

“Thì...”

“Đặt mọi người ra ngoài vòng nghi vấn là điều tốt, bạn tôi ạ, nhưng làm như thế thì ta chẳng tóm được hung thủ đâu. Trong khi anh đang bất mãn với tôi, hãy để tôi đưa thêm vài suy nghĩ vào đầu anh nhé: Ông Henry Negus mang theo một chiếc vali

lớn, đúng không? Đủ lớn để chứa thi thể của một phụ nữ mảnh mai.”

Tôi dùng tay bưng mặt. “Tôi không chịu nổi nữa,” tôi nói. “Henry Negus ư? Tôi xin lỗi, nhưng không thể nào. Ông ta ở Devon vào đêm án mạng. Ông ta gây ấn tượng là người tuyệt đối đáng tin cậy.”

“Anh ngụ ý cả ông ta và vợ đều nói ông ta ở Devon,” Poirot lập tức chỉnh lời tôi. “Trở lại vấn đề vết máu gợi ý việc thi thể bị kéo lê ra cửa... Dĩ nhiên, một chiếc vali rỗng thì có thể mang vào giữa phòng, nơi tử thi đang chờ sẵn, chỉ cần cho vào là xong. Cho nên ta một lần nữa lại phải thắc mắc: tại sao lại kéo thi thể của Jennie Hobbs ra cửa?”

“Xin ông đẩy, ông Poirot. Nếu chúng ta phải bàn việc này thì hãy để lúc khác. Không phải bây giờ.”

Ông có vẻ bức bối trước sự khó ở của tôi. “Tốt lắm,” ông gất gỏng nói. “Vì anh không có tinh thần để thảo luận về các khả năng, tôi sẽ kể cho anh những gì xảy ra ở London trong lúc anh ở Great Hotting. Có lẽ anh sẽ thoải mái hơn với các dữ kiện.”

“Vâng, thoải mái hơn nhiều,” tôi nói.

Sau khi khẽ chỉnh bộ ria mép, Poirot ngả mình trên chiếc ghế bành và bắt đầu kể lại những cuộc trò chuyện của ông với Rafal Bobak, Samuel Kidd, Nancy Ducane và Louisa Wallace trong lúc tôi ở Great Hotting. Khi ông kết thúc, tôi thấy đầu mình quay cuồng. Tôi có nguy cơ tạo cơ hội cho ông ta ba hoa hơn bằng câu hỏi: “Ông có bỏ sót chi tiết quan trọng nào không vậy?”

“Chẳng hạn như chi tiết nào?”

“Thì đây, cái cô giúp việc Dorcas vô dụng, hậu đậu ở nhà Louisa Wallace. Ông kể rằng trong lúc ông và cô ta đứng ở đầu cầu thang trên gác, ông đã nhận ra điều gì đó quan trọng, nhưng ông chưa cho tôi biết ông nhận ra chuyện gì.”

“Đúng vậy. Tôi chưa nói.”

“Và bức họa bí ẩn mà ông vẽ rồi chuyển cho Scotland Yard. Chuyện đó là thế nào? Bức họa đó là sao? Và Stanley Beer phải làm gì với nó?”

“Cả điều đó nữa, tôi chưa nói.” Poirot có cái vẻ ân hận như thể ông không có lựa chọn nào khi làm vậy.

Tôi vẫn dai dẳng một cách điên rồ. “Và cứ sao ông lại muốn biết mỗi nhân viên ở khách sạn Bloxham đã thấy Harriet Sippel, Ida Gransbury và Richard Negus bao nhiêu lần, sống hoặc chết? Ông đã không giải thích cả việc đó.”

“Poirot, ông ấy tạo ra những lỗ hổng ở khắp mọi nơi nhĩ!”

“Đó là chưa kể những câu chuyện bỏ lửng khác của ông. Lấy ví dụ, đâu là những đặc điểm bất thường nhất gắn kết vụ giết người ở Bloxham với việc Jennie Hobbs xông vào quán cà phê Pleasant? Ông nói chúng có chung nhau hai yếu tố rất bất thường mà, đúng không?”

“Tôi có nói vậy. Mon ami, tôi không nói với anh những chuyện đó vì tôi muốn giúp anh trở thành một thám tử thực thụ.”

“Nhưng ông làm vậy thì chỉ biến tôi trở thành một thằng nhóc đáng thương, vô tích sự,” tôi nói, thả cho những cảm xúc thật tuôn trào, ít ra cũng một lần trong đời. “Điều đó quả là bực bội.”

Tôi nghe thấy có tiếng động, có thể là tiếng gõ cửa phòng khách mà cũng có thể là không phải.

“Có ai ngoài đó không?” tôi gọi ra.

“Là tôi đây,” giọng nói e dè của Blanche Unsworth vọng vào từ tiền sảnh. “Tôi xin lỗi đã quấy rầy các ông vào giờ này, nhưng có một bà muốn gặp ông Poirot. Bà ấy nói là rất khẩn cấp.”

“Cho bà ấy vào đi.”

Vài giây sau tôi đã đối mặt với họa sĩ Nancy Ducane. Tôi nghĩ, với hầu hết nam giới, đó là một phụ nữ đẹp lộng lẫy.

Poirot giới thiệu chúng tôi một cách cực kỳ lịch thiệp.

“Cảm ơn ông đã tiếp tôi.” Đôi mắt sưng húp của Ducane nói lên rằng bà đã khóc khá nhiều. Bà mặc một chiếc áo màu xanh đậm trông có vẻ mắc tiền. “Tôi cảm thấy thật thất thố khi xông vào chỗ ông như thế này. Xin thứ lỗi cho tôi. Tôi đã cố thuyết phục mình đừng đến, nhưng... ông thấy đấy, tôi đã thất bại.”

“Mời bà ngồi xuống, bà Ducane,” Poirot nói. “Làm cách nào bà tìm ra chúng tôi vậy?”

“Nhờ sự giúp đỡ của Scotland Yard, như một thám tử chân chính.” Nancy cố tạo ra một nụ cười.

“À! Poirot thì chọn nơi mà ông ấy cho rằng sẽ không ai tìm được, thế mà cảnh sát lại gửi hàng đồng người đến chỗ ông ấy! Không sao, thưa bà, tôi rất vui được gặp bà, chỉ ngạc nhiên chút thôi.”

“Tôi muốn kể cho ông chuyện gì đã xảy ra ở Great Holling mười sáu năm về trước,” Nancy nói. “Lẽ ra tôi phải kể sớm hơn,

nhưng ông đã khiến tôi bị sốc khi nhắc đến những cái tên mà tôi đã cầu mong đừng bao giờ nghe lại.”

Bà mở nút áo khoác. Tôi khoát tay, trở vào chiếc ghế bành.

Bà ngồi xuống. “Đó là một câu chuyện buồn,” bà nói.



Với ánh mắt thất thần, Nancy Ducane nói bằng một giọng nhỏ nhẹ. Bà kể cùng câu chuyện như Margaret Ernst đã kể cho tôi ở Great Holling, về sự vu khống và đối xử tàn tệ đối với mục sư Patrick Ive. Khi nói về Jennie Hobbs, giọng bà run lên. “Cô ta là kẻ tồi tệ nhất trong số họ. Cô ta đã yêu Patrick, ông biết đấy. Ồ, tôi không thể chứng minh điều đó, nhưng tôi luôn tin là vậy. Cô ta gây ra những việc đó vì yêu ông ấy: đưa ra những lời dối trá chỉ vì ghen tuông. Ông ấy yêu tôi và cô ta muốn làm cho ông ấy bị tổn thương để trừng phạt ông ấy. Rồi khi Harriet bắt được lời nói dối, và Jennie thấy ghê sợ trước những tai hại mà cô ta gây ra – và quả thực tôi tin rằng cô ta cảm thấy xấu hổ ghê gớm, và rất thù ghét bản thân – cô ta đã không làm gì để sửa chữa lỗi lầm, không làm gì cả! Cô ta ẩn mình vào bóng tối, hy vọng không bị ai phát hiện. Dù có sợ Harriet cách mấy, cô ta lẽ ra vẫn phải đứng lên và nói: ‘Tôi đã đưa ra một lời nói dối khủng khiếp và tôi xin lỗi về điều đó.’”

“Xin lỗi, thưa bà. Bà nói bà không thể chứng minh Jennie yêu Patrick Ive. Xin cho tôi hỏi: làm sao bà biết được điều đó? Như bà

đã nêu, thật khó tưởng tượng một người yêu ông ta mà lại đi phát ra một tin đồn tai hại đến như vậy.”

“Trong đầu tôi chưa bao giờ nghi ngờ điều đó,” Nancy bướng bỉnh nói. “Cô ta bỏ lại người yêu ở Cambridge khi cùng Patrick và Frances Ive đến Great Holling, các ông đã biết chuyện đó chưa?”

Chúng tôi lắc đầu.

“Họ sắp kết hôn. Ngày cưới đã được định, tôi tin vậy. Jennie không chịu nổi việc Patrick ra đi nên đã hủy hôn để đi theo ông ấy.”

“Có khi nào người mà cô ta gắn bó chính là Frances Ive?” Poirot hỏi. “Hay cả hai vợ chồng Ive? Biết đâu tình cảm của cô ta là sự trung thành chứ không phải là tình yêu lãng mạn.”

“Tôi không tin có nhiều phụ nữ đặt sự trung thành với chủ lên trên hôn sự của bản thân. Các ông có tin không?” Nancy nói.

“Dĩ nhiên là không, thưa bà. Nhưng điều bà nói lại không được khớp lắm. Nếu Jennie có xu hướng ghen tuông thì có sao cô ta chỉ đưa ra lời nói dối khủng khiếp đó khi Patrick Ive yêu bà? Có sao cuộc hôn nhân với Frances Eve, trước đó rất lâu, không làm cô ta ghen tuông?”

“Sao ông biết là không? Lúc gặp và kết hôn với Frances, Patrick sống ở Cambridge. Jennie Hobbs khi đó là người giúp việc của ông ấy. Biết đâu cô ấy cũng đã rỉ tai một người bạn những điều độc ác về ông ấy, nhưng người bạn này không phải là Harriet Sippel nên đã không lan truyền những lời độc địa đó ra xa hơn.”

Poirot gật đầu. “Bà có lý. Điều đó có thể.”

“Hầu hết mọi người đều không muốn lan truyền những ý xấu, và cũng may phúc mà như thế,” Nancy nói. “Có lẽ ở Cambridge không có ai ác tâm như con người mà Harriet Sippel đã trở thành, và cũng không có ai háo hức cầm đầu cuộc thập tự chinh vì đạo đức như Ida Gransbury.”

“Hình như bà không nhắc gì đến Richard Negus.”

Nancy trông bối rối. “Richard là người tốt. Ông ta ân hận vì đã tham gia vào vụ việc xấu xa này. Ông ta hối tiếc sâu sắc khi hiểu ra rằng Jennie đã nói dối một cách ti tiện, đồng thời nhận ra sự nhẫn tâm của Ida. Ông ta đã gửi thư cho tôi vài năm trước từ Devon để nói rằng chuyện này làm ông day dứt suốt. ‘Patrick và tôi đã sai khi hành xử không đúng’, ông ta nói vậy, và ông ta sẽ không bao giờ đổi ý – lời thề hôn ước vẫn là lời thề hôn ước – nhưng ông ta đã đi đến chỗ tin rằng sự trừng phạt không phải là con đường đúng đắn, dù ta có biết một sự vi phạm.”

“Ông ta viết cho bà như thế?” Poirot nhướn mày.

“Phải. Chắc ông không đồng ý?”

“Những chuyện này rất phức tạp, thưa bà.”

“Nhưng nếu như, khi trừng phạt ai đó vì tội yêu không đúng người, ta mang đến thế giới này một tội lỗi còn lớn hơn và xấu xa hơn nữa. Đã có hai cái chết mà một người không làm gì nên tội.”

“Oui. Đó chính là cái khó xử đã tạo ra sự phức tạp.”

“Trong thư gửi cho tôi, Richard viết rằng, dù là người Cơ Đốc nhưng ông ta không tin Chúa muốn ông hành hạ một người có tính cách tốt đẹp như Patrick.”

“Trừng phạt và hành hạ là hai việc riêng rẽ,” Poirot nói. “Cũng còn một câu hỏi nữa: Yêu thì có vi phạm luật nào không?... Enfin, chúng ta đâu điều khiển được cảm xúc của mình, nhưng chúng ta có thể lựa chọn có tác động lên cảm xúc đó hay không. Nếu một tội ác diễn ra, ta phải đảm bảo kẻ gây tội bị pháp luật xử phạt đích đáng, nhưng không bao giờ được tư thù độc địa, không bao giờ được khát khao báo oán, vì điều đó sẽ đầu độc tất cả và trở thành cái ác thực thụ.”

“Khát khao báo oán,” Nancy Ducane lặp lại và rùng mình. “Chính xác là nó. Harriet Sippel chứa đầy thứ đó. Thật là ghê tởm.”

“Dù vậy, khi kể chuyện, bà chưa bao giờ nói về Harriet Sippel một cách giận dữ,” tôi nói. “Bà mô tả hành vi của bà ta là ghê tởm mà cứ nghe như điều đó làm cho bà phiền não. Bà không giận bà ta như giận Jennie Hobbs.”

“Ông nói đúng.” Nancy thở dài. “Tôi vốn thân thiết với Harriet. Khi tôi cùng William, chồng tôi, chuyển đến Great Holling, Harriet và George Sippel là những người bạn thân nhất của chúng tôi. Rồi George qua đời và Harriet trở thành con quái vật. Nhưng một khi ta đã từng quý mến một người thì thật khó mà lên án người đó, các ông nghĩ sao?”

“Điều đó hoặc là không thể, hoặc là không cưỡng được,” Poirot nói.

“Không thể, tôi nghĩ vậy. Ta sẽ mừng tượng những hành vi tệ hại nhất của người đó là một triệu chứng bệnh tật chứ không phải nó đúng thật là vậy. Tôi không thể tha thứ cho cách Harriet

đối xử với Patrick. Tôi không thể thuyết phục mình tha thứ. Đồng thời, tôi cảm thấy việc bà ấy trở thành như vậy thật là khủng khiếp cho bà ấy, hơn bất kỳ ai khác.”

“Bà thấy bà ấy giống như một nạn nhân?”

“Của bi kịch mất đi người chồng yêu thương, vâng. Và khi còn trẻ nữa! Người ta có thể vừa là nạn nhân vừa là kẻ thủ ác, tôi nghĩ vậy.”

“Đó là điều chung giữa bà và Harriet,” Poirot nói. “Bà cũng mất chồng khi còn rất trẻ.”

“Có vẻ là tàn nhẫn, nhưng chuyện này không thể so sánh được,” Nancy nói. “George Sippel là tất cả đối với Harriet, là cả thế giới của bà ấy. Tôi lấy William vì ông ấy thông thái và an toàn, và tôi cần thoát ly khỏi ngôi nhà của cha tôi.”

“À, vâng, Albinus Johnson,” Poirot nói. “Sau khi rời nhà bà, tôi sức nhớ ra cái tên đó. Cha bà ở trong nhóm nổi loạn người Anh và Nga tại London vào cuối thế kỷ qua. Ông ta bị giam trong ngục một thời gian.”

“Ông ấy là một người nguy hiểm,” Nancy nói. “Tôi không chịu được khi trao đổi với cha về... quan điểm của ông ấy. Tôi biết ông ấy tin rằng việc giết người, bất kể nhiều hay ít, là chấp nhận được miễn sao điều đó phục vụ lý tưởng làm cho thế giới này tốt đẹp hơn – tốt đẹp ở đây là theo định nghĩa của ông ấy. Thánh thần ơi, làm sao mọi thứ có thể tốt đẹp hơn bằng tắm máu và tàn sát cơ chứ? Làm sao có sự cải thiện nào từ những người chỉ muốn đập phá và hủy diệt, những người chỉ nói lên được những hy vọng và giấc mơ của mình với khuôn mặt méo mó bởi hận

thù và giận dữ?”

“Tôi tuyệt đối đồng ý với bà, thưa bà. Một phong trào dẫn dắt bởi giận dữ và thù hận sẽ không làm thay đổi cuộc sống chúng ta theo chiều hướng tốt hơn. Ce n'est pas possible. Ngay cái gốc rễ đã không ổn rồi.”

Tôi sém nói rằng cả tôi cũng đồng ý, nhưng đã kịp dừng lại. Nào có ai quan tâm đến ý kiến của tôi đâu.

Nancy nói: “Khi gặp William Ducane, tôi không hề yêu ông ấy, nhưng tôi mến ông ấy. Tôi ngưỡng mộ ông ấy. Ông ấy trầm tĩnh và lịch sự, ông ấy không bao giờ hành xử hay nói năng gì quá lỗ. Chỉ cần không trả sách đúng hạn cho thư viện, ông ấy đã cảm thấy khổ sở và ray rứt.”

“Một người có lương tri.”

“Vâng, và có ý niệm về sự chừng mực, khiêm tốn. Nếu có vật gì đó chắn ngang đường, ông ấy sẽ nghĩ đến việc đi bọc qua chướng ngại chứ không dịch chuyển nó. Tôi biết ông ấy sẽ chẳng bao giờ đưa về nhà những gã muốn làm cho thế giới này xấu xí hơn bằng hành vi bạo lực. William rất yêu nghệ thuật và những món đồ đẹp, về mặt này thì ông ấy giống tôi.”

“Tôi hiểu, thưa bà. Nhưng bà không yêu William Ducane một cách say đắm, theo cách mà Harriet Sippel yêu chồng bà ta?”

“Phải. Người mà tôi yêu say đắm là Patrick Ive. Ngay từ khoảnh khắc đầu tiên thấy anh ấy, trái tim tôi đã thuộc về mình anh ấy. Tôi có thể hy sinh cả tính mạng vì anh ấy. Khi mất anh ấy, tôi cuối cùng đã hiểu ra cảm xúc của Harriet khi bà ấy mất George. Mọi người nghĩ điều đó có thể hình dung được, nhưng

không thể nào đâu. Tôi nhớ đã từng nghĩ Harriet là bệnh hoạn khi bà ấy van nài tôi cầu nguyện cho bà ấy chết đi để bà ấy sớm được đoàn tụ với George sau đám tang ông ấy. Tôi từ chối làm theo lời bà. Nỗi đau sẽ nguôi ngoai theo thời gian, và ngày nào đó bà ấy sẽ tìm được niềm vui khác để tiếp tục sống, tôi đã nói với bà ấy như thế.”

Nancy dừng lại để trấn tĩnh rồi nói tiếp. “Tiếc thay, bà ấy đã làm được điều đó. Bà ấy tìm được niềm vui trong nỗi đau của kẻ khác. Bà quả phụ Harriet trở thành mục phù thủy quạu cọ. Đó chính là người phụ nữ bị giết ở khách sạn Bloxham tại London mới đây. Harriet mà tôi biết và yêu mến là người đã chết theo chồng.” Bà chột nhìn sang tôi. “Ông nhận xét rằng tôi giận dữ với Jennie. Tôi không có quyền giận cô ta. Tôi có lỗi chẳng kém gì cô ta khi gây họa cho Patrick.” Nancy bắt đầu khóc, hai tay bưng lấy mặt.

“Nào, nào, thưa bà. Xin bà hãy cầm lấy.” Poirot trao cho bà chiếc khăn tay. “Bà gây họa cho Patrick Ive thế nào được? Bà chẳng nói với chúng tôi rằng bà có thể hy sinh cả tính mạng vì ông ấy đó sao.”

“Tôi cũng xấu xa như Jennie. Tôi là một kẻ hèn nhát đáng kinh tởm! Khi tôi đứng lên ở King’s Head, thú nhận rằng tôi và Patrick yêu nhau và lén lút gặp nhau, tôi đã không nói sự thật. Ôi, những cuộc gặp lén lút là thật. Patrick và tôi tuyệt vọng yêu nhau cũng là thật. Nhưng...” Nancy có vẻ quá đau buồn để có thể nói tiếp. Vai bà rung lên khi bà thổn thức trong chiếc khăn tay.

“Có lẽ tôi đã hiểu, thưa bà. Ngày hôm đó ở King’s Head bà đã

nói với dân làng rằng mối quan hệ giữa bà và Patrick Ive là trong trắng. Đó là lời nói dối. Poirot ông ấy đoán có đúng không vậy?”

Nancy thốt lên một tiếng rên tuyệt vọng. “Tôi không chịu nổi những lời đồn đại,” bà nấc lên. “Tất cả những câu chuyện rở tai kinh khủng đó về việc giao tiếp với người chết để đổi lấy tiền bạc... Ngay cả con nít cũng xì xào với nhau ngoài đường phố về tà thuật... Tôi đã khiếp sợ! Các ông không thể hình dung nổi kinh hoàng ấy đâu, khi mà nhiều giọng nói lên án và kết tội cùng cất lên quanh một người duy nhất, một người tốt.

“Tôi hình dung được. Tôi hình dung điều đó một cách sống động đến mức tôi ước gì bà ta đừng tiếp tục kể nữa.”

“Tôi phải làm điều gì đó, ông Poirot ạ. Vì vậy tôi nghĩ: Mình phải chiến đấu chống lại những dối trá đó bằng thứ gì đó tốt đẹp và thuần khiết: sự thật. Sự thật là tình yêu của tôi dành cho Patrick và tình yêu của anh dành cho tôi, nhưng tôi đã sợ, và tôi đã làm hoen ố sự thật bằng sự gian dối! Đó là sai lầm của tôi. Trong cơn quẫn trí, tôi đã không thể suy nghĩ tỏ tường. Tôi đã làm nhem nhuốc tình yêu tuyệt đẹp của tôi với Patrick bằng sự gian lận hèn đốn. Quan hệ giữa chúng tôi không phải là trong trắng, nhưng tôi đã nói là trong trắng. Tôi đã nghĩ mình không có lựa chọn nào khác hơn là nói dối. Nhưng đó là do tôi hèn nhát. Tôi thật đáng khinh!”

“Bà quá khắt khe với bản thân rồi,” Poirot nói. “Không cần phải thế đâu.”

Nancy chậm nước mắt. “Ước chi tôi có thể tin ông,” bà nói. “Cớ sao tôi không nói toàn bộ sự thật? Việc bảo vệ Patrick chống lại

những lời cáo buộc kinh khủng đó lẽ ra đã là một hành động cao quý, thế mà tôi lại làm hỏng đi. Vì đó mà tôi nguyên rủa mình từng ngày trong đời. Những tay săn tội lỗi sùi bọt mép đang be be ở King's Head, chẳng lẽ họ chẳng chê trách tôi, nghĩ tôi là một người đàn bà sa đọa, còn Patrick là kẻ cực kỳ xấu xa. Có hề hấn gì đâu nếu họ chê trách tôi thêm đôi chút. Thật ra, tôi còn không chắc họ có thể đẩy nổi nhục của tôi lên đến mức độ nào cao hơn nữa.”

“Vậy sao bà không nói ra sự thật?” Poirot hỏi.

“Có lẽ tôi hy vọng những thử thách đối với Frances sẽ nhẹ nhàng hơn. Có lẽ tôi muốn tránh một tai tiếng còn lớn hơn nữa. Nhưng khi Frances và Patrick tự lấy đi mạng sống của họ thì niềm hy vọng làm cho mọi thứ tốt đẹp hơn cũng tắt lịm. Tôi biết họ đã tự sát, dù mọi người có xầm xì thế nào,” Nancy bổ sung như một ý nghĩ vừa nảy sinh.

“Đó là điều mà người ta bàn tán?” Poirot hỏi.

“Theo bác sĩ và theo tất cả các biên bản chính thức, cái chết của họ là do tai nạn, nhưng chẳng ai ở Great Holling tin vậy cả. Tự sát là một tội lỗi trong mắt nhà thờ. Tôi nghĩ ông bác sĩ làng muốn bảo vệ thanh danh của Patrick và Frances để nó không hoen ố thêm. Ông ấy rất yêu mến họ. Ông ấy đã đứng lên bảo vệ họ khi chẳng ai dám làm thế. Bác sĩ Flowerday là một người chính trực hiếm hoi ở Great Holling. Ông ấy biết nhận ra một lời nói dối ác hiểm.” Nancy cười trong nước mắt. “Một lời nói dối đáp lại lời nói dối và một miếng cắn đáp lại một miếng cắn.”

“Hay một sự thật đáp lại một sự thật?” Poirot gợi ý.

“Ồ. Phải, đúng vậy.” Nancy có vẻ ngạc nhiên. “Ôi trời, tôi làm hỏng hết chiếc khăn tay của ông rồi.”

“Không quan trọng. Tôi còn nhiều chiếc khác. Tôi muốn hỏi thêm bà một câu nữa, thưa bà: cái tên Samuel Kidd có quen thuộc với bà không?”

“Không. Nó phải quen thuộc sao?”

“Ông ta không sống ở Great Holling khi bà ở đó chứ?”

“Không hề. Thật may mắn cho ông ta, dù ông ta là ai,” Nancy cay đắng nói.



CHƯƠNG 17

NGƯỜI PHỤ NỮ LỚN TUỔI VÀ CHÀNG TRAI TRẺ

“Thế đấy,” Poirot nói khi người khách của chúng tôi ra về. “Nancy Ducane đồng ý với Margaret Ernst rằng vợ chồng Ive tự sát, nhưng biên bản chính thức lại ghi rằng đây là hai cái chết do tai nạn. Ambrose Flowerday đưa ra lời nói dối này để bảo vệ thanh danh của Patrick và Frances Ive, không để nó hoen ố thêm.”

“Lạ thật,” tôi nói. “Margaret Ernst không hề nói gì về chuyện này.”

“Cho nên tôi tự hỏi liệu có phải chúng ta đã tìm ra được lý do vì sao bà ta bắt anh hứa không nói chuyện với ông bác sĩ hay không. Liệu Ambrose Flowerday có hãnh diện về lời nói dối của ông ta, đủ để thừa nhận nếu có ai đến? Liệu có phải Margaret Ernst muốn bảo vệ ông ta...”

“Đúng,” tôi đồng ý. “Đó có thể là lý do bà ta muốn kéo tôi ra xa ông ta.”

“Mong ước bảo vệ – điều này quá dễ hiểu!” Giọng của Poirot

chứa chan cảm xúc.

“Ông không thể tự trách mình về Jennie, ông Poirot ạ. Ông đâu thể bảo vệ cô ta.”

“Chuyện này thì anh sáng suốt đấy, Catchpool. Bảo vệ Jennie là điều không thể đối với bất cứ ai, ngay cả với Hercule Poirot này. Đã quá muộn để mà cứu Jennie, ngay cả trước khi tôi gặp cô ta – điều này nay đã rõ. Quá muộn rồi.” Ông thở dài. “Điều thú vị là lần này lại có máu, trong khi lần trước chỉ có thuốc độc chứ chẳng có máu me.”

“Tôi cứ thắc mắc mãi: thi thể Jennie đang ở đâu? Khách sạn Bloxham đã được xới tung để tìm kiếm mà vẫn chẳng thấy gì!”

“Đừng thắc mắc nó ở đâu, Catchpool ạ, ở đâu không quan trọng, Hãy thắc mắc vì sao. Nếu thi thể được chuyển ra khỏi khách sạn bằng xe chở đồ giặt, bằng vali hay bằng xe cút kít, thì tại sao nó phải được chuyển đi? Tại sao không bỏ nó lại phòng khách sạn như ba người kia?”

“Vậy câu trả lời là sao? Ông biết mà, hãy nói cho tôi nghe đi.”

“Đúng vậy,” Poirot nói. “Tất cả những chuyện đó đều có thể giải thích, nhưng tôi e rằng đó không phải là một lời giải thích vui vẻ.”

“Vui vẻ hay không, tôi cũng muốn nghe.”

“Vào lúc thích hợp anh sẽ được nghe mọi chuyện. Lúc này tôi sẽ chỉ nói với anh như sau: không nhân viên nào của khách sạn Bloxham thấy Harriet Sippel, Ida Gransbury và Richard Negus hơn một lần, trừ một người duy nhất: Thomas Brignell. Anh ta gặp Richard Negus hai lần: một lần khi Negus đến khách sạn

hôm thứ tư và Brignell ra đón ông ta, lần nữa vào tối thứ năm khi anh ta đụng phải Richard Negus ở hành lang và ông Negus đặt anh ta rượu vang.” Poirot phát ra vài tiếng cười khùng khục, vẻ tự mãn. “Hãy nghĩ về chuyện đó, Catchpool ạ. Anh bắt đầu thấy sự kiện đó nói lên điều gì chưa?”

“Chưa.”

“À!”

“Xin ông đấy, ông Poirot! Đừng thốt ra cái âm ‘À’ làm người ta điên tiết lên như thế.”

“Tôi đã nói anh rồi, bạn tôi ạ: đừng bao giờ chờ đợi được ban cho câu trả lời.”

“Tôi thực sự bí rồi! Từ nhiều góc độ, có vẻ như Nancy Ducane phải là hung thủ, nhưng bà ta lại có chứng cứ ngoại phạm từ Louisa Wallace. Vậy thì... ai khác có thể là người muốn giết Harriet Sippel, Ida Gransbury, Richard Negus và cả Jennie Hobbs nữa?” Tôi bước qua bước lại trong phòng khách, bực bội với chính mình vì đã không thể thấy đường hướng. “Dù tôi vẫn nghĩ ông có họa điên mới nghi ngờ Henry Negus hay Rafal Bobak hay Thomas Brignell, nhưng giả dụ họ là hung thủ đi nữa thì động cơ của họ có thể là gì? Những người này có gì liên kết với sự kiện bi thương ở Great Holling mười sáu năm về trước?”

“Henry Negus có một động cơ phổ biến và cổ xưa nhất thế giới: tiền. Ông ấy chẳng nói với chúng ta rằng người anh Richard đang làm tan hoang tài sản của mình đó sao? Ông ta còn nói rằng vợ ông ta một mực không chịu đuổi Richard ra khỏi nhà. Nếu Richard Negus chết, Henry Negus sẽ không phải nuôi anh

traì mình. Nếu Richard không chết, ông ta có thể mất đi một gia tài nhỏ vì ông anh.”

“Còn Harriet Sippel và Ida Gransbury. Còn Jennie Hobbs? Có sao Henry Negus phải giết cả họ nữa?”

“Tôi không biết, mặc dù tôi có thể nghĩ thêm.” Poirot nói. “Về phần Rafal Bobak và Thomas Brignell – tôi nghĩ cả hai đều không có động cơ, trừ phi một trong hai người không phải là kẻ mà chúng ta lầm tưởng.”

“Tôi nghĩ ta có thể điều tra thêm đôi chút về họ,” tôi nói.

“Trong khi chúng ta lập danh sách các nghi phạm tiềm năng, anh nghĩ sao về Margaret Ernst và bác sĩ Ambrose Flowerday?” Poirot gợi ý. “Họ không yêu Patrick Ive, nhưng dù vậy họ vẫn có thể muốn trả thù cho ông ấy. Margaret Ernst, theo lời khai của chính bà, đang ngồi một mình tại nhà vào lúc diễn ra các án mạng. Và chúng ta không biết bác sĩ Flowerday ở đâu vì anh đã hứa không tìm đến ông ta – và, hỡi ôi, anh đã giữ lời hứa. Poirot này phải tự tìm đến Great Holling thôi.”

“Tôi đã nói ông nên đi cùng tôi rồi mà,” tôi nhắc nhở. “Nhưng nếu ông đi thì làm sao ông trao đổi được với Nancy Ducane, Rafal Bobak và những người khác. Nhân tiện, tôi cũng đã suy nghĩ về chàng trai trẻ và người phụ nữ lớn tuổi mà Bobak nghe lỏm được Harriet, Ida và Richard Negus bàn tán – giả sử như lời kể của ông ta là đáng tin. Và tôi đã lập ra một danh sách tất cả các cặp có liên hệ tình cảm với nhau.” Tôi moi ra từ trong túi một bản danh sách. Phải thừa nhận rằng tôi đã hy vọng gây ấn tượng với Poirot, nhưng dù ấn tượng hay không, ông đã chẳng thể hiện

điều gì cả.

“George và Harriet Sippel,” tôi đọc lớn. “Patrick và Frances Ive. Patrick Ive và Nancy Ducane. William Ducane và Nancy Ducane. Charles và Margaret Ernst. Richard Negus và Ida Gransbury. Không cặp nào người nữ lớn tuổi hơn người nam, nói chỉ đến mức để mô tả là ‘đáng tuổi mẹ’.”

“Xì,” Poirot sốt ruột nói. “Anh không chịu suy nghĩ, bạn tôi ạ. Làm sao anh biết cặp đó có tồn tại hay không, cái cặp có người phụ nữ lớn tuổi và chàng trai trẻ ấy?”

Tôi nhìn sững ông, tự hỏi có phải ông đã mất lý trí. “Walter Stoakley đã nói về họ ở King’s Head, và Rafal Bobak đã nghe thấy...”

“Non, non,” Poirot sốt sắng ngắt lời. “Anh không chịu chú ý chi tiết: ở quán trọ King’s Head, Walter Stoakley nói về người phụ nữ đã chấm dứt mối liên hệ lãng mạn với một người đàn ông, đúng không nào? Còn cuộc trò chuyện mà Rafal Bobak nghe lỏm được từ ba nạn nhân thì bàn về một người đàn ông không còn mối quan tâm lãng mạn đối với người phụ nữ vẫn khao khát tình yêu của ông ta. Làm sao đó có thể là cùng những người như nhau, cùng một cặp? Phải là trái ngược hoàn toàn chớ: họ không thể nào là cùng những người như nhau!”

“Ông có lý,” tôi bẽ bàng nói. “Tôi đã không nghĩ đến điều đó.”

“Anh quá hào hứng với mẫu hình của anh – đó là lý do. Một phụ nữ lớn tuổi và một chàng trai trẻ ở chỗ này, rồi một phụ nữ lớn tuổi và chàng trai trẻ ở chỗ nọ. Voilà, anh mặc nhiên cho họ là cùng những người như nhau!”

“Vâng, quả vậy. Có lẽ tôi đã làm sai nghề.”

“Non. Anh lại mắc cảm rồi, Catchpool. Không phải lúc nào anh cũng vậy, nhưng đôi lúc. Anh đã từng giúp tôi thoát ra khỏi đường hầm rồi rầm. Anh còn nhớ cái lúc anh nói dù Thomas Brignell còn giấu diếm điều gì thì đó cũng là vì lo lắng riêng tư thôi? Đó là một nhận xét rất hữu ích cho tôi, thực sự rất hữu ích!”

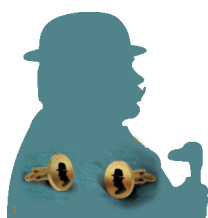
“Thế thì e rằng tôi vẫn đang trong đường hầm và chưa thấy tia sáng nào ở phía cuối cả.”

“Tôi hứa với anh,” Poirot nói. “Ngày mai, ngay sau bữa điểm tâm, chúng ta sẽ làm cuộc viếng thăm nho nhỏ, anh và tôi. Sau đó anh sẽ hiểu rõ hơn bây giờ. Tôi hy vọng cả tôi cũng thế.”

“Tôi có được phép hỏi chúng ta sẽ viếng thăm ai không?”

“Cứ hỏi đi, mon ami.” Poirot mỉm cười. “Tôi đã gọi cho Scotland Yard để lấy địa chỉ. Tôi nghĩ đó là người mà tôi chỉ cần nói tên ra là anh biết ngay.”

Khỏi phải nói, ông vẫn không có ý định cho tôi biết người đó.



CHƯƠNG 18

GỖ CỬA XEM AI RA MỞ NÀO

Khi chúng tôi băng ngang thành phố sáng hôm sau để làm cuộc "viếng thăm" bí hiểm, tinh thần Poirot cứ thay đổi xoành xoạch như thời tiết của London, vốn không được quyết đoán lắm giữa mây mưa và nắng. Có lúc ông giãn người, tỏ ra hài lòng với bản thân, nhưng ngay sau đó ông lại cau cau cặp lông mày như lo lắng điều gì.

Chúng tôi đến một ngôi nhà khiêm tốn trên một con đường hẹp. "Số 3 Yarmouth Cottages," Poirot nói khi đứng trước cửa nhà. "Anh nhận ra địa chỉ này không, Catchpool? Nó quen thuộc với anh mà, đúng không?"

"Phải. Đợi chút. Tôi sẽ nhớ ra ngay. Phải rồi, đó là địa chỉ của Samuel Kidd, đúng không nhỉ?"

"Đúng vậy. Nhân chứng lợi hại của chúng ta, người đã thấy Nancy Ducane chạy khỏi khách sạn Bloxham và đánh rơi hai chìa khóa, mặc dù Nancy Ducane không thể có mặt ở khách sạn Bloxham ngay sau 8 giờ vào đêm án mạng."

"Vì bà ấy đang ở nhà của Louisa Wallace," tôi tán thành. "Vì

vậy chúng ta đến đây để dọa ông Kidd một chút, đúng không ạ? Và tìm hiểu xem ai là người đã xui khiến ông ta nói dối?”

“Non. Ông Kidd hôm nay không có nhà. Ông ấy đi làm rồi, tôi nghĩ vậy.”

“Thế thì...”

“Ta chơi một trò chơi nho nhỏ nhé. Trò chơi này mang tên là Gõ-Cửa-Xem-Ai-Ra-Mở-Nào,” Poirot nói với một nụ cười bí ẩn. “Nào, mời anh. Tôi sẽ tự gõ nếu không đeo găng. Tôi không muốn làm bẩn chúng.”

Tôi gõ rồi chờ, lòng tự hỏi vì sao Poirot lại chờ đợi ai đó ra mở cửa khi mà chủ nhà đã đi vắng. Tôi há miệng toan hỏi rồi ngậm lại. Dĩ nhiên, có hỏi cũng vô ích. Tôi bâng khuâng nhớ lại cái thời (mới chỉ cách đây chưa đầy hai tuần lễ) khi tôi còn tin rằng nếu có ai đó biết rõ câu trả lời thì ta cứ nên hỏi thẳng.

Cửa chính của căn số 3 Yarmouth Cottages mở ra, và tôi đột nhiên đứng trước đôi mắt mở lớn của một người không phải là Samuel Kidd. Thoạt tiên tôi bối rối, vì đó là một khuôn mặt lạ. Rồi tôi quan sát nỗi sợ hãi làm vẹo vọ những đường nét và biết được người đó ắt là ai.

“Chào cô, cô Jennie,” Poirot nói. “Catchpool, đây là cô Jennie Hobbs. Còn đây là ông Edward Catchpool, thừa cô. Chắc cô còn nhớ, tôi có nhắc đến ông ta ở quán cà phê Pleasant. Cho phép tôi bày tỏ sự nhẹ nhõm bất tận vì đã tìm được cô còn sống.”

Đó là lúc mà tôi biết chắc rằng mình chẳng biết gì cả. Vài mảnh vụn nhỏ của sự tự tin mà tôi bám víu vào đã chứng tỏ là không đáng tin cậy. Làm thế quái nào Poirot biết được ông phải

tìm Jennie Hobbs tại đây? Điều đó là không tưởng! Thế mà thực tế chúng tôi đang đứng nơi đây.

Sau khi Jennie định thần và dàn xếp lại các biểu cảm thành vẻ gì đó đỡ rúm ró và ít phòng thủ hơn, cô mời chúng tôi vào nhà và bảo chúng tôi chờ trong một căn phòng nhỏ tắm tối với những bàn tủ rệu rã. Rồi cô xin cáo lỗi, nói rằng cô sẽ trở lại ngay tức thì.

“Ông nói là không kịp cứu cô ta mà!” Tôi giận dữ nói với Poirot. “Ông nói dối tôi.”

Ông lắc đầu. “Làm sao tôi biết sẽ tìm được cô ta ở đây? Đó chính là nhờ anh đấy, mon ami. Một lần nữa anh đã giúp Poirot này.”

“Bằng cách nào?”

“Xin anh hãy nhớ lại cuộc trò chuyện của anh với Walter Stoakley ở quán trọ King’s Head, nhớ lại ông ta đã nói về một phụ nữ lẽ ra đã có chồng con, một ngôi nhà riêng và cuộc sống hạnh phúc. Anh nhớ ra chưa?”

“Vậy thì sao?”

“Một phụ nữ dâng trọn cuộc đời mình cho một người đàn ông vĩ đại? Sẵn sàng hy sinh tất cả vì anh ta? Rồi sau đó, ông Stoakley nói: ‘Cô ta không thể cưới *một thằng nhóc* nào đó, một khi đã từng yêu một người có địa vị. Cho nên cô ta bỏ rơi hẳn.’ Anh có nhớ đã kể cho tôi như vậy không, mon ami?”

“Dĩ nhiên là nhớ! Tôi đâu phải thằng ngốc.”

“Anh nghĩ anh đã tìm ra người phụ nữ lớn tuổi và chàng trai

trẻ, n'est-ce pas! Rafal Bobak đã nhắc đến họ tại khách sạn Bloxham – ông ta nói ba nạn nhân đã bàn luận về họ – và anh nghĩ Walter Stoakley ngụ ý cặp này, do đó anh hỏi ông Stoakley người phụ nữ có hơn nhiều tuổi so với người đàn ông mà cô ta bỏ rơi không, bởi lẽ anh tin rằng ông ta nói: ‘Cô ta không thể cưới một *thằng nhóc* nào đó’. Nhưng, bạn tôi ạ, anh đã không nghe kỹ ông ta!”

“Có chứ – chắc chắn là tôi nghe kỹ.”

“Non, câu của ông ta nói là: ‘Cô ta không thể cưới *Sam Kidd**,’ tức ông Samuel Kidd.”

“Nhưng... nhưng mà... Ôi, chết tiệt!”

“Anh đã kết luận sai vì trước đó Walter Stoakley đã dùng từ ‘*kid*’ nhiều lần. Ông ta dùng từ đó để ám chỉ gã trẻ tuổi đã nhậu cùng ông ta. *Eh bien*, nhiều người ở địa vị anh cũng sẽ mắc phải nhầm lẫn giống như thế. Đừng quá tự trách mình.”

“Và rồi, do hiểu nhầm, tôi đã hỏi Stoakley về cách biệt tuổi tác giữa người phụ nữ với người mà cô ta lẽ ra phải cưới và ông ta đã hiểu là tôi hỏi về gã rách việc đó. Chắc ông ta ngạc nhiên lắm khi tôi hỏi vậy vì Jennie Hobbs chẳng liên quan gì đến gã rách việc kia.”

“Oui. Nếu không đỡ đầu vì rượu, hẳn ông cụ đã hỏi lại anh rồi.” Poirot nhún vai.

“VẬY là Jennie Hobbs đã đính hôn với Samuel Kidd,” tôi cố đúc kết lại. “Và... cô ta đã bỏ ông ấy ở lại Cambridge để đến Great Holling cùng Patrick Ive?”

Poirot gật đầu. “Fee Spring, cô phục vụ ở quán Pleasant, có nói

với tôi rằng Jennie từng có một lần buồn đau trong quá khứ. Tôi đang tự hỏi đó là nỗi buồn đau nào.”

“Chúng ta chẳng phải vừa trả lời câu hỏi đó sao?” tôi nói. “Hẳn đó là nỗi buồn khi bỏ lại Samuel Kidd.”

“Tôi nghĩ nhiều khả năng hơn là do cái chết của Patrick Ive, người mà Jennie thực sự yêu. Nhân thế, tôi cũng chắc chắn đó là lý do cô ta đổi cách ăn nói: để nghe giống một người cùng tầng lớp với ông ấy, với hy vọng ông ấy xem cô ta là người bình đẳng chứ không chỉ là người giúp việc.”

“Ông không sợ cô ta biến mất lần nữa sao?” tôi hỏi, mắt nhìn cánh cửa khép của phòng khách. “Cô ta làm gì mà lâu thế? Ông biết không, chúng ta phải đưa ngay cô ta đến bệnh viện nếu như cô ta chưa đến đó.”

“Bệnh viện?” Poirot có vẻ ngạc nhiên.

“Phải. Cô ta đã mất khá nhiều máu ở cái phòng khách sạn đó.”

“Anh lo nghĩ quá nhiều rồi,” Poirot nói. Trông ông như đang có nhiều điều muốn nói, nhưng đúng lúc đó Jennie mở cánh cửa.

“Xin thứ lỗi cho tôi, ông Poirot,” cô nói.

“Về chuyện gì, thưa cô?”

Căn phòng chìm trong sự yên lặng bất tiện. Tôi muốn lên tiếng và chấm dứt sự lúng túng đó, nhưng lại nghi ngờ khả năng mình đóng góp được điều gì hữu ích.

“Nancy Ducane,” Poirot cố tình nói rất chậm, “bà ấy có phải là người mà cô trốn tránh khi cô tạt vào ẩn nấu ở quán cà phê Pleasant? Bà ấy có phải là người cô sợ?”

“Tôi biết bà ấy đã giết Harriet, Ida và Richard tại khách sạn Bloxham,” Jennie thì thào. “Tôi đã thấy vụ này trên báo chí.”

“Vì chúng tôi tìm được cô tại nhà Samuel Kidd, vị hôn phu trước đây của cô, liệu chúng tôi có thể giả thiết rằng ông ta đã kể cho cô là đã thấy gì vào cái đêm án mạng đó?”

Jennie gật đầu. “Nancy từ trong khách sạn Bloxham chạy ra, đánh rơi hai chiếc chìa khóa trên vỉa hè, anh ấy nói vậy.”

“Đó là một sự trùng hợp incroyable, thưa cô: Nancy Ducane, kẻ đã giết ba người và định giết cả cô nữa, được nhìn thấy đang chạy khỏi hiện trường bởi một người mà cô từng dự định kết hôn chứ chẳng phải ai khác!”

Jennie bật ra một tiếng kêu hầu như vô thanh. “Vâng.”

“Poirot thì ông ấy nghi ngờ một sự trùng hợp lớn như thế. Cô đang nói dối, và cô đã nói dối lần trước, lúc chúng ta gặp nhau!”

“Không đâu! Tôi thề...”

“Tại sao cô lấy phòng ở khách sạn Bloxham dù biết đó là nơi Harriet Sippel, Ida Gransbury và Richard Negus đã bị sát hại? Cô không có câu trả lời, tôi biết mà!”

“Ông phải cho tôi nói thì tôi mới trả lời được chứ. Tôi quá mệt mỏi vì trốn chạy. Mọi thứ có vẻ dễ dàng hơn nếu chuyện đó kết thúc.”

“Là vậy sao? Cô điềm tĩnh chấp nhận số phận đang chờ đợi mình? Cô chào đón nó, xuôi theo nó?”

“Vâng.”

“Thế thì tại sao cô lại đòi ông quản lý khách sạn Lazzari phải

cho cô một phòng ‘nhANH lÊN, nhANH lÊN’, như thể cô vẫn đang trốn chạy kẻ truy lùng cô? Và, do cô không có vẻ gì bị thương, vũng máu trong phòng 402 là của ai vậy?”

Jennie bắt đầu khóc, đôi chân hơi lảo đảo. Poirot đứng dậy giúp cô ngồi xuống ghế. Ông nói. “Cô ngồi đi. Đến phiên tôi đứng để nói cho cô hay bằng cách nào tôi biết chắc cô chưa bao giờ nói thật với tôi cả.”

“Nhẹ nhàng thôi, ông Poirot,” tôi nhắc nhở ông. Jennie trông cứ như sắp ngất.

Poirot có vẻ bất chấp. “Việc giết Harriet Sippel, Ida Gransbury và Richard Negus đã được thông báo qua mảnh giấy để lại,” ông nói. “‘CẦU CHO HỌ KHÔNG BAO GIỜ YÊN NGHỈ: 121. 238. 317.’ Giờ thì tôi thắc mắc: một sát thủ bước đến bàn lễ tân của khách sạn trong trạng thái bình tĩnh đến lạnh lùng rồi đặt xuống đó mảnh giấy quảng cáo cho ba án mạng thì liệu có giống cái người dễ hoảng loạn, hốt hển chạy ra khỏi khách sạn, rồi đánh rơi hai chìa khóa ngay trước mặt nhân chứng? Chúng ta có nên tin rằng sự hoảng loạn của hung thủ – Nancy Ducane – chỉ bắt đầu sau khi bà ta để mảnh giấy lại trên bàn? Và nếu như Nancy Ducane chạy ra khỏi Bloxham ngay sau 8 giờ thì làm cách nào bà ấy lại đang dùng bữa tối với quý bà Louisa, vào chính thời điểm đó?”

“Ông Poirot, ông không nghĩ phải nhẹ nhàng hơn với cô ta sao?”

“Tôi không nghĩ vậy. Tôi hỏi cô, cô Jennie: cơ sao Nancy Ducane phải để lại mảnh giấy? Cơ sao ba tử thi cần phải được tìm thấy ngay sau 8 giờ tối? Nhân viên của khách sạn đằng nào

chẳng phát hiện ra vào lúc nào đó. Tại sao phải vội vàng? Và nếu bà Ducane đủ điềm tĩnh để tiếp cận bàn lễ tân và bỏ lại mảnh giấy mà không gây nghi ngờ thì hẳn có nghĩa bà ấy có khả năng suy nghĩ hợp lý về những gì cần làm. Thế thì tại sao bà ấy không bỏ luôn hai chiếc chìa khóa vào túi áo khoác cho an toàn trước khi rời khách sạn? Một cách ngớ ngẩn, bà ấy lại cầm chúng trong tay rồi đánh rơi ngay trước mặt ông Kidd. Ông ấy còn thấy được chúng có khắc số: ‘một trăm gì gì đó’ và ‘ba trăm gì gì đó’. Cũng nhờ sự trùng hợp ngẫu nhiên mà ông ta nhận ra khuôn mặt người phụ nữ bí ẩn, và sau một thời gian ngắn giả vờ như không thể nhớ ra được, ông ta có thể thoải mái nói ra với chúng tôi cái tên Nancy Ducane. Tất cả những điều này theo cô có nghe hợp lý không, cô Hobbs? Với Hercule Poirot, chúng nghe không hợp lý chút nào cả – nhất là khi ông ấy đã tìm ra cô ở đây, tại nhà ông Kidd, và ông ấy biết Nancy Ducane có chứng cứ ngoại phạm!”

Jennie đang quệt nước mắt bằng tay áo.

Poirot quay sang tôi. “Lời khai của Samuel Kidd là gian dối từ đầu đến cuối, Catchpool ạ. Ông ta và Jennie Hobbs đã thông đồng nhau đổ vấy tội giết Harriet Sippel, Ida Gransbury và Richard Negus lên Nancy Ducane.”

“Ông không biết ông nhằm thế nào đâu!” Jennie hét lên.

“Tôi biết cô là một kẻ nói dối. Từ lâu tôi đã ngờ rằng cuộc gặp giữa tôi và cô ở Pleasant có liên quan đến án mạng ở Bloxham. Hai sự việc này – nếu ta tính ba án mạng là một sự việc – có hai điểm chung quan trọng nhất và cũng bất thường nhất.”

Câu này làm tôi ngồi thẳng dậy. Tôi đã chờ quá lâu để được nghe những điểm tương đồng đó.

Poirot nói tiếp: “Thứ nhất là một sự tương đồng tâm lý: cả hai sự việc đều có cùng gợi ý rằng các nạn nhân còn tội lỗi hơn cả hung thủ. Mảnh giấy để lại trên bàn lễ tân của Bloxham – ‘CẦU CHO HỌ KHÔNG BAO GIỜ YÊN NGHỈ’ – gợi ý rằng Harriet Sippel, Ida Gransbury và Richard Negus là những người đáng chết và hung thủ giết họ là người thực thi công lý. Còn ở quán cà phê, thưa cô Jennie, cô đã nói với tôi rằng cô đáng bị chết, và chỉ khi nào cô bị giết đi thì công lý cuối cùng mới được thực thi.”

Ông ấy nói đúng. Tại sao tôi lại bỏ qua điều đó nhỉ?

“Tiếp đến là tương đồng thứ hai, không phải là tâm lý mà là tình huống: vụ giết người ở Bloxham và cuộc trò chuyện tại quán cà phê với Jennie hoảng hốt còn gắn kết nhau ở một đặc điểm chung nữa là có quá nhiều manh mối, quá nhiều thông tin từ quá sớm! Có quá nhiều chỉ dẫn hiện lên cùng lúc, như thể có ai đó muốn chìa tay ra giúp cảnh sát. Chỉ một cuộc gặp mặt ngắn ngủi ở quán cà phê mà tôi đã gom được một số lượng dữ kiện đáng kinh ngạc. Cô Jennie, cô ta cảm thấy có lỗi. Cô ta đã làm việc gì đó khủng khiếp. Cô ta không muốn hung thủ bị trừng trị. Cô ta cố tình nói với tôi: ‘Ồ, mong đừng ai mở miệng’, để khi nào tôi nghe về ba thi thể ở khách sạn Bloxham với khay măng-xét trong miệng có thể tôi sẽ nhớ lại lời cô ta và thắc mắc, hay có khi tiềm thức của tôi sẽ tiến hành việc liên hệ đó?”

“Ông hiểu sai về tôi rồi, ông Poirot,” Jennie phản đối.

Poirot phớt lờ cô, tiếp tục bài diễn văn: “Ta hãy xem xét các án

mạng ở Bloxham. Một lần nữa, ở đó, chúng tôi thấy mình được cung cấp quá nhiều thông tin, và chúng đến sớm tới mức khả nghi: Richard Negus trả tiền cho cả ba căn phòng và cho các chuyến xe từ ga xe lửa về khách sạn. Cả ba nạn nhân đều đang sống hoặc từng sống ở làng Great Holling. Thêm vào đó lại còn cái manh mối lợi hại là dòng chữ tắt *PIJ* trên những chiếc khuy măng-xét để dẫn dắt chúng tôi đến lý do vì sao ba người này bị trừng phạt: do cách đối xử tàn nhẫn của họ đối với mục sư Patrick Ive. Ngoài ra, mảnh giấy bỏ lại ở bàn lễ tân đã thể hiện rõ ràng động cơ là trả thù riêng, hoặc do khao khát công lý. Chẳng mấy khi hung thủ chịu viết ra động cơ của mình và bỏ nó lại đầy nhĩa ý ở một nơi nổi bật như vậy, đúng không ạ?”

“Thật ra cũng có những hung thủ muốn người khác biết động cơ của mình,” tôi nói.

“Mon ami,” Poirot nói với vẻ nhần nại cường điệu, “nếu Nancy Ducane muốn giết Harriet Sippel, Ida Gransbury và Richard Negus, liệu bà ấy có làm điều đó theo cách mà mọi dấu vết đều chỉ ngược về bà ấy? Bà ấy có muốn lên giá treo cổ không? Và có sao Richard Negus – kẻ đã ở bên bờ vực của cơ hàn, theo như lời người em – lại thanh toán cho tất cả mọi khoản? Nancy Ducane là người giàu có. Nếu bà ấy là hung thủ đã dụ dỗ các nạn nhân đến London để giết họ, vậy tại sao không phải bà ấy là người trả tiền phòng và tiền xe. Những điều này đều nghe không khớp!”

“Xin hãy để tôi nói, ông Poirot! Tôi sẽ nói với ông sự thật?”

“Lúc này tôi thích chính tôi nói với cô sự thật hơn, thưa cô. Thứ lỗi cho tôi, nhưng tôi thấy kẻ đáng tin hơn chính là tôi.

Trước khi cô kể câu chuyện của cô, cô đã hỏi tôi nghĩ hừ chưa, cô nhớ không? Cô đã đóng kịch rất khéo khi vờ yêu cầu tôi xác nhận việc tôi không có quyền bắt người hay thực thi pháp luật ở đất nước này. Chỉ khi đó, tức sau khi tôi cam kết việc này, cô mới thổ lộ với tôi. Nhưng lúc đó tôi đã cho cô biết tôi có người bạn ở Scotland Yard rồi. Cô nói chuyện với tôi không phải vì cô tin tôi không có thẩm quyền bắt hung thủ, mà vì cô biết rất rõ tôi là người có ảnh hưởng với cảnh sát – bởi vì cô muốn thấy Nancy Ducane bị đổ vấy tội lỗi và bị treo cổ vì tội giết người.”

“Tôi không muốn như thế!” Jeannie xoay khuôn mặt đầm đìa nước mắt sang tôi. “Làm ơn ngăn ông ta lại đi!”

“Tôi sẽ dừng lại khi nào tôi sẵn sàng,” Poirot nói. “Cô là khách hàng thường xuyên của quán Pleasant, thưa cô. Các cô phục vụ đã nói thế. Họ bàn tán rất nhiều sau lưng khách hàng. Tôi nghĩ cô đã nghe họ nói về tôi: cái ông người Âu khó chịu với bộ ria mép, có lẽ là cảnh sát Lục địa, cùng ông bạn Catchpool đây, từ Scotland Yard. Cô đã nghe họ nói rằng tôi dùng bữa tại Pleasant vào mỗi tối thứ năm, chính xác vào lúc 7 giờ 30. Ồ, vâng, thưa cô, cô đã biết phải tìm tôi ở đâu, và có biết Hercule Poirot sẽ là hoàn hảo cho các mục đích xảo quyệt của cô! Cô đến quán cà phê với bề ngoài hoảng hốt, nhưng tất cả đều là giả tạo, một màn kịch! Cô nhìn ra ngoài cửa sổ một hồi lâu, như thể sợ ai đó truy đuổi cô, nhưng cô không thể thấy gì qua cái cửa sổ đó ngoại trừ hình ảnh phản chiếu của căn phòng mà cô đang ở trong. Và một trong các cô phục vụ đã thấy hình ảnh phản chiếu của mắt cô và nhận ra cô đang nhìn cô ta chứ không phải nhìn ra đường. Có phải cô

đã tính toán: ‘Liệu có ai nghi ngờ mình đóng kịch buồn khổ? Liệu cái cô phục vụ có đôi mắt sắc lẹm kia có đoán ra sự thật và ngăn chặn kế hoạch của mình?’”

Tôi đứng dậy. “Ông Poirot, tôi tin chắc là ông đúng, nhưng ông không thể cứ tiếp tục kể tội mãi người phụ nữ tội nghiệp kia mà không cho cô ta nói lời nào để tự vệ.”

“Bình tĩnh đi, Catchpool. Tôi chẳng đã giải thích với anh rồi đó sao? Cô Hobbs đây rất biết cách tạo ra vẻ ngoài cực kỳ bất hạnh, trong khi đó con người thực bên trong của cô ta lại cực kỳ điềm tĩnh và tính toán.”

“Ông là một người nhẫn tâm!” Jennie rên rỉ.

“Au contraire, mademoiselle. Vào lúc thích hợp sẽ đến phiên cô nói. Cô đã nói với tôi: ‘Ồ, mong đừng ai mở miệng!’ Làm sao cô biết Nancy Ducane đã đặt những chiếc khuy măng-xét vào miệng họ sau khi giết ba nạn nhân? Tôi thấy lạ, không hiểu vì sao cô lại biết. Có phải bà Ducane đã từng dọa sẽ làm thế? Tôi có thể tưởng tượng một kẻ giết người dọa dùng bạo lực để gây ra sợ hãi – ‘Nếu bắt được mi, ta sẽ cắt cổ mi,’ hay đại loại là thế – nhưng tôi không thể tưởng tượng một kẻ giết người lại nói: ‘Sau khi ta giết mi, ta sẽ đặt một chiếc khuy măng-xét có khắc chữ vào miệng mi.’ Tôi không thể tưởng tượng ai lại nói vậy, mà tôi thì vốn là một người khá giàu óc tưởng tượng! À – xin thứ lỗi! – còn một quan sát cuối cùng nữa, thưa cô. Dù cô có gây tội lỗi nào dẫn đến số phận bi thảm của Patrick và Frances Ive, vẫn có ba người nhiều tội lỗi hơn cô. Đó là Harriet Sippel, Ida Gransbury và Richard Negus. Họ đã tin vào lời nói dối của cô và lôi kéo cả làng

chống lại mục sư Patrick Ive và vợ ông ta. Nghe đây, tại Pleasant, cô đã nói với tôi: ‘Tôi chết đi thì công lý rốt cuộc mới được thực thi’, và cô đã nhấn mạnh từ ‘tôi chết đi’. Điều đó cho tôi thấy cô biết Harriet Sippel, Ida Gransbury và Richard Negus đã chết. Nhưng khi xem xét tất cả các chứng cứ được trình ra, tôi lại thấy ba án mạng ở khách sạn Bloxham chưa thể diễn ra vào lúc đó.”

“Dừng lại đi, làm ơn, dừng lại đi!” Jennie thốt thức.

“Một lúc nữa thôi tôi sẽ hân hạnh lắng nghe cô. Cho phép tôi đơn giản nhắc cô rằng cô đã nói những lời đó. ‘Tôi chết đi thì công lý rốt cuộc mới được thực thi’ – vào khoảng 7 giờ 45, nhưng chúng tôi lại biết rằng ba án mạng ở Bloxham chỉ được nhân viên khách sạn phát hiện sau 8 giờ 10. Vì vậy, bằng cách nào đó, cô, Jennie Hobbs, đã biết trước về ba án mạng. Bằng cách nào vậy?”

“Chỉ cần ông đừng lên án tôi nữa, tôi sẽ nói tất cả! Tôi đã tuyệt vọng. Phải thường trực giữ trong lòng tất cả những bí mật và gian dối đó... quả là sự tra tấn. Tôi không thể chịu đựng thêm được nữa!”

“Bon,” Poirot nhẹ nhàng nói. Giọng ông chợt hiền hòa. “Hôm nay cô đã nhận cú sốc lớn, phải không? Có lẽ giờ đây cô đã hiểu, cô không dối gạt Poirot này được đâu.”

“Tôi hiểu rồi. Tôi sẽ kể cho ông nghe câu chuyện từ đầu. Thật nhẹ nhõm biết bao khi cuối cùng cũng nói được sự thật.”

Jennie kể một mạch. Cả tôi lẫn Poirot đều không ngắt lời cô cho đến khi cô thông báo đã kể xong. Những gì tiếp theo đây là lời kể của cô ta. Đó là một câu chuyện trung thực và đầy đủ, tôi

hy vọng thế.



CHƯƠNG 19

CUỐI CÙNG LÀ SỰ THẬT

Tôi đã hủy hoại cuộc đời người đàn ông duy nhất mà tôi yêu, và qua đó cũng hủy hoại luôn cuộc đời của chính mình.

Tôi không muốn sự thể lại đi đến bước ngoặt đó. Tôi không bao giờ tưởng tượng nổi rằng một vài lời ngu ngốc và độc ác lại có thể gây tai họa lớn như thế. Lẽ ra tôi phải cân nhắc, phải giữ mồm giữ miệng, nhưng tôi đang thấy lòng tổn thương, và trong một phút yếu đuối tôi đã cho phép nổi hận thù xâm chiếm.

Tôi yêu Patrick Ive đến từng chân tơ kẽ tóc dù đã cố kiềm nén. Khi bắt đầu làm việc cho Patrick, tôi đã đính hôn với Sam Kidd. Tôi là người giúp việc cho anh ấy tại trường Saviour thuộc Đại học Cambridge, nơi anh ấy theo học. Tôi cũng mến Sam, nhưng trái tim tôi đã thuộc về Patrick chỉ vài tuần sau khi tôi gặp anh lần đầu. Và tôi biết điều đó sẽ không thay đổi dù có cố chuyển dịch cảm xúc cách mấy. Patrick mang tất cả những gì tốt đẹp nhất của con người. Anh ấy mến tôi, nhưng với anh ấy tôi chỉ là người giúp việc. Ngay cả khi tôi học cách ăn nói giống như cô con gái thầy hiệu trưởng Cambridge – như Frances Ive – dưới

mắt Patrick, tôi vẫn cứ là người giúp việc trung thành, chẳng hơn chẳng kém.

Dĩ nhiên tôi biết chuyện giữa anh ấy và Nancy Ducane. Tôi đã nghe lỏm vài cuộc trò chuyện giữa anh ấy và cô ta, điều mà lẽ ra tôi không được phép làm. Tôi biết anh ấy yêu cô ta nhiều đến mức nào, và không thể chịu nổi điều đó. Từ lâu trước đó, tôi đã chấp nhận anh ấy thuộc về Frances chứ không phải tôi, nhưng thật khó mà chịu đựng khi phát hiện rằng anh ấy yêu một phụ nữ không phải là vợ mình và cũng không phải là tôi.

Trong tích tắc – không lâu hơn – tôi đã muốn trừng phạt anh ấy. Muốn gây đau thương nặng nề cho anh ấy, như anh ấy đã gây đau thương cho tôi. Vì vậy tôi dựng lên một lời nói dối hiểm độc về anh ấy và, xin Chúa tha thứ cho con, tôi đã đưa lời nói dối đó đến tai Harriet Sippel. Càng kể, tôi càng thấy thoải mái với ý tưởng của mình. Tôi kể rằng những lời thì thầm yêu đương của Patrick dành cho Nancy – những lời mà tôi đã nghe lỏm được không chỉ một lần – không phải là của chính anh mà là của ông William Ducane quá cố từ dưới mồ truyền về. Ôi, tôi biết ý tưởng đó là nhảm nhí, nhưng khi tôi kể cho Harriet Sippel, trong khoảnh khắc nó đã trở nên giống như thật.

Rồi Harriet bắt tay vào việc, lan truyền ra khắp làng những lời hiểm độc và không thể dung thứ về Patrick. Ida và Richard đã hậu thuẫn bà ta, điều mà tôi không bao giờ hiểu. Chắc chắn họ phải biết bà ta đã trở thành một con người độc địa như thế nào. Mọi người trong làng đều biết cả. Làm sao họ có thể quay lưng với Patrick để liên minh với bà ta? Ồ, tôi đã biết câu trả lời: đó là

do lỗi của tôi. Richard và Ida biết tin đồn không xuất phát từ Harriet mà từ cô gái giúp việc vốn luôn trung thành Với Patrick và được cho là không có lý do nào để nói dối.

Tôi lập tức thấy rằng sự ghen tuông đã dẫn tôi đến một hành động kinh khủng và đê tiện. Tôi chứng kiến sự khổ sở của Patrick và tuyệt vọng muốn giúp anh ấy và Frances. Nhưng tôi không biết phải làm sao! Harriet đã thấy Nancy ra vào nhà mục vụ vào ban đêm. Cả Richard Negus cũng thấy. Nếu tôi thú nhận mình nói dối, tôi sẽ phải đưa ra một lời giải thích khác về những chuyến thăm ban đêm của Nancy. Và Harriet sẽ chẳng mất nhiều thời gian để suy đoán ra lời giải thích đúng.

Tôi là một kẻ hèn dốt đáng ghê tởm. Đó là một sự thật nhục nhã. Những người như Richard Negus và Ida Gransbury, họ không màng người ta nghĩ gì về họ nếu họ tin lẽ phải đứng về phía họ, nhưng tôi thì rất màng. Xưa nay tôi vẫn luôn quan tâm tạo dựng ấn tượng tốt. Nếu thú nhận mình nói dối, tôi sẽ bị mọi người trong làng khinh ghét, và như vậy cũng đáng. Tôi không phải là một người mạnh mẽ, ông Poirot ạ. Tôi không làm gì, không nói gì bởi vì tôi sợ hãi. Và rồi, kinh tởm sự dối trá và những kẻ tin vào nó, Nancy đã bước lên phía trước và nói ra sự thật: cô và Patrick yêu nhau, lén lút gặp nhau dù giữa họ không có mối quan hệ nhục dục nào.

Nỗ lực giúp Patrick của Nancy chỉ làm mọi sự tồi tệ thêm với anh ấy. “Hắn không chỉ là tên tà đạo chuyện lừa đảo giáo dân và báng bổ nhà thờ, mà còn là một gã gian dân,” – mọi người bắt đầu nói như thế. Mọi sự trở nên quá sức chịu đựng của Frances

khiến chị ấy tự tử. Khi Patrick phát hiện ra, anh ấy biết sẽ không sống nổi với cảm giác tội lỗi – dẫu sao, chính tình yêu của anh với Nancy đã khởi đầu mọi rắc rối. Anh đã không làm tròn bổn phận với Frances. Thế là anh quyên sinh theo.

Ông bác sĩ của làng nói rằng hai cái chết là do tai nạn, nhưng điều đó không đúng. Cả hai người họ đã tự tử - thêm một tội lỗi nữa dưới mắt những người sùng tín như Ida Gransbury, hay những kẻ thêm khát sự trừng phạt như Harriet Sippel. Cả Patrick lẫn Frances đều để lại di thư, ông biết đấy. Tôi đã tìm ra chúng và giao lại cho bác sĩ Ambrose Flowerday. Tôi đoán ông ta đã đốt bỏ. Ông nói sẽ không đưa cho ai để khỏi có thêm cái cớ nào kết tội Patrick và Frances. Bác sĩ Flowerday rất kinh tởm việc cả làng quay ra chống phá họ.

Cái chết của Patrick làm trái tim tôi tan nát, và nó vẫn tan nát cho đến tận bây giờ, thưa ông Poirot. Tôi muốn chết, nhưng nay Patrick đã không còn, tôi cảm thấy mình cần phải sống để tiếp tục yêu anh ấy và nghĩ tốt về anh ấy. Làm vậy, tôi mong sẽ khiến cho mọi người ở Great Holling hồi tâm – những người mà đến nay vẫn tin anh ấy là một thứ ác quỷ.

An ủi duy nhất của tôi là không chỉ có mình tôi khổ sở. Richard Negus cảm thấy xấu hổ vì vai trò của ông ấy trong vụ này. Trong số những kẻ bôi nhọ Patrick, ông ấy là người duy nhất đổi ý. Khi Nancy lên tiếng, ông ấy lập tức nhận ra lời nói dối tày đình của tôi không thể là sự thật.

Trước khi chuyển về sống ở nhà người em trai tại Devon, Richard đã gọi tôi ra để hỏi trực tiếp. Tôi muốn nói với ông ấy

rằng tin đồn mà tôi phát ra không có mấy may sự thật nào, nhưng tôi lại không dám, vì vậy tôi không nói năng gì. Tôi ngồi nín thinh, như thể bị cụt lưỡi, và Richard đã hiểu sự im lặng của tôi là một sự nhận tội.

Tôi rời Great Holling ngay sau ông ấy. Thoạt đầu tôi đến chỗ Sammy để nhờ vả, nhưng tôi không thể sống ở Cambridge – ở đó có quá nhiều ký ức về Patrick – vì vậy tôi đến London. Đó là ý tưởng của Sammy. Anh ấy đã tìm được việc ở đây. Nhờ vài người mà anh ấy giới thiệu, tôi cũng đã tìm được việc. Sammy hết lòng với tôi cũng giống như tôi hết lòng với Patrick. Tôi lẽ ra phải biết ơn anh ấy. Anh ấy lại hỏi cưới tôi nhưng tôi không thể đồng ý, dù vậy tôi vẫn xem anh ấy là người bạn thân nhất.

Một chương mới trong đời tôi đã mở ra khi tôi chuyển đến London. Tôi không thể tận hưởng vì ngày nào cũng nghĩ về Patrick, về nỗi đau không bao giờ còn gặp lại anh ấy. Rồi tháng 9 vừa qua tôi nhận được thư của Richard Negus. Mười lăm năm trôi qua mà như mới hôm qua, cứ như quá khứ vẫn đang đeo bám tôi vì tôi chưa từng bỏ nó lại phía sau!

Richard lấy địa chỉ ở London của tôi từ người duy nhất tại Great Holling biết: bác sĩ Ambrose Flowerday. Tôi không biết tại sao, nhưng tôi muốn ai đó ở đấy biết tôi đi đâu. Tôi nhớ lúc đó tôi có nghĩ mình không muốn biến mất hoàn toàn, chẳng để lại dấu vết. Tôi cảm thấy...

Không, tôi sẽ không nói vậy. Tôi không hề nhìn thấy cái tương lai trong đó Richard lại lôi tôi ra và yêu cầu tôi giúp ông sửa chữa sai lầm cũ. Thay vào đó, tôi sẽ nói rằng tôi có một dự cảm mạnh

mẽ, dù không mô tả được thành lời. Tôi biết làng Great Holling sẽ còn dây dưa với tôi mãi không thôi, cũng như tôi mãi dây dưa với nó. Đó là vì sao tôi gửi địa chỉ ở London của tôi cho bác sĩ Flowerday.

Lá thư của Richard nói rằng ông ấy cần gặp tôi, còn tôi đã không nghĩ đến việc từ chối. Ông ấy đến London vào tuần kế tiếp. Không mào đầu, ông ấy đề nghị tôi giúp ông ấy sửa chữa điều không thể dung thứ mà ông ấy đã làm từ suốt bao năm qua.

Tôi nói với ông ấy tôi không tin có thể sửa chữa được. Patrick đã mất rồi. Không thể làm cho anh ấy sống lại. Richard nói: “Đúng. Patrick và Frances đã mất, còn tôi và cô thì không bao giờ tìm lại được niềm vui. Nhưng nếu chúng ta có sự hy sinh thỏa đáng thì sao?”

Tôi không hiểu. Tôi hỏi ông ấy ngụ ý gì.

Ông ấy nói: “Nếu chúng ta đã giết Patrick và Frances Ive – và tôi tin rằng chúng ta đã làm thế – thì liệu có thỏa đáng không nếu chúng ta trả giá bằng sinh mạng của mình? Chẳng phải chúng ta đã không có được niềm vui sống như bao người khác đó sao? Tại sao vậy? Tại sao thời gian không hàn gắn vết thương của chúng ta như lẽ ra nó phải hàn gắn? Phải chăng vì chúng ta không đáng sống khi mà Patrick và Frances đáng thương đang nằm trong huyết mộ?” Khi nói, mắt Richard tối sầm lại, chuyển từ màu nâu thường nhật sang màu đen. “Luật trời luôn trừng phạt bằng cái chết những ai lấy đi mạng sống của người vô tội,” ông ấy nói. “Chúng ta đã gian lận điều luật ấy.”

Cả hai chúng tôi đều có giết Patrick và Frances bằng vũ khí, đó

là sự thật rành rành. Nhưng, những lời lẽ của ông ấy âm vang mạnh mẽ đến mức tôi nghĩ ông ấy đã có lý. Khi ông ấy nói, tôi ngập tràn một thứ gì đó tương tự như hy vọng, lần đầu tiên sau mười lăm năm trời. Tôi không thể đưa Pauck về, nhưng tôi có thể tự nộp mình cho công lý vì những gì tôi đã gây ra cho anh ấy.

“Ông đề nghị tôi tự sát ư?” tôi hỏi Richard, vì ông ấy không nói ra rõ ràng.

“Không. Cả tôi cũng không tự sát. Điều tôi nghĩ trong đầu không phải là tự sát mà là hành quyết, và chúng ta sẽ tự nguyện. Hay ít ra là tôi. Tôi không muốn ép cô tham gia vào.”

“Ông và tôi không phải là những người duy nhất có lỗi,” tôi nhắc nhở.

“Đúng, chúng ta không phải là duy nhất,” ông ấy đồng ý. Điều kế tiếp ông ấy nói khiến trái tim tôi muốn ngừng đập. “Jennie, cô có sống sót không nếu biết rằng Harriet Sippel và Ida Gransbury cũng có cách nghĩ giống như tôi?”

Tôi nói với ông ấy rằng tôi không tin. Tôi nghĩ Harriet và Ida sẽ chẳng bao giờ thừa nhận mình đã làm điều gì đó độc ác và không thể dung thứ. Richard nói từng có lúc ông ấy cũng nghĩ vậy. Ông ấy nói: “Tôi thuyết phục họ. Mọi người luôn lắng nghe tôi, Jennie ạ. Luôn luôn như vậy. Tôi đã thành công với Harriet và Ida, không phải bằng cách lên án gay gắt mà bằng cách thể hiện không ngớt sự hối tiếc sâu sắc và bày tỏ nguyện vọng muốn bù đắp cái tai họa mà tôi đã gây ra. Phải mất nhiều năm trời – bấy nhiêu năm kể từ khi chúng ta trò chuyện với nhau lần cuối

– nhưng dần dần Harriet và Ida cũng đi đến những suy nghĩ giống như tôi. Cả hai người họ đều là những phụ nữ cực kỳ bất hạnh, cô biết đấy: Harriet kể từ khi mất chồng và Ida kể từ khi tôi thông báo hủy hôn với cô ấy.”

Tôi mở miệng toan thể hiện mình không tin, nhưng Richard đã nói tiếp. Ông ấy đảm bảo với tôi rằng cả Harriet lẫn Ida đã thừa nhận trách nhiệm của họ trong cái chết của Patrick và Frances Ive, và muốn sửa chữa những sai trái họ gây ra. “Khía cạnh tâm lý của việc này rất lý thú,” ông nói. “Harriet luôn sung sướng khi tìm được ai đó để trừng phạt. Nay, kẻ đó lại chính là bà ta. Nên nhớ rằng bà ta luôn háo hức muốn đoàn tụ với ông chồng ở thiên đường. Bà ta không thể cho phép sự kết thúc của mình diễn ra ở một nơi nào khác.”

Tôi ghen ngào vì quá sốc. Tôi nói tôi chẳng bao giờ tin. Richard bảo rằng tôi sẽ tin khi nói chuyện với Harriet và Ida vì họ sẽ xác nhận. Tôi phải gặp họ, ông ấy nói, và tôi sẽ tự thấy họ thay đổi như thế nào.

Tôi không thể hình dung Harriet và Ida thay đổi. Và tôi e rằng mình sẽ trở thành kẻ sát nhân nếu ở chung phòng với ai trong hai người họ.

Richard nói: “Cô phải cố hiểu, Jennie ạ. Tôi trình bày với họ một con đường để họ thoát khỏi sự khổ đau – tin tôi đi, họ cũng đã khổ đau. Khi làm hại người khác một cách khủng khiếp như thế, tâm hồn người ta không thể không thương tổn. Suốt bao năm, Harriet và Ida nghĩ rằng thứ duy nhất họ có thể bám víu là niềm tin họ đã đúng về Patrick, nhưng đến một lúc, họ nhận ra

lời đề nghị của tôi còn tốt hơn thế nữa: sự khoan hồng đích thực của Chúa. Những tâm hồn tội lỗi luôn ngứa ngáy muốn chuộc tội, Jennie ạ. Ta càng chối bỏ cơ hội chuộc tội thì sự ngứa ngáy ấy sẽ càng gia tăng. Nhờ những nỗ lực quyết liệt của tôi, Harriet và Ida ngày càng ý thức sự ghê tởm trong cách hành xử của họ. Họ ghê tởm sự độc ác mà họ đã dày công che đậy dưới chiếc áo khoác phẩm hạnh, vốn dĩ chẳng liên quan gì đến những tội lỗi tưởng tượng của Patrick Ive.”

Nghe Richard nói, tôi bắt đầu nhận ra rằng ông ấy có khả năng thuyết phục ngay cả những người ương ngạnh nhất – như Harriet Sippel. Ông ấy có cách riêng để dàn xếp mọi thứ, khiến ta nhìn thế giới khác đi.

Ông ấy xin phép tôi đưa Harriet và Ida đến cuộc gặp mặt kế tiếp. Với trái tim ngờ vực và sợ hãi, tôi đã đồng ý.

Dù đã tin mọi điều Richard nói, tôi vẫn choáng váng vì bất ngờ khi, hai ngày sau, tôi đã ở trong cùng một căn phòng với Harriet Sippel và Ida Gransbury, tận mắt chứng kiến họ thay đổi đúng như Richard kể. Nói đúng hơn, họ vẫn như xưa, chỉ khác là giờ đây họ đang cố áp dụng sự nhẫn tâm và cứng nhắc lên chính bản thân họ. Trong tôi dấy lên nỗi căm thù sục sôi khi họ nói về "Patrick tốt bụng, tội nghiệp" và "Frances vô tội, đáng thương". Họ không có quyền thốt ra những lời đó.

Bốn người chúng tôi đồng ý sẽ làm điều gì đó để sửa lại lỗi lầm. Chúng tôi là những kẻ giết người, không căn cứ theo pháp luật mà căn cứ theo sự thật, và giết người thì nhất định phải đền mạng. Chúng tôi chỉ có cách chết đi mới đạt được sự khoan dung

của Chúa.

“Bốn người chúng ta là thẩm phán, luật sư và người chấp pháp.” Richard nói. “Chúng ta sẽ xử tội lẫn nhau.”

“Chúng ta làm vậy bằng cách nào?” Ida hỏi, tròng mắt nhìn ông ấy.

“Tôi đã nghĩ ra một cách,” ông ấy nói. “Tôi sẽ lo về chi tiết.”

Thế là, không ầm ĩ, chẳng than thở, chúng tôi đã ký tên vào bản án tử của chính mình. Tôi chỉ cảm thấy sự nhẹ nhõm vô biên. Tôi nhớ đã nghĩ rằng tôi sẽ không sợ giết nếu nạn nhân không sợ chết. “Nạn nhân” là một từ sai. Tôi không biết phải gọi thế nào mới là đúng.

Rồi Harriet nói: “Chờ đã. Còn Nancy Ducane thì sao?”

Chẳng cần bà ta giải thích, tôi đã biết bà ta muốn nói gì. “Ồ, phải,” tôi thầm nghĩ, “đây mới chính là Harriet Sippel ngày nào.” Bốn cái chết vì nghĩa vẫn là chưa đủ với bà ta. Bà ta đang cố đòi thêm cái chết thứ năm.

Richard và Ida hỏi bà ta ngụ ý gì.

“Nancy Ducane cũng phải chết,” Harriet nói, đôi mắt bà rần rần. “Bà ta đã quyến rũ Patrick đáng thương, tuyên bố nỗi ô nhục của hai người trước cả làng, làm tan nát trái tim của Frances.”

“Ồ, không,” tôi hoảng hốt nói. “Nancy sẽ chẳng bao giờ chịu nộp mạng của mình. Và... Patrick đã yêu bà ấy!”

“Bà ta cũng tội lỗi chẳng kém cạnh gì chúng ta,” Harriet khẳng định. “Bà ta phải chết. Tất cả đều phải chết, nếu không việc đó sẽ chẳng còn ý nghĩa gì. Nếu đã làm thì phải làm cho trót. Nhớ

lại đi, chính tiết lộ của Nancy đã đẩy Frances Ive đến chỗ tự tử. Hơn nữa, tôi còn biết một điều mà các người không biết.”

Richard yêu cầu bà kể ngay cho chúng tôi. Với một tia lóe trong ánh mắt, Harriet nói: “Nancy muốn Frances biết trái tim của Patrick đã thuộc về bà ta. Bà ta đã nói bằng sự ghen tuông và thù hận. Bà ta đã thú nhận điều đó với tôi. Bà ta cũng tội lỗi như tất cả chúng ta, thậm chí còn hơn nữa, theo thiện ý của tôi. Và nếu bà ta không đồng ý chết... thì được thôi!”

Richard ngồi ôm đầu hồi lâu. Harriet, Ida và tôi chờ đợi trong im lặng. Lúc đó tôi nhận ra rằng Richard chính là thủ lĩnh của chúng tôi. Bất cứ lời nào của ông ấy sẽ là lời cuối cùng mà chúng tôi phải phục tùng.

Tôi cầu nguyện cho Nancy. Tôi không trách bà ấy về cái chết của Patrick, chưa từng và sẽ không bao giờ trách.

“Tốt lắm,” Richard nói, dù trông ông chẳng mấy vui. “Tôi thấy buồn khi phải thừa nhận, nhưng đúng vậy, Nancy Ducane lẽ ra không nên dan díu với chồng người khác. Bà ta không nên công bố mối quan hệ với Patrick trước cả làng. Nếu chuyện đó đừng xảy ra thì chưa chắc Frances Ive đã tự sát. Đáng tiếc, nhưng Nancy Ducane cũng phải chết.”

“Không!” Tôi hét lên. Tôi chỉ nghĩ đến cảm xúc của Patrick nếu như anh nghe được những lời này.

“Xin lỗi cô, Jennie, nhưng Harriet đã có lý,” Richard nói. “Điều chúng ta dự tính là rất táo bạo và khó khăn. Chúng ta không thể hy sinh nhiều như thế mà vẫn chừa lại mạng của một người cũng có lỗi như chúng ta. Chúng ta không thể miễn trừ cho

Nancy.”

Tôi muốn la lên và chạy ra khỏi phòng, nhưng rồi lại buộc mình vẫn ngồi yên trên ghế. Tôi biết chắc Harriet đã nói dối về lý do Nancy lên tiếng ở King's Head. Tôi không tin Nancy thú nhận động lực của bà ấy là ghen tuông và muốn làm đau lòng Frances Ive. Nhưng, trước mặt Harriet, tôi sợ đến nỗi chẳng thể nói ra điều đó. Hơn nữa, tôi chẳng có chứng cứ nào. Richard nói ông ấy cần thời gian để nghĩ cách đưa kế hoạch vào hành động.

Hai tuần sau, ông ấy lại đến gặp tôi, chỉ một mình. Ông ấy nói đã quyết định điều gì phải xảy ra. Ông ấy và tôi sẽ là những người duy nhất biết toàn bộ sự thật, và Sammy nữa, dĩ nhiên. Tôi đã kể hết với anh ấy.

Richard dặn tôi nói với Harriet và Ida rằng kế hoạch của chúng tôi là giết lẫn nhau, như đã thỏa thuận, sau đó đổ tội cho Nancy Ducane về cái chết của chúng tôi. Vì Nancy sống ở London nên chuyện này phải diễn ra ở đó. Trong một khách sạn, Richard gợi ý. Ông ấy nói sẽ chi trả mọi thứ.

Một khi đến khách sạn thì mọi thứ cũng đơn giản: Ida sẽ giết Harriet, Richard sẽ giết Ida, và tôi sẽ giết Richard.

Lần lượt, ai giết xong thì đặt một chiếc khay măng-xét khắc tên họ viết tắt của Patrick Ive vào miệng nạn nhân và dựng hiện trường cho giống với các xác còn lại để cảnh sát nghĩ rằng cùng một hung thủ đã gây ra ba... cái chết. Tôi định nói là ba án mạng, nhưng không phải vậy. Đó là sự hành quyết. Các ông thấy đấy, sau khi hành quyết xong thì phải có một thủ tục nào đó, đúng không ạ? Hẳn các cai ngục cũng làm vậy với các phạm

nhân bị hành quyết, chúng tôi nghĩ thế. Chính Richard đã đưa ra ý tưởng sắp đặt thi thể theo cách đó – một cách trân trọng và phẩm giá. Long trọng là từ mà Richard đã dùng.

Do có hai nạn nhân, Ida và Harriet, cung cấp địa chỉ nhà mình tại Great Holling cho khách sạn, chúng tôi biết cảnh sát sẽ mau chóng tìm đến làng, hỏi han mọi người, và sẽ bắt đầu nghi ngờ Nancy. Còn kẻ nào đáng tình nghi hơn bà ấy nữa? Sammy sẽ làm bộ như thấy Nancy chạy ra khỏi khách sạn sau án mạng thứ ba, và đánh rơi ba chiếc chìa khóa. Đúng vậy: ba chiếc chìa khóa. Cả chìa khóa phòng Richard cũng nằm trong kế hoạch, các ông biết đấy. Ida được dự kiến sẽ mang chìa khóa phòng Harriet về phòng mình sau khi giết Harriet và khóa cửa phòng bà ta. Richard được dự kiến sẽ làm tương tự: mang theo chìa khóa phòng của Harriet và Ida sau khi giết Ida và khóa cửa phòng cô ta. Rồi tôi sẽ giết Richard, khóa cửa phòng ông ấy, mang theo cả ba chìa khóa đến gặp Sammy bên ngoài Bloxham và trao chúng lại cho anh ấy. Sau đó Sammy sẽ tìm cách đưa chúng vào nhà của Nancy Ducane, hay – như thực tế đã diễn ra – tuồn vào túi áo khoác của bà ấy vào một ngày nào đó ở ngoài đường nhằm đổ tội cho bà ấy.

Dù chi tiết này không quan trọng, nhưng Patrick Ive chưa bao giờ đeo khuy măng-xét có khắc tên. Theo tôi biết, anh ấy chưa từng có cặp khuy măng-xét nào như thế. Richard Negus đã đặt làm những chiếc khuy măng-xét đặc biệt đó để lái cảnh sát đến mục tiêu mong muốn. Việc để lại vũng máu và chiếc nón của tôi trong căn phòng khách sạn thứ tư cũng nằm trong kế hoạch. Nó

nhằm làm cho các ông tin rằng tôi đã bị giết trong phòng đó, rằng Nancy Ducane trả thù cho người yêu đã khuất của mình bằng cách giết cả bốn chúng tôi. Richard đã nhờ Sammy cung cấp máu. Đó là máu một con mèo hoang, nếu như các ông muốn biết. Sammy còn có nhiệm vụ để lại mảnh giấy trên bàn lễ tân vào đêm án mạng: "CẦU CHO HỌ KHÔNG BAO GIỜ YÊN NGHỈ", tiếp theo là số của ba căn phòng. Lúc không ai để ý, anh ấy phải bỏ nó trên bàn lễ tân ngay sau 8 giờ. Trong khi đó, nhiệm vụ của tôi là phải sống sót và đảm bảo Nancy Ducane bị treo cổ vì ba án mạng, có thể là bốn nếu như cảnh sát tin rằng cả tôi cũng đã chết.

Tôi làm điều đó bằng cách nào? Là người thứ tư mà Nancy được cho là muốn giết – người thứ tư có trách nhiệm đối với những gì đã diễn ra với Patrick – tôi được giao phó phải làm sao để cảnh sát tin rằng tôi đang sợ hãi vì bị đe dọa tính mạng. Tôi đã làm vậy ở quán cà phê Pleasant, và ông là người tôi chọn để nói, thưa ông Poirot. Ông nói rất đúng: tôi đã dối gạt ông. Ông cũng đúng khi nói tôi nghe lỏm được từ các cô phục vụ về ông thám tử từ Lục địa luôn đến vào tối thứ năm chính xác lúc 7 giờ 30, đôi khi dùng bữa với một người bạn trẻ hơn nhiều đến từ Scotland Yard. Vừa nghe các cô ấy nói về ông, tôi nghĩ ngay ông chính là mục tiêu hoàn hảo.

Nhưng thưa ông Poirot, một trong các kết luận mà ông rút ra là hoàn toàn sai. Ông bảo rằng câu nói của tôi, "Tôi chết đi thì công lý tốt cuộc mới được thực thi" cho thấy tôi biết ba người kia đã chết. Nhưng tôi tuyệt đối không hề biết Richard, Harriet và Ida

đã chết hay còn sống, bởi lẽ lúc đó tôi đã làm trật trĩa tất cả. Khi nói câu đó, tôi chỉ nghĩ, theo kế hoạch mà Richard và tôi lập ra, tôi sẽ sống lâu hơn họ. Vì vậy, ông thấy đấy, họ có thể vẫn còn sống khi tôi thốt ra câu này.

Tôi phải nói cho rõ: có đến hai kế hoạch – một kế hoạch đã được Harriet và Ida chấp thuận, và một kế hoạch rất khác, chỉ có Richard và tôi biết. Với Harriet và Ida thì kế hoạch là như sau: Ida giết Harriet, Richard giết Ida, tôi giết Richard. Sau đó tôi tạo cái chết giả của chính mình tại Bloxham, dùng chỗ máu mà Sammy cung cấp. Tôi sẽ chỉ sống cho đến khi chứng kiến Nancy Ducane bị treo cổ, sau đó tôi sẽ phải tự sát. Nếu nhờ may mắn nào đó mà Nancy không bị treo cổ thì tôi phải giết bà ấy rồi sau đó tự sát. Tôi phải là người chết cuối cùng vì ở đây có liên quan đến việc diễn kịch. Nếu muốn, tôi có thể là một diễn viên tốt. Như việc tôi sắp xếp để gặp ông ở quán cà phê, thưa ông Poirot... Harriet Sippel không thể diễn tốt như thế. Cả Ida hay Richard cũng vậy. Do đó, ông thấy đấy, tôi phải là người sống sót.

Kế hoạch mà Harriet và Ida tham gia không phải là kế hoạch thật của Richard. Khi ông ấy một mình đến gặp tôi, hai tuần sau cuộc họp mặt đầu tiên tại London với Harriet và Ida, ông ấy cho tôi biết ông rất băn khoăn về việc Nancy có phải chết hay không. Giống như tôi, ông ấy không tin Nancy đã thú nhận với Harriet rằng việc lên tiếng ở King's Head là vì ghen tuông và hận thù.

Mặt khác, Richard cũng hiểu quan điểm của Harriet. Cái chết của Patrick và Frances Ive là do hành vi làm lỗi của nhiều người, và trong số những kẻ có trách nhiệm, rất khó mà chừa ra Nancy

Ducane.

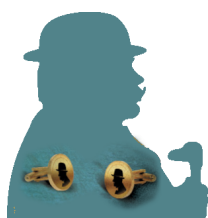
Tôi đã rất ngạc nhiên và sợ hãi khi Richard thú nhận ông ấy không thể xác quyết trong vấn đề Nancy, vì vậy ông ấy nhường quyền quyết định lại cho tôi. Ông ấy nói, sau cái chết của ông ấy, Harriet và Ida, tôi sẽ được toàn quyền lựa chọn: hoặc là làm hết sức để đưa Nancy lên giá treo cổ, hoặc là tự sát và bỏ lại một mảnh giấy khác để nhân viên khách sạn tìm ra – không phải với câu "CẦU CHO HỌ KHÔNG BAO GIỜ YÊN NGHỈ", mà là một mảnh giấy ghi lại toàn bộ sự thật về những cái chết của chúng tôi.

Tôi van xin Richard đừng buộc tôi phải quyết định một mình. Tại sao lại là tôi? Tôi đã hỏi ông ấy.

“Jennie ạ,” ông ấy nói – và tôi sẽ chẳng bao giờ quên – “vì cô là người tốt nhất trong chúng tôi. Cô không bao giờ tự mãn, đề cao phẩm hạnh của mình. Phải, cô đã nói dối, nhưng cô đã nhận ngay ra sai trái của mình khi những lời ấy vừa rời khỏi miệng. Tôi đã tin vào lời nói dối của cô trong một thời gian dài đến mức khó thể nào dung thứ. Không có chứng cứ gì cả, vậy mà tôi lại đi tiếp tay cho cái chiến dịch chống lại một người đàn ông tốt và vô tội. Phải, ông ấy cũng có khiếm khuyết chứ chẳng phải là thánh thần gì. Nhưng có ai trong chúng ta hoàn hảo đâu?”

“Được thôi,” tôi nói với Richard. “Tôi sẽ làm sự lựa chọn mà ông tin cậy phó thác cho tôi.” Tôi nghĩ những lời có cánh của ông ấy đã khiến tôi xuôi lòng.

Và thế là kế hoạch của chúng tôi đã được lập ra. Bây giờ các ông có muốn nghe tôi kể nó đã trượt quớt như thế nào không?



CHƯƠNG 20

TẠI SAO KẾ HOẠCH TRỐT QUỐT

“Muốn chứ,” Poirot nói. “Cô kể đi. Ông Catchpool và tôi đang nóng lòng nghe đây.”

“Đó là do lỗi của tôi,” Jennie nói, lúc này giọng đã trở nên khàn đục. “Tôi là một kẻ hèn nhát. Tôi sợ chết. Dù đau khổ vì Patrick đã mất, tôi đã trở nên thích nghi với nỗi buồn và không muốn cuộc đời mình kết thúc. Dù cuộc sống có như thế nào, có chất chứa nhiều dằn vặt, vẫn còn hơn là trạng thái hư vô! Xin đừng lên án tôi thiếu đức tin, nhưng tôi không tin có cuộc sống nào sau khi chết. Tôi càng lúc càng sợ hãi khi ngày hành quyết theo thỏa thuận đến gần. Tôi sợ phải giết. Tôi nghĩ ngợi điều gì sẽ xảy ra, tưởng tượng mình đứng trong một căn phòng khóa chặt, nhìn Richard uống thuốc độc, và tôi không muốn làm việc đó. Nhưng tôi đã đồng ý rồi! Tôi đã hứa rồi.”

“Cái kế hoạch tưởng dễ dàng nhiều tháng trước đây bỗng có vẻ như bất khả thi,” Poirot nói. “Và dĩ nhiên cô không thể nói với Richard Negus về nỗi sợ của cô, sau khi ông ta đánh giá cô cao như vậy. Nếu cô thừa nhận sự dao động nghiêm trọng, ông ta có

thể sẽ coi thường cô. Có lẽ cô sợ ông ta sẽ quay sang hành quyết cô dù cô có ưng thuận hay không.”

“Phải! Tôi rất sợ ông ấy làm vậy. Các ông biết không, qua trao đổi, tôi biết ông ấy rất coi trọng việc cả bốn chúng tôi cùng chết. Có lần ông ấy bảo tôi rằng nếu không thuyết phục được Harriet và Ida, ông ấy sẽ ‘làm những gì cần làm mà không cần sự ưng thuận của họ’. Ông ấy đã nói thế. Đã biết vậy thì làm sao tôi có thể nói với ông ấy rằng tôi đã đổi ý, rằng tôi chưa sẵn sàng cho cả cái chết lẫn việc giết người?”

“Tôi hình dung cô đã tự quở trách mình vì sự ngập ngừng đó. Cô tin rằng việc giết và chết này là một việc làm đúng đắn và danh giá, đúng không?”

“Vâng, phần lý trí trong đầu tôi đã nói vậy,” Jennie nói. “Tôi đã hy vọng và cầu nguyện cho mình tìm ra trong bản thân một nguồn dự trữ bổ sung của lòng can đảm để giúp tôi vượt qua.”

“Cô định làm gì với Nancy Ducane?” Tôi hỏi.

“Tôi không biết. Ông Poirot ạ, sự hoảng loạn của tôi trong đêm đầu tiên chúng ta gặp nhau là thật đấy. Tôi không quyết được phải làm gì! Tôi để cho Sammy xúc tiến câu chuyện chìa khóa và cáo giác Nancy. Tôi mặc cho tất cả những chuyện đó xảy ra, tự nhủ lòng rằng, vào một lúc nào đó, tôi sẽ tìm đến nhà cầm quyền để nói lên sự thật và giải cứu bà ấy. Nhưng... tôi đã không làm vậy. Richard nghĩ tôi là người tốt hơn ông ấy, nhưng ông ấy đã làm – làm to! Một phần trong tôi vẫn ganh ghét Nancy vì Patrick đã yêu bà ấy. Cũng cái phần thù hận đó đã khởi đầu tất cả những rắc rối ở Great Holling. Và... tôi biết nếu thú nhận

mình thông đồng giá họa cho một phụ nữ vô tội, chắc chắn tôi sẽ phải ngồi tù. Tôi sợ lắm.”

“Xin cho chúng tôi biết cô đã làm gì, thưa cô? Điều gì đã xảy ra vào cái ngày... hành quyết đó ở khách sạn Bloxham?”

“Tôi phải đến đó vào lúc 6 giờ. Đó là giờ chúng tôi hẹn gặp nhau.”

“Bốn kẻ thông đồng?”

“Vâng, và cả Sammy nữa. Tôi trải qua cả ngày trời ngồi nhìn chiếc đồng hồ gõ nhịp, nhích dần đến khoảnh khắc đó. Đến gần 5 giờ, tôi biết rằng mình không thể làm chuyện ấy. Tôi dứt khoát không thể làm! Tôi đã không đến khách sạn. Thay vào đó, tôi chạy khắp London, khóc lóc và sợ hãi. Tôi không có ý niệm phải đi đâu, làm gì, vì vậy tôi cứ chạy và chạy. Tôi cảm thấy như Richard Negus đã ra đường để tìm tôi, giận dữ vì tôi phản lại ông ấy và những người kia. Tôi đến quán cà phê Pleasant vào giờ thỏa thuận, lòng nghĩ rằng ít ra mình cũng giữ được lời hứa về phần này của kế hoạch, dù không thể giết Richard.

“Khi đến quán cà phê, tôi đã sợ cho tính mạng của mình. Tôi không diễn kịch như ông nói. Tôi nghĩ Richard, chứ không phải Nancy, có thể giết tôi. Hơn nữa, tôi tin rằng nếu ông ấy làm vậy thì cũng là việc đúng. Tôi đáng chết! Tôi không nói gì giả dối với ông cả, ông Poirot ạ. Xin ông hãy nhớ lại lời tôi.

“Tôi có sợ bị giết không? Sợ chứ, sợ bị Richard giết. Tôi có làm điều gì khủng khiếp trong quá khứ không? Có chứ. Và nếu Richard bắt được và giết tôi – điều mà tôi tin ông ấy sẽ làm được ngày nào đó – tôi thành thực mong ông ấy đừng bị trừng phạt.

Tôi biết tôi đã bỏ rơi ông ấy. Richard có thể muốn chết, nhưng tôi lại muốn ông ấy sống. Bất chấp những gì Richard đã gây ra cho Patrick, ông ấy vẫn là một người tốt. Các ông có hiểu không?”

“Oui, mademoiselle.”

“Tôi ước có thể nói với ông sự thật tối hôm đó, ông Poirot ạ, nhưng tôi đã thiếu dũng cảm.”

“Vậy cô tin rằng Richard Negus sẽ tìm giết cô vì cô không đến khách sạn Bloxham để giết ông ta?”

“Vâng. Tôi cho rằng ông ấy sẽ không vui nếu chết đi mà vẫn không biết vì sao tôi không đến khách sạn theo kế hoạch.”

“Quả vậy,” tôi nói, đầu suy nghĩ rất lung.

Jennie gật đầu.

Giờ thì tôi đã thấy mọi thứ sáng tỏ: ví dụ như tư thế tương đồng của các xác chết – được xếp theo một đường thẳng tắp, chân hướng ra cửa, thi thể đặt giữa chiếc bàn nhỏ và chiếc ghế. Như Poirot nói, Harriet Sippel, Ida Gransbury và Richard Negus khó mà ngã xuống một cách tự nhiên và rơi chính xác vào tư thế đó.

Có sự tương đồng đáng ngờ giữa ba hiện trường gây án, và rốt cuộc tôi nghĩ mình đã hiểu ra: những kẻ đồng mưu cần cảnh sát tin rằng chỉ có một hung thủ duy nhất. Thật ra, mọi thám tử đích thực đều có thể nghĩ vậy, chỉ qua những chiếc khuy măng-xét trong miệng không thôi, cộng với việc ba thi thể được tìm ra tại cùng một khách sạn trong cùng một đêm. Nhưng những kẻ giết người đã bị ám thị quá nhiều. Họ biết họ gồm nhiều người nên họ sợ – giống như các thủ phạm thường hay thế – người

khác nhận ra sự thật đó. Vì vậy họ đã tạo ra ba hiện trường án mạng giống nhau nhiều hơn mức cần thiết.

Việc sắp đặt các tử thi thẳng tắp và tương đồng nhau còn phù hợp với ý niệm rằng những vụ án ở khách sạn Bloxham không phải là giết người mà là hành quyết. Sau khi hành quyết, người ta thường thực hiện các quy trình, thủ tục hay nghi lễ. Tôi nghĩ cái chết sẽ trở nên trầm trọng hơn khi người ta làm gì đó với tử thi thay vì đơn giản bỏ chúng nằm tại chỗ chúng đổ xuống, như trong những vụ giết người thông thường.

Hình ảnh một Jennie Hobbs trẻ hơn nhiều bỗng hiện lên trong tâm trí tôi: tại trường Saviour thuộc Đại học Cambridge, đi hết phòng này đến phòng khác để làm giường. Cô ta đã làm cho những chiếc giường trông giống hệt nhau, theo một khuôn mẫu định sẵn... Tôi rùng mình tự hỏi cơ sao hình ảnh một cô gái trẻ vô tội chuyên làm giường tại một trường nội trú lại khiến tôi phải ớn lạnh như thế.

Giường ngủ, và giường người chết...

Những hình mẫu và việc phá vỡ hình mẫu...

“Richard Negus đã tự sát,” tôi chột tuyên bố. “Hắn là thế. Ông ta cố làm cho giống như bị giết – cùng kiểu chết như hai người kia để chúng tôi nghĩ là do cùng một hung thủ – nhưng ông ta lại khóa cửa từ bên trong. Rồi ông ta giấu chìa khóa sau viên gạch ở lò sưởi – để chúng tôi nghĩ hung thủ đã mang nó đi – rồi mở toang cửa sổ ra. Nếu chiếc chìa khóa được tìm ra, chúng tôi sẽ thắc mắc – và chúng tôi quả đã thắc mắc – vì sao hung thủ lại chọn cách khóa phòng từ bên trong, giấu chìa khóa trong phòng

và thoát ra qua cửa sổ, nhưng chúng tôi sẽ vẫn cho rằng một hung thủ đã làm tất cả những chuyện đó. Negus chỉ quan tâm mỗi việc ấy. Còn nếu như cửa sổ bị đóng và lỡ ra chìa khóa được tìm thấy, chúng tôi sẽ chỉ có thể rút ra một kết luận duy nhất: Richard Negus đã tự sát. Ông ta không thể để chúng tôi đi đến kết luận đó, cô hiểu không? Nếu chúng tôi kết luận như vậy thì việc đổ vấy ba cái chết cho Nancy Ducane sẽ thất bại. Khi đó nhiều khả năng chúng tôi sẽ nghĩ rằng Negus giết Harriet Sippel và Ida Gransbury rồi sau đó tự sát.”

“Vâng,” Jennie nói. “Tôi nghĩ ông có lý.”

“Sự khác biệt khi đặt khuy măng-xét vào miệng...” Poirot lẩm bẩm rồi nhướn mày nhìn tôi, ngụ ý muốn mời tôi tiếp lời.

Tôi nói: “Chiếc khuy măng-xét nằm gần cuống họng của Negus là vì sự co giật do thuốc độc khiến ông ta há miệng ra. Ông ta đã cẩn thận nằm ngay ngắn vào vị trí trên sàn và ngậm chiếc khuy măng-xét giữa đôi môi, nhưng nó đã lọt sâu trong miệng. Không giống như Harriet Sippel và Ida Gransbury, Richard Negus không có hung thủ nào hiện diện lúc chết, vì vậy chiếc khuy măng-xét không được đặt cẩn thận vào vị trí thỏa thuận.”

“Cô Jennie, cô có tin rằng ông Negus đã uống thuốc độc, nằm xuống chết mà trước đó không tìm hiểu vì sao cô không đến khách sạn?” Poirot hỏi.

“Tôi không tin vậy, cho đến khi đọc báo và biết được ông ấy đã chết.”

“À.” Biểu hiện của Poirot rất khó suy đoán.

“Đến cái đêm thứ năm đó, đã là quá lâu Richard chờ đợi được chết, được kết thúc những tội lỗi và dằn vặt bao năm qua,” Jennie nói. “Tôi tin ông ấy chỉ muốn có vậy khi đến Bloxham: muốn mau chóng kết thúc. Vì thế, khi không thấy tôi đến, ông ấy đã tự sát, tự kết liễu chính mình.”

“Cảm ơn cô.” Poirot đứng dậy. Ông hơi loạng choạng lấy lại thăng bằng sau khi ngồi quá lâu.

“Điều gì sẽ đến với tôi, ông Poirot?”

“Xin cô hãy ở lại nhà này cho đến khi tôi hoặc ông Catchpool trở về với nhiều thông tin hơn. Nếu cô phạm sai lầm mà chạy trốn lần nữa thì sẽ không hay cho cô đâu.”

“Tôi ở yên thì cũng vậy cả thôi,” Jennie nói. Đôi mắt cô đờ đẫn và xa xăm. “Không sao đâu, ông Catchpool, ông không cần phải thương hại tôi. Tôi đã sẵn sàng.”

Lời cô ta có lẽ nhằm trấn an tôi, nhưng lại khiến tôi ngập tràn lo sợ. Cô ta có cái cung cách của một người nhìn vào tương lai và thấy ở đó những sự kiện khủng khiếp. Cho dù chúng là chuyện gì, tôi biết tôi sẽ không sẵn sàng và không muốn chúng diễn ra.



CHƯƠNG 21

TẤT CẢ MA QUỶ ĐỀU Ở ĐÂY

Ngoài hai lần nhắc tôi rằng chúng tôi phải lập tức trở lại Great Holling, Poirot lặng thinh trên suốt chặng đường về. Ông có vẻ mê mải nghĩ và rõ ràng là không muốn trò chuyện.

Về đến nhà trọ, chúng tôi thấy viên đội Stanley Beer đang chờ sẵn.

“Có chuyện gì vậy?” Poirot hỏi. “Anh đến đây vì tác phẩm nghệ thuật của tôi đó sao?”

“Xin lỗi, thưa ông? À, về cái huy hiệu ấy à? Nó hoàn toàn ổn, thưa ông. Thật ra thì...” Beer thọc tay vào túi, lôi ra một chiếc phong bì. “Ông sẽ tìm ra câu trả lời trong đó.”

“Cảm ơn anh. Nhưng hình như có chuyện gì đó không ổn? Anh đang lo lắng mà, non?”

“Đúng vậy, thưa ông. Ở Scotland Yard, chúng tôi nhận được lời nhắn của Ambrose Flowerday, viên bác sĩ của làng Great Holling. Ông ta đòi ông Catchpool phải đến đó ngay lập tức. Ông ta nói ông ta đang rất cần.”

Poirot nhìn tôi rồi quay sang Stanley Beer. “Chúng tôi cũng đang định đến đó ngay. Anh có biết điều gì khiến bác sĩ Flowerday đòi ông Catchpool hiện diện không?”

“E là có đấy. Một chuyện không vui, thưa ông. Một người phụ nữ tên là Margaret Ernst đã bị tấn công. Hình như bà ta đang hấp hối...”

“Ôi, không,” tôi thì thào.

“...và bà ta nói muốn gặp ông Catchpool trước khi chết. Sau khi trao đổi với bác sĩ Flowerday, tôi khuyên các ông nên đi nhanh lên, thưa ông. Có xe đợi sẵn ngoài kia để đưa các ông ra ga.”

Nghĩ về cách làm việc có phương pháp của Poirot và việc ông rất ghét sự đột xuất, tôi nói: “Chúng tôi chuẩn bị trong nửa giờ có được không?”

Beer nhìn đồng hồ. “Năm mươi phút là cùng, không lâu hơn được đâu ạ, thưa ông, nếu như các ông không muốn nhờ chuyển tàu kế tiếp.”

Tôi có đôi chút xấu hổ khi thấy Poirot đã xuống lầu với vali của ông ta trước cả tôi. “Nhanh lên, mon ami,” ông thúc giục.



Trong xe, tôi quyết định phải nói gì đó, dù Poirot không có hứng trò chuyện. “Giả như tôi không đến cái ngôi làng quỷ quái đó thì Margaret Ernst đã không bị tấn công,” tôi buồn rầu nói. “Hắn có

kẻ đã thấy tôi đến ngôi nhà tranh của bà ta và ở lại đó rất lâu.”

“Đủ lâu để bà ta kể cho anh mọi chuyện hoặc gần như thế. Bà ta đã nói hết những gì mình biết cho cảnh sát, tìm cách giết bà ta để làm gì nhỉ?”

“Để trả thù. Để trừng phạt. Dù nói trắng ra là chẳng đạt được gì. Nếu như Nancy Ducane vô tội, còn Jennie Hobbs và Samuel Kidd thì đứng sau mọi chuyện – ý tôi, họ là những người còn sống đứng sau tất cả mọi chuyện – vậy có sao Jennie và Kidd lại muốn giết Margaret Ernst? Bà ta không nói bất cứ điều gì nhằm kết tội họ, và bà ta cũng chưa bao giờ muốn hại Patrick và Frances Ive.”

“Tôi đồng ý. Tôi thấy Jennie Hobbs và Samuel Kidd không muốn giết Margaret Ernst đâu.”

Mưa đập vào cửa sổ xe khiến chúng tôi khó nghe nhau và cũng khó tập trung. “Vậy ai làm?” Tôi hỏi. “Tưởng đã có mọi câu trả lời rồi kia mà...”

“Anh không ngờ sự thể đến nỗi này sao, Catchpool?”

“Phải. Chắc ông sắp nói là tôi sai, nhưng mọi thứ đang có vẻ phức tạp hơn, đúng vậy không nhỉ? Mọi chuyện đang trơn tru thì lại nghe tin Margaret Ernst bị tấn công.”

“Anh ta bảo là trơn tru cơ đấy!” Poirot nhìn cửa sổ xe lắt phất mưa, mĩa mai cười.

“Thì tôi thấy có vẻ đơn giản. Tất cả các hung thủ đều đã chết. Ida giết Harriet với sự ửng thuận của Harriet, sau đó cô ta bị Richard Negus giết, với sự ửng thuận của chính cô ta. Rồi khi Negus không thấy Jennie đến để giết mình theo kế hoạch, ông ta

đã tự sát. Jennie Hobbs và Samuel Kidd không giết ai cả. Dĩ nhiên, họ đã thông đồng với nhau để gây ra ba cái chết, nhưng những cái chết đó không hẳn là giết người. Chúng là...”

“Hành quyết với sự ưng thuận?”

“Chính xác.”

“Họ có một kế hoạch rất chẵn chu, đúng không? Harriet Sippel, Ida Gransbury, Richard Negus và Jennie Hobbs ấy. Hãy tạm gọi họ là A, B, C và D, ta sẽ thấy rõ hơn sự chẵn chu trong kế hoạch của họ.”

“Tại sao chúng ta không gọi họ bằng tên từng người?” tôi hỏi.

Poirot phớt lờ tôi. “A, B, C và D, cả bốn đều dấn vật vì tội lỗi và tìm cách chuộc tội. Họ thỏa thuận sẽ trả giá cho tội lỗi quá khứ bằng chính mạng sống của mình, do đó họ lên kế hoạch giết lẫn nhau. B giết A, rồi C giết B, rồi D giết C.”

“Nhưng D đã không giết C, đúng không ạ? D là Jennie Hobbs, và cô ta đã không giết Richard Negus.”

“Có lẽ là không, nhưng cô ta được phân công chuyện đó. Kế hoạch là thế. Ngoài ra D phải sống sót để chứng kiến E – Nancy Ducane – bị treo cổ vì tội giết A, B và C. Chỉ khi đó D mới...” Poirot chợt khựng lại. “D,” ông lặp lại. “Demise? Đó là từ chính xác.”

“Sao cơ?”

“Ô chữ của anh đấy. Một từ liên hệ với cái chết và có sáu chữ. Anh nhớ không? Tôi gợi ý là ‘murder’ và anh nói từ đó chỉ dùng được nếu ‘murder’ bắt đầu bằng...” Ông lắc đầu và rơi vào im lặng.

“Nếu như ‘murder’ bắt đầu bằng vần D. Phải, tôi nhớ rồi. Ông Poirot, ông có ổn không vậy?” Mắt ông lấp lánh cái ánh sáng xanh kỳ lạ mà đôi khi vẫn xuất hiện.

“Comment? Mais bien évidemment! Nếu ‘murder’ bắt đầu bằng vần D! Đúng rồi! Mon ami, anh không biết anh giúp tôi nhiều như thế nào đâu. Nay tôi nghĩ... phải, đúng rồi. Hẳn phải là vậy. Chàng trai trẻ và người phụ nữ lớn tuổi hơn – a, bây giờ tôi đã thấy thật rõ ràng!”

“Làm ơn giải thích đi.”

“Được, được. Khi nào tôi sẵn sàng nhé.”

“Tại sao bây giờ ông chưa sẵn sàng? Ông còn chờ gì nữa?”

“Anh phải cho tôi hơn hai mươi giây để sắp xếp lại các ý tưởng của tôi chứ, Catchpool. Điều đó là cần thiết để tôi còn cắt nghĩa cho anh, người chẳng hay biết gì cả. Từng lời của anh đều cho thấy anh chẳng hiểu gì hết. Anh nói chúng ta đã có tất cả mọi câu trả lời, nhưng câu chuyện mà chúng ta nghe Jennie Hobbs kể sáng này chỉ toàn là sự dối trá được thêu dệt công phu! Anh không thấy điều đó sao?”

“Ờ, thì... ý tôi là... hừm...”

“Richard Negus đồng ý với Harriet Sippel rằng Nancy Ducane phải bị treo cổ vì ba án mạng mà bà ấy không gây ra ư? Ông ta muốn giao quyền quyết định số phận Nancy cho Jennie Hobbs ư? Richard Negus, người luôn cầm đầu, nhân vật quyền uy được kính trọng. Cũng Richard Negus đó, trong mười sáu năm, đã cảm thấy mình tội lỗi khủng khiếp vì đã buộc tội Patrick Ive một cách bất công ư? Richard Negus đó nhận ra quá muộn rằng mình đã

sai khi buộc tội và hành hạ một người đàn ông chỉ vì những yếu đuối có thể thông hiểu nơi con người ư? Richard Negus đó đã hủy hôn với Ida Gransbury vì cô ta quá giáo điều và đòi hỏi mọi vi phạm đều phải bị trừng phạt một cách nghiêm khắc nhất ư? Richard Negus này thì lại thích thú với ý tưởng để cho Nancy Ducane – người mà tội lỗi duy nhất là yêu một người đàn ông có thể mãi mãi không thuộc về mình – bị pháp luật phán xét và đối mặt với giá treo cổ vì ba cái chết mà cô ta không gây ra. Hừ! Thật là vớ vẩn! Chẳng có gì khớp nhau cả. Đó lại là một chuyện bịa khác do Jennie Hobbs dựng lên để đánh lạc hướng chúng ta.”

Tôi nghe những lời đó mà miệng há hốc. “Ông có chắc không, ông Poirot? Phải nói là tôi đã tin cô ta.”

“Dĩ nhiên là tôi chắc. Henry Negus chẳng đã nói với chúng ta rằng anh ông ấy sống mười sáu năm trong nhà như người ở ẩn, chẳng gặp gỡ, nói năng với bất cứ ai đó sao? Thế mà, theo lời Jennie Hobbs, ông ta dành ngần ấy năm để thuyết phục Harriet Sippel và Ida Gransbury rằng họ chịu trách nhiệm về cái chết của Patrick và Frances Ive và phải trả giá. Bằng cách nào Richard Negus có thể làm cái việc thuyết phục đó, trao đổi thường xuyên với hai người phụ nữ ở Great Holling, mà người em Henry lại không hề phát hiện ra?”

“Chuyện này chắc ông có lý. Tôi đã không nghĩ đến.”

“Đó chỉ là chuyện thứ yếu. Anh đã nhận ra cái sai lớn hơn trong câu chuyện của Jennie chưa?”

“Gài người khác vào tội giết người dĩ nhiên là sai trái rồi,” tôi nói.

“Catchpool, tôi không nói đến cái sai về mặt đạo đức mà nói đến sự bất khả về mặt sự kiện. Phải chăng anh đang chọc giận tôi để buộc tôi phải giải thích trước khi tôi sẵn sàng? Bien, tôi sẽ rút ra một chi tiết để trình bày cho anh với hy vọng nó sẽ dẫn anh đến những chi tiết khác. Theo lời Jennie Hobbs thì bằng cách nào mà chìa khóa các phòng 121 và 317 của khách sạn Bloxham lại chui vào túi áo khoác của Nancy Ducane?”

“Samuel Kidd tuồn chúng vào đó. Để giá họa cho Nancy.”

“Ông ta tuồn chúng vào túi bà ấy ở ngoài đường ư?”

“Tôi nghĩ điều đó cũng dễ làm mà.”

“Phải, nhưng bằng cách nào Samuel Kidd lại có được hai chìa khóa đó? Theo dự kiến, Jennie sẽ tìm thấy cả hai, cùng với chìa khóa của Richard Negus, tại phòng 238 khi cô ta đến đó để giết Richard Negus. Theo dự kiến, cô ta phải chuyển cả ba chìa khóa cho Samuel Kidd sau khi rời khỏi phòng 238 và khóa cửa lại. Thế nhưng, theo lời cô ta, cô ta đã không vào phòng Richard Negus và cũng chẳng đến khách sạn Bloxham vào đêm án mạng. Ông Negus khóa cửa từ bên trong rồi tự sát, sau khi giấu chìa khóa sau viên gạch lỏng ở lò sưởi. Vậy làm cách nào Samuel Kidd lại có được hai chiếc chìa khóa?”

Tôi chờ một lúc để xem có câu trả lời nào đến với tôi hay không. Không có. “Tôi không biết.”

“Có lẽ khi thấy Jennie Hobbs không đến, Samuel Kidd và Richard Negus đã cải biên lại kịch bản chẳng? Theo kịch bản mới, Samuel Kidd sẽ giết Richard Negus rồi lấy chìa khóa của Harriet Sippel và Ida Gransbury từ phòng ông Negus. Trong

trường hợp này, tại sao Samuel Kidd không mang theo cả chìa khóa của ông Negus? Tại sao lại giấu phía sau viên gạch? Cách giải thích hợp lý duy nhất là Richard Negus muốn việc tự sát của ông ta trông giống như một vụ giết người. Mon ami, điều đó có thể dễ dàng thực hiện bằng cách để cho Samuel Kidd lấy chìa khóa ra khỏi phòng. Thế thì đâu cần gì phải mở cửa sổ ra để gây ấn tượng hung thủ đã thoát ra khỏi phòng theo đường đó.”

Tôi thấy sức mạnh trong lý luận của ông. “Vì Richard Negus khóa cửa phòng từ bên trong. Làm sao Samuel Kidd vào được phòng 238 để lấy đi các chìa khóa phòng 121 và 317?”

“Précisément.”

“Còn nếu ông ta leo cây để chui vào qua cánh cửa sổ để ngỏ thì sao?”

“Catchpool – hãy suy nghĩ đi. Jennie Hobbs nói cô ta không đến khách sạn Bloxham đêm hôm đó. Vậy, hoặc là Samuel Kidd đã hợp tác với Richard Negus để tiếp tục kế hoạch mà không có cô ta, hoặc là hai người đàn ông này không hợp tác với nhau. Nếu không hợp tác thì tại sao Samuel Kidd không được mời mà lại vào phòng của ông Negus qua đường cửa sổ ngỏ và lấy đi hai chìa khóa? Lý do nào ông ta làm như vậy? Còn nếu hai người họ hợp tác với nhau thì chắc chắn Samuel Kidd phải có ba chìa khóa để tuồn vào túi của Nancy chứ đâu phải chỉ hai chiếc. Ngoài ra... nếu Richard Negus tự sát – như anh hiện đang tin – khiến cho chiếc khuy măng-xét rơi sâu vào trong miệng, vậy thì ai là người sắp đặt thi thể ông ta theo một đường thẳng hoàn hảo? Một người uống thuốc độc rồi quần quai cho đến chết mà

vẫn giữ được vị trí nằm cực kỳ chẵn chu, anh có tin nổi không?
Non! Ce n'est pas possible.”

“Tôi cần suy nghĩ lại chuyện này,” tôi nói. “Ông làm đầu óc tôi rối tung hết cả lên rồi đó. Nó đang chật ních những câu hỏi mà trước đây chưa từng có.”

“Ví dụ?”

“Tại sao ba nạn nhân của chúng ta gọi bánh mì kẹp, bánh ngọt và bánh nướng nhưng rồi chẳng ăn món nào cả? Và nếu họ không ăn thì tại sao bánh trái lại không còn trên các đĩa trong phòng Ida Gransbury? Chúng đi đâu cả rồi?”

“À! Bây giờ thì anh đã suy nghĩ như một thám tử đích thực rồi đấy. Hercule Poirot đã dạy được anh cách vận dụng những tế bào xám nho nhỏ.”

“Ông đã nghĩ ra chuyện đó chưa, cái vô lý về thức ăn ấy mà?”

“Bien sur. Tại sao tôi không hỏi Jennie Hobbs về chuyện đó, trong khi lại yêu cầu giải thích nhiều điều không khớp khác? Tôi làm vậy vì tôi muốn cô ta làm tưởng chúng ta tin vào câu chuyện của cô ta. Cho nên tôi không thể hỏi cô ta một câu mà cô ta không thể đưa ra lời giải đáp.”

“Ông Poirot! Khuôn mặt của Samuel Kidd!”

“Nó ở đâu vậy, mon ami!”

“Không, ý tôi không phải là tôi thấy khuôn mặt ông ta. Ý tôi là... Ông có nhớ cái lần đầu tiên gặp ông ta ở Pleasant không? Ông ta cạo râu, bị rách mặt. Có một vết sẹo ở phần da nhỏ trên má đã được cạo, trong khi trong khi các phần da khác thì phủ

kín râu ria, ông nhớ không?”

Poirot gật đầu.

“Lỗ đó không phải là vết cắt do cạo râu mà là vết xước do một cành cây nhọn thì sao? Lỗ Samuel Kidd đã bị nhánh cây nhọn nào đó cào phải khi leo cây để ra vào phòng 238 thì sao? Ông ta sẽ tiếp cận chúng ta với lời nói dối về việc thấy Nancy Ducane chạy ra khỏi khách sạn nên không muốn chúng ta gắn vết xước bí ẩn trên mặt mình với ngọn cây bên ngoài cửa sổ phòng của Richard Negus, vì vậy ông ta đã cạo một mảng da nhỏ.”

“Ông ta biết chúng ta sẽ mặc định rằng ông ta bắt đầu cạo râu, bị rách mặt thê thảm nên dừng lại,” Poirot nói. “Và rồi, khi viếng thăm tôi ở nhà trọ, râu ông ta đã biến mất và khuôn mặt ông ta thì phủ đầy vết cắt: để nhắc nhở tôi rằng ông ta không thể cạo râu mà không làm nát khuôn mặt. Eh bien, nếu tôi tin điều đó thì tôi sẽ mặc định rằng mọi vết cắt trên khuôn mặt ông ta đều do cạo râu mà ra.”

“Tại sao tôi không thấy ông phần khích nhỉ?” tôi hỏi.

“Vì điều đó quá rõ rồi. Tôi đã đi đến kết luận đó hơn hai giờ trước đây rồi.”

“Ồ.” Tôi cảm thấy mình xui xuống. “Chờ chút – nếu Samuel Kidd bị xước mặt do leo cây bên ngoài cửa sổ để ngỏ của Richard Negus, có nghĩa ông ta đã leo được vào phòng và lấy đi các chìa khóa phòng 121 và 317, đúng không nhỉ?”

“Ta không còn thời gian để thảo luận về ý nghĩa nữa rồi,” Poirot nói bằng một giọng nghiêm nghị. “Chúng ta đã đến nhà ga. Từ câu hỏi của anh có thể thấy anh đã không lắng nghe cẩn

thận.”



Bác sĩ Ambrose Flowerday là một người đàn ông cao lớn, bệ vệ khoảng chừng năm mươi tuổi với mái tóc đen thô xoắn điểm những cọng bạc ở hai bên thái dương. Áo ông nhàu nát và mất cúc. Ông đã nhấn chúng tôi đến nhà mục vụ, và vì vậy mà chúng tôi đang ở đó, trong căn sảnh lạnh lẽo trần cao ngất và sàn gỗ bong tróc.

Toàn bộ chốn này chừng như đã được phó thác cho bác sĩ Flowerday để làm bệnh xá tạm cho một bệnh nhân duy nhất. Ra mở cửa là một y tá mặc đồng phục. Thường thì tôi sẽ thắc mắc về cách sắp xếp này, nhưng tôi lại mãi suy nghĩ về Margaret Ernst đáng thương.

“Bà ấy thế nào rồi?” tôi hỏi sau khi các bên giới thiệu xong.

Khuôn mặt ông bác sĩ méo xệch vì lo lắng. “Tôi chỉ được phép nói rằng bà ấy rất cừ khôi trong tình cảnh thế này.”

“Được ai cho phép?” Poirot hỏi.

“Margaret. Bà ấy không chấp nhận những lời lẽ yếm thế.”

“Và có đúng là bà ấy yêu cầu ông nói chuyện với chúng tôi?”

Sau một chút ngập ngừng, bác sĩ Flowerday khẽ gật đầu. “Hầu hết mọi người không thể sống sót lâu sau một cuộc tấn công như thế này. Margaret có thể trạng và tinh thần mạnh mẽ. Đó là một cuộc tấn công nghiêm trọng.”

Chết tiệt, tôi sẽ chết mất thôi nếu không giữ được bà ấy sống sót.

“Bà ấy gặp chuyện gì vậy?”

“Hai tên đại lưu manh ở đầu làng đến sân nhà thờ vào giữa đêm và... vâng, chúng đã làm những việc đáng xấu hổ với mộ của vợ chồng Ive. Margaret nghe thấy. Ngay cả khi ngủ bà ấy vẫn dè chừng. Bà ấy nghe có tiếng kim loại đập vào đá. Khi bà ấy chạy ra để ngăn chúng, chúng dùng cái thuổng mà chúng mang theo tấn công. Chúng sẵn sàng đánh bà ấy đến chết! Viên đội của làng đã kết luận điều đó khi ông ta bắt chúng vài giờ sau.”

Poirot nói: “Xin lỗi, bác sĩ. Ông có biết ai làm chuyện đó với bà Ernst không? Hai gã đại lưu manh mà ông nói... chúng đã thú nhận chưa?”

“Một cách hãnh diện nữa cơ đấy,” bác sĩ Flowerday nói qua hàm răng nghiến chặt.

“Và chúng đã bị bắt?”

“Ồ, vâng, cảnh sát đã bắt chúng.”

“Chúng là ai vậy?” Tôi hỏi.

“Frederick và Tobias Clutton, hai cha con. Một cặp say xỉn vô tích sự.”

Tôi tự hỏi không biết người con có phải là gã rách việc mà tôi từng thấy ngồi nhậu với Walter Stoakley ở King's Head không (Sau này tôi mới biết mình đoán đúng: chính là hắn).

“Chúng nói là Margaret cản trở chúng. Còn về phần ngôi mộ vợ chồng Ive...” Bác sĩ Flowerday quay sang tôi, “Xin hiểu cho

rằng tôi không trách cứ gì ông, nhưng cuộc viếng thăm của ông đã khuấy động mọi thứ. Người ta thấy ông đến ngôi nhà tranh của Margaret. Cả làng đều biết lập trường của bà ấy trong vụ vợ chồng Ive. Họ biết câu chuyện mà ông nghe được trong ngôi nhà đó sẽ không phác họa Patrick là một kẻ tà đạo và gian dân mà là nạn nhân một chiến dịch xúc xiểm độc ác của chính họ. Điều đó khiến họ muốn trừng trị Patrick thêm lần nữa. Ông ấy đã chết và ở ngoài tầm tay của họ, do đó họ muốn phá mộ của ông ấy. Margaret vẫn luôn nói điều này sớm muộn sẽ xảy ra. Bà ấy ngồi bên cửa sổ hết ngày này sang ngày khác, hy vọng sẽ bắt quả tang chúng và ngăn chúng lại. Các ông biết chưa nhỉ, bà ấy chưa từng gặp Patrick và Frances Ive đâu đấy. Bà ấy có kể vậy không? Họ là những người bạn của tôi. Tai họa của họ là nỗi buồn đau của tôi, sự bất công họ hứng chịu là nỗi ám ảnh của tôi. Ngay từ đầu, Margaret đã quý họ. Bà ấy kinh sợ với ý nghĩ một việc như vậy cũng có thể xảy ra trong nhiệm kỳ mới của chồng bà tại xứ đạo. Bà ấy khiến chồng cũng nghĩ như thế. Margaret và Charles đến Great Holling này thật là một sự may mắn khủng khiếp. Không thể kiếm đâu ra một đồng minh tốt như vậy... Những đồng minh chứ,” bác sĩ Flowerday chỉnh lại lời.

“Chúng tôi nói chuyện với bà Margaret được không?” Tôi hỏi. Nếu bà ấy sắp chết – và tôi có linh cảm như thế, bất chấp quyết tâm của ông bác sĩ giữ cho bà sống sót – thì tôi rất muốn nghe bà ấy trần trối điều gì.”

“Dĩ nhiên,” Ambrose Flowerday nói. “Tôi mà không cho ông gặp thì bà ấy sẽ giận tôi đấy.”

Poirot, cô y tá và tôi theo chân ông ta leo lên một cầu thang gỗ không trải thảm, vào một trong các phòng ngủ. Tôi cố che giấu nỗi sửng sốt khi thấy những băng bó, máu me, những vết bầm xanh tím phủ đầy khuôn mặt bà. Mắt tôi chợt ngấn lệ.

“Họ đến chưa, Ambrose?” bà hỏi.

“Rồi.”

“Bonjour, bà Ernst. Tôi là Hercule Poirot. Tôi không biết dùng lời nào để bày tỏ nỗi...”

“Xin hãy gọi tôi là Margaret. Ông Catchpool có đi cùng ông không?”

“Vâng, tôi đây,” tôi cố xoay xở lên tiếng. Tôi không thể tưởng tượng nổi có những người nhẫn tâm gây thương tích như thế cho một phụ nữ. Đó là hành động dã thú, phi nhân tính. Những con quái vật!

“Có phải hai ông đang cố tỏ ra lịch sự để không làm tôi lo lắng?” bà Margaret hỏi. “Mắt tôi bị phù lên, không nhìn được nên tôi không thấy mặt các ông. Ambrose đã nói với các ông rằng tôi sắp chết rồi chứ?”

“Non, madame. Ông ấy không nói vậy đâu.”

“Không ư? Vâng, nhưng ông tin vậy.”

“Margaret yêu quý....”

“Ông ấy lầm rồi. Tôi quá giận dữ để có thể nhắm mắt.”

“Bà có chuyện gì muốn nói với chúng tôi ư?” Poirot hỏi.

Một âm thanh kỳ lạ phát ra từ cuống họng bà Margaret. Nó có âm điệu nhạo báng. “Đúng vậy, nhưng tôi mong các ông đừng

hỏi tôi quá sớm, quá khẩn trương cứ như việc đó phải làm thật nhanh, cứ như hơi thở kế tiếp của tôi là hơi thở cuối cùng vậy! Ambrose đã gây cho các ông ấn tượng sai nếu như các ông tin ông ấy. Bây giờ tôi cần phải nghỉ ngơi. Có lẽ hôm nay tôi sẽ còn phải cự cãi nhiều lần nữa trước những phán đoán không xác đáng về cái chết của tôi! Ambrose, ông hãy nói cho họ những gì họ cần biết, được không ông?” Mí mắt bà hấp háy.

“Được thôi. Nếu bà đã muốn thế.” Mắt ông hốt hoảng mở lớn và ông nắm lấy tay bà. “Margaret? Margaret!”

“Ông để bà ấy yên đi,” cô y tá nói, lần đầu tiên lên tiếng. “Hãy để bà ấy ngủ.”

“Ngủ,” bác sĩ Flowerday lặp lại, có vẻ bối rối. “Phải, dĩ nhiên. Bà ấy cần ngủ.”

“Bà ấy muốn ông nói gì với chúng tôi vậy, ông bác sĩ?” Poirot hỏi.

“Có nên chẳng ông đưa khách của ông vào phòng khách?” Cô y tá gợi ý.

“Không,” Flowerday nói. “Tôi sẽ không rời bà ấy. Và tôi cần nói chuyện riêng với các vị này, vì vậy xin cô cho chúng tôi chút thời gian, được không cô y tá?”

Cô y tá trẻ gật đầu rồi rời phòng.

Flowerday hướng sang tôi. “Bà ấy chắc đã nói với ông gần hết rồi, đúng không? Chuyện ngôi làng địa ngục này đã làm gì với Patrick và Frances ấy mà?”

“Có lẽ chúng tôi biết câu chuyện đó còn nhiều hơn ông tưởng

đấy,” Poirot nói. “Tôi đã nói chuyện với cả Nancy Ducane lẫn Jennie Hobbs. Họ nói việc thẩm tra cho thấy Patrick và Frances Ive đã chết do tai nạn. Thế nhưng Margaret Ernst lại nói với ông Catchpool rằng họ tự nguyện uống thuốc độc để kết liễu cuộc đời: vợ uống trước, chồng uống sau. Chất độc có tên là Abrin.”

Flowerday gật đầu. “Đó là sự thật. Frances và Patrick đều để lại di thư: những trần trối cuối cùng của họ. Tôi đã nói với nhà chức trách rằng, theo ý kiến của tôi, hai cái chết đó là do tai nạn. Tôi đã nói dối.”

“Tại sao?” Poirot hỏi.

“Tự sát là một tội lỗi dưới mắt nhà thờ. Sau những công kích làm đổ vỡ thanh danh của Patrick, tôi không thể chấp nhận anh ấy phải hứng chịu thêm một vết nhơ nào nữa. Và Frances tội nghiệp – người đã không làm gì sai – cũng là một tín hữu Cơ Đốc tốt...”

“Oui. Je comprends.”

“Tôi biết nhiều người sẽ ăn mừng thành quả nếu biết hành động của họ dẫn đến việc vợ chồng Ive tự sát. Tôi không muốn cho họ sự hài lòng đó. Harriet Sippel là điển hình.”

Poirot nói: “Tôi hỏi ông câu này nhé, bác sĩ Flowerday? Nếu tôi nói Harriet Sippel đã ăn năn về cách đối xử tàn tệ của mình với Patrick Ive thì liệu ông có tin được không?”

“Ăn năn ư?” Ambrose Flowerday rầu rĩ cười. “Sao thế, ông Poirot, ông làm tôi nghĩ ông bị mất lý trí đấy. Harriet không bao giờ ăn năn những gì bà ta làm. Cả tôi cũng thế, nếu các ông muốn hỏi. Tôi mừng vì tôi đã nói dối mười sáu năm về trước.

Nếu trở lại thì tôi sẽ vẫn làm vậy. Tôi nói các ông thế này nhé: đám đông do Harriet Sippel và Ida Gransbury dẫn đầu chống lại Patrick Ive là một đám xấu xa. Không có lời nào khác hơn dành cho chúng. Một người có học thức như ông, tôi nghĩ chắc không xa lạ gì với vở The Tempest, đúng không ạ? *Địa ngục trống rỗng?*”

“Và tất cả ma quỷ đều ở đây,” Poirot hoàn tất câu trích dẫn.

“Đúng vậy.” Bác sĩ Flowerday quay sang tôi. “Vì thế mà Margaret không muốn ông nói chuyện với tôi, ông Catchpool ạ. Bà ấy rất hãnh diện về việc chúng tôi đã nói dối vì lợi ích của Patrick và Frances, nhưng bà ấy lại thận trọng hơn tôi. Bà ấy sợ tôi sẽ khoe khoang với ông về hành động thách thức của mình, như tôi vừa thể hiện.” Ông buồn bã mỉm cười. “Tôi biết giờ đây tôi sẽ lãnh hậu quả. Tôi sẽ mất quyền hành nghề và có thể sẽ mất cả tự do, và có lẽ điều đó cũng đáng cho tôi. Lời nói dối của tôi đã giết chết Charles.”

“Chồng quá cố của bà Margaret ư?” tôi hỏi.

Ông bác sĩ gật đầu. “Margaret và tôi không màng việc người ta thì thảo sau lưng ở ngoài đường, gọi chúng tôi là ‘Lũ gian dối’, nhưng Charles thì lại cực kỳ quan tâm. Sức khỏe của ông ấy bị suy sụp. Nếu tôi dừng quá quyết liệt trong cuộc chiến chống cái ác ở ngôi làng này, Charles có thể vẫn còn sống cho đến tận ngày nay.”

“Hai bản di thư của vợ chồng Ive nay ở đâu?” Poirot hỏi.

“Tôi không biết. Tôi trao chúng cho Margaret mười sáu năm trước. Từ đó đến nay tôi không hỏi bà ấy về chúng.”

“Tôi đốt chúng rồi.”

“Margaret.” Ambrose Flowerday lao đến bên bà. “Bà dậy rồi sao?”

“Tôi vẫn nhớ từng từ trong hai bản di thư đó. Có vẻ như chúng cần được nhớ, cho nên tôi đã cố thuộc chúng.”

“Margaret, bà cần phải nghỉ ngơi. Nói chuyện sẽ làm bà mệt đấy!”

“Di thư của Patrick nhắn Nancy rằng ông ấy yêu bà và sẽ mãi mãi yêu. Tôi không nói lại cho bà ấy. Làm sao tôi nói được khi tôi cần phải che giấu việc Ambrose đã nói dối về cái chết của họ trước hội đồng thẩm tra? Nhưng... giờ thì sự thật đã được phơi bày, ông phải nói lại với bà ấy, Ambrose ạ. Hãy nói cho bà ấy biết Patrick viết gì đi.”

“Tôi sẽ nói. Đừng lo, Margaret. Tôi sẽ thu xếp mọi sự.”

“Tôi lo chứ. Ông chưa nói với ông Poirot và ông Catchpool về các đe dọa của Harriet sau khi Patrick và Frances được chôn cất. Nói cho họ biết đi.” Mắt bà nhắm lại. Vài giây sau, bà lại rơi vào giấc ngủ.

“Những đe dọa gì thế, ông bác sĩ?” Poirot hỏi.

“Một ngày nọ, Harriet Sippel đến nhà mục vụ, kéo theo một đám khoảng mười mười hai người. Bà ta nói dân làng Great Holling muốn đào thi thể của Patrick và Frances Ive lên. Bà ta nói, nếu họ tự sát thì không được phép chôn cất trên đất của nhà thờ, đó là luật của Chúa. Margaret ra cửa và bảo rằng bà ta đang nói nhảm: điều đó đã từng là luật của nhà thờ, nhưng nay không còn thế nữa. Luật đó đã thôi tồn tại từ thập niên 1880, mà lúc này đã là 1913. Khi chết, linh hồn được phó thác cho sự phán

quyết của Chúa và người chết sẽ nằm ngoài mọi phán xét trần tục. Người trợ thủ sùng tín của Harriet, Ida Gransbury, đã khẳng định rằng nếu trước thập niên 1880 việc chôn người tự sát trong khuôn viên nhà thờ là sai, thì đến nay việc đó vẫn là sai. Chúa không thể đổi ý trong những hành xử đã được thiết lập và chuẩn thuận, cô ta nói vậy. Khi nghe những lời lẽ quá đáng này phát ra từ vị hôn thê, Richard Negus đã hủy hôn với cô gái ác mỗ này và bỏ làng đến Devon. Đó là quyết định đúng đắn nhất trong đời ông ấy.”

“Frances và Patrick Ive tìm đâu ra cái chất Abrin mà họ dùng để tự sát?” Poirot hỏi.

Ambrose Flowerday có vẻ ngạc nhiên. “Đó là một câu hỏi làm tôi hoàn toàn bất ngờ. Tại sao ông hỏi vậy?”

“Vì tôi thắc mắc nó có phải từ ông mà ra không?”

“Đúng vậy.” Ông bác sĩ chùng lại, chùng như vì đau đớn. “Frances lấy trộm nó từ nhà tôi. Tôi đã trải qua vài năm làm việc ở vùng nhiệt đới và đã đem về từ đó hai lọ thuốc độc. Hồi đó tôi còn trẻ, nhưng đã có kế hoạch sử dụng nó sau này trong đời nếu cần, chẳng hạn khi nào bị mắc bệnh gì đau đớn và không thể chữa khỏi. Đã từng chứng kiến sự đau đớn kéo dài của một số bệnh nhân, tôi muốn mình có khả năng tự giải thoát khỏi thách thức đó. Tôi không biết vì sao Frances biết tôi có hai lọ thuốc độc cất trong tủ, nhưng hẳn bà ấy đã phát hiện ra trong lúc tìm kiếm thứ gì đó mà bà ấy cần. Như tôi đã nói ban nãy, có lẽ tôi cũng đáng bị trừng phạt. Dù Margaret nói gì, tôi luôn cảm thấy chính tôi mới là người giết chết Frances chứ không phải bà ấy tự

sát.”

“Non. Ông không thể tự trách được,” Poirot nói. “Nếu bà ấy đã quyết tự sát thì chẳng nào bà ấy cũng tìm ra cách, dù có hay không lộ Abrin của ông.”

Tôi chờ đợi Poirot chuyển sang câu hỏi về chất cyanide, vì một ông bác sĩ từng tiếp cận một loại thuốc độc thì cũng hoàn toàn có thể tiếp cận loại khác, nhưng thay vào đó ông lại nói: “Bác sĩ Flowerday, tôi không định tiết lộ với ai rằng cái chết của Patrick và Frances Ive không phải là do tai nạn. Ông sẽ vẫn được tự do và tiếp tục hành nghề bác sĩ của ông.”

“Sao?” Flowerday hết nhìn Poirot rồi nhìn tôi, vẻ sửng sốt.

Tôi gật đầu xác nhận dù trong lòng bức bối vì Poirot đã không hề hỏi ý kiến tôi. Dẫu sao thì thực thi pháp luật cũng là công việc của tôi mà. Ông mà tham khảo ý kiến tôi thì tôi sẽ nhắc ông chớ tin vào những lời nói dối của Ambrose Flowerday.

“Xin cảm ơn. Ông quả là một người công bằng và bao dung.”

“Pas du tout.” Poirot chặn đứng những lời hàm ơn của Flowerday. “Tôi còn một câu hỏi nữa cho ông, ông bác sĩ: ông đã lập gia đình chưa?”

“Chưa.”

“Xin cho phép tôi nói thế này nhé, tôi nghĩ ông nên lập gia đình.”

Tôi hít vào một hơi sâu.

“Ông là người độc thân, đúng không? Còn Margaret Ernst là góa phụ từ nhiều năm nay. Rõ ràng là ông yêu bà ấy rất nhiều,

và tôi tin bà ấy cũng đáp lại tình cảm của ông. Tại sao ông không hỏi cưới bà ấy?”

Bác sĩ Flowerday có vẻ như cố xua đi sự ngạc nhiên, trông ông thật tội nghiệp. Cuối cùng, ông nói: “Margaret và tôi từ lâu đã thỏa thuận sẽ không lấy nhau. Việc đó không ổn. Sau những gì chúng tôi đã làm – dù cả hai đều cho là cần thiết – và sau những gì xảy ra với Charles tội nghiệp... Vâng, chúng tôi cảm thấy không ổn nếu cho phép mình được hưởng hạnh phúc qua hôn nhân... hạnh phúc như lẽ ra chúng tôi phải có được bên nhau. Có quá nhiều nỗi đau.”

Tôi quan sát bà Margaret, thấy mí mắt bà hấp háy.

“Đừng nói đến nỗi đau nữa,” bà yếu ớt nói.

Flowerday che miệng bằng nắm tay siết chặt. “Ồ, Margaret,” ông nói. “Không có bà thì tôi sống làm gì?”

Poirot đứng dậy. “Bác sĩ,” ông nghiêm nghị nói. “Bà Ernst tin rằng bà ấy sẽ sống sót. Sẽ rất là đáng tiếc nếu ông vẫn tiếp tục cái quyết định ngớ ngẩn của ông, né tránh khả năng tìm hạnh phúc thực sự. Hai người tốt yêu nhau thì không nên tách rời khi mà việc đó không phải là cần thiết.”

Nói xong ông bước ra khỏi phòng.



Tôi muốn tẩu thoát thật nhanh về London, nhưng Poirot nói trước hết ông phải thăm mộ Patrick và Frances Ive. “Tôi muốn

đặt ít hoa ở đó, mon ami.”

“Đang là tháng 2, ông ơi. Ông tìm đâu ra hoa đây?”

Câu nói này dẫn đến một chuỗi cảm râm dai dẳng về thời tiết của nước Anh.

Bia mộ nằm ở một bên mồ, phủ đầy vết bùn. Nhiều dấu chân chồng lẫn nhau trên bùn gợi ý rằng hai gã cục súc Frederick và Tobias Clutton đã giẫm lên giẫm xuống tấm bia sau khi dùng thuổng đào nó lên khỏi mặt đất.

Poirot tháo găng tay ra. Ông cúi xuống, dùng ngón trỏ bàn tay phải vẽ hình một bông hoa lớn lên mặt đất, trông như một bức vẽ của trẻ em. “Voilà,” ông nói. “Một bông hoa tháng 2, bất chấp thời tiết kinh khủng của nước Anh.”

“Ông Poirot, ngón tay ông lấm bùn rồi kìa!”

“Oui! Tại sao anh có vẻ ngạc nhiên thế? Ngay cả Hercule Poirot lừng danh cũng chẳng thể vẽ được một bông hoa trên bùn mà ngón tay không lấm. Bùn đất sẽ rơi ra, anh đừng lo. Lát nữa cắt móng tay là xong chứ gì.”

“Dĩ nhiên phải xong chứ.” Tôi mỉm cười. “Tôi mừng khi thấy ông hào hứng với việc này.”

Poirot lấy ra chiếc khăn tay. Tôi thích thú nhìn ông dùng nó chùi các vết chân trên bia mộ, phì phò và hỗn hển, nhảy tới rồi nhảy lui, đôi lúc loạng choạng.

“Thế chứ!” ông nói. “C’est mieux.”

“Vâng, khá hơn.”

Poirot tư lự khi đứng thẳng dậy. “Đây là một khung cảnh đau

lòng mà không ai muốn thấy,” ông nhỏ nhẹ nói. “Chúng ta phải tin rằng Patrick và Frances Ive đã an nghỉ bên nhau.”

Chính từ “bên nhau” đã gây ra điều đó. Tôi chợt nghĩ đến một từ khác: tách lìa. Khuôn mặt tôi hẳn đã nói lên tâm trạng.

“Catchpool? Anh sao thế? Có chuyện gì vậy?”

Bên nhau. Tách lìa.

Patrick Ive yêu Nancy Ducane, nhưng khi chết, trong năm mồ chung, ông ta lại ở bên người phụ nữ mà ông chính thức thuộc về khi còn sống: Frances người vợ của ông. Liệu tâm hồn ông có tìm được sự an bình, hay nó vẫn đau đáu hướng về Nancy? Liệu Nancy có tự hỏi điều đó? Yêu Patrick nhiều như thế, liệu bà có mong muốn trò chuyện với người đã khuất? Bất cứ ai từng yêu và mất đi người yêu quý của mình sẽ đều mong ước điều đó...

“Catchpool! Anh nghĩ gì lúc này vậy? Nói tôi biết đi.”

“Ông Poirot, tôi đã có một ý nghĩ rất phi lý. Tôi sẽ nói vắn tắt với ông, xin đừng mắng tôi là điên rồ.” Tôi lắp bắp trong xúc động cho đến khi thuật lại hết với ông. “Dĩ nhiên là tôi sai,” tôi kết luận.

“Ồ, không, không, không hề. Không đâu, mon ami.” Ông hỗn hển nói. “Dĩ nhiên là vậy! Cớ sao tôi lại không thấy nhỉ? Mon Dieu! Anh có hiểu ý nghĩa điều này không? Giờ thì chúng ta phải kết luận sao đây?”

“Không, tôi e rằng tôi không kết luận gì cả.”

“Ah. Dommage.”

“Xin ông đẩy, ông Poirot! Thật không công bằng khi ông buộc

tôi nói ra suy nghĩ của tôi, trong khi ông lại giữ rịt suy nghĩ của ông.”

“Lúc này chưa phải lúc ta thảo luận. Ta phải về gấp London. Ở đó, anh sẽ gói ghém quần áo và đồ đạc cá nhân của Harriet Sippel và Ida Gransbury.”

“Sao cơ?” Tôi hoang mang chau mày, tự hỏi đôi tai có đánh lừa mình không.”

“Oui. Ông Negus đã lấy đồ đạc của anh ông ta, chắc anh còn nhớ.”

“Tôi nhớ chứ, nhưng...”

“Đừng cãi tôi, Catchpool. Anh không mất quá nhiều thời gian để gói ghém hành trang, y phục của hai phụ nữ ở khách sạn đâu. À, bây giờ thì tôi đã hiểu rồi. Cuối cùng tôi đã hiểu tất cả rồi. Toàn bộ giải đáp cho rất nhiều bài toán ghép hình nho nhỏ! Anh biết đấy, nó cũng khá giống với trò chơi ô chữ của anh.”

“Ông đừng so sánh như thế,” tôi nói. “Ông sẽ làm tôi mất hứng với thú tiêu khiển yêu thích của mình nếu so sánh nó với vụ việc này.”

“Chỉ khi thấy được toàn bộ lời giải thì ta mới biết chắc là mình đúng,” Poirot phớt lờ tôi, nói tiếp. “Khi đó, dù có thiếu vài giải đáp, ta vẫn phát hiện được chi tiết nào đó có vẻ khớp nhưng thật ra lại chẳng khớp chút nào.”

“Vậy thì ông hãy coi tôi như một ô chữ trống lổc đi, một ô chữ chẳng có từ nào,” tôi nói.

“Không lâu nữa đâu, bạn tôi ạ, không lâu đâu. Poirot, ông ấy

sẽ sớm yêu cầu tập hợp ở phòng ăn của khách sạn Bloxham một lần nữa!”



CHƯƠNG 22

KỠ ÁN DÒNG CHỮ TẮT

Chiều hôm đó vào lúc 4 giờ 15, Poirot và tôi đã đứng cạnh một chiếc bàn trong phòng ăn của khách sạn Bloxham, chờ mọi người yên vị tại nhiều chiếc bàn khác. Nhân viên khách sạn đã mau chóng tập hợp vào lúc 4 giờ theo đúng lời hứa hẹn của Luca Lazzari. Tôi mỉm cười với nhiều khuôn mặt quen thuộc: John Goode, Thomas Brignell, Rafal Bobak. Họ chào lại tôi bằng những cái gật đầu bồn chồn.

Ông Lazzari đứng bên cửa, đôi tay vung loạn xạ khi trao đổi với viên đội Stanley Beer. Beer phải liên tục né tránh và lùi lại để khỏi bị vung trúng mặt. Tôi ở quá xa để hiểu hết những gì Lazzari nói, và căn phòng cũng quá sức ồn ào, nhưng tôi cũng nhiều lần nghe được cụm từ "kỳ án dòng chữ tắt".

Đó có phải là cái tên mà Lazzari đặt ra? Mọi người trong nước đều gọi vụ án này theo cách mà báo chí đã lựa chọn từ ngày đầu: *Kỳ án ở khách sạn Bloxham*. Hiển nhiên Lazzari đã tìm ra được sự thay thế sáng tạo hơn với hy vọng nó không đụng chạm đến cái dinh cơ mà ông xiết bao yêu mến. Tôi thấy cách gọi này rất

sáng sửa nhưng lại khó nghe, tuy nhiên tôi biết điều đó cũng phản ánh tâm trạng của tôi khi gói ghém hành lý. Gói ghém hành trang của bản thân trước mỗi chuyến đi với tôi là quá dễ, nhưng đó là vì tôi luôn hạn chế mang nhiều đồ. Y phục của Ida Gransbury hẳn là đã phình thêm trong thời gian ngắn ngủi cô ta ngụ tại Bloxham. Tôi đã điên tiết khi ra sức nén và đè bằng cả trọng lượng của mình mà vẫn không sao nhét được đồng quần áo của cô ta vào vali. Chắc chắn phải có một thứ mẹo phụ nữ nào đó trong những việc này mà những gã độn như tôi không bao giờ tiếp thu nổi. Tôi cực kỳ nhẹ nhõm khi Poirot bảo tôi đừng cố nữa mà hãy đến phòng ăn của khách sạn vào lúc 4 giờ như đã hẹn.

Trong bộ vest xám lịch lãm, Samuel Kidd khoác tay Jennie Hobbs mặt tái nhợt, đến vào lúc 4 giờ 5. Hai phút sau đó đến phiên Henry Negus, em của Richard, và mười phút nữa là một nhóm bốn người: một nam và ba nữ, trong số đó có Nancy Ducane. Có một quàng đỏ quanh đôi mắt ngắn lệ của bà. Khi bước vào, bà cố gắng – tuy không mấy thành công – giấu khuôn mặt sau chiếc khăn quàng cổ bằng chất liệu trong mờ.

Tôi rỉ tai Poirot, “Bà ấy không muốn mọi người biết mình khóc.”

“Không,” ông nói. “Bà ấy vẫn khăn quàng để không ai nhận ra chứ không phải do ngượng vì khóc. Chẳng có gì đáng chê trách khi thể hiện cảm xúc ra ngoài, trái ngược hoàn toàn với suy nghĩ của người Anh các anh.”

Tôi không muốn chuyển chủ đề sang chính mình giữa lúc tôi

đang nói về Nancy, người mà tôi quan tâm hơn rất nhiều. “Tôi nghĩ điều bà ấy mong muốn nhất là được người hâm mộ háo hức sẵn đón, tất cả nhập thành một đám đông cuồng mộ dưới gót chân.”

Bản thân Poirot cũng ít nhiều là nhân vật nổi tiếng và có lẽ cũng thích hàng lô lốc người hâm mộ bu quanh, cho nên ông có vẻ sắp bập vào đề tài này. Tôi lái ông chuyển hướng bằng câu hỏi: “Ba người đi cùng Nancy Ducane là ai vậy?”

“Ngài St. John Wallace, phu nhân Louisa Wallace và cô giúp việc Dorcas của họ.” Ông nhìn đồng hồ đeo tay rồi tắc lưỡi. “Chúng ta muộn mất mười lăm phút rồi! Tại sao người ta không chịu đến đúng giờ nhỉ?”

Tôi để ý thấy cả Thomas Brignell lẫn Rafal Bobak đều đứng dậy, có vẻ như muốn nói điều gì đó mặc dù cuộc họp vẫn chưa chính thức khởi đầu.”

“Xin quý vị hãy làm ơn ngồi xuống!” Poirot nói.

“Ông Poirot, thưa ông, tôi phải...”

“Nhưng tôi...”

“Messieurs, xin đừng náo động, về những điều mà các ông tha thiết muốn nói với Poirot này, tôi có thể đảm bảo rằng ông ta đã biết rồi, và ông ta đang sắp sửa trình bày với các ông, với tất cả quý vị ở đây, chính những điều mà các ông muốn nói. Xin các ông hãy nhẫn nại.”

Bobak và Brignell dịu lại và ngồi xuống.

Tôi ngạc nhiên thấy cô gái tóc đen ngồi cạnh Brignell với lấy

tay anh ta. Cô ta siết chặt nó và họ giữ đôi bàn tay tiếp tục xoắn vào nhau. Tôi thấy ánh mắt họ trao đổi và ánh mắt đó nói với tôi tất cả những gì tôi cần biết: họ là một cặp yêu nhau. Tuy vậy, cô gái này dứt khoát không phải là người phụ nữ tôi đã thấy Brignell âu yếm trong khu vườn của khách sạn.

Poirot thủ thỉ vào tai tôi: “Người phụ nữ mà Brignell hôn ngoài vườn, bên cạnh chiếc xe cút kít, cô ta tóc vàng mà, non? Phải chăng đó là người phụ nữ áo khoác nâu?” Ông tặng tôi một nụ cười bí ẩn.

Quay sang đám đông, ông nói: “Giờ thì mọi người đã đến đầy đủ, Xin quý vị im lặng và tập trung chú ý. Xin cảm ơn. Cảm ơn tất cả quý vị.”

Trong lúc Poirot nói, tôi đảo mắt nhìn quanh các khuôn mặt trong phòng. Đây có phải là... Ôi, trời đất! Là cô ta! Fee Spring, cô phục vụ tại Pleasant đang ngồi ở cuối phòng. Giống như Nancy Ducane, cô ta cũng cố che khuôn mặt – bằng một kiểu nón lạ, và giống như Nancy, cô ta cũng không thành công. Cô nháy mắt với tôi như thể muốn nói rằng việc tôi và Poirot dừng chân uống cà phê và cho cô biết nơi đến kế tiếp đã có ích cho hai chúng tôi như thế nào. Quỷ tha ma bắt, sao cô gái lém lỉnh này không ở lại cái quán cà phê đó, chỗ của cô ta?

“Hôm nay, tôi xin quý vị hãy kiên nhẫn,” Poirot nói. “Sẽ có rất nhiều điều quý vị cần biết, cần hiểu, mà hiện giờ quý vị vẫn chưa hiểu, chưa biết.”

Phải, tôi nghĩ, đúc kết hoàn hảo cho luận điểm của tôi. Tôi chỉ biết hơn đôi chút so với các cô dọn phòng và các anh đầu bếp ở

Bloxham. Có lẽ thậm chí Fee Spring còn nắm bắt các sự kiện tốt hơn tôi. Poirot có lẽ đã mời cô ta đến cái sự kiện lớn do ông dàn dựng này. Phải nói rằng tôi không hiểu và sẽ không bao giờ hiểu nổi vì sao ông lại cần một lượng thính giả đồ sộ đến vậy. Đây có phải là sân khấu kịch đâu. Tôi cũng khá may mắn phá được nhiều vụ án mà không cần sự trợ giúp của Poirot. Những lúc đó, tôi chỉ đơn giản trình kết luận lên các sếp rồi bắt gã vô lại liên quan.

Quá muộn rồi, nhưng tôi tự hỏi phải chăng tôi nên yêu cầu Poirot nói với tôi mọi việc trước khi bước lên cái sân khấu của ông. Bây giờ thì hơi ôi, cũng mang danh là người phụ trách điều tra, thế mà tôi lại chẳng có ý niệm mơ hồ nào về lời giải mà ông sắp trình bày.

‘Dù cho ông sắp nói gì, cầu cho đó là những lời lẽ khôn ngoan,’ tôi thầm cầu khẩn. ‘Nếu ông phân tích đúng và tôi đứng cạnh ông, sẽ chẳng ai nghi ngờ việc tôi đã từng, và quá sức muộn màng chẳng biết mô tê gì như tôi hiện nay.’

“Câu chuyện này dài quá, nên tôi không thể kể mà không có người trợ giúp,” Poirot nói với cả phòng. “Tôi sẽ hụt hơi mất. Vì vậy tôi xin quý vị lắng nghe hai diễn giả khác. Đầu tiên là bà Nancy Ducane, nhà danh họa đã mang lại vinh hạnh cho chúng ta bằng sự góp mặt của bà ở đây hôm nay.”

Đó là một bất ngờ, dù không phải là với Nancy. Qua khuôn mặt bà, tôi nhận ra bà đã biết trước Poirot sẽ cầu viện bà. Hai người họ đã dàn xếp trước với nhau.

Những tiếng xì xào hoang mang tràn ngập căn phòng khi

Nancy, với khăn quàng che khuôn mặt, bước đến đứng cạnh tôi, nơi mọi người đều nhìn thấy bà.

“Ông làm lộ bà ấy trước người hâm mộ rồi đấy,” tôi thì thào với Poirot.

“Oui.” Ông mỉm cười. “Nhưng bà ấy vẫn che mặt bằng khăn quàng khi nói.”

Mọi người mê mải nghe Nancy Ducane kể câu chuyện về Patrick Ive: tình yêu ngang trái của bà dành cho ông, những chuyến viếng thăm lén lút ở nhà mục vụ vào ban đêm, những lời nói dối ác hiểm về việc ông nhận tiền của giáo dân đổi lấy những giao tiếp với người thân đã khuất. Bà không nhắc đến tên của Jennie Hobbs khi nói về cái tin đồn đã khởi sự mọi rắc rối.

Nancy kể lại rốt cuộc bà đã lên tiếng ra sao tại quán trọ King's Head, thú nhận trước dân làng Great Holling mối tình của bà với Patrick Ive, vốn không phải là trong trắng, mặc dù lúc đó bà đã không nói thật điều này. Giọng bà run lên khi nói về cái chết bi thương của Patrick và Frances Ive do thuốc độc. Tôi ghi nhận bà chỉ nôm na nói như thế về nguyên nhân tử vong: thuốc độc. Bà không nói cụ thể là do tai nạn hay tự sát. Tôi băn khoăn không biết có phải Poirot đã dặn bà không nói ra để tránh gây bất lợi cho Ambrose Flowerday và Margaret Ernst không.

Trước khi ngồi xuống, Nancy nói: “Đến nay tôi vẫn hết lòng thương yêu Patrick như trước. Rồi sẽ đến ngày tôi và anh ấy sẽ đoàn tụ.”

“Cảm ơn, bà Ducane.” Poirot nghiêng mình. “Tôi phải nói ngay cho bà biết một việc mà tôi vừa phát hiện, vì tôi tin rằng nó sẽ

an ủi được bà. Trước khi mất, Patrick đã viết... một lá thư. Trong thư ông ấy nhắn với bà rằng ông ấy yêu bà và sẽ mãi mãi yêu.”

“Ôi!” Nancy hai tay bưng miệng, mắt liên tục hấp háy. “Ông Poirot, ông không thể hình dung ông đã khiến tôi hạnh phúc như thế nào đâu.”

“Au contraire, madame. Tôi hình dung rất rõ. Một thông điệp tình yêu chuyển đến sau cái chết của người yêu thương... Chẳng phải là âm vang đích thực cho những lời đồn không có thật về Patrick Ive đó sao? Rằng ông ấy chuyển thông điệp từ bên dưới nấm mồ? Và, tôi xin hỏi bà, ai là người không muốn nhận một thông điệp như thế từ người đã khuất mà họ từng rất yêu?”

Nancy Ducane trở về ghế của bà và ngồi xuống. Louisa Wallace vỗ về cánh tay bà.

“Và bây giờ,” Poirot nói, “một phụ nữ khác từng biết và yêu Patrick Ive sẽ lên tiếng. Đó là người giúp việc cũ của ông ta, Jennie Hobbs. Mời cô Hobbs!”

Jennie đứng dậy, đến đứng vào chỗ Nancy vừa bỏ lại. Chính cô cũng có vẻ bất ngờ khi được mời. Bằng một giọng run rẩy, cô nói. “Tôi yêu Patrick Ive nhiều chẳng kém gì Nancy. Nhưng anh ấy không đáp lại tình cảm của tôi. Với anh ấy, tôi chỉ là một người giúp việc trung thành không hơn không kém. Tôi là người khởi hoạt những tin đồn hiềm ác nhắm vào anh ấy. Tôi đã tung ra một lời nói dối không thể dung thứ. Tôi đã ghen vì anh ấy yêu Nancy chứ không yêu tôi. Dù tôi không chính tay giết anh ấy, tôi tin rằng hoạt động bêu riếu của chúng tôi đã khiến anh ấy phải chết. Chúng tôi, gồm có tôi và ba người nữa: Harriet Sippel,

Richard Negus và Ida Gransbury, ba người vừa bị giết ở khách sạn. Bốn người chúng tôi sau đó đã ăn năn về những gì mình làm. Chúng tôi ân hận sâu sắc. Vì vậy chúng tôi đã lên kế hoạch để sửa chữa lại lỗi lầm.”

Tôi quan sát những khuôn mặt sửng sốt của toàn thể nhân viên khách sạn Bloxham khi Jennie trình bày cái kế hoạch mà cô đã mô tả cho Poirot và tôi tại nhà của Samuel Kidd, và giải thích vì sao nó lại hỏng. Louisa Wallace ré lên sợ hãi khi đến đoạn gán ghép ba án mạng cho Nancy Ducane và khiến bà bị treo cổ.

“Dàn xếp đẩy một phụ nữ đến cái chết vì ba án mạng mà bà ấy không làm đâu phải là sửa chữa lại lỗi lầm!” St. John Wallace la lớn. “Đó là sự bại hoại!”

Mọi người đều nhất trí với ông. Ít ra đã chẳng có lời phản đối nào được cất lên. Tôi nhận thấy Fee Spring trông ít sửng sốt hơn so với hầu hết mọi người. Cô có vẻ đang lắng nghe chăm chú.

“Tôi không bao giờ muốn giá họa cho Nancy,” Jennie nói. “Không bao giờ! Các người tin tôi không thì tùy.”

“Ông Henry Negus, theo ông, người anh Richard của ông có giống người vạch ra cái kế hoạch như ông vừa nghe không?” Poirot nói.

Henry Negus đứng dậy. “Tôi không thích nói ra đâu, ông Poirot. Richard mà tôi biết có nằm mơ cũng không thể giết ai, đương nhiên là vậy, nhưng Richard đến sống với chúng tôi tại Devon mười sáu năm trước đây không phải là Richard mà tôi biết. Đáng dấp bề ngoài thì vẫn vậy, nhưng bên trong anh ấy đã

không còn là con người cũ nữa rồi. Tôi e phải nói rằng tôi không bao giờ hiểu con người mà anh ấy đã trở thành, vì vậy tôi không thể bình luận gì về việc anh ấy có thể hành xử ra sao.”

“Cảm ơn ông Negus. Và cảm ơn cô nữa, cô Hobbs,” Poirot bổ sung với vẻ thiếu nhiệt tình rõ rệt. “Cô có thể về chỗ được rồi.”

Ông quay sang đám đông. “Thưa quý vị, vậy là quý vị đã nghe câu chuyện của cô Hobbs. Nếu nó là thật thì chúng ta chẳng có hung thủ nào để bắt giữ và xét xử. Ida Gransbury giết Harriet Sippel với sự ửng thuận của bà ta. Richard Negus giết Ida Gransbury, cũng với sự ửng thuận của chính cô, rồi tự sát khi Jennie Hobbs không đến để giết ông ta như đã định trước. Ông ta tự sát và làm cho giống như bị giết, đầu tiên bằng cách khóa cửa phòng và giấu chìa khóa sau viên gạch lỏng ở lò sưởi, và sau đó là mở cửa sổ ra. Theo dự tính, cảnh sát sẽ nghĩ rằng hung thủ – Nancy Ducane – mang chìa khóa theo, thoát ra ngoài qua cửa sổ và leo cây xuống. Theo lời cô Jennie Hobbs thì không có hung thủ – không có ai giết người mà không được sự chuẩn thuận của chính nạn nhân!”

Poirot nhìn quanh phòng. “Không có hung thủ,” ông lặp lại. “Nhưng dù đó là sự thật đi nữa, ta vẫn còn hai kẻ phạm pháp đang sống và đáng bị trừng phạt. Đó là Jennie Hobbs và Samuel Kidd, hai kẻ đã thông đồng nhau để giả họa cho Nancy Ducane.”

“Ông Poirot, ông mau bắt nốt chúng lại đi!” Louisa Wallace la lên.

“Tôi không phải là người đóng mở cửa nhà giam, thưa bà. Đó là công việc của ông bạn Catchpool đây và các cộng sự của ông

ấy. Tôi chỉ mở các bí ẩn để đi đến sự thật. Ông Samuel Kidd, mời ông đứng dậy.”

Kidd lúng túng đứng lên.

“Phần việc của ông trong kế hoạch là đặt mảnh giấy lên bàn lễ tân của khách sạn, đúng không? ‘CẦU CHO HỌ KHÔNG BAO GIỜ YÊN NGHỈ. 121. 238. 317.’”

“Vâng thưa ông. Như Jennie đã nói.”

“Jennie đã đưa cho ông mảnh giấy để ông làm việc đó?”

“Vâng, cô ấy đưa cho tôi vào sáng hôm đó.”

“Và ông phải đặt nó lên bàn vào lúc nào?”

“Ngay sau 8 giờ giờ tối, như Jennie đã nói. Tôi lừa dịp sớm nhất sau 8 giờ, khi tin chắc không có ai ở gần đây thấy tôi làm việc đó.”

“Ông nhận chỉ dẫn từ ai?” Poirot hỏi.

“Jennie.”

“Và Jennie cũng chỉ dẫn ông luồn các chìa khóa phòng vào túi của Nancy Ducane?”

“Đúng vậy,” Kidd nói bằng một giọng ảm đạm. “Tôi không hiểu vì sao ông hỏi tôi tất cả các câu đó. Cô ấy chẳng vừa kể cho mọi người đó sao.”

“Tôi sẽ giải thích. Bon. Theo kế hoạch ban đầu, như tất cả chúng ta đã nghe thấy, Jennie Hobbs nói chìa khóa của cả ba phòng – 121, 238 và 317 – phải được Jennie lấy khỏi phòng của Richard Negus sau khi giết ông ta rồi. Sau đó cô ta sẽ phải trao lại chúng cho Samuel Kidd để ông này nhét vào nơi nào đó có thể

giá họa cho Nancy Ducane – là túi áo khoác của bà ấy. Nhưng Jennie Hobbs không hề đến khách sạn Bloxham vào đêm án mạng, theo như câu chuyện của cô ta. Cô ta không đủ can đảm. Vì vậy mà tôi hỏi ông, ông Kidd: làm cách nào ông có được các chìa khóa phòng 121 và 317?”

“Tôi làm cách nào... làm cách nào có hai chìa khóa đó ư?”

“Phải. Tôi hỏi ông thế đấy. Làm ơn trả lời đi.”

“Tôi... Vâng, nếu như ông muốn biết, tôi lấy được các chìa khóa đó nhờ tài tán gẫu của tôi. Tôi rỉ tai một nhân viên khách sạn, hỏi xem liệu họ có tử tế cho tôi mượn chìa khóa cái của khách sạn được không. Họ chịu liền. Rồi tôi trả lại cho họ khi đã dùng xong. Tất cả đều kín đáo.”

Tôi đứng đủ gần Poirot để nghe ông phát ra một âm thanh chê trách. “Nhân viên nào của khách sạn vậy? Họ đều có mặt ở đây. Hãy chỉ ra người nào đã trao cho ông chiếc chìa khóa cái đi.”

“Tôi không nhớ đó là ai. Một người đàn ông, tôi chỉ nói được với ông như thế. Tôi nhớ mặt người kém lắm.” Trong khi nói vậy, Kidd lấy ngón cái và ngón trỏ vân vê vết trầy đỏ ở trên mặt.

“Vậy, bằng chìa khóa cái mà ông đã vào cả ba phòng?”

“Không, chỉ phòng 238 thôi. Đó là nơi mà theo dự tính phải có cả ba chiếc chìa đợi sẵn Jennie đến lấy, nhưng tôi chỉ tìm được hai chiếc thôi. Như ông đã nói, một chiếc bị giấu sau viên gạch ở lò sưởi rồi. Tôi không muốn nán lại, lục soát trong phòng để tìm chiếc thứ ba, nhất là khi có xác ông Negus nằm ở đó.”

“Ông nói dối,” Poirot nói. “Không sao. Vào lúc thích hợp ông sẽ nhận ra rằng ông không thể nói dối để thoát tội. Nhưng ta hãy

tiếp tục. Không, đừng ngồi vội. Tôi còn một câu hỏi nữa – cho cả ông và Jennie Hobbs. Việc Jennie bưng câu chuyện sợ hãi của cô ta đến quán cà phê Pleasant ngay sau 7 giờ 30 vào đêm án mạng có nằm trong kế hoạch không?”

“Có,” Jennie nói, không nhìn Poirot mà nhìn Samuel Kidd.

“Thế thì tôi xin lỗi, nhưng tôi không hiểu một điều quan trọng. Cô quá sợ hãi để tiếp tục kế hoạch, cô nói thế, vì vậy cô không đến khách sạn vào lúc 6 giờ. Thế mà hình như kế hoạch vẫn cứ được tiến hành mà không có cô. Sai lệch duy nhất là Richard Negus tự sát, đúng không nhỉ? Ông ta tự bỏ độc vào thức uống của mình thay vì cô là người bỏ độc. Mọi điều tôi nói có đúng không vậy, thưa cô?”

“Vâng, ông nói đúng.”

“Trong trường hợp đó, nếu chi tiết thay đổi duy nhất là Richard Negus tự sát thay vì bị giết, ta có thể suy luận rằng ba cái chết đã diễn ra đúng kế hoạch, tức sau khi gọi bánh kẹp và bánh nướng, từ 7 giờ 15 đến 8 giờ, đúng không, cô Hobbs?”

“Đúng vậy,” Jennie nói. Giọng cô không còn chắc chắn như cách đây ít lâu.

“Vậy thì xin cho tôi hỏi, làm sao việc giết Richard Negus lại có thể là một phần của kế hoạch? Cô từng nói cô muốn tìm tôi ở quán cà phê Pleasant ngay sau 7 giờ 30 tối hôm ấy, biết rằng tôi sẽ ở đó, dùng bữa tối thứ năm thường lệ của tôi. Không thể nào di chuyển từ khách sạn Bloxham đến quán cà phê Pleasant trong chưa đầy nửa giờ. Điều đó là không thể, dù có di chuyển bằng gì đi nữa. Do đó, cho dù Ida Gransbury đã giết Harriet Sippel và

Richard Negus đã giết Ida Gransbury trong khoảng thời gian sớm nhất sau 7 giờ 15, cô vẫn không đủ thời giờ để giết Richard Negus trong phòng 238 sau thời gian này, mà vẫn kịp đến được Pleasant. Chúng tôi liệu có nên tin rằng, bất chấp tất cả những kế hoạch chi li mà các người tính toán, không ai trong các người chịu nghĩ về cái thực tế bất khả đó?”

Khuôn mặt Jennie trở nên trắng bệch. Tôi đoán khuôn mặt tôi cũng thế, chỉ có điều tôi không tự nhìn thấy được.

Đó là một kẽ nứt rành rành trong câu chuyện của cô ta. Poirot đã vạch chỉ ra. Và tôi đã không nhận ra. Đơn giản là tôi đã không nghĩ đến.



CHƯƠNG 23

IDA GRANSBURY THẬT

Samuel Kidd khùng khục cười, quay lưng lại để mọi người cùng thấy. Ông ta nói: “Với một người luôn tự hào về năng lực điều tra thì ông vẫn chưa đạt đến mức độ sắc bén nhất, đúng không ông Poirot? Jennie thường xuyên kể cho tôi hơn là kể cho ông đấy. Tôi nghĩ tôi có thể an toàn mà nói rằng kế hoạch không phải là làm sao để các vụ giết người diễn ra sau 7 giờ 15. Tôi không biết ông lấy đâu ra ý tưởng đó. Kế hoạch là chúng phải diễn ra sau 6 giờ. Việc đặt thức ăn vào lúc 7 giờ 15 không nằm trong kế hoạch.”

“Đúng vậy,” Jennie nói. Được vị hôn phu cũ nhanh trí vạch cho còn đường để thoát bẫy, cô có vẻ như đã định thần được. “Tôi chỉ có thể kết luận rằng việc tôi không đến vào lúc 6 giờ như thỏa thuận đã gây ra sự trì hoãn. Những người kia hẳn là muốn bàn luận về sự vắng mặt của tôi. Hẳn họ đã mất thời gian để thảo luận phải làm gì.”

“À, bien sur. Tuy vậy, mới cách đây không lâu, cô đã không chỉnh lại lời tôi khi tôi khẳng định rằng các án mạng đã diễn ra đúng kế hoạch: từ 7 giờ 15 đến 8 giờ. Cô cũng không hề cãi rằng

việc đặt thức ăn cho bữa trà chiều rất muộn đó không phải là một phần của kế hoạch.”

“Tôi xin lỗi. Lẽ ra tôi phải chỉnh lại lời ông,” Jennie nói. “Tôi... Ý tôi là những chuyện này quá choáng ngợp.”

“Giờ thì cô nói rằng, theo kế hoạch, ba án mạng phải diễn ra vào lúc 6 giờ?”

“Vâng, và tất cả phải hoàn thành xong trước 6 giờ 45 để tôi có thể đến kịp quán Pleasant vào lúc 7 giờ 30.”

“Trong trường hợp đó, tôi có một câu hỏi khác dành cô đây, thưa cô. Tại sao kế hoạch lại đòi hỏi ông Kidd phải chờ đợi cả giờ đồng hồ để đặt mảnh giấy ở bàn lễ tân, sau khi Harriet, Ida và Richard đã chết rồi và sau khi cô đã rời khách sạn? Tại sao không thỏa thuận với ông Kidd làm chuyện đó chẳng hạn vào lúc 7 giờ 15 hay thậm chí 7 giờ 30? Tại sao lại là 8 giờ?”

Jennie dội lại như trúng phải cú đấm. “Tại sao không phải là 8 giờ ư?” Cô bướng bỉnh nói. “Chờ một chút thì có hại gì đâu?”

“Ông hỏi những câu ngớ ngẩn quá, ông Poirot,” Samuel Kidd nói.

“Không có hại gì khi chờ đợi cả, thưa cô – tôi hoàn toàn đồng ý. Vì vậy chúng tôi mới thắc mắc: tại sao phải để lại mảnh giấy? Tại sao không chờ cho các cô dọn phòng của khách sạn tìm ra ba cái xác vào sáng hôm sau? Cô Jennie, đừng nhìn Samuel Kidd. Nhìn Hercule Poirot đây này! Trả lời câu hỏi đi.”

“Tôi... tôi không biết! Tôi nghĩ có thể Richard...”

“Không! Không Richard gì cả!” Poirot cướp lời cô. “Nếu cô

không chịu trả lời câu hỏi của tôi, hãy để tôi trả lời vậy. Cô dặn ông Kidd để lại mảnh giấy trên bàn lễ tân ngay sau 8 giờ vì đó vẫn luôn là một phần của kế hoạch nhằm làm cho các án mạng có vẻ như đã diễn ra từ 7 giờ 15 đến 8 giờ!”

Poirot lại quay sang đám đông im lặng, mắt tròn xoe. “Ta hãy thử suy nghĩ về bữa trà chiều cho ba người được đặt giao tại phòng 317, phòng của Ida Gransbury. Hãy thử hình dung ba nạn nhân tự nguyện của chúng ta, lúng túng vì sự vắng mặt của Jennie Hobbs, không biết phải làm gì, và vì vậy mới đến phòng Ida Gransbury để bàn luận. Catchpool, nếu anh đang sắp sửa tự nguyện bị hành quyết vì một tội lỗi trong quá khứ, liệu anh có đặt bánh nướng, bánh ngọt ngay trước đó không?”

“Không. Tôi sẽ không ăn uống gì được vì quá bồn chồn.”

“Có thể bộ ba nhân vật bị hành quyết của chúng ta nghĩ rằng điều đó là cần thiết để giữ sức cho nhiệm vụ quan trọng phía trước.” Poirot lập luận. “Nhưng khi thức ăn đến, họ đã không có tâm trạng để ăn. Nhưng thức ăn đã biến đi đâu cả?”

“Ông hỏi tôi ấy à?” Jennie nói. “Tôi e rằng tôi không biết vì tôi đâu có mặt ở đó.”

“Trở lại vấn đề thời gian các án mạng,” Poirot nói. “Bác sĩ pháp y cho rằng, trong cả ba trường hợp, cái chết diễn ra từ 4 giờ đến 8 giờ 30. Sau đó, những bằng chứng tình huống đã giúp thu hẹp lại, chỉ còn từ 7 giờ 15 đến 8 giờ 10. Ta hãy thử xem xét các bằng chứng tình huống. Ông phục vụ Rafal Bobak thấy cả ba nạn nhân vẫn còn sống vào lúc 7 giờ 15 khi ông ấy đến giao thức ăn tại phòng 317 và Thomas Brignell thấy Richard Negus còn sống

vào lúc 7 giờ 30 tại tiền sảnh của khách sạn, khi Negus khen ngợi sự hiệu quả của Brignell rồi yêu cầu Brignell đảm bảo tiền trà bánh được tính cho ông ta, và đặt một ly rượu vang. Do đó, có vẻ như chẳng có án mạng nào diễn ra trước 7 giờ 15 cả, và việc giết Richard Negus không thể diễn ra trước 7 giờ 30.

“Tuy nhiên, có hàng tá chi tiết không khớp để tạo nên một bức tranh ngăn nắp. Đầu tiên là việc thức ăn biến mất, dù chúng ta biết Harriet Sippel, Ida Gransbury và Richard Negus không hề dùng. Tôi không tin ai đó sắp giết người lần đầu mà lại nghĩ trước đó mình phải ăn bánh nướng. Vậy thì gọi thức ăn làm gì nếu không có ý định ăn? Trừ phi để thiết lập trong mắt một nhân chứng rằng ta đây còn sống vào lúc 7 giờ 15? Và tại sao ba nạn nhân của chúng ta lại cần thiết phải được thấy còn sống vào đúng cái giờ cụ thể đó? Tôi chỉ có thể nghĩ ra một cách giải thích khả dĩ khớp với câu chuyện của Jennie Hobbs: nếu những kẻ đồng mưu của chúng ta biết, bằng cách nào đó, rằng Nancy Ducane không có chứng cứ ngoại phạm đáng tin cậy từ 7 giờ 15 đến 8 giờ 15, có thể họ sẽ muốn làm cho các án mạng giống như diễn ra vào khoảng thời gian này. Nhưng Nancy Ducane lại có chứng cứ ngoại phạm rất vững chắc vào giờ đó, đúng vậy không, phu nhân Wallace?”

Louisa Wallace đứng dậy. “Đúng vậy. Bà ấy ngồi cùng tôi và nhà tôi cho đến khoảng 10 giờ tối, dùng bữa tối ở nhà chúng tôi.”

“Merci beaucoup, madame. Alors, tôi chỉ nghĩ ra được một lý do duy nhất vì sao việc tạo cảm giác ba án mạng đã diễn ra từ 7 giờ 15 đến 8 giờ 10 lại quan trọng sống còn đến như thế: trong

khoảng thời gian này, Jennie Hobbs có chứng cứ ngoại phạm không thể lay chuyển. Tôi, Hercule Poirot, biết rõ tuyệt đối rằng cô ta không thể ở khách sạn Bloxham vào thời điểm đó. Cô ta đang ở quán cà phê Pleasant cùng tôi từ 7 giờ 35 đến 7 giờ 50, và tôi đã đề cập về vấn đề thời gian di chuyển rồi. Tôi ghép tất cả những thứ đó lại với niềm tin rằng ba án mạng đã không diễn ra từ 7 giờ 15 đến 8 giờ 10, và tôi bắt đầu băn khoăn: tại sao lại phải rắc rối như vậy để làm cho có vẻ như Jennie Hobbs không thể tiến hành những án mạng đó, trừ phi cô ta quả thực đã tiến hành chúng?”

Jennie bật dậy khỏi ghế. “Tôi không giết ai cả! Tôi thề là như vậy! Dĩ nhiên họ đã chết trong khoảng từ 7 giờ 15 đến 8 giờ. Mọi người đều thấy rõ điều đó, chỉ trừ mỗi ông ra!”

“Ngồi xuống và im lặng đi, cô Hobbs, trừ phi tôi hỏi cô trực tiếp,” Poirot lạnh lùng nói.

Khuôn mặt của Samuel Kidd nhăn nhó vì giận dữ. “Ông đã dựng lên tất cả những chuyện đó, ông Poirot! Biết đâu họ gọi thức ăn vì đang đói cồn cào. Làm sao ông biết được? Đâu phải vì ông sẽ không thể này hay tôi sẽ không thể nọ, mà suy ra rằng họ sẽ không như thế này hay thế nọ.”

“Thế thì tại sao họ không ăn vậy, ông Kidd?” Tôi hỏi. “Những bánh kẹp, bánh ngọt đó biến đi đâu cả?”

“Bữa trà chiều tuyệt hảo nhất toàn London!” Luca Lazzari lẩm bẩm.

“Tôi sẽ nói cho anh biết nó biến đi đâu, Catchpool ạ,” Poirot nói. “Hung thủ của chúng ta đã phạm sai lầm trong vấn đề bữa

trà chiều – một trong nhiều sai lầm. Nếu thức ăn còn trên đĩa trong phòng 317 để cảnh sát tìm ra thì chẳng còn gì là bí ẩn. Tôi có thể lập luận hung thủ đã đến và làm gián đoạn cuộc họp mặt vui vẻ này trước khi bữa tiệc kịp diễn ra. Nhưng hung thủ lại nghĩ những món ăn không được dùng đó sẽ gây nghi ngờ. Hẳn không muốn mọi người đặt câu hỏi: ‘Tại sao đặt thức ăn mà lại không ăn?’”

“Vậy chỗ thức ăn đó ra sao?” tôi hỏi. “Nó biến đi đâu mất?”

“Những kẻ đồng mưu đã lấy nó ra khỏi hiện trường. Ồ, vâng, thưa quý vị, chắc chắn là đã có một âm mưu để tiến hành ba án mạng đó! Tôi nói thế này cho rõ nhé: Harriet Sippel, Ida Gransbury và Richard Negus đều đã chết từ lâu trước 7 giờ 15 ngày thứ năm hôm đó.”

Luca Lazzari bước lên phía trước. “Ông Poirot, xin thứ lỗi cho sự đường đột của tôi, nhưng tôi phải nói với ông rằng, Rafal Bobak, nhân viên phục vụ trung thành nhất của tôi, không bao giờ nói dối. Ông ấy đã thấy ba nạn nhân còn sống khỏe khi ông ấy giao thức ăn vào lúc 7 giờ 15. Họ còn sống khỏe! Hẳn là ông đã lầm lẫn.”

“Tôi không lầm lẫn đâu. Tuy nhiên, ông đã đúng về một khía cạnh: nhân viên phục vụ Rafal Bobak của ông quả là một nhân chứng mẫu mực. Ông ấy chắc chắn đã thấy ba người trong phòng 317 khi giao bữa trà chiều – nhưng những người đó không phải là Harriet Sippel, Ida Gransbury và Richard Negus.”

Cả gian phòng, mọi người há hốc miệng vì sốc. Tôi cũng vậy, trong khi cố vắt óc để nghĩ xem đó có thể là ba người nào khác.

Không phải Jennie Hobbs rồi, vì lúc đó cô ta hẳn đang trên đường đến quán cà phê Pleasant. Vậy thì ai?

“Ông Poirot,” tôi bồn chồn nói. “Có phải ông lập luận rằng có ba người giả dạng các nạn nhân để khiến mọi người nghĩ họ vẫn còn sống khi thức ăn được giao đến?”

“Không hẳn vậy, không. Thật ra, hai người đã giả dạng làm hai nạn nhân. Người thứ ba, Ida Gransbury... cô ta không phải giả dạng, tôi rất tiếc phải nói ra điều đó. Vâng, bất hạnh thay, cô ta chính là Ida Gransbury thật. Ông Bobak, ông có nhớ ông nói với tôi những gì ông nghe lỏm và chứng kiến được khi giao thức ăn tại phòng 317 chứ? Tôi thì nhớ từng từ vì ông đã kể tôi nghe đến hai lần. Ông cho phép tôi thuật lại vì lợi ích của tất cả chúng ta chứ?”

“Vâng, thưa ông. Xin ông cứ tự nhiên.”

“Merci. Ông đến nơi và thấy ba nạn nhân rõ ràng còn sống và đang nói về những người họ quen biết. Ông nghe Harriet Sippel – hay người phụ nữ mà sau đó người đàn ông trong phòng gọi là ‘Harriet’ – nói: ‘Bà ta còn lựa chọn nào đâu nhỉ? Bà ta chẳng còn là người để ông ấy yêu thương. Giờ đây ông ấy khó lòng quan tâm đến bà ta khi mà bà ta đã đánh mất chính mình, và nay còn đáng tuổi mẹ của ông ấy nữa cơ đấy. Không, nếu muốn biết ông ấy nghĩ gì trong đầu, bà ta chẳng còn lựa chọn nào khác hơn là chấp nhận và thỏa hiệp với người phụ nữ mà ông ấy yêu thương’. Đó là lúc người đàn ông trong phòng ngừng tiếp ông và đón thức ăn để nói: ‘Ồ, Harriet, nói vậy thì ác quá. Ida dễ bị sốc lắm đấy. Nhẹ nhàng với cô ta đi.’ Tôi kể có chính xác không vậy,

ông Bobak?”

“Rất chính xác, thưa ông.”

“Rồi ông bảo tôi rằng hoặc là Ida hoặc là Harriet đã nói điều gì đó mà ông không nhớ được, rồi người đàn ông mặc định là Richard Negus nói: ‘Lý trí của ông ấy ư? Tôi thì cho rằng ông ấy chẳng còn lý trí. Tôi nghi ngờ cái vụ đáng-tuổi-mẹ của bà. Rất nghi đấy.’ Đến đó, người phụ nữ được gọi tên là Harriet phá lên cười và nói: ‘Thôi được, nếu không ai trong chúng ta chứng tỏ được mình đúng, vậy ta chấp nhận là bất đồng đi!’ Có đúng không?”

Rafal Bobak xác nhận một lần nữa. Poirot đã rất chính xác.

“Bon. Ông Bobak, xin cho phép tôi gợi ý rằng lời nhận xét hoặc là của Ida hoặc là của Harriet mà ông không nhớ thực tế là do Harriet thốt ra. Tôi tin tưởng như thế, tin tưởng tuyệt đối! Ông đã không nghe thấy bất cứ lời nào của Ida Gransbury trong căn phòng đó, và ông cũng không thấy mặt cô ta vì cô ta ngồi quay lưng ra cửa.”

Bobak chau mày, tập trung. Một hồi sau ông nói: “Tôi nghĩ là ông đúng, ông Poirot ạ. Vâng, tôi không thấy mặt cô Ida Gransbury. Và... giờ khi ông nêu ra, tôi mới nhớ chưa từng nghe cô ta nói năng gì.”

“Thưa ông, ông không nghe cô ta nói vì một lý do đơn giản là Ida Gransbury, được đặt ngồi trên ghế với lưng quay ra cửa, đã bị giết vào lúc 7 giờ 15. Nhân vật thứ ba trong phòng 317 khi ông giao bữa trà chiều là một phụ nữ đã chết!”



CHƯƠNG 24

BỘ ẤM CHÉN XANH

Một vài người hoảng hốt hét lên. Có khả năng rất lớn tôi là một trong số đó. Thật kỳ lạ: tôi đã thấy biết bao nhiêu xác chết. Trong công việc ở Scotland Yard, tôi đã có cơ hội chứng kiến những cái chết ghê rợn. Thế mà không một thi thể bình thường nào lại tạo ra cảm giác rùng rợn đến như vậy, khi một phụ nữ đã chết được dựng lên ngồi như còn sống để tham gia vào bữa tiệc chiều vui vẻ cùng bạn bè.

Rafal Bobak tội nghiệp trông run rẩy và lão đảo. Hẳn ông đang nghĩ mình đã ở gần sự ác quái hơn bất kỳ ai, và không một người tỉnh táo nào muốn rơi vào vị thế của ông.

“Đó là lý do vì sao thức ăn phải được giao tại phòng Ida Gransbury,” Poirot nói tiếp. “Phòng 238 của Richard Negus là tiện lợi nhất để ba nạn nhân họp mặt vì nó nằm ở tầng hai, tức giữa hai phòng kia. Khi đó bữa trà chiều cũng tiện tính cho ông Negus mà ông ta không phải nhắc nhở gì chuyện đó. Nhưng dĩ nhiên phòng 238 không thể là phòng mà ba nạn nhân của chúng ta được Rafal Bobak thấy còn sống vào lúc 7 giờ 15! Vì điều đó đòi hỏi

phải đưa xác Ida Gransbury – vốn đã bị giết từ vài giờ trước – từ phòng 317 của cô ta xuống, đi qua các hành lang để đến phòng của Richard Negus. Làm vậy rủi ro quá lớn. Hầu như chắc chắn sẽ có người nhìn thấy.”

Đập vào mắt tôi là những khuôn mặt sốc từ đám đông hoang mang. Tôi tự hỏi không biết Luca Lazzari có sẽ mau chóng tuyển nhân sự mới hay không. Chắc chắn tôi không bao giờ muốn trở lại Bloxham khi nào cái vụ việc khó chịu này chưa kết thúc, và tôi biết nhiều người trong phòng này cũng suy nghĩ như tôi.

Poirot tiếp tục giải thích: “Thưa quý vị, xin quý vị hãy suy nghĩ về sự rộng rãi, hào phóng của ông Richard Negus. À, ông ta quả là rộng rãi. Nào là đòi trả tiền ăn, tiền trà, nào là đòi trả tiền chuyển đi, tiền phòng, tiền xe đón từ khách sạn. Tại sao không để họ đi chung một chuyến tàu rồi đi cùng xe về khách sạn? Tại sao Richard Negus lại nhiệt tình như thế khi đòi đảm bảo hóa đơn tiền ăn uống phải được tính cho ông ta, khi mà ông ta biết rằng cả ông ta lẫn Harriet Sippel và Ida Gransbury đều sắp sửa chết?”

Đó là một câu hỏi rất tốt. Tất cả những luận điểm của Poirot đều thích đáng và, hơn thế nữa, đều là những thứ mà lẽ ra tôi phải nghĩ đến. Cách nào đó tôi đã không nhận ra quá nhiều khía cạnh không khớp với các sự kiện trong câu chuyện của Jennie Hobbs. Làm sao tôi có thể bỏ qua những điều không khớp hiển hiện đến như vậy?

Poirot nói: “Người đàn ông giả làm Richard Negus vào lúc 7 giờ 15 để đánh lừa Rafal Bobak và vào lúc 7 giờ 30 để đánh lừa

Thomas Brignell chẳng hề quan tâm gì đến việc thanh toán! Hắn biết rằng cả hắn lẫn những người đồng mưu của hắn đều không phải trả tiền. Hắn ra ngoài là để vứt thức ăn. Hắn đưa thức ăn ra bằng cách nào? Trong một chiếc vali! Catchpool, anh còn nhớ cái gã lang thang mà anh thấy gần khách sạn lúc chúng ta làm cuộc hành trình bằng xe buýt chứ? Một gã lang thang đang lấy đồ ăn từ một chiếc vali, non?” Anh mô tả hắn ta là ‘gã lang thang xơi kem’. Nói tôi nghe xem, anh có thấy hắn xơi kem thật không đấy?”

“Ôi, chết tiệt. Có đấy! Hắn đang ăn... bánh kem.”

Poirot gật đầu. “Ăn từ chiếc vali mà hắn nhặt được gần khách sạn Bloxham, trong đó đầy những món khoái khẩu hợp thành bữa trà chiều cho ba người! Bây giờ là một thách thức khác cho trí nhớ của anh đây, mon ami: anh có nhớ từng nói với tôi, hỏi tôi đến Bloxham lần đầu rằng Ida Gransbury mang theo nhiều y phục đến mức đủ chất đầy tủ quần áo? Thế mà cô ta chỉ có một chiếc vali trong phòng, cũng bằng với Richard Negus và Harriet Sippel, mà cả hai người này đều mang theo ít y phục hơn đáng kể. Chiều nay, tôi có nhờ anh gói ghém, xếp y phục của cô Gransbury vào vali, và anh đã phát hiện gì nào?”

“Không đủ chỗ để nhét,” tôi nói, cảm thấy mình như thằng ngốc chuyên trả lời nhận thưởng. Hình như cái số của tôi là phải cảm thấy mình ngốc mỗi khi dến chiếc vali của Gransbury, nhưng giờ đây lại là ngốc kiểu khác.

“Anh tự trách mình rồi,” Poirot nói. “Anh luôn tự trách mình trước, nhưng thật ra tất cả y phục không cách chi nhét vô vừa

chiếc vali đó, vì chúng được mang đến Bloxham trong những hai chiếc vali. Ngay cả Hercule Poirot này cũng không nhồi hết chúng vào được!”

Ông quay sang các nhân viên khách sạn: “Trở về sau khi rút chiếc vali chứa thức ăn, người đàn ông đó đã gặp nhân viên lễ tân Thomas Brignell gần cửa phòng này, nơi chúng ta đang tập hợp. Tại sao ông ta lại chèo kéo ông Brignell vào cuộc trò chuyện về vấn đề thanh toán? Chỉ có một lý do: để tạo ấn tượng với Brignell rằng Richard Negus vẫn còn sống vào lúc 7 giờ 30. Sắm vai ông Negus, hắn đã nói hớ một điều: Negus có khả năng trang trải còn Harriet Sippel và Ida Gransbury thì không. Điều đó không đúng! Henry Negus, em của Richard, có thể xác nhận rằng Richard không có thu nhập và chỉ còn rất ít tiền của từ cha mẹ. Nhưng cái người giả dạng Richard Negus đã không biết điều đó. Hắn mặc định rằng Richard Negus là một quý ông từng hành nghề luật sư, ắt phải có lắm tiền. Lúc trao đổi với ông Catchpool và tôi lần đầu tiên, Henry Negus cho biết từ khi về Devon, ông anh Richard của ông ấy có thái độ sâu thẳm, u uất. Richard Negus sống ẩn cư và không có hứng thú nào với cuộc đời, có đúng không, ông Negus?”

“Vâng, tôi e là vậy,” Henry Negus nói.

“Một người ở ẩn! Tôi xin hỏi quý vị, mô tả này nghe có giống người đàn ông thích rượu vang, bánh ngọt, thích tán gẫu kiểu nịnh đầm với hai người phụ nữ trong một khách sạn hạng sang ở London? Không! Người đàn ông ra nhận bữa trà chiều từ Rafal Bobak, người mà Thomas Brignell phục vụ rượu vang, không

phải là Richard Negus. Người này đã khen ngợi ông Brignell về sự hiệu quả và rồi nói câu gì đó đại loại như sau: ‘Tôi biết tôi có thể trông cậy vào anh để giải quyết chuyện này vì anh là người được việc. Hãy tính tiền thức ăn thức uống cho tôi, Richard Negus, phòng 238.’ Những lời của hắn được tính toán để làm cho Thomas Brignell tin rằng người đàn ông đó, Richard Negus đó, đã từng biết về độ hiệu quả của ông Brignell, và do đó họ hắn đã từng gặp nhau từ trước. Ông Brignell có lẽ đã cảm thấy hơi có lỗi vì ông ta không nhớ ra cuộc trò chuyện trước với ông Negus. Và ông ta quyết sẽ không quên ông này lần nữa. Từ đây ông ta sẽ nhớ người đàn ông đó, người mà ông ta đã gặp hai lần. Dĩ nhiên, làm việc trong một khách sạn London rộng lớn, ông ta suốt ngày gặp gỡ khách, mỗi ngày dễ đến cả trăm người! Tôi biết chắc điều sau thường xảy ra: khách biết tên, nhớ mặt ông ta trong khi ông ta lại quên họ. Dẫu sao, họ cũng chỉ giản là en masse, là ‘khách!’”

“Xin thứ lỗi, ông Poirot, tôi xin ông bỏ quá cho.” Luca Lazzari bước vội tới trước. “Nói rộng ra thì ông rất chí lý, nhưng trường hợp của Thomas Brignell thì quả là may mắn. Ông ấy có một trí nhớ phi thường đối với tên và khuôn mặt. Phi thường!”

Poirot mỉm cười tán thưởng. “Vậy sao? Thế thì tôi đã đúng.”

“Về chuyện gì cơ?” tôi hỏi.

“Kiên nhẫn và suy nghĩ đi, Catchpool. Tôi sẽ giải thích một chuỗi sự việc. Người đàn ông giả dạng Richard Negus đã có mặt ở tiền sảnh khách sạn khi ông Negus lấy phòng hôm thứ tư, một ngày trước các án mạng. Có lẽ hắn muốn thám sát thực địa để chuẩn bị cho vai trò mà hắn sẽ đảm đương sau đó. Tóm lại là

hắn đã thấy Richard Negus đến. Làm sao hắn biết đó là Richard Negus? Tôi sẽ trở lại vấn đề này sau. Hắn biết, nói vậy là đủ rồi. Hắn thấy Thomas Brignell làm thủ tục giấy tờ rồi trao chìa khóa phòng cho ông Negus. Tối hôm sau, sau khi giả dạng ông Negus để nhận bữa trà chiều và ra ngoài để vứt nó đi, người đàn ông đó đi ngang qua Thomas Brignell trên đường về lại phòng 317. Là người nhanh trí, hắn thấy ngay cơ hội tuyệt vời để củng cố cho cái kế hoạch đánh lừa cảnh sát. Hắn bèn tiến đến Brignell và nói với ông ta cứ như thể hắn, kẻ mạo danh, chính là Richard Negus. Hắn nhắc Brignell cái tên ông Negus rồi nhắc đến cuộc gặp trước đó.

“Thật ra Thomas Brignell chưa bao giờ gặp người đàn ông này trước đây, nhưng ông ta nhớ cái tên từ lúc trao chìa khóa phòng cho Richard Negus thật. Nay đột nhiên có người nói với ông ta đầy tự tin, vừa thân thiện vừa hiểu biết, rồi tự xưng cùng cái tên đó. Thomas Brignell bèn mặc định đó là Richard Negus. Ông ta đã không nhớ mặt ông Negus, nhưng sự lầm lẫn này ông ta chỉ tự trách trong lòng chứ không nói ra.”

Khuôn mặt Thomas Brignell chuyển thành màu vang đỏ.

Poirot nói tiếp: “Kẻ giả dạng Richard Negus yêu cầu một ly rượu vang. Tại sao? Để kéo dài cuộc tiếp xúc với Brignell thêm đôi chút, qua đó khắc sâu nó hơn chút nữa trong trí nhớ của nhân viên lễ tân này ư? Để làm dịu bớt sự căng thẳng thần kinh ư? Có lẽ là cả hai lý do.

“Bây giờ, xin phép quý vị cho phép tôi được lạc đề một chút: chất độc cyanide đã được tìm ra từ phần rượu vang còn sót trong

chiếc ly đó. Nó cũng được tìm ra trong các tách trà của Harriet Sippel và Ida Gransbury. Nhưng không phải là trà hay rượu vang đã giết ba nạn nhân. Không thể như thế. Những thức uống này đến quá trễ, rất lâu sau khi các án mạng đã được tiến hành. Ly rượu vang và hai tách trà trên chiếc bàn phụ cạnh ba thi thể – đó là những thứ cốt yếu để dàn dựng sân khấu tội ác, để gây ấn tượng giả rằng việc giết người đã diễn ra sau 7 giờ 15. Thật ra, chất cyanide giết chết Harriet Sippel, Ida Gransbury và Richard Negus đã được trao cho họ từ sớm hơn và bằng phương tiện khác. Cạnh bồn rửa trong mỗi phòng đều có ly uống nước, đúng không Signor Lazzari?”

“Si, ông Poirot. Đúng vậy.”

“Thế thì tôi cho rằng đó là cách mà thuốc độc đã được tiêu thụ: uống với nước. Trong mỗi trường hợp, ly nước đã được cẩn thận rửa sạch và đặt lại cạnh bồn rửa. Ông Brignell,” việc Poirot bất ngờ quay sang hỏi khiến người nhân viên lễ tân bật ra sau lưng ghế, như thể vừa bị ai đó bắn. “Ông không thích nói trước đám đông, nhưng ông đã lấy hết can đảm để làm việc đó vào cái lần đầu tiên chúng ta họp mặt tại phòng này. Ông nói với chúng tôi về cuộc gặp với ông Negus ngoài hành lang, nhưng ông không nhắc gì về ly rượu vang, ngay cả khi tôi đã hỏi cụ thể về nó. Sau đó, ông đến gặp tôi và bổ sung chi tiết ly rượu vang vào câu chuyện của ông. Khi tôi hỏi vì sao lúc đầu ông không nhắc đến nó, ông đã không trả lời. Tôi không hiểu vì sao, nhưng ông bạn tôi đây, ông Catchpool, ông ấy đã nói điều gì đó rất hiển hiện, rất soi sáng. Ông ấy nói ông là một người tận tâm, chỉ giữ lại thông

tin trong một vụ án giết người nếu điều đó gây nhiều bối rối cho ông, và nếu ông tin chắc nó không liên can đến vụ án. Với đánh giá đó, ông bạn tôi quả là đã nói trúng đích, đúng không nhỉ?”

Brignell khẽ gật đầu.

“Cho phép tôi giải thích.” Poirot to giọng, mặc dù giọng ông đã khá lớn. “Lúc chúng ta họp trong phòng này lần trước tôi đã hỏi có ai mang ly rượu vang lên phòng ông Negus không. Không ai trả lời cả. Tại sao Thomas Brignell không nói: ‘Tôi không mang lên phòng ông ta, nhưng tôi có mang đến cho ông ta?’ Poirot tôi sẽ nói cho quý vị biết! Ông ta không nói vì ông ta có những ngờ vực trong đầu, và ông ta không muốn có rủi ro nói ra điều gì đó không đúng sự thật.

“Ông Brignell là nhân viên duy nhất trong khách sạn nhìn thấy một trong ba nạn nhân nhiều hơn một lần - hay, nói chính xác hơn, ông ta đã bị gài để tin rằng mình trông thấy Richard Negus nhiều hơn một lần. Ông ta biết mình có đưa một ly rượu vang cho một người tự xưng là Richard Negus và người này cư xử như thể đã từng gặp ông ta, nhưng người đó lại trông không giống Richard Negus mà Thomas Brignell đã gặp. Hãy nhớ lại đi, ông Lazzari vừa cho chúng ta biết ông Brignell có một trí nhớ phi thường đối với khuôn mặt và tên. Đó là lý do ông ta không lên tiếng khi tôi hỏi về ly rượu vang! Suy nghĩ của ông ta bị giằng co. Một giọng nói trong đầu ông ta đã thì thào: ‘Hắn phải là ông ta, là cùng một người. Nhưng đó đâu phải là ông ta, nếu phải thì mình đã nhận ra rồi.’ Ít lâu sau, ông Brignell đã tự nhủ: ‘Sao mà mình ngốc thế! Dĩ nhiên đó là Richard Negus vì ông ta đã xưng

tên là vậy mà! Lần đầu tiên trí nhớ đã phản lại mình. Và cạnh đó, giọng nói người này nghe hết như ông Negus, cũng với âm điệu tiếng Anh của người có học.’ Với một người cực kỳ lương thiện như Thomas Brignell, sẽ là incroyable nếu có ai đó giả dạng người khác để chơi xỏ ông.

“Sau khi đi đến kết luận rằng người đàn ông kia phải là Richard Negus, ông Brignell đã quyết định đứng lên, nói cho tôi biết ông ta đã gặp Richard Negus vào lúc 7 giờ 30 đêm án mạng, nhưng ông ta quá bối rối để nhắc đến ly rượu vang vì ông ta sợ mình giống như gã ngố vì đã ngồi im thin thít trước đó, khi tôi hỏi về ly rượu. Dĩ nhiên tôi có thể sẽ hỏi ngay trước mặt mọi người: ‘Tại sao ông không nói với tôi lúc trước?’ và ông Brignell sẽ cảm thấy xấu hổ khi buộc phải nói: ‘Vì tôi đang mải bận khoản làm cách nào ông Negus lại có khuôn mặt khác khi tôi gặp ông ta lần thứ hai.’ Ông Brignell có thể xác nhận những gì tôi nói là đúng không? Không cần lo lắng bị coi là gã ngố đâu. Ngược lại là khác. Đó là một khuôn mặt khác. Đó là một người khác.”

“Tạ ơn Chúa,” Brignell nói. “Ông Poirot, từng điều ông nói đều tuyệt đối đúng.”

“Bien sur,” Poirot nói, không chút khiêm tốn. “Thưa quý vị, xin chớ quên rằng cùng tên thì không nhất thiết phải là cùng người. Khi Signor Lazzari mô tả với tôi người phụ nữ lấy phòng khách sạn dưới tên Jennie Hobbs, tôi đã nghĩ cô ta có thể là cùng người phụ nữ mà tôi đã gặp tại quán cà phê Pleasant. Nghe có vẻ giống nhau: tóc vàng, nón nâu sậm, áo khoác màu nâu nhạt hơn.

Nhưng với hai người đàn ông chỉ một lần duy nhất thấy một người phụ nữ phù hợp với mô tả này thì không thể nào nói chắc họ đã thấy cùng một người phụ nữ. Điều đó khiến tôi phải ngẫm nghĩ. Lúc đó tôi đã nghi ngờ rằng Richard Negus quá cố mà tôi đã thấy xác và Richard Negus còn sống mà Rafal Bobak và Thomas Brignell thấy vào đêm án mạng là hai người khác nhau. Rồi tôi nhớ có nghe nói, khi đến Bloxham hôm thứ tư, rằng Richard Negus đã được Thomas Brignell tiếp. Nếu tôi giả thiết đúng thì đó phải là Richard Negus khác, Richard Negus thật. Bất chợt tôi hiểu ra sự khó xử của Thomas Brignell. Làm sao ông ta có thể nói công khai rằng nhân vật duy nhất đó lại có hai khuôn mặt? Mọi người sẽ nghĩ ông ta bị mất trí!”

“Ông mới là người ăn nói dở điên dở khùng, ông Poirot ạ,” Samuel Kidd nhạo báng.

Poirot nói tiếp như thể Samuel Kidd chưa hề lên tiếng. “Kẻ giả mạo này có thể không giống Richard Negus ở bề ngoài, nhưng tôi biết chắc hắn có khả năng nhại giọng hoàn hảo. Hắn là một tay bắt chước xuất sắc – có giống ông không vậy, ông Kidd?”

“Đừng nghe ông ta! Ông ta là một kẻ xảo trá!”

“Không đâu, ông Kidd! Chính ông mới là kẻ trí trá. Ông đã giả giọng tôi đâu chỉ một lần.”

Từ cuối phòng, Fee Spring đứng dậy. “Tất cả quý vị phải tin lời ông Poirot,” cô nói. “Ông ấy đang nói sự thật, đúng vậy! Tôi đã nghe Samuel Kidd nhại giọng ông Poirot. Nếu nhắm mắt tôi sẽ lầm tưởng là ông ấy.”

“Samuel Kidd không chỉ trí trá với giọng nói,” Poirot nói. “Lần

đầu tiên tôi gặp ông ta, ông ta thể hiện như một người có trí tuệ dưới mức trung bình với bề ngoài nhếch nhác: áo của ông ta đầy vết bẩn và mất cúc. Còn bộ râu cạo dở nữa chứ: ông ta chỉ cạo một mảng nhỏ trên mặt. Ông Kidd, làm ơn cho mọi người ở đây biết tại sao mới lần đầu chúng ta gặp mặt nhau mà ông lại cường điệu đến thế trong việc làm cho mình trông nhếch nhác.”

Samuel Kidd nhìn chăm chăm phía trước, không nói gì cả. Cặp mắt đầy căm hận.

“Tốt lắm, nếu ông không chịu nói thì tôi đành phải tự giải thích vậy. Ông Kidd bị xước ở má khi trèo xuống ngọn cây bên ngoài cửa sổ phòng 238, tức phòng của Richard Negus. Vết xước trên mặt một người đàn ông ăn mặc tươm tất có thể gây chú ý và khiến nảy sinh những câu hỏi, đúng không nhỉ? Một người chỉ chu bề ngoài thì chắc chắn không để dao cạo gây ra một vết xước khó coi trên khuôn mặt. Ông Kidd không muốn tôi nghĩ theo hướng đó. Ông ấy không muốn tôi thắc mắc có phải mới đây ông ta đã trèo ra từ một cánh cửa sổ mở và leo cây xuống, vì vậy ông ta tạo ra một bộ dạng lồi thối, lệch thẹo. Ông ta dàn xếp để trông giống loại người hậu đậu đến mức thường xuyên bị dao phàm khi cạo râu, và rồi, để tránh nhiều vết phàm hơn nữa, đã đi loanh quanh với khuôn mặt nửa cạo nửa không! Một người bừa phứa như vậy dĩ nhiên phải sử dụng dao cạo một cách cầu thả và gây ra thương tích – đó là điều mà ông ta muốn Poirot tôi tin, và đó là điều mà thoát đầu Poirot đã tin.”

“Khoan đã nào, ông Poirot,” tôi nói. “Nếu ông nói Samuel Kidd trèo xuống từ cửa sổ phòng Richard Negus thì...”

“Tôi có nói ông ta giết ông Negus không? Non. Ông ta không giết. Ông ta chỉ hỗ trợ kẻ giết Richard Negus. Còn kẻ đó là ai thì... tôi chưa thể nói tên cho anh biết.” Poirot mỉm cười.

“Ông chưa nói,” tôi gay gắt nói. “Cũng chưa cho tôi biết ba người trong phòng 317 vào lúc Rafal Bobak mang bữa trà chiều đến là ai. Ông chỉ nói lúc đó cả ba nạn nhân đều đã chết...”

“Đúng vậy. Một trong ba người trong phòng 317 vào lúc 7 giờ 15 là Ida Gransbury. Cô này đã chết nhưng được dựng ngồi trên ghế giống như còn sống, làm sao để người ta không nhìn thấy mặt. Người thứ hai là Samuel Kidd trong vai Richard Negus.”

“Vâng, tôi cũng đoán thế, nhưng còn người thứ ba là ai?” Tôi hỏi khá táo tợn. “Ai là người phụ nữ sắm vai Harriet Sippel, buôn chuyện một cách hả hê và hằn học? Không thể là Jennie Hobbs được. Như ông đã nói, Jennie lúc đó hẳn đang trên đường đến quán cà phê Pleasant rồi.”

“À, vâng, người phụ nữ buôn chuyện một cách hằn học,” Poirot nói. “Để tôi nói cho anh biết, bạn tôi ạ. Người phụ nữ đó là Nancy Ducane.”

Tiếng la hét tràn ngập căn phòng.

“Ồ, không, ông Poirot,” Luca Lazzari thốt lên. “Signora Ducane là một trong những họa sĩ tài năng nhất nước. Bà ấy còn là người bạn trung tín nhất của khách sạn này. Hẳn là ông lầm rồi!”

“Tôi không lầm đâu, mon ami.”

Tôi nhìn Nancy Ducane. Bà vẫn đang ngồi đó, vẻ nhẫn nhục, không chối cãi gì cả. Họa sĩ lừng danh Nancy Ducane thông đồng

với Samuel Kidd, vị hôn phu cũ của Jennie Hobbs? Tôi chưa bao giờ bối rối như thế trong đời. Tất cả những điều này là thế nào?

“Catchpool, tôi chẳng đã từng nói với anh rằng bà Ducane hôm nay quần khăn quàng che mặt vì không muốn bị nhận ra đó sao? Anh thì mặc định ý tôi là ‘không muốn bị nhận ra bà ấy là một họa sĩ chân dung nổi tiếng’. Không phải! Bà ấy không muốn bị Rafal Bobak nhận ra bà ta chính là Harriet mà ông ta thấy trong phòng 317 vào đêm án mạng! Bà Ducane, xin bà làm ơn đứng dậy và gỡ khăn quàng ra.”

Nancy làm theo.

“Ông Bobak, đây có phải là người phụ nữ ông đã thấy?”

“Vâng, thưa ông Poirot. Đúng là bà ta.”

Âm thanh đó nhỏ thôi, nhưng vẫn nghe rõ mồn một: tiếng không khí hít vào phổi và được lưu giữ lại đó. Âm thanh đó ngập tràn căn phòng lớn.

“Ông đã không nhận ra họa sĩ chân dung nổi tiếng Nancy Ducane?”

“Không thưa ông, tôi mù tịt về nghệ thuật và lúc đó tôi chỉ nhìn nghiêng được bà ta thôi. Bà ta quay đầu lại phía tôi.”

“Chắc chắn bà ta đã làm thế, phòng khi ông là người yêu nghệ thuật và xác định được danh tính bà ấy thì sao.”

“Tuy nhiên hôm nay tôi đã nhận ra bà ta ngay khi bà ta bước vào – bà ta và ông Kidd. Tôi đã cố báo với ông, thưa ông, nhưng ông không cho phép tôi nói.”

“Đúng, và cả Thomas Brignell cũng cố báo cho tôi rằng ông ta

đã nhận ra Samuel Kidd,” Poirot nói.

“Hai trong ba người tôi tưởng đã bị giết hóa ra vẫn sống khỏe và bước vào phòng này!” Qua giọng nói có thể thấy Rafal Bobak vẫn chưa hồi phục sau cú sốc.

“Còn chứng cứ ngoại phạm của Nancy Ducane do ngài Wallace và phu nhân cung cấp thì sao?” Tôi hỏi Poirot.

“Tôi e rằng nó không thật,” Nancy nói. “Đó là lỗi của tôi. Xin làm ơn đừng trách họ. Họ là những người bạn thân thiết và họ chỉ cố giúp tôi thôi. Cả St. John lẫn Louisa đều không biết tôi đã ở khách sạn Bloxham vào đêm án mạng. Tôi đã thề với họ rằng tôi không ở đó, và họ đã tin tôi. Là những người bạn tốt và dũng cảm, họ không muốn thấy tôi bị quy cho ba án mạng mà tôi không phải là thủ phạm. Ông Poirot, tôi tin ông hiểu mọi chuyện, vì vậy ông phải biết rằng tôi không giết ai cả.”

“Khai man với cảnh sát trong một cuộc điều tra án mạng không phải là dũng cảm đâu, thưa bà. Đó là việc làm không thể bào chữa được. Phu nhân Wallace, khi rời khỏi nhà bà, tôi đã biết bà nói dối!”

“Sao ông dám ăn nói với vợ tôi như thế?” St. John Wallace quát lên.

“Tôi xin lỗi nếu sự thật không phải là sở thích của ngài, ngài Wallace.”

“Làm cách nào ông biết điều đó, ông Poirot?” bà Wallace hỏi.

“Bà có một người giúp việc mới: Dorcas. Cô ta có mặt ở đây hôm nay chỉ vì tôi đã yêu cầu bà đem cô ta theo. Cô ta rất quan trọng trong câu chuyện này. Bà nói với tôi rằng Dorcas mới giúp

việc cho bà vài ngày, và tôi cũng thấy cô ta có đôi chút vụng về. Cô ta bưng cho tôi tách cà phê và đánh đổ gần hết. May thay, vẫn còn chút ít, đủ cho tôi nhắm nháp. Và tôi đã lập tức nhận ra đó là cà phê của quán Pleasant. Cà phê của họ không nhằm lẫn vào đâu được, không nơi nào khác có cà phê giống vậy.”

“Ồ!” Fee Spring thốt lên.

“Đúng vậy, thưa cô. Điều đó đã tác động sâu sắc lên tâm trí tôi: lập tức, tôi ghép nối được nhiều điều, giống như các mảnh ghép chọt khớp lại với nhau. Cà phê mạnh rất có ích cho trí não.”

Poirot chăm chọc nhìn Fee Spring. Cô bữu môi không tán thành.

“Cô giúp việc khá hậu đậu ấy là người mới. Xin lỗi cô, cô Dorcas, tôi tin chắc rằng cô sẽ tiến bộ, chỉ cần thêm thời gian. Tôi ghép sự kiện này với quán cà phê Pleasant và nó cho tôi một ý tưởng: nếu như Jennie Hobbs là người giúp việc cũ của Louisa Wallace thì sao? Qua các cô phục vụ ở Pleasant, tôi biết Jennie thường đến quán để mua đồ cho chủ, một phu nhân thuộc tầng lớp thượng lưu. Jennie gọi bà này là ‘Lệnh bà’. Có thú vị không nếu như, cho đến cách đây chỉ vài ngày, Jennie Hobbs vẫn còn làm việc cho người phụ nữ cung cấp chứng cứ ngoại phạm cho Nancy Ducane? Một sự trùng hợp lạ kỳ – hoặc là không hề trùng hợp gì cả. Thoạt đầu, suy nghĩ của tôi về việc này đã men theo một con đường sai. Tôi nghĩ: Nancy Ducane và Louisa Wallace là bạn bè, và họ thông đồng nhau để giết Jennie.”

“Ý tưởng gì lạ thế!” Louisa Wallace nói.

“Một sự dối trá ghê tởm!” ngài Wallace phụ họa theo.

“Không phải là dối trá, pas du tout. Là một sai lầm thôi. Jennie, như chúng ta đều thấy, nào có chết đâu. Tuy nhiên, tôi đã không sai lầm khi tin rằng cô ta là người giúp việc trong nhà của St. John và Louisa Wallace, mới vừa được thế chỗ bởi cô Dorcas. Sau khi nói chuyện với tôi ở Pleasant vào đêm án mạng, Jennie phải nhanh chóng rời khỏi nhà vợ chồng Wallace. Cô ta biết tôi sẽ sớm đến đó để lấy lời xác nhận cho chứng cứ ngoại phạm của Nancy Ducane. Nếu tôi phát hiện cô ta ở đó, làm việc cho người phụ nữ cung cấp chứng cứ ngoại phạm, tôi sẽ lập tức nghi ngờ. Catchpool, nói tôi biết đi – nói cho mọi người biết – cụ thể thì tôi sẽ nghi ngờ gì?”

Tôi hít vào một hơi sâu, cầu cho mình đừng phát biểu trật trĩa. “Ông sẽ nghi ngờ Jennie Hobbs và Nancy Ducane cấu kết với nhau để lừa dối chúng ta.”

“Rất đúng, mon ami.” Poirot nheo mắt với tôi. Quay sang các thánh giả, ông nói: “Sau khi nếm món cà phê và ngắm ra mối liên kết với quán Pleasant, tôi đã xem một bức tranh mà St. John Wallace vẽ tặng vợ ông nhân kỷ niệm ngày cưới. Đó là một bức tranh màu xanh bìm bịp. Nó ghi ngày bốn tháng 8 năm ngoái, và phu nhân Wallace đã giải thích về ý nghĩa của ngày đó. Chính lúc đó mà Poirot này đã nhận ra một điều: bức chân dung Nancy Ducane vẽ Louisa Wallace mà ông ta mới vừa xem vài phút trước... nó không ghi ngày. Là người yêu mến nghệ thuật, tôi đã từng tham quan vô số những cuộc triển lãm tại London. Tôi từng nhiều lần xem các tác phẩm của bà Ducane. Tranh của bà ấy luôn luôn có ghi ngày ở góc dưới, bên phải cùng dòng chữ tắt họ

tên: NAED.”

“Ông chăm chú hơn hầu hết những người xem triển lãm,” Nancy nói.

“Hercule Poirot luôn chăm chú – mọi thứ. Thưa bà, tôi tin rằng bức chân dung Louisa Wallace đã từng được bà ghi ngày, cho đến khi bà xóa nó đi. Tại sao vậy? Vì nó không phải là tranh mới vẽ. Bà cần tôi tin rằng bà giao tranh cho phu nhân Wallace vào đêm án mạng và vì vậy phải là một bức chân dung vừa hoàn tất. Tôi tự hỏi tại sao bà không vẽ lên một ngày tháng năm mới, một ngày tháng năm giả? Câu trả lời quá hiển hiện: nếu các tác phẩm của bà tồn tại hàng trăm năm, và nếu các nhà viết sử nghệ thuật quan tâm đến chúng – và chắc chắn họ quan tâm – bà không muốn làm lạc hướng những người quan tâm đến các tác phẩm của bà. Không, những người duy nhất bà muốn làm lạc hướng là Hercule Poirot và cảnh sát!”

Nancy Ducane khẽ nghiêng nghiêng đầu. Bằng một giọng trầm tư, bà nói: “Ông sâu sắc quá, ông Poirot. Ông thực sự hiểu, đúng không ông?”

“Oui, madame. Tôi hiểu rằng bà đã tìm việc cho Jennie Hobbs bằng cách gửi cô ta đến người bạn Louisa Wallace của bà – để giúp Jennie lúc cô ta chân ướt chân ráo đến London và cần có việc làm. Tôi hiểu rằng Jennie chưa bao giờ tham gia vào bất cứ kế hoạch nào nhằm đổ vấy tội cho bà mặc dù cô ta để cho Richard Negus tin rằng cô ta tham gia. Thật ra, thưa quý vị, Jennie Hobbs và Nancy Ducane đã là bạn bè và đồng minh của nhau từ khi cả hai cùng sống ở Great Holling. Hai người phụ nữ

cùng yêu Patrick Ive vô điều kiện và bất chấp mọi lý lẽ đã lập ra một kế hoạch tinh quái, khéo đến mức suýt nữa đã lừa được Hercule Poirot này, nhưng cuối cùng thì vẫn không đủ!”

“Dối trá, tất cả là dối trá!” Jennie bật khóc.

Nancy không nói năng gì.

Poirot nói: “Chúng ta hãy trở lại cái lúc ở nhà ngài Wallace và phu nhân. Tôi đã xem rất kỹ và rất lâu bức chân dung Louisa Wallace do Nancy Ducane vẽ. Trên tranh có một bộ ấm chén màu xanh. Khi tôi đi qua đi lại trong phòng để nhìn ngắm nó qua những luồng sáng khác nhau, màu xanh của bộ ấm chén vẫn là một khối màu rắn chắc, tầm thường, không có gì đáng chú ý. Mọi màu khác trên vải bạt đều hơi đổi theo ánh sáng khi tôi bước quanh. Nancy Ducane là một họa sĩ lão luyện. Bà ấy là một thiên tài trong lĩnh vực màu sắc – chỉ trừ khi bà ấy vội, khi bà ấy không nghĩ về nghệ thuật nữa mà chỉ nghĩ làm sao bảo vệ mình và cô bạn Jennie Hobbs của mình. Để che giấu thông tin, Nancy sơn nhanh màu xanh lên bộ ấm chén vốn trước đó không phải là màu xanh. Tại sao bà ấy làm như vậy?”

“Để che ngày tháng nó được viết?” tôi gợi ý.

“Non. Bộ ấm chén nằm ở nửa trên bức họa, còn Nancy Ducane thì luôn ghi ngày ở góc phải bên dưới,” Poirot nói. “Phu nhân Wallace, bà đã không ngờ tôi xin được tham quan khắp nhà từ tầng trệt đến tầng mái. Bà nghĩ tôi sẽ hài lòng ra về sau khi chúng ta trao đổi xong và khi tôi xem xong chân dung của bà do Nancy Ducane vẽ. Nhưng tôi thì lại muốn kiểm tra xem, liệu có tìm được bộ ấm chén xanh trong bức chân dung hay không, cái

bộ ấm chén đã được sơn một cách kém tinh tế so với tất cả các chi tiết còn lại. Và tôi đã tìm ra nó! Phu nhân Wallace có vẻ bối rối vì nó mất tích, nhưng sự bối rối của bà ấy là giả vờ. Trong một phòng ngủ trên gác, có một bộ ấm chén màu trắng in huy hiệu bên trên. Tôi nghĩ đây có lẽ là bộ ấm chén trong bức họa, tuy nó không phải là màu xanh. Cô Dorcas, phu nhân Wallace nói với tôi rằng cô hẳn đã làm vỡ hay trộm đi bộ ấm chén đó.”

“Tôi không có!” Dorcas ầm ừc nói. “Tôi chưa từng thấy bộ ấm chén xanh nào trong nhà.”

“Bởi vì, cô gái trẻ ạ, nó chưa bao giờ tồn tại cả!” Poirot nói. “Tôi tự hỏi tại sao Nancy Ducane lại đề lớp sơn xanh lên bộ ấm chén màu trắng? Bà ấy muốn che giấu thứ gì vậy? Tôi kết luận, chắc chắn đó là cái huy hiệu. Huy hiệu không thuần túy là để trang trí. Đôi lúc nó gắn với gia tộc, đôi lúc nó gắn với những trường học nổi tiếng.”

“Trường Saviour, thuộc Đại học Cambridge,” tôi thốt lên trước khi kịp ngăn mình. Tôi nhớ lại, ngay trước khi Poirot và tôi rời London để đến Great Holling, Stanley Beer đã có nhắc đến một huy hiệu nào đó.

“Oui, Catchpool. Sau khi rời nhà ngài Wallace và phu nhân, tôi đã vẽ lại chiếc huy hiệu để khỏi quên. Tôi chẳng phải là họa sĩ, nhưng cũng vẽ khá chính xác. Tôi nhờ viên đội Stanley Beer tìm hiểu xem huy hiệu đó đến từ đâu. Như tất cả quý vị đã nghe ông bạn Catchpool của tôi nói, huy hiệu trên bộ ấm chén trắng tại nhà ngài Wallace và phu nhân là huy hiệu trường Saviour, Cambridge, nơi Jennie Hobbs từng là người giúp việc cho mục sư

Patrick Ive. Cô Hobbs, bộ ấm chén đó là quà chia tay mà cô được tặng khi rời Saviour đến Great Holling cùng Patrick và Frances Ive, đúng không? Rồi khi chuyển đến ở nhà ngài Wallace và phu nhân, cô đã mang nó theo. Khi rời ngôi nhà đó trong vội vã để đến trốn tại nhà ông Kidd, cô đã không mang nó theo. Cô không có tinh thần đâu để nghĩ đến những thứ nhỏ nhặt đó. Tôi tin rằng, đến lúc đó, Louisa Wallace đã chuyển bộ ấm chén từ khu vực dành cho gia nhân mà cô từng chiếm giữ sang phòng ngủ cho khách, nơi nó có thể được chiêm ngưỡng bởi những người khác mà bà ấy muốn tạo ấn tượng.”

Jennie không trả lời. Khuôn mặt cô thờ ơ và vô cảm.

“Nancy Ducane không muốn có một chút rủi ro nào,” Poirot nói tiếp. “Bà ấy biết rằng, sau các án mạng ở khách sạn, Catchpool và tôi sẽ đặt ra nhiều câu hỏi ở làng Great Holling. Điều gì sẽ xảy ra nếu ông cụ say xỉn Walter Stoakley, cựu hiệu trưởng trường Saviour, nhắc chúng tôi rằng ông đã từng tặng Jennie Hobbs một bộ ấm chén có in huy hiệu để làm quà chia tay? Nếu chúng tôi thấy huy hiệu trên bức chân dung vẽ phu nhân Louisa Wallace, chúng tôi có thể phát hiện ra mối liên hệ với Jennie Hobbs rồi lần ra tiếp mối quan hệ giữa Nancy Ducane và Jennie Hobbs, vốn không phải là thù địch và ghen tuông như cả hai người phụ nữ này nói, mà là một mối quan hệ bằng hữu và thông đồng. Bà Ducane không chấp nhận rủi ro bị nghi ngờ chỉ vì cái huy hiệu trên bức chân dung, cho nên bộ ấm chén trắng đã được sơn lên màu xanh... một cách vội vã và không mấy nghệ thuật.”

“Không phải tác phẩm nào của người ta cũng đều là tốt nhất, ông Poirot ạ,” Nancy nói.

Tôi sợ hãi khi nghe bà ấy vẫn nói năng hợp lý, một kẻ từng thông đồng giết ba con người mà vẫn lịch thiệp và lý lẽ đến vậy.

“Ngài đồng ý với bà Ducane chứ, ngài Wallace?” Poirot hỏi. “Ngài cũng là một họa sĩ, mặc dù theo trường phái rất khác. Thưa quý vị, St. John Wallace là một họa sĩ vẽ thực vật. Khi thăm nhà ngài, tôi đã xem các tác phẩm của ngài trong từng căn phòng. Phu nhân Louisa đã rất tử tế khi giới thiệu cho tôi khắp xung quanh. Bà ấy còn rất rộng lượng khi cung cấp chứng cứ ngoại phạm giả cho Nancy Ducane. Phu nhân Louisa, quý vị thấy đấy, là một phụ nữ tốt bụng. Lòng tốt của bà ấy thuộc vào loại nguy hiểm nhất: do ở quá xa cái ác mà bà không nhận ra nó, dù nó có sờ sờ trước mắt! Phu nhân Wallace tin vào sự vô tội của Nancy Ducane và đã cung cấp chứng cứ ngoại phạm để che chở bạn mình. À, Nancy tài năng, dễ mến, bà ấy vô cùng thuyết phục! Bà ấy đã thuyết phục St. John Wallace rằng bà đang háo hức muốn thử nghiệm thể loại hội họa của ngài. Ngài Wallace có quan hệ tốt và có tiếng tăm, vì vậy cũng dễ sắm những loại cây mà ngài cần để vẽ vờ. Nancy Ducane nhờ ngài mua giùm vài cây sắn, loại cây mà từ đó chất cyanide được chiết ra!”

“Làm thế quái nào ông biết được điều đó?” St. John Wallace sửng sốt hỏi.

“Đoán cầu may thôi mà, thưa ngài. Nancy Ducane nói với ngài rằng bà ấy muốn mua các cây này cho mục đích nghệ thuật của bà ấy, đúng không ạ? Và ngài đã tin.” Poirot nói tiếp với đám

người đang há hốc: “Sự thật là cả ngài Wallace lẫn vợ của ngài ấy đều không thể tin nổi người bạn tốt xưa nay của họ lại có thể giết người. Điều đó sẽ ảnh hưởng rất xấu đến họ. Địa vị xã hội – thử hình dung xem! Ngay lúc này đây, khi mọi điều tôi nói đều khớp hoàn toàn với những điều mà họ biết là đúng, St. John và Louisa Wallace vẫn tự nhủ rằng lão thám tử lì lợm đến từ Lục địa này dứt khoát là sai. Đó chính là sự ngoan cố của con người, đặc biệt khi đó là những idées fixes của giới thượng lưu!”

“Ông Poirot, tôi không giết ai cả,” Nancy Ducane nói. “Tôi biết rằng ông biết tôi nói thật. Xin ông, hãy nói rõ cho mọi người trong phòng này rằng tôi không phải là kẻ giết người.”

“Tôi không thể, thưa bà. Je suis désolé. Bà không đích thân bỏ độc, nhưng bà đã âm mưu lấy đi ba mạng người.”

“Phải, nhưng đó chỉ vì tôi muốn cứu những mạng khác,” Nancy bức xúc nói. “Tôi chẳng có tội gì cả! Lại đây, Jennie, chúng ta hãy kể lại câu chuyện thật của chúng ta đi. Khi nghe xong, ông ta sẽ phải thừa nhận chúng ta bắt buộc phải làm vậy để cứu mạng sống của chính mình.”

Căn phòng im phăng phắc. Mọi người đều ngồi im. Tôi không nghĩ Jennie sắp di chuyển, nhưng rồi, chậm chậm, cô ta đứng dậy. Nắm chặt chiếc túi phía trước bằng cả hai tay, cô ta băng qua phòng, tiến đến chỗ Nancy.

“Mạng sống của chúng ta không đáng cứu,” cô ta nói.

“Jennie!” Sam Kidd hét lên rồi cả ông ta cũng bật dậy khỏi ghế, tiến đến chỗ cô ta.

Khi nhìn ông ta, tôi có cái cảm giác kỳ lạ rằng thời gian đang

chậm lại. Tại sao Sam Kidd lại chạy? Mỗi nguy là gì? Rõ ràng ông ta nghĩ có mỗi nguy. Mặc dù không hiểu vì sao, trái tim tôi bắt đầu đập nhanh và mạnh. Điều gì đó khủng khiếp sắp diễn ra. Tôi cũng co giò chạy về phía Jennie.

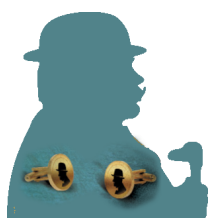
Cô ta mở túi ra. “Chị muốn đoàn tụ với Patrick đúng không?” cô ta nói với Nancy. Tôi nhận ra giọng cô, nhưng đồng thời cũng chẳng phải giọng cô. Đó là âm thanh của bóng tối triền miên được cô đặc lại thành lời. Tôi hy vọng đừng bao giờ nghe lại thứ âm thanh đó chừng nào tôi còn sống.

Poirot cũng bắt đầu di chuyển, nhưng cả hai chúng tôi đều đang ở quá xa. “Ông Poirot!” tôi gọi. “Ai đó ngăn cô ta lại đi!” Tôi thấy kim loại và ánh sáng nhảy múa. Hai người đàn ông ngồi ở bàn gần Nancy bật dậy, nhưng họ đã không di chuyển kịp. “Không!” Tôi la lên. Có một chuyển động nhanh – cánh tay của Jennie – rồi máu xối xả tuôn ra từ váy của Nancy chảy xuống sàn. Nancy đổ xuống đất. Đầu đó ở cuối phòng, một người phụ nữ hét lên.

Poirot đã ngừng di chuyển. Giờ đây ông đứng im như phỗng. “Mon Dieu,” ông nói rồi nhắm mắt lại.

Samuel Kidd đến chỗ Nancy trước tôi. “Bà ấy chết rồi,” ông ta nói khi nhìn xuống thi thể bà trên sàn.

“Đúng vậy, bà ấy đã chết,” Jennie nói. “Em đã đâm vào tim bà ấy. Trúng ngay tim.”



CHƯƠNG 25

NẾU ÁN MẠNG BẮT ĐẦU BẰNG VẤN D

Ngày hôm đó tôi đã biết rằng tôi không sợ cái chết. Đó chỉ là một trạng thái không còn năng lượng, không còn sức lực. Trong công việc của mình, tôi đã thấy nhiều thi thể người chết, và việc đó chưa bao giờ làm phiền tôi quá mức. Không, điều làm tôi sợ hãi hơn cả là sự kề cận với cái chết: âm thanh giọng nói của Jennie Hobbs khi cô ta bị hút vào nỗi khát khao muốn giết, cái trạng thái tinh thần của kẻ sát nhân, bằng tính toán lạnh lùng, đã đặt ba chiếc khuy măng-xét có khắc chữ vào miệng các nạn nhân rồi dày công đặt họ nằm xuống: duỗi đôi chân, duỗi các ngón tay, đặt những bàn tay không sức sống úp xuống sàn.

“Cầm tay ông đi, Edward.”

Làm sao người sống có thể cầm tay người chết mà không sợ chính mình cũng bị lôi vào cái chết?

Giá như tôi có quyền năng thì sẽ không còn ai phải dính dấp đến người chết, trong lúc còn đang sống. Tôi thừa nhận đó chỉ là một hy vọng không hiện thực.

Sau khi Jennie Hobbs đâm Nancy, tôi không muốn ở gần cô ta

nữa. Tôi không thêm thắc mắc vì sao cô ta lại làm vậy. Tôi chỉ muốn về nhà, ngồi bên lò sưởi réo rắt của Blanche Unsworth, tính toán ô chữ của tôi và quên đi cái kỳ án ở khách sạn Bloxham hay kỳ án dòng chữ tắt gì đó, muốn gọi sao thì tùy.

Tuy vậy, Poirot lại có đủ sự hiểu kỳ cho cả hai chúng tôi, mà ý chí ông lại mạnh mẽ hơn ý chí tôi. Ông buộc tôi phải ở lại. Đây là vụ án của tôi, ông nói, tôi phải gút nó lại cho gọn gàng. Ông làm một động tác tay thể hiện sự gói ghém chi ly, cứ như thể việc điều tra án mạng cũng giống như đóng một gói hàng vậy.

Cho nên, nhiều giờ sau, Poirot và tôi đã ngồi trong một căn phòng hẹp vuông vức tại Scotland Yard, với Jennie Hobbs ngồi đối diện ở phía bên kia bàn. Samuel Kidd cũng đã bị bắt giữ và đang được Stanley Beer lấy cung. Tôi sẵn sàng đổi bất kỳ thứ gì để được xử lý Kidd thay vì Jennie Hobbs. Hẳn chắc chắn là một kẻ lừa đảo, một tên vô lại, nhưng trong giọng nói của hắn tôi chưa từng nghe thấy tắt đi niềm hy vọng.

Nhân nói về giọng, tôi đã ngạc nhiên trước sự hiền hòa của Poirot khi ông nói: “Tại sao cô làm vậy, thưa cô? Tại sao lại giết Nancy Ducane khi cô và bà ấy là bạn bè và đồng minh từ suốt bao lâu nay?”

“Nancy và Patrick là một cặp tình nhân theo đúng nghĩa từng từ. Tôi không biết điều đó cho đến khi nghe bà ấy kể hôm nay. Tôi luôn nghĩ bà ấy giống như tôi: cả hai đều cùng yêu Patrick, cùng biết không thể sống với anh ấy như vợ chồng – chưa từng thân mật như thế với anh. Suốt những năm đó, tôi đã tin rằng tình yêu của họ là trong trắng, nhưng đó là sự dối trá. Nếu

Nancy thực sự yêu Patrick, bà ấy không thể biến anh ấy thành kẻ tà dân và làm vẩn đục đạo đức của anh ấy.” Jennie quệt nước mắt. “Tôi tin rằng tôi đã cho bà ấy một ân huệ. Ông đã nghe bà ấy thể hiện mong muốn đoàn tụ với Patrick rồi đấy. Tôi đã giúp bà ấy toại nguyện, đúng không ông?”

“Catchpool,” Poirot nói. “Anh còn nhớ lúc ta tìm thấy máu trong phòng 402 ở khách sạn Bloxham chứ? Tôi có nói với anh rằng đã không kịp cứu cô Jennie.”

“Vâng.”

“Anh tưởng tôi ngụ ý cô ta đã chết, nhưng anh đã hiểu lầm tôi. Anh thấy đấy, ngay từ lúc đó tôi đã biết không còn giúp Jennie được nữa rồi. Cô ta đã làm cho mọi việc trở nên quá kinh khủng, khiến cô ta khó tránh được cái chết. Đó là ý tôi muốn nói.”

“Đằng nào cũng thế, tôi đã chết kể từ khi Patrick từ trần,” Jennie nói với âm điệu của sự vô vọng bất tận.

Tôi biết chỉ có một con đường để vượt qua thử thách này, và đó là tập trung toàn bộ sự chú ý vào các câu hỏi logic. Poirot đã giải quyết được bài toán đố chưa? Hình như ông đã nghĩ là rồi, nhưng tôi thì vẫn tù mù trong bóng tối. Ví dụ, ai là người đã giết Harriet Sippel, Ida Gransbury và Richard Negus? Tại sao lại làm vậy? Tôi đặt các câu hỏi này cho Poirot.

“À,” ông mỉm cười trêu mếu, như thể tôi vừa nhắc ông một chuyện cười mà chúng tôi từng chia sẻ. “Tôi thấy sự khó xử của anh, mon ami. Anh nghe Poirot tôi hùng biện dài dòng và rồi, chỉ vài phút trước kết luận, một án mạng khác đã làm gián đoạn, và anh chưa nghe được những giải đáp mà anh chờ đợi.

Dommage.”

“Làm ơn nói ngay cho tôi biết và chấm dứt cái dommage của ông đi,” tôi lớn tiếng nói.

“Rất đơn giản. Jennie Hobbs và Nancy Ducane, với sự trợ giúp của Samuel Kidd, đã thông đồng để giết Harriet Sippel, Ida Gransbury và Richard Negus. Tuy nhiên, trong khi hợp tác với Nancy, Jennie lại vờ tham gia vào một âm mưu hoàn toàn khác. Cô ta để cho Richard Negus tin rằng ông ta mới là người cô ta thông đồng.”

“Việc đó với tôi không có vẻ gì là ‘quá đơn giản’ cả,” tôi nói. “Nghe phức tạp một cách bất thường.”

“Không, không đâu, bạn tôi. Vraiment, không phải vậy đâu. Anh đang gặp rắc rối trong việc hòa giải các phiên bản khác nhau của câu chuyện, nhưng anh phải quên đi tất cả những gì Jennie đã nói với chúng ta khi chúng ta đến viếng cô ta tại nhà Samuel Kidd. Hãy trục nó hoàn toàn ra khỏi đầu của anh đi. Nó là sự dối trá từ đầu đến cuối, mặc dù tôi chắc cũng có chứa vài yếu tố xác thực. Những lời nói dối tài tình nhất luôn như thế. Lát nữa đây, Jennie sẽ nói cho chúng ta toàn bộ sự thật, khi mà giờ đây cô ấy chẳng còn gì để mất. Nhưng trước hết, bạn tôi ạ, tôi phải tặng anh một lời khen mà anh rất xứng đáng. Cuối cùng thì chính là anh đã giúp tôi nhìn rõ mọi sự nhờ gợi ý của anh ở nghĩa trang Nhà thờ Holly Saints.”

Poirot quay sang Jennie. Ông nói: “Lời nói dối mà cô nói với Harriet Sippel: rằng Patrick Ive nhận tiền giáo dân để đổi lấy những thông điệp của người thân đã khuất, rằng Nancy Ducane

đã viếng thăm ông ấy tại nhà mục vụ cũng vì lý do đó – muốn giao tiếp với William, người chồng quá cố của bà ấy... À, đã bao nhiêu lần Poirot này nghe kể về lời nói dối khủng khiếp và độc địa đó? Nhiều lần, rất nhiều lần. Cô Hobbs, hôm vừa rồi chính cô cũng thừa nhận với chúng tôi rằng cô đã nói dối trong một phút yếu lòng, do bị thúc đẩy bởi sự ghen tuông. Nhưng đó không phải là sự thật!

“Khi đứng bên năm mộ bị xâm hại của Patrick và Frances Ive, ông Catchpool đã nói với tôi: ‘Nếu như Jennie Hobbs nói dối về Patrick Ive không phải để hại ông ấy mà để giúp ông ấy thì sao?’ Ông Catchpool đã nhận ra ý nghĩa của một điều mà tôi từng cho là hiển nhiên, không thể tranh cãi, và vì vậy đã không xem xét nó: Tình yêu say đắm của Harriet Sippel dành cho ông chồng George quá cố của bà ta, người đã chết bi thảm khi còn trẻ. Chẳng phải Poirot tôi đã được kể Harriet yêu George như thế nào hay sao? Rằng cái chết của George đã biến Harriet từ một phụ nữ vui vẻ, nhiệt tình thành con quái vật cay nghiệt và hận thù hay sao? Thật khó mà hình dung một sự mất mát khủng khiếp như thế, hủy hoại như thế, đến mức dập tắt mọi niềm vui và hủy diệt tất cả những gì tốt đẹp ở một người. Oui, bien sur, tôi biết Harriet Sippel đã trải qua sự mất mát như thế. Tôi biết chắc điều đó đến mức tôi không nghĩ về nó nữa!

“Tôi cũng biết rằng Jennie Hobbs yêu Patrick Ive đến mức bỏ cả vị hôn phu Samuel Kidd để được tiếp tục làm người giúp việc cho vị mục sư và vợ ông. Đó là một sự hy sinh rất lớn vì tình: cho đi rất nhiều mà nhận lại chẳng bao nhiêu. Tuy vậy câu chuyện

mà cả Jennie lẫn Nancy kể lại viện lý do ghen tuông để giải thích việc đưa ra lời nói dối khủng khiếp kia – ghen với tình yêu của Patrick dành cho Nancy. Nhưng điều đó không thể là thật! Không khớp! Ta phải tính đến các yếu tố tâm lý chứ không chỉ các yếu tố vật lý. Jennie đã không làm gì để trừng phạt Patrick Ive vì cuộc hôn nhân với Frances. Cô ta đã bao dung chấp nhận việc ông thuộc về người phụ nữ khác. Cô ta tiếp tục là người giúp việc trung thành của ông và đã giúp ông và vợ rất nhiều ở nhà mục vụ, đổi lại họ cũng rất mến mộ cô. Cớ sao đột nhiên sau nhiều năm phục vụ và xả thân vì yêu, tình yêu của Patrick Ive dành cho Nancy Ducane lại đẩy Jennie đến chỗ vu khống ông, khởi đầu một chuỗi các sự kiện đã hủy diệt ông? Câu trả lời là điều đó không thể và đã không xảy ra.

“Không phải sự bột phát của ghen tuông hay tình yêu bị kiềm hãm quá lâu trong lòng đã thúc đẩy Jennie đưa ra lời nói dối. Phải có một lý do nào đó hoàn toàn khác. Cô đã từng cố giúp đỡ người cô yêu, đúng không, cô Hobbs? Thậm chí đã cố cứu ông ấy. Vừa nghe xong cái giả thuyết thông minh mà ông bạn Catchpool của tôi đưa ra, tôi đã biết đó là sự thật. Nó quá hiển hiện, và Poirot này imbecile quá nên không thấy được!”

Jennie nhìn tôi. “Giả thuyết gì vậy?” cô hỏi.

Tôi mở miệng toan trả lời, nhưng Poirot đã nhanh hơn tôi. “Khi Harriet Sippel nói với cô rằng bà ta thấy Nancy Ducane đến nhà mục vụ vào ban đêm, cô lập tức lo sợ. Cô đã biết những cuộc hò hẹn này – làm sao không biết được khi cô sống ngay ở đó – và cô đã lo âu làm sao bảo vệ thanh danh của Patrick Ive. Cách nào

làm được điều đó? Một khi đã đánh hơi thấy có tai tiếng, Harriet Sippel sẽ rất hào hứng với cơ hội làm nhục mặt người có tội trước công chúng. Ngoài sự thật ra, làm sao cô giải thích sự hiện diện của Nancy Ducane ở nhà mục vụ vào ban đêm, khi mà Frances Ive không ở đó? Có chẳng một câu chuyện nào khác qua mặt được đám đông? Và rồi, như thể một phép lạ, vào lúc hầu như đã hết hy vọng, cô chợt nghĩ ra một cách có thể hữu hiệu. Cô quyết định sử dụng sự cảm dỗ và hy vọng giả tạo để loại bỏ mối đe dọa từ Harriet.”

Jennie thần thờ nhìn phía trước. Cô không nói năng gì.

“Harriet Sippel và Nancy Ducane có một điểm chung với nhau,” Poirot nói tiếp. “Họ đều mất chồng sau những cái chết bi thương từ rất sớm. Cô đã nói với Harriet rằng, nhờ sự giúp đỡ của Patrick Ive, Nancy có thể giao tiếp với người chồng quá cố William Ducane, rằng chớ chuyện thu tiền. Dĩ nhiên, điều này phải giữ kín không để nhà thờ và dân làng biết được, và cô đã gợi ý Harriet rằng, nếu như bà muốn, Patrick có thể giúp bà như đã giúp Nancy. Bà và George có thể... vâng, nếu không đoàn tụ được với nhau thì ít nhất cũng giao tiếp được với nhau cách nào đó. Nói tôi biết đi, Harriet đã trả lời ra sao trước những gì cô nói?”

Tiếp theo là một sự im lặng kéo dài. Rồi Jennie lên tiếng: “Bà ta nhỏ cả nước dãi, muốn điều đó diễn ra càng sớm càng tốt. Mất bao nhiêu tiền bà ta cũng sẵn sàng, miễn được trò chuyện với George lần nữa. Không thể tưởng tượng nổi người đàn bà đó yêu chồng như thế nào, ông Poirot ạ. Nhìn khuôn mặt bà lúc tôi đang nói... tôi thấy giống như một phụ nữ đã chết vừa sống lại. Tôi đã

cố giải thích tất cả cho Patrick: rằng đã có rắc rối nhưng tôi đã giải quyết êm thấm rồi. Ông biết đấy, tôi đã gợi ý cho Harriet mà không xin ý kiến anh ấy trước. Tự đáy lòng tôi vẫn biết Patrick sẽ không bao giờ đồng ý, nhưng lúc đó tôi đã tuyệt vọng rồi! Tôi không để cho anh ấy có cơ hội ngăn cấm tôi. Ông có hiểu cho không?”

“Oui, mademoiselle.”

“Tôi đã hy vọng sẽ thuyết phục được anh ấy đồng ý. Anh ấy là người có nguyên tắc, nhưng tôi biết anh ấy muốn che chở cho Frances tránh những tai tiếng, đồng thời bảo vệ Nancy, và đó là cách chắc chắn để đảm bảo sự im lặng của Harriet. Đó là cách duy nhất. Tất cả những gì Patrick phải làm là nói vài lời an ủi Harriet, giả vờ rằng những lời đó đến từ George Sippel. Thậm chí anh ấy không cần phải nhận tiền. Tôi nói tất cả những điều này với anh ấy, nhưng anh ấy không muốn nghe. Anh ấy thấy kinh tởm.”

“Ông ấy đã hoàn toàn đúng,” Poirot nhẹ nhàng nói. “Làm ơn nói tiếp đi.”

“Anh ấy bảo làm như tôi đề nghị là vô đạo đức và không đáng hoàng với Harriet. Làm như vậy thì anh ấy chỉ tổ đối mặt với sự sụp đổ cá nhân thậm chí còn sớm hơn nữa. Tôi van xin anh ấy suy nghĩ lại. Có hại gì đâu nếu điều đó chỉ làm cho Harriet sung sướng hơn? Nhưng Patrick đã quyết tâm. Anh ấy nhờ tôi trao cho bà ta một lá thư nói rằng điều mà tôi đề nghị không thể nào diễn ra được. Anh ấy dặn rất cụ thể: ‘Jennie, đừng nói rằng cô đã nói dối, nếu không bà ấy sẽ quay sang nghi ngờ sự thật,’ anh ấy nói

vậy. Tôi được căn dặn chỉ nói với Harriet rằng bà ta sẽ không thể có được điều bà ta muốn.”

“Do đó cô không có lựa chọn nào khác hơn là nói vậy với bà ta?” tôi nói.

“Không có lựa chọn nào.” Jenny bắt đầu khóc. “Và từ cái lúc tôi nói với Harriet rằng Patrick từ chối yêu cầu của bà ta, bà ta đã coi anh ấy như kẻ thù, và bắt đầu phát tán lời nói dối của tôi ra khắp làng. Patrick có thể trả đũa, làm cho bà ta mất mặt bằng cách công bố việc bà ta đã háo hức muốn sử dụng cái dịch vụ không lành mạnh của anh và khi bị khước từ thì mới gọi đó là báng bổ và vô đạo, nhưng anh ấy không thể làm vậy. Anh ấy nói dù Harriet có tấn công anh hiểm độc bao nhiêu chăng nữa, anh cũng vẫn không bôi nhọ bà ta. Một người đàn ông thật ngốc nghếch! Anh ấy có thể làm bà ta câm miệng trong nháy mắt, nhưng lại quá cao thượng để mà làm vậy!”

“Có phải đó là lúc cô đến gặp Nancy Ducane để xin lời khuyên?” Poirot hỏi.

“Phải. Tôi nghĩ không lẽ gì Patrick và tôi là những người duy nhất phải buồn phiền. Nancy cũng có phần trong chuyện này. Tôi hỏi bà ấy liệu tôi có nên công khai thú nhận mình nói dối, nhưng bà ấy khuyên tôi đừng làm vậy. Bà ấy nói: ‘Tôi sợ rằng những rắc rối đang đến với Patrick, cách này hay cách khác, và cả với tôi nữa. Khôn ngoan nhất là cô hãy rút ra phía sau và không nói gì cả, Jennie ạ. Đừng xả thân làm gì. Tôi không tin cô đủ mạnh mẽ để đối chọi những trò vu khống của Harriet đâu.’ Bà ấy đã đánh giá thấp tôi. Tôi thấy bức tức, ông biết đấy. Quả thực

tôi cảm thấy có phần như tan nát vì quá lo lắng cho Patrick, khi Harriet quyết tâm hủy diệt anh, nhưng tôi không phải là người yếu đuối, ông Poirot ạ.”

“Tôi biết cô không sợ.”

“Không sợ đâu. Tôi như tăng thêm sức mạnh khi biết Harriet Sippel – mẹ đàn bà ghê tởm, đạo đức giả đó – đã chết. Kẻ giết bà ta đã tạo phúc rất nhiều cho thế gian này.”

“Liên quan đến câu hỏi về danh tính kẻ giết người, thưa cô. Ai giết Harriet Sippel vậy? Cô nói đó là Ida Gransbury, nhưng đó là nói dối.”

“Tôi đâu cần phải nói với ông sự thật, ông Poirot, vì ông cũng biết rõ đâu thua kém gì tôi.”

“Thế thì tôi phải xin cô chiếu cố cho ông Catchpool đáng thương đây. Ông ấy vẫn chưa biết được toàn bộ câu chuyện.”

“Ông nói với ông ta chẳng tốt hơn sao?” Jennie mỉm cười, một nụ cười xa vắng. Tôi chợt thấy cô ta ít hiện hữu trong căn phòng hơn so với cách đây mới ít lâu. Cô ta đã đưa bản thân mình đi xa.

“Très bien!” Poirot nói. “Tôi sẽ bắt đầu với Harriet Sippel và Ida Gransbury, hai người phụ nữ cứng nhắc, quá tin tưởng vào sự chính trực của mình đến mức muốn sớm lừa một người đàn ông tốt vào nắm mồi. Liệu họ có ăn năn sau cái chết của ông ấy? Không, thay vào đó họ còn phản đối việc chôn cất ông ấy trong đất nhà thờ. Liệu hai người phụ nữ đó, sau nhiều lần được Richard Negus thuyết phục, đã trở nên ân hận về cách họ đối xử với Patrick Ive? Không, dĩ nhiên là không. Họ mà ăn năn thì

nghe không hợp lý. Cô Jennie ạ, chính từ chỗ đó trong câu chuyện của cô mà tôi đã biết cô nói dối.”

Jennie nhún vai. “Mọi việc đều có thể mà,” cô nói.

“Non. Chỉ có sự thật là có thể mà thôi. Tôi biết Harriet Sippel và Ida Gransbury không đời nào đồng ý cái kế hoạch hành quyết mà cô mô tả cho tôi. Do đó, họ đã bị giết hại. Chuyển việc giết người thành một dạng tự sát do ủy nhiệm là quá sức thuận tiện! Các người đã hy vọng Poirot này nới lỏng các tế bào xám nhỏ một khi ông ta nghe nói tất cả những người chết đều tình nguyện chết. Đó là cơ hội lớn để họ chuộc tội! Quả là một câu chuyện đặc sắc và giàu trí tưởng tượng, dạng chuyện mà ta nghe và mặc định ngay là thật, vì ai có thể nghĩ ngợi và phát minh ra một sự thêu dệt tinh vi đến cỡ đó?”

“Đó là phao cứu sinh của tôi, để sử dụng khi cần đến,” Jennie nói. “Tôi đã hy vọng ông không lần ra tôi, nhưng tôi vẫn sợ ông làm được.”

“Và nếu tôi làm được, cô trông đợi vào chứng cứ ngoại phạm của cô từ 7 giờ 15 đến 8 giờ 10, và Nancy Ducane cũng vậy. Khi đó, cô và Samuek Kidd sẽ bị kết án về tội giá họa cho một phụ nữ vô tội, chứ không phải là giết người và thông đồng để giết người. Tính toán đó rất khôn ngoan: cô thú nhận sai phạm của mình để tránh bị trừng phạt vì những tội ác nghiêm trọng hơn nhiều. Các kẻ thù của cô bị giết mà vẫn không ai bị treo cổ vì chúng tôi tin vào câu chuyện của cô: Ida Gransbury giết Harriet Sippel, rồi Richard Negus giết Ida Gransbury và tự sát. Kế hoạch của các người rất tài tình, nhưng không tài tình bằng Hercule Poirot này

đâu!”

“Richard muốn chết,” Jennie giận dữ nói. “Ông ấy không bị giết. Ông ấy quyết tâm chết.”

“Phải,” Poirot nói. “Đó là cái thật trong cái giả.”

“Toàn bộ mớ hỗn độn khủng khiếp này không phải do lỗi ông ấy. Tôi sẽ không giết ai cả nếu như không phải vì Richard.”

“Nhưng cô đã giết – giết nhiều lần. Một lần nữa, chính là ông Catchpool đã giúp tôi đi đúng đường bằng cách phát ra những lời nói vu vơ.”

“Những lời gì vậy?” Jennies hỏi.

“Ông ấy nói: ‘Nếu *murder* bắt đầu bằng vần D...’”

Tôi bối rối quá khi nghe Poirot ca tụng sự đặc lực của tôi. Tôi không hiểu bằng cách nào những lời vu vơ ấy lại có thể hệ trọng đến vậy.

Poirot vẫn tiếp tục thao thao. “Sau khi nghe câu chuyện của cô, thưa cô, chúng tôi rời nhà Samuel Kidd và, dĩ nhiên, đã thảo luận về những gì cô kể: cái kế hoạch mà cô nói đã cùng Richard Negus dựng lên... Có thể nói đó là một ý tưởng hấp dẫn. Có sự tinh vi trong đó, như những quân domino lật ngửa vậy, ngoại trừ, khi tôi suy nghĩ cẩn thận, nó hoàn toàn chẳng giống vậy vì trình tự lật quân đã bị thay đổi. Không phải D gục ngã rồi đến C, đến B, đến A. Thay vào đó B hạ gục A, rồi C hạ B... Nhưng đó là chuyện bên lề.”

Ông ấy nói cái quái gì vậy? Jennie có vẻ cũng thắc mắc như tôi.

“À, tôi phải giải thích sáng sủa hơn,” Poirot nói. “Để hình dung rõ ràng hơn trình tự các sự kiện, thưa cô, tôi đã dùng các chữ cái để thay tên. Kế hoạch của cô, như cô đã kể tại nhà của Samuel Kidd, là như sau: B giết A, C giết B, rồi D giết C. Sau đó D chờ E bị quy tội và bị treo cổ vì giết A, B và C, cuối cùng thì D tự sát. Cô thấy đấy, cô Hobbs, cô chính là D trong cách sắp xếp này, theo câu chuyện mà cô kể cho chúng tôi?”

Jennie gật đầu.

“Bon. Nghe tiếp đây, tình cờ mà ông Catchpool đây lại là một người đam mê trò chơi ô chữ, và liên quan đến thú tiêu khiển này mà ông ta đã nhờ tôi nghĩ ra một từ có sáu chữ mang ý nghĩa liên hệ đến cái chết. Không, ông Catchpool nói, gợi ý của Poirot tôi sẽ chỉ dùng được nếu ‘murder’ bắt đầu bằng vần D. Ít lâu sau tôi nhớ lại lời ông ta và suy ngẫm vẩn vơ trong đầu: Nếu ‘{án mạng\$murder)’ quả thực bắt đầu bằng vần D thì sao nhỉ? Điều gì xảy ra nếu người đầu tiên bị giết không phải là Ida Gransbury mà là cô, cô Hobbs? Theo thời gian, suy ngẫm này cứ càng dần lên, trở nên chắc chắn. Tôi đã hiểu vì sao phải là cô giết Harriet Sippel. Bà ta và Ida Gransbury không hề đi cùng chuyến tàu với nhau từ Great Holling và cũng không đi cùng xe về khách sạn Bloxham. Do đó, hai người họ không biết về sự hiện diện của nhau và không hề có kế hoạch nào được thống nhất để người này giết người nọ. Đó hẳn phải là dối trá.”

“Thế sự thật là gì?” tôi hỏi khá đường đột.

“Harriet Sippel tin rằng bà ta một mình đi đến London vì một lý do riêng. Ida Gransbury cũng thế. Jennie đã bắt liên lạc với

Harriet và nói cần gặp bà ta khẩn cấp. Đây là chuyện đòi hỏi phải tuyệt mật. Jennie nói với Harriet rằng cô đã đăng ký một phòng ở khách sạn Bloxham và đã thanh toán trước. Cô nói sẽ đến khách sạn vào chiều thứ năm, khoảng từ ba giờ rưỡi đến bốn giờ, để họ xúc tiến một công việc quan trọng. Harriet chấp thuận lời mời của Jennie vì Jennie đã viết trong thư mời điều gì đó mà Harriet không thể cưỡng được.

“Cô đề nghị với bà ta điều mà Patrick Ive đã từ chối suốt bao năm về trước, n'est-ce pas, mademoiselle? Giao tiếp với người chồng quá cố một mực yêu thương của bà ta. Cô nói với bà ta rằng George Sippel muốn giao tiếp với bà ta thông qua cô – người từng cố giúp ông liên lạc với bà mười sáu năm về trước, nhưng thất bại. Và một lần nữa, George đang muốn dùng cô làm một kênh để gửi thông điệp đến người vợ thương yêu của ông ta. Ông ta đã nói với cô từ thế giới bên kia! Ồ, tôi tin chắc cô đã trình bày cực kỳ thuyết phục! Harriet không có khả năng cưỡng lại. Bà ta tin vì bà ta quá nồng nhiệt mong việc đó thành hiện thực. Đã lâu lắm rồi, cô từng nói dối bà ta về việc linh hồn người thương đã khuất có thể liên lạc với người sống. Bà ta đã tin vào lúc đó, và đến nay vẫn chưa bao giờ ngừng tin.”

“Ông tài lắm, ông Poirot,” Jennie nói. “Quả là danh bất hư truyền.”

“Catchpool, nói tôi nghe xem: giờ thì anh đã hiểu ra chưa câu chuyện người phụ nữ lớn tuổi say mê người đàn ông trẻ đến mức có thể là con của bà ta? Những nhân vật đã ám ảnh anh nhiều đến thế và đã được nhắc đến trong cuộc buôn chuyện giữa

Nancy Ducane và Samuel Kidd tại phòng 317?”

“Làm gì đến nỗi ám ảnh. Nhưng, không, tôi chưa hiểu.”

“Chúng ta hãy nhớ lại précisément xem Rafal Bobak đã nói gì với chúng ta. Ông ta nghe Nancy Ducane, trong vai Harriet Sippel, nói: ‘Bà ta chẳng còn là người để ông ấy yêu thương. Giờ đây, ông ấy khó lòng quan tâm đến bà ta khi mà bà ta đã đánh mất chính mình, và nay còn đáng tuổi mẹ của ông ấy nữa cơ đấy.’ Hãy nghĩ về những lời này: ‘Giờ đây, ông ấy khó lòng quan tâm đến bà ta.’ Sự kiện được nêu ra trước, sau đó hai lý do của sự mất quan tâm mới được nêu. Một trong hai lý do này là bà ta “đáng tuổi mẹ” của ông ấy. Nay, bà ta còn đáng tuổi mẹ của ông ấy. Anh hiểu ra chưa, Catchpool? Nếu như nói bà ta đáng tuổi mẹ ông ấy thì bà ta phải mãi mãi đáng tuổi mẹ ông ấy chứ đâu phải chỉ nay. Chỉ có khả năng đó mà thôi!”

“Nói vậy có hơi cưỡng ép quá không?” tôi nói. “Ý tôi là, nếu không có chữ ‘nay’ thì câu đó hoàn toàn rõ nghĩa: ‘Ông ấy khó lòng mà quan tâm đến bà ta, bà ta đã đánh mất chính mình và đáng tuổi mẹ ông ấy’.”

“Nhưng, mon ami, anh nói buồn cười quá,” Poirot lấp bắp nói. “Chẳng có logic gì cả. Chữ ‘nay’ nằm trong câu đó mà. Ta không thể làm ngơ khi nó có ở đó. Ta không thể phớt lờ chữ ‘nay’ khi nó lù lù ra ngay phía trước chúng ta!”

“Tôi e rằng tôi không thể đồng ý với ông,” tôi nói với đôi chút dao động. “Nếu để tôi đoán thì tôi sẽ nói ý của câu này là đại loại như sau: Trước khi bà ta đánh mất chính mình, anh chàng đó không quan tâm lắm hay không để ý đến cách biệt tuổi tác giữa

họ. Có lẽ cách biệt đó không quá rõ. Tuy nhiên, nay bà ta không còn ở đỉnh cao xuân sắc nữa, gã kia bèn kiếm một cô bạn trẻ hơn, hấp dẫn hơn, người mà nay gã yêu thương...”

Mặt đỏ như gấc, Poirot bắt đầu mất kiên nhẫn và to tiếng với tôi. “Anh đoán chả hợp lý chút nào cả, Catchpool ạ. Tôi thì tôi biết! Nghe Poirot nói này! Nghe một lần nữa thật chính xác những gì đã được nói và trình tự của nó: ‘Giờ đây ông ấy khó lòng quan tâm đến bà ta khi mà bà ta đã đánh mất chính mình, và nay còn đáng tuổi mẹ của ông ấy nữa cơ đấy’.” Lý do một khiến ông ấy không quan tâm đến bà ta nữa được tiếp nối bằng lý do hai! Cấu trúc câu thể hiện quá rõ rằng cả hai tình huống chẳng may này diễn ra vào lúc này chứ trước kia thì không.”

“Ông không cần phải quát lên với tôi như thế, ông Poirot ạ. Tôi nắm được ý ông rồi, nhưng tôi vẫn không đồng ý. Không phải ai cũng nói năng chuẩn xác được như ông. Diễn dịch của tôi hẳn là đúng, còn của ông thì sai, vì như ông vẫn nói, nó không có ý nghĩa. Chính ông đã nói vậy mà: Bà ta phải mãi mãi đáng tuổi mẹ ông ấy.”

“Catchpool ời là Catchpool. Tôi bắt đầu thất vọng về anh rồi đấy! Hãy nghĩ đến diễn biến kế tiếp trong cuộc trò chuyện đó. Rafal Bobak nghe Samuel Kidd, trong vai Richard Negus, nói: ‘Tôi nghi ngờ cái vụ đáng-tuổi-mẹ của bà. Rất nghi đấy’. Nancy, trong vai Harriet bèn trả lời: ‘Thôi được, không ai trong chúng ta chứng tỏ được mình đúng, vậy ta cứ chấp nhận là bất đồng đi’. Nhưng tại sao cả hai đều không thể chứng tỏ là mình đúng? Chắc chắn đó đơn giản là vấn đề sinh học, người phụ nữ có đáng tuổi mẹ

người đàn ông kia không? Nếu bà ta lớn hơn ông ấy bốn tuổi thì bà ta không đáng tuổi mẹ. Chẳng ai nghi ngờ chuyện đó cả! Nếu bà ta lớn hơn ông ấy hai mươi tuổi thì bà ta đáng tuổi mẹ – điều đó cũng chắc chắn không kém.”

“Còn nếu bà ta lớn hơn ông ấy mười ba tuổi thì sao?” Jennie Hobbs nói, mắt nhắm nghiền. “Hay mười hai? Cũng có những trường hợp hiếm... dĩ nhiên ở đây không thể áp dụng được.”

Hóa ra Jennie đã biết Poirot đang hướng tới đâu. Tôi là người duy nhất tù mù trong căn phòng này.

“Mười ba, mười hai thì không thích hợp rồi! Ta có thể hỏi bác sĩ hay chuyên gia y khoa: về mặt lý thuyết liệu một bé gái mười ba, mười hai tuổi có thể sinh con được không? Câu trả lời sẽ là có hoặc không. Chúng ta không nên thảo luận những trường hợp ngoại lệ của lứa tuổi sinh con! Catchpool, anh còn nhớ câu nói của Samuel Kidd liên quan đến người đàn ông được cho là trẻ hơn chứ: ‘Lý trí của ông ấy ư? Tôi thì cho rằng ông ấy chẳng còn lý trí’. Chắc chắn anh sẽ nói ông Kidd chỉ đơn giản ngụ ý rằng người đàn ông đó là một gã ngốc.”

“Chắc chắn tôi nghĩ vậy,” tôi hờn dỗi nói. “Sao ông không nói ra tôi sơ suất điều gì? Ông thông minh hơn tôi quá chừng mà!”

Poirot bật ra một tiếng kêu khá dung tục: “*Sacré tonnerre*. Cặp đôi được đề cập trong phòng 317 là Harriet Sippel và ông chồng George của bà ta. Cuộc trò chuyện không phải là nghiêm túc mà có ý nhạo báng. George Sippel mất khi ông ấy và Harriet đều còn trẻ. Samuel Kidd nói George Sippel ‘không còn lý trí’ là ý nói nếu ông ta còn tồn tại sau khi chết thì sự tồn tại đó không phải ở

dạng người nữa. Ông ta là hồn ma, n'est-ce pas? Vì lý trí thì phải ở trong não, mà linh hồn thì không sở hữu các bộ phận của con người. Hồn ma George Sippel không thể có lý trí.”

“Tôi... Ôi trời ơi. Vâng, giờ thì tôi hiểu rồi.”

“Theo cách nói của Samuel Kidd, ông ta đưa ra quan điểm này – ‘Tôi thì cho rằng...’ – vì ông chờ đợi Nancy Ducane sẽ không tán thành. Bà ấy có thể nói: ‘Dĩ nhiên hồn ma cũng phải có lý trí. Hồn ma có kênh riêng và có ý muốn của nó, đúng không nào? Mọi thứ đến từ đâu nếu không phải từ lý trí?’”

Về mặt triết học mà nói, đó là một luận điểm thú vị. Nếu ở tình huống khác thì tôi sẽ suy ngẫm vấn đề này.

Poirot nói tiếp: “Nhận xét của Nancy về việc ‘đáng tuổi mẹ’ dựa trên niềm tin của bà ấy rằng khi người ta chết thì tuổi cũng vĩnh viễn dừng lại. Ở thế giới bên kia, người ta không già đi. Nếu trở lại dưới dạng linh hồn để viếng thăm người vợ góa của mình, George Sippel sẽ là chàng trai tuổi đôi mươi, tức độ tuổi của ông ta lúc chết. Còn Harriet, ở độ tuổi bốn mươi, nay còn đáng tuổi mẹ của ông ta.”

“Hoan hô,” Jennie nói bằng một giọng như thể đó là điều đương nhiên. “Tôi không có mặt ở đó, nhưng cuộc trò chuyện sau đó đã tiếp tục với sự hiện diện của tôi. Ông Poirot quả là người thấu suốt, ông Catchpool ạ. Tôi hy vọng ông sẽ trân trọng ông ấy.” Với Poirot, cô nói: “Cuộc tranh luận tiếp tục... nó kéo dài như bất tận! Nancy khẳng khẳng bà ấy đúng, nhưng Sam không chịu nhượng bộ. Anh ấy nói hồn ma không tồn tại theo chiều kích tuổi tác mà triền miên bất tận. Vì vậy nếu nói ai đó đủ lớn

tuổi để làm mẹ một hồn ma thì dứt khoát là không đúng.”

Poirot nói với tôi: “Gớm quá phải không, Catchpool? Trong khi Rafal Bobak giao thức ăn, Nancy Ducane – với tử thi của Ida Gransbury dựng trên ghế ngay cạnh – đã nhạo báng người phụ nữ mà bà ấy đã thông đồng để giết chết trước đó, trong cùng ngày hôm ấy. Đáng thương thay cho Harriet khờ khạo: chồng bà ta không quan tâm đến việc trao đổi trực tiếp với bà từ dưới năm mồ. Không đâu, ông ta chỉ chịu nói với Jennie Hobbs, khiến Harriet chẳng còn lựa chọn nào khác nếu muốn nhận thông điệp từ ông ta: bà ta phải gặp Jennie ở Bloxham và khi làm vậy bà cũng tìm đến cái chết của chính mình.”

“Không ai đáng chết hơn Harriet Sippel,” Jennie nói. “Trong đời tôi đã nhiều lần hối tiếc, nhưng hối tiếc về việc giết Harriet thì không hề.”

“Còn về Ida Gransbury?” Tôi hỏi. “Tại sao cô ta đến Bloxham?”

“À!” Poirot nói, không bao giờ mệt mỏi trong việc chia sẻ kho kiến thức bất tận mà hình như chỉ một mình ông sở hữu. “Ida cũng nhận một lời mời không thể cưỡng từ Richard Negus. Không phải để giao tiếp với người thân đã khuất, mà là để gặp vị hôn phu cũ cách đây mười sáu năm. Không khó để hình dung sự cảm động đó. Richard Negus bỏ rơi Ida và chắc chắn đã làm tan nát trái tim cô. Cô đã không kết hôn với ai sau đó. Tôi đồ rằng Richard đã bóng gió trong lá thư về khả năng hòa giải, thậm chí cả hôn nhân. Một kết thúc có hậu. Ida đồng ý – kể cô đơn nào lại bỏ qua cơ hội thứ hai cho một tình yêu đích thực? – và Richard bảo rằng ông sẽ đến phòng cô tại khách sạn Bloxham vào lúc 3

giờ 30 hay có thể là 4 giờ ngày thứ năm. Catchpool, anh còn nhớ nhận xét của anh chứ? Về việc đến khách sạn ngày thứ tư để dành nguyên ngày thứ năm cho việc nạp mạng ấy mà? Bây giờ thì đã rõ hơn rồi, phải không?”

Tôi gật đầu. “Richard Negus biết ngày thứ năm ông ta sẽ phải ra tay giết người, rồi sau đó bản thân cũng bị giết. Cũng là lẽ thường tình nếu ông ta muốn đến sớm hơn một ngày để chuẩn bị tinh thần cho cái thách thức kếp này.”

“Cũng để tránh tàu hoãn chuyến hay sự cố nào đó tương tự có thể ảnh hưởng đến kế hoạch của ông ta,” Poirot nói.

“Như vậy Jennie Hobbs đã giết Harriet Sippel, còn Richard Negus giết Ida Gransbury?” tôi hỏi.

“Oui, mon ami.” Poirot nhìn Jennie, thấy cô gật đầu. “Vào khoảng cùng thời gian trong ngày hôm đó, lần lượt tại phòng 121 và 317. Cùng một phương pháp đã được sử dụng trong cả hai phòng để dụ Harriet và Ida uống thuốc độc. Jennie nói với Harriet: ‘Bà nên uống ly nước trước khi nghe những gì tôi nói. Đây rồi, để tôi rót cho bà nhé. Bà ngồi xuống đi.’ Richard Negus cũng nói với Ida nội dung tương tự. Trong khi rót nước vào chiếc ly cạnh bồn rửa, Jennie và Negus lén bỏ thuốc độc vào. Ly nước được trao cho hai nạn nhân để họ uống. Cái chết hẳn đã diễn ra rất nhanh sau đó.”

“Còn cái chết của Richard Negus thì sao?” tôi hỏi.

“Jennie đã giết ông ấy theo kế hoạch mà hai người đã thiết lập.”

“Phần lớn những điều tôi kể cho ông tại nhà Sam là sự thật,”

Jennie nói. “Richard quả có viết cho tôi sau nhiều năm im lặng. Ông ấy quả đã bị dẫn dắt bởi tội lỗi gây ra cho Patrick và Frances và không thấy được lối thoát. Ông ấy cho rằng không thể nào đi đến công lý hay tìm được sự bình yên tinh thần trừ phi cả bốn chúng tôi, những người chịu trách nhiệm, phải trả giá bằng mạng sống của mình.”

“Ông ta yêu cầu cô... giúp ông ta giết Harriet và Ida?” tôi hỏi một cách khó khăn.

“Phải. Giết họ, giết ông ấy và giết cả tôi nữa. Phải là tất cả chúng tôi, ông ấy khẳng khẳng như thế, nếu không thì sẽ là vô nghĩa. Ông ấy không muốn làm kẻ sát nhân mà muốn là ‘người hành quyết’ – ông ấy dùng từ này rất nhiều – và điều đó có nghĩa ông ấy và tôi sẽ không tránh khỏi sự trừng phạt. Tôi đồng ý với ông ấy rằng Harriet và Ida đáng chết. Họ là những kẻ xấu xa, độc ác. Nhưng... tôi lại không muốn chết, cũng không muốn Richard phải chết. Với tôi, việc ông ấy thực sự ăn năn về vai trò của mình trong cái chết của Patrick là đủ lắm rồi. Tôi biết như vậy cũng là đủ cả với Patrick lẫn các đảng quyền năng có hay không tồn tại. Nhưng tôi không cách chi thuyết phục được Richard. Tôi thấy ngay rằng có thử cũng vô ích mà thôi. Thông minh là vậy, nhưng đôi khi lý trí của ông ấy lại trôi tuột, khiến ông ấy trở thành một kẻ lập dị với những ý tưởng kỳ quặc. Suốt bao năm suy ngẫm về tội lỗi... ông ấy đã trở thành một dạng người quá khích đến kỳ lạ. Tôi không hề hồ nghi ông ấy sẽ giết cả tôi nếu tôi không tuân theo đề nghị của ông ấy. Ông ấy không nói ra rõ ràng điều đó. Ông ấy không muốn đe dọa tôi, ông biết đấy. Ông

ấy rất tử tế với tôi. Điều ông ấy muốn và cần là liên minh với ai đó giống như tôi. Ông ấy thành thực tin tôi sẽ đồng ý kế hoạch của ông ấy vì, không giống như Harriet và Ida, tôi là người biết lý lẽ. Ông ấy rất tự tin rằng mình đúng, rằng giải pháp của ông ấy là con đường duy nhất cho tất cả chúng tôi. Tôi nghĩ có lẽ ông ấy đúng, nhưng tôi sợ. Giờ thì tôi không còn sợ nữa rồi. Tôi không biết điều gì đã làm tôi thay đổi. Có lẽ, ngay trong lúc đau khổ, tôi vẫn thấy an ủi với ý nghĩ rằng cuộc đời tôi rồi sẽ được cải thiện. Buồn khổ không nhất thiết là tuyệt vọng.”

“Cô biết cô phải vờ nhận lời để tự cứu mạng mình,” Poirot nói. “Cách duy nhất để cô thoát chết là nói dối một cách thuyết phục với Richard Negus. Cô không biết phải làm gì, nên cô đến tìm Nancy Ducane để xin giúp đỡ.”

“Vâng, đúng vậy. Và bà ấy đã giải quyết được vấn đề của tôi, tôi nghĩ vậy. Kế hoạch của bà ấy thật thông minh. Theo lời khuyên của bà ấy, tôi chỉ gợi ý với Richard một cải biên nhỏ trong kế hoạch của ông ấy. Ý tưởng của ông ấy là một khi Harriet và Ida đã chết, ông ấy sẽ giết tôi rồi tự sát. Tất nhiên, là một người quyền uy đã quen với việc nắm quyền chủ động trước bất cứ việc gì, ông ấy muốn là người kiểm soát toàn bộ cho đến khi kết thúc. Nancy dặn tôi phải thuyết phục Richard để tôi giết ông ấy thay vì bị ông ấy giết. ‘Không thể nào!’ tôi nói. ‘Ông ấy chẳng bao giờ đồng ý đâu’. Nhưng Nancy nói ông ấy sẽ đồng ý nếu tôi biết cách tiếp cận. Tôi phải vờ hăng hái với kế hoạch hơn cả chính ông ấy. Bà ấy nói đúng. Việc đó đã thành công. Tôi đến gặp Richard và nói rằng cái chết của bốn người chúng tôi – tôi, ông ấy, Harriet

và Ida – vẫn là chưa đủ. Nancy cũng phải bị trừng phạt. Tôi giả vờ như mình sẽ chỉ vui vẻ mà chết nếu bà ấy cũng chết. Bà ấy còn xấu xa hơn cả Harriet, tôi nói vậy. Tôi kể lại một câu chuyện dàn dựng công phu về việc Nancy đã mưu đồ như thế nào để quyến rũ Patrick, khiến ông xa lánh vợ và không thể khước từ bà ấy. Tôi nói với Richard rằng bà ấy đã thú nhận với tôi rằng động cơ thực sự của bà ấy khi lên tiếng ở King's Head không phải là để giúp Patrick mà để làm đau lòng Frances. Bà ấy đã hy vọng Frances tự vẫn, hay ít nhất là bỏ Patrick về sống với cha tại Cambridge, qua đó nhường đường cho bà ấy.”

“Lại dối trá,” Poirot nói.

“Vâng, dĩ nhiên là dối trá, nhưng đó là những lời nói dối do chính Nancy gợi ý cho tôi, và nó đã hiệu nghiệm! Richard đã đồng ý chết trước tôi.”

“Và ông ta không hề biết Samuel Kidd có tham gia?” Poirot hỏi.

“Vâng. Nancy và tôi đã lôi kéo anh ấy vào cuộc. Anh ấy tham gia vào kế hoạch của chúng tôi. Vì sợ ngã gãy cổ, cả hai chúng tôi không muốn leo qua cánh cửa sổ đó rồi trèo cây xuống sau khi khóa cửa phòng từ bên trong và giấu chìa khóa sau viên gạch. Đó là cách duy nhất để ra khỏi phòng 238. Đó là lý do chúng tôi cần Sam. Chuyện này và chuyện giả dạng làm Richard nữa.”

“Và vì thế mà chìa khóa buộc phải giấu sau viên gạch,” tôi lẩm bẩm, cố xác định mình đã nắm bắt tất cả hay chưa. “Để khi cô kể lại cho chúng tôi như cô đã làm ở nhà Samuel Kidd, thì tất cả đều có vẻ khớp nhau: Richard Negus giấu chìa khóa để làm ra vẻ như hung thủ đã mang nó đi, vì ông ta tham gia vào kế hoạch

giá họa cho Nancy Ducane.”

“Đúng vậy,” Poirot nói. “Hoặc giả ông ta tưởng là thế. Khi Jennie trao cho ông ta ly nước chứa chất độc như thỏa thuận, ông ta tin rằng Jennie sẽ sống sót và làm mọi cách để đảm bảo Nancy bị buộc tội giết ba người ở khách sạn Bloxhom. Ông ta tin rằng Jennie sẽ ăn nói với cảnh sát cách nào đó để khiến họ nghi ngờ Nancy. Ông ta không biết rằng Nancy đã dàn xếp một chứng cứ ngoại phạm vững như thép nhờ có sự hậu thuẫn của ngài St. John Wallace và phu nhân! Ông ta cũng không biết rằng, sau cái chết của ông, chiếc khuy măng-xét sẽ bị đẩy sâu xuống cổ họng, chiếc chìa khóa sẽ được giấu sau viên gạch, và cánh cửa sổ sẽ được mở ra... Ông ta không biết rằng Jennie Hobbs, Nancy Ducane và Samuel Kidd sẽ dàn xếp để các án mạng có vẻ như diễn ra từ lúc 7 giờ 15 đến 8 giờ 10!”

“Vâng, Richard không biết những điều đó,” Jennie xác nhận. “Giờ thì ông đã hiểu vì sao tôi gọi kế hoạch của Nancy là thông minh, ông Poirot ạ.”

“Bà ấy là một họa sĩ tài hoa, thừa cô. Những họa sĩ tài hoa nhất luôn có nhãn quan chi tiết và cách nhìn cấu trúc để mọi thành tố đều ăn khớp với nhau.”

Jennie quay sang tôi. “Cả Nancy lẫn tôi đều không muốn làm vậy. Ông phải tin tôi, ông Catchpool ạ. Nếu tôi kháng cự Richard, ông ấy sẽ giết tôi mất.” Cô ta thở dài. “Chúng tôi đã tính toán tất cả. Nancy dự kiến sẽ được vô can, còn Sam và tôi sẽ bị trừng phạt về tội giá họa cho Nancy chứ không phải tội chết. Chúng tôi hy vọng sẽ chỉ ngồi tù một thời gian ngắn. Sau đó, chúng tôi dự

định sẽ kết hôn với nhau.”

Thấy vẻ ngạc nhiên của chúng tôi, Jennie nói thêm: “Ồ, tôi không yêu Sam như từng yêu Patrick, nhưng tôi cũng rất mến anh ấy. Anh ấy sẽ là người bạn đời tốt... nếu như tôi không làm đổ vỡ tất cả bằng việc đâm chết Nancy.”

“Mọi thứ đã đổ vỡ cả rồi, thưa cô. Tôi đã biết cô giết Harriet Sippel và Richard Negus.”

“Tôi không giết Richard, ông Poirot ạ. Ông đã sai điều này. Richard muốn chết. Tôi trao thuốc độc cho ông ấy với sự ưng thuận hoàn toàn của ông ấy.”

“Phải, nhưng với những giả định sai. Richard Negus đồng ý chết vì cô đã đồng ý kế hoạch của ông ấy rằng cả bốn người cùng chết. Rồi bốn sẽ trở thành năm khi cô lôi Nancy Ducane theo. Nhưng cô đã không thực sự đồng ý. Cô đã phản bội ông ấy và âm mưu phía sau lưng ông ấy. Ai biết được liệu Richard Negus có chọn chết vào lúc đó và theo cách đó hay không nếu cô nói cho ông ấy biết sự thật về thỏa thuận mật giữa cô và Nancy Ducane.”

Biểu hiện của Jennie chột danh lại. “Tôi không giết Richard Negus. Tôi khiến ông ấy chết chẳng qua là để tự vệ. Nếu không làm vậy thì ông ấy cũng sẽ giết tôi thôi.”

“Cô từng nói ông ấy không đe dọa điều đó một cách rõ rệt.”

“Đúng, nhưng tôi biết điều đó. Ông Catchpool, theo ông tôi có giết Richard Negus hay không?”

“Tôi không biết,” tôi lúng túng đáp.

“Catchpool, mon ami, đừng có ngớ ngẩn thế.”

“Ông ấy không ngờ ngẩn,” Jennie nói. “Ông ấy biết vận dụng bộ não của ông ấy ở những nơi mà ông không vận dụng, ông Poirot ạ. Xin hãy nghĩ lại, tôi van ông đấy. Trước khi bị treo cổ, tôi hy vọng được nghe ông nói rằng tôi không giết Richard Negus.”

Tôi đứng dậy. “Chúng ta đi thôi, ông Poirot.” Tôi muốn kết thúc cuộc lấy cung trong lúc từ “hy vọng” vẫn lơ lửng trên không.



CHƯƠNG KẾT

Bốn ngày sau, tôi đang ngồi trước ngọn lửa lò sưởi réo rắt tại nhà trọ của bà Blanche Unsworth, nhâm nhi ly rượu mạnh và nghĩ ngợi ô chữ của mình thì Poirot bước vào phòng khách. Ông đứng im cạnh tôi suốt nhiều phút. Tôi vẫn không ngước lên.

Được một lúc, ông bắt đầu hắng giọng. “Catchpool, anh vẫn...” ông nói. “Anh vẫn lảng tránh cuộc thảo luận về việc Richard Negus liệu có phải bị giết hay chỉ được trợ giúp để tự sát, hay bị giết để tự vệ.”

“Cuộc thảo luận đó có lợi ích gì,” tôi nói mà thấy bụng co thắt. Tôi không muốn quay trở lại đề tài các án mạng ở Bloxham. Điều tôi muốn, tôi cần, là ghi lại chúng, viết ra giấy từng chi tiết nhỏ những gì đã xảy ra. Tôi thấy mình khó hiểu khi lý trí thì muốn viết, mà lòng thì lại không muốn đề cập. Viết ra điều gì đó sao lại khó đến thế so với nói nó ra?”

“Đừng hoảng, mon ami,” Poirot nói. “Tôi không nêu lại vấn đề đâu. Chúng ta sẽ thảo luận những việc khác. Lấy ví dụ, tôi mới ghé qua quán cà phê Pleasant sáng nay. Fee Spring nhờ tôi chuyển lời đến anh rằng cô ấy muốn nói chuyện với anh vào dịp

nào sớm nhất mà anh thu xếp được. Cô ấy không hài lòng.”

“Về tôi ư?”

“Phải. Cô ấy nói cô ấy ngồi trong phòng ăn của khách sạn Bloxham, nghe giải thích mọi sự, và loáng một cái mọi thứ đã kết thúc. Một vụ giết người đã diễn ra ngay trước mắt tất cả chúng ta, và câu chuyện dành cho các thánh giả của chúng ta vẫn còn đang dang dở. Cô Fee muốn được anh thuật lại câu chuyện đó một cách đầy đủ nhất.”

“Đâu phải lỗi tại tôi khi một vụ giết người nữa diễn ra,” tôi làu bàu nói. “Sao cô ấy không tìm đọc trên báo như tất cả mọi người?”

“Non. Cô ấy muốn thảo luận riêng với anh về nó. So với một cô phục vụ thì trí thông minh của cô ấy quả là rất ấn tượng. Cô ấy là một phụ nữ trẻ rất đáng nể. Anh không nghĩ vậy sao, mon ami?”

“Tôi biết ông định giở trò gì rồi, ông Poirot ạ,” tôi yếu ớt nói. “Ông nên từ bỏ đi, thật đấy. Ông chỉ tốn thời gian thôi vì Fee Spring, cứ cho rằng... Thôi nào, ông đừng làm nhảm nữa, có được không?”

“Anh giận tôi.”

“Phải, cũng có hơi một chút,” tôi thừa nhận. “Henry Negus và chiếc vali, Rafal Bobak và chiếc xe chở đồ giặt, Thomas Brignell và cô bạn gái của anh ta ở trong vườn khách sạn, người khoác áo nâu nhạt như một nửa phụ nữ ở nước Anh này. Chiếc xe cút kít...”

“À!”

“Phải, ‘à’. Ông biết tổng rằng Jennie Hobbs chưa chết, vậy sao còn ra sức đánh lạc hướng tôi, khiến tôi nghi ngờ thi thể cô ta được chuyển ra khỏi phòng 402 bởi một trong ba người ít có khả năng gây án nhất?”

“Vì tôi muốn khuyến khích anh vận dụng óc tưởng tượng, bạn tôi ạ. Nếu anh không xem xét những khả năng mong manh nhất thì anh sẽ không thể trở thành một thám tử giỏi giang, điều mà anh hoàn toàn có thể. Đó là việc huấn luyện các tế bào xám nhỏ, buộc chúng phải dịch chuyển theo những hướng bất bình thường. Từ đó sẽ xuất hiện cảm hứng.”

“Nếu ông đã nói vậy...” tôi ngờ vực nói.

“Anh nghĩ Poirot này đã đi quá xa, vượt quá mức cần thiết. Có lẽ vậy chăng?”

“Tất cả những trò nhặng xị của ông liên quan đến vệt máu trong phòng 402 từ vũng máu giữa phòng ra đến cánh cửa, tất cả những trò om sòm của ông về bề rộng của cánh cửa là để làm gì vậy? Ông biết Jennie Hobbs không bị giết, không bị lôi đi đâu cả!”

“Tôi quả có biết, nhưng anh thì không. Giống như ông bạn Signor Lazzari của chúng ta, anh tin rằng cô Jennie đã chết và vệt máu trên sàn là của cô ta. *Alors*, tôi muốn anh tự vấn mình: chiếc vali, chiếc xe chở đồ giặt, cả hai đều là những vật có thể đưa vào phòng 402, đến ngay vị trí cái xác đã từng nằm. Vậy tại sao hung thủ lại phải kéo cái xác ra tận cửa? Hắn sẽ không làm thế! Cô ta sẽ không làm thế! Vệt máu ra hướng cửa ắt phải là trò bịp. Nó nhằm gợi ý rằng tử thi bị lôi ra khỏi phòng, mặc dù nó không hề ở trong phòng. Đó là một chi tiết nhỏ, giả tạo, nhưng

lại rất quan trọng trong việc tạo niềm tin về một hiện trường án mạng. Nhưng với Hercule Poirot thì đó lại là một chi tiết cho phép ông ta khẳng định điều mà ông ta vốn đã rất nghi ngờ: Jennie Hobbs, không hề bị giết trong căn phòng đó, không có bất kỳ ai khác bị giết. Tôi không hình dung nổi có phương pháp nào để đưa cái xác ra ngoài mà nhất thiết phải có vệt máu hướng ra cửa. Không một kẻ sát nhân nào dám đưa xác nạn nhân ra hành lang công cộng của khách sạn mà không giấu nó trong một vật chứa nào đó. Mọi vật chứa mà tôi có thể hình dung ra đều có thể dễ dàng đưa vào phòng, đẩy đến chỗ xác chết thay vì buộc xác chết phải chu du ra tận cửa. Đó là một logic giản đơn, Catchpool ạ. Tôi còn ngạc nhiên vì anh không nhận ra nó ngay tức thì nữa đây.”

“Ông hay thật đấy, ông Poirot,” tôi nói. “Lần sau nếu ông muốn tôi nhận ra ngay điều gì, xin hãy làm ơn mở miệng ra và nói cho tôi biết. Xin cứ nói thẳng thắn ra, ông sẽ thấy bớt đi nhiều phiền hà.”

Ông mỉm cười. “Bien. Từ người bạn tốt Catchpool, tôi sẽ cố gắng học hỏi cái comportement thẳng thắn. Tôi xin bắt đầu ngay đây!” Ông rút từ trong túi ra một chiếc phong bì. “Cái này tôi mới nhận được cách đây một giờ. Anh có thể không ưng tôi can thiệp vào chuyện riêng tư của anh, Catchpool ạ. Anh có thể nghĩ: ‘Poirot ông ấy ưa xen vào chuyện người khác chẳng đúng nơi đúng chỗ.’ Nhưng lá thư này lại bày tỏ sự biết ơn đối với cái nhược điểm tệ hại này của tôi mà anh cho là không thể chịu đựng nổi.”

“Nếu ông đề cập đến Fee Spring thì xin thưa rằng cô ấy không phải là ‘chuyện riêng’ của tôi và sẽ không bao giờ là như thế,” tôi nói, mắt dõi theo lá thư trong tay ông. “Ông đang dẩy vào ‘chuyện riêng tư’ dấn dờ gì vậy? Mà biết ơn vì lẽ gì cơ chứ?”

“Vì đã kết tóc se duyên cho hai người rất yêu nhau.”

“Thư của ai vậy?”

Poirot mỉm cười. “Của bác sĩ Ambrose Flowerday và phu nhân,” ông nói, rồi trao lá thư cho tôi đọc.

